

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG**

**ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC  
ĐÀO TẠO NGHỀ TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2020**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**HÀ NỘI - 2026**

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG**

**ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC  
ĐÀO TẠO NGHỀ TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2020**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Mã số: 9229015**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**1. PGS.TS. NGUYỄN DANH TIÊN**

**2. TS. NGUYỄN THỊ THU HÀ**

**HÀ NỘI - 2026**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**Tác giả**



**Nguyễn Hồng Phượng**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b> .....	7
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án .....	7
1.2. Kết quả của các công trình khoa học đã tổng quan liên quan đến đề tài luận án đã đề cập và những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu.....	33
<b>Chương 2: CHỦ TRƯỞNG VÀ QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2010</b> .....	38
2.1. Những yếu tố tác động và chủ trương của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về công tác đào tạo nghề.....	38
2.2. Quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai chỉ đạo công tác đào tạo nghề .....	62
<b>Chương 3: ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ (2010 - 2020)</b> .....	87
3.1. Các yếu tố mới tác động và chủ trương của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về công tác đào tạo nghề.....	87
3.2. Đảng bộ tỉnh Lào Cai chỉ đạo đẩy mạnh công tác đào tạo nghề.....	105
<b>Chương 4: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI TRONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2020</b> .....	141
4.1. Nhận xét.....	141
4.2. Một số kinh nghiệm.....	163
<b>KẾT LUẬN</b> .....	180
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b> .....	183
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	184
<b>PHỤ LỤC</b> .....	207

## DANH MỤC TỪ/CỤM TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ/cụm từ viết tắt	Từ/cụm từ đầy đủ
1	CBGV	Cán bộ giảng viên
2	CT-XH	Chính trị - xã hội
3	CT	Công tác
4	CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
5	CNKT	Công nhân kỹ thuật
6	DTTS	Dân tộc thiểu số
7	ĐTN	Đào tạo nghề
8	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
9	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
10	GQVL	Giải quyết việc làm
11	KN	Kỹ năng
12	KT-XH	Kinh tế - xã hội
13	LĐNT	Lao động nông thôn
14	LĐVL	Lao động việc làm
15	LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh và xã hội
16	NLĐ	Người lao động
17	NNL	Nguồn nhân lực
18	PT	Phát triển
19	THCS	Trung học cơ sở
20	THPT	Trung học phổ thông
21	TTLĐ	Thị trường lao động
22	UBND	Ủy ban nhân dân

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Phát triển NNL là chủ trương lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam, được xác định là một trong ba khâu đột phá chiến lược để đất nước PT nhanh, bền vững. ĐTN cho NLD là nội dung cốt lõi trong lĩnh vực LĐVL nhằm phát triển NNL, tạo việc làm, tăng thu nhập cho NLD, đảm bảo an sinh xã hội và PT bền vững. Nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của CTĐTN, trong thời kỳ đổi mới Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng quan tâm ĐTN cho NLD.

Sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH và hội nhập quốc tế của đất nước ta đặt ra yêu cầu phải đào tạo lực lượng lao động có kiến thức, KN nghề nghiệp cao, có khả năng làm chủ các phương tiện kỹ thuật, làm chủ công nghệ. Vì thế, GD&ĐT nói chung, ĐTN nói riêng ngày càng được chú trọng, bởi chỉ khi nào được đào tạo có hệ thống những tri thức nghề nghiệp, nhất là tri thức KH-CN, NLD mới nâng cao được kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; chỉ khi được giáo dục phẩm chất nghề nghiệp, NLD mới bồi dưỡng được tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, sáng tạo để phục vụ công việc; qua đó, nâng cao năng suất lao động, góp phần PT kinh tế. Không những thế, ở nước ta trình độ PT KT-XH giữa các vùng miền chưa đồng đều, trong đó, ở các tỉnh miền núi, trình độ dân trí chưa cao, vì thế ĐTN còn tạo cơ hội việc làm cho các nhóm NLD trong xã hội, góp phần thúc đẩy PT KT-XH, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Sau khi tái lập tỉnh năm 1991, Lào Cai là một tỉnh biên giới nghèo của cả nước, có 109 xã trong tổng số 180 xã toàn tỉnh là xã vùng cao (chiếm 61%); diện tích đất tự nhiên không nhiều, địa hình chia cắt mạnh; trình độ canh tác còn lạc hậu, tình trạng du canh du cư còn phổ biến ở nhiều địa phương; trình độ dân trí chưa cao, có tới 52% dân số chưa biết chữ trong khi tỉ lệ tăng dân số khoảng 3,5%, tỉ lệ hộ đói nghèo chiếm 60%. Để thực hiện mục tiêu ổn định tình hình KT-XH trong tỉnh sau khi tái lập, một trong những yêu cầu cấp bách với Lào Cai là trang bị KN nghề và tạo việc làm cho NLD trong tỉnh, tạo cơ sở để người dân định canh định cư, ổn định đời sống, XDGN. Nhận thức sâu sắc

vị trí, tầm quan trọng của CTĐTN, căn cứ vào thực trạng ĐTN của địa phương, kể từ sau khi tái lập tỉnh (1991) đến nay, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã kịp thời vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, đề ra những chủ trương và giải pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh CTĐTN, góp phần cơ bản GQVL - “*vấn đề nóng bỏng*” của tỉnh sau tái lập, thỏa mãn yêu cầu về tiến bộ KT-XH của địa phương.

Nhờ sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự chủ động sát sao của chính quyền các cấp và sự nỗ lực của các sở, ban, ngành CTĐTN đã đạt được kết quả tích cực. Những năm 2016 - 2020, tại các cơ sở GDNN của tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo trên 80,6 nghìn người. Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 65% lao động qua đào tạo, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT, trung học chuyên nghiệp, học nghề đạt 80% [142]. Đây là thuận lợi quan trọng của tỉnh Lào Cai trong quá trình đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới. Tuy nhiên, tỉnh Lào Cai vẫn còn nghèo, trình độ PT KT-XH còn có nhiều hạn chế, mặt bằng dân trí chưa cao, nhất là vùng cao, vùng DTTS. Đến năm 2009, tỷ lệ dân số biết chữ của tỉnh mới đạt 77.4%. Trong khi đó, “tình trạng lao động không có hoặc thiếu việc làm, nhất là đối với thanh niên đến tuổi lao động vẫn là *vấn đề nóng bỏng* và là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nảy sinh các tiêu cực xã hội” [39]. Chất lượng ĐTN còn nhiều bất cập, lao động phần nhiều mới được bồi dưỡng nghề ngắn hạn, số lao động CNKT, thợ lành nghề còn ít; cơ cấu đào tạo, ngành nghề đào tạo còn thiếu phù hợp, trong khi đó, sự phát triển ngày càng sôi động của tỉnh đặt ra yêu cầu về đội ngũ NLD có tay nghề ngày càng lớn.

Với ý nghĩa đó, nghiên cứu quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo CT ĐTN nhằm khẳng định những thành công, chỉ ra những hạn chế và bước đầu đúc kết một số kinh nghiệm qua thực tiễn lãnh đạo thực hiện công tác đào tạo nghề của Đảng bộ tỉnh là vấn đề cấp thiết có ý nghĩa lý luận và mang tính thực

tiến sâu sắc, đồng thời có tính thời sự. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn chủ đề: **“Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo công tác đào tạo nghề từ năm 2000 đến năm 2020”** làm luận án Tiến sĩ, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo CTĐTN từ năm 2000 đến năm 2020; từ đó, đúc kết những kinh nghiệm có giá trị tham khảo nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo CTĐTN của Đảng bộ trong thời gian tới.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Với mục đích trên, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

*Một là*, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án;

*Hai là*, nghiên cứu, làm rõ những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ lãnh đạo thực hiện CTĐTN từ năm 2000 đến năm 2020;

*Ba là*, phân tích, luận giải có hệ thống chủ trương của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về CTĐTN từ năm 2000 đến năm 2020;

*Bốn là*, làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai chỉ đạo CTĐTN qua hai giai đoạn 2000 - 2010 và 2010 - 2020.

*Năm là*, đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế; phân tích nguyên nhân; từ đó, rút ra một số kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình lãnh đạo CTĐTN của Đảng bộ tỉnh từ năm 2000 đến năm 2020.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về CTĐTN từ năm 2000 đến năm 2020.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Về nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu chủ trương và quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai chỉ đạo CTĐTN những năm 2000 - 2020, trên các mặt: tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm; củng cố, phát triển hệ thống

trường dạy nghề; xây dựng chương trình, cơ cấu ngành nghề đào tạo; phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy nghề; thực hiện chính sách hỗ trợ ĐTN (gắn với chính sách hỗ trợ cho người LĐNT theo quy định của Trung ương trong giai đoạn 2010 - 2020); ĐTN gắn với GQVL. Từ đó, đúc kết những nhận xét và một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo công tác ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai năm 2000 đến năm 2020.

*Về không gian:* Trên địa bàn tỉnh Lào Cai, gồm thành phố Lào Cai và các huyện, thị (Thị xã Sa Pa, các huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai, Bảo Thắng).

*Về thời gian:* Nghiên cứu từ năm 2000 đến năm 2020.

Năm 2000: là năm tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ đầu tiên Đảng bộ xây dựng, ban hành Đề án về GQVL (gắn với nhiệm vụ ĐTN).

Năm 2020: là năm kết thúc nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XV, tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, đồng thời kết thúc thực hiện Đề án ĐTN cho LĐNT tỉnh Lào Cai đến năm 2020.

#### **4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu**

##### ***4.1. Cơ sở lý luận***

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về GD&ĐT nói chung, ĐTN nói riêng.

##### ***4.2. Phương pháp nghiên cứu***

Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử và logic. Bên cạnh đó là các phương pháp liên ngành, nghiên cứu lý luận tổng kết thực tiễn, phân tích, tổng hợp, phỏng vấn chuyên gia.

- *Phương pháp lịch sử:* Phương pháp này được sử dụng chủ yếu để tìm hiểu thực trạng lãnh đạo CT ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai trong những năm 2010 - 2020, từ đó phản ánh trung thực khách quan chủ trương và sự chỉ đạo thực hiện CT ĐTN tại tỉnh Lào Cai từ năm 2000 đến năm 2020. Phương pháp này được vận dụng chủ yếu vào việc nghiên cứu ở chương 02, 03 của đề tài.

- *Phương pháp logic*: Phương pháp này để đưa ra những kết luận quan trọng đối với các nội dung nghiên cứu trên cơ sở phân tích, tổng hợp thực trạng vấn đề nghiên cứu. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong chương 3, 4 để tổng kết đánh giá thực trạng CTĐTN, những thành tựu, hạn chế; đồng thời tổng kết kinh nghiệm và kiến nghị.

Bên cạnh đó là các phương pháp liên ngành:

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp*: Sử dụng phương pháp này để nghiên cứu các tài liệu, các lý thuyết liên quan đến đối tượng nghiên cứu, bằng cách phân chia đối tượng nghiên cứu thành từng bộ phận để tìm hiểu cụ thể hơn; đồng thời tổng hợp các mặt, từng bộ phận thông tin phân tích để đánh giá đầy đủ, sâu sắc nội dung của CTĐTN tại địa phương.

- *Phương pháp phỏng vấn chuyên gia*: việc sử dụng phương pháp này có ý nghĩa rất quan trọng để nghiên cứu thực trạng, tìm ra vấn đề thuộc bản chất không được biểu hiện bằng văn bản, mà bộc lộ qua tư tưởng và hành động của Đảng bộ, chính quyền địa phương, của cán bộ thực thi chính sách, người dân. Đồng thời, tham vấn ý kiến của những người am hiểu sâu sắc về vấn đề, những nhà hoạt động thực tiễn để hiểu đúng, sâu về nội dung đang nghiên cứu, góp phần gợi mở hướng giải quyết vấn đề mà đề tài đang cần làm rõ. Phương pháp này được sử dụng ở tất cả các chương của đề tài.

### **4.3. Nguồn tư liệu**

Nguồn tư liệu đề tài sử dụng chủ yếu là: Các Văn kiện của Đảng, Nhà nước về GD&ĐT nói chung, ĐTN nói riêng; Văn kiện của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Lào Cai về ĐTN. Bên cạnh đó là nguồn tư liệu thứ cấp gồm: Số liệu thống kê từ các bộ, ngành, đặc biệt là từ Tổng cục Thống kê, số liệu của Bộ LĐ-TB&XH; các báo cáo của Sở LĐ-TB&XH tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh; Sở GD&ĐT, các trường và cơ sở ĐTN trên địa bàn tỉnh.

Các công trình khoa học liên quan được công bố trên các báo, tạp chí chuyên ngành. Ngoài ra, số liệu của đề tài còn được thu thập từ nguồn tư liệu sơ cấp qua phỏng vấn...

## **5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

- Cung cấp hệ thống tư liệu tin cậy, có hệ thống về CTĐTN ở tỉnh Lào Cai trong những năm 2000 đến 2020;

- Hệ thống và phục dựng lại quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai đối với CTĐTN; góp phần làm rõ sự chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo CTĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai những năm 2000 - 2020;

- Đưa ra những nhận xét khách quan và đúc kết một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo công tác ĐTN từ 2000 đến 2020 của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, nhằm nâng cao hiệu quả CTĐTN tại địa phương trong thời gian tới.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

*Ý nghĩa lý luận:* Luận án đóng góp cơ sở lý luận cho việc tổng kết CTĐTN của tỉnh Lào Cai trong những năm 2000 - 2020.

*Ý nghĩa thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương nói chung, lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai nói riêng.

## **7. Kết cấu của luận án**

Luận án gồm phần mở đầu, 4 chương (8 tiết), kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

#### 1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

##### 1.1.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến lao động việc làm và đào tạo nghề nói chung

###### \* *Sách*

Trần Văn Tùng và Lê Ái Lâm (1996), “*Phát triển nguồn nhân lực kinh nghiệm thế giới và thực tiễn nước ta*” [166] do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật xuất bản. Cuốn sách đã giới thiệu và khẳng định vai trò của NNL đối với thành công của sự nghiệp đổi mới, nhất là trong lĩnh vực kinh tế và kinh nghiệm PT NNL ở khía cạnh giáo dục tại một số nước trên thế giới; phân tích vấn đề GD&ĐT trong chính sách PT NNL Việt Nam; từ đó, đưa ra những giải pháp GD&ĐT nhằm góp phần PT NNL Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Lê Thị Ái Lâm (2003) “*Phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo - Kinh nghiệm Đông Á*” [74] do nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản. Tác giả đưa ra 5 kinh nghiệm cơ bản của các nước Đông Á có giá trị tham khảo với Việt Nam, trong đó có kinh nghiệm về mở rộng PT GD&ĐT nghề, nhất là cấp trung học và sau trung học. Trên cơ sở chỉ ra những điểm tương đồng về bối cảnh phát triển NNL thông qua GD&ĐT giữa các nước Đông Á và Việt Nam, cuốn sách nêu một số gợi ý chính sách đối với Việt Nam đến năm 2010; đồng thời chỉ ra phương hướng PT hệ thống ĐTN trong nước.

Đỗ Minh Cương, Mạc Văn Tiến đồng chủ biên (2004), “*Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam - lý luận và thực tiễn*,” [19]. Bên cạnh việc đi sâu nghiên cứu tìm ra các giải pháp PT lao động kỹ thuật ở Việt Nam, tác giả đã đưa ra các khái niệm NNL ở phạm vi vĩ mô và vi mô; tổng kết kinh nghiệm đào tạo và PT lao động kỹ thuật ở một số nước Đông Nam Á, Trung Quốc, Nhật, Mỹ.

Phạm Hữu Nghĩa, Nguyễn Ngọc, Đặng Kim Sơn, Cao Tự Thanh và Đào Thế Tuấn (2008), “*Nông dân, nông thôn và nông nghiệp, những vấn đề đang đặt ra*” [83] là ấn phẩm của nhà xuất bản Tri thức. Các tác giả có cách nhìn chung về thực trạng PT của nông thôn Việt Nam ở yếu tố hạ tầng nông thôn, dịch vụ công cộng, thu nhập và đời sống của người nông dân, các vấn đề liên quan đến sản xuất nông nghiệp như đất đai, công nghệ, thị trường. Từ đó, cuốn sách đề xuất giải pháp đẩy mạnh hơn CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam một cách bền vững, trong đó chú trọng đến vấn đề cốt lõi là ĐTN - tạo nên những người nông dân đủ năng lực để lao động sản xuất, nâng cao thu nhập và làm giàu trên chính mảnh đất mình sinh sống.

Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ lao động Thương binh và xã hội (2008), “*Đào tạo nghề giữ vai trò trọng tâm trong chính sách phát triển*” [4] do Nhà xuất bản Tri thức xuất bản. Công trình đã đánh giá sâu sắc về những khía cạnh của đào tạo NNL cho nông nghiệp, đưa ra quan điểm phải coi nông nghiệp là một nghề chứ không phải là một hoạt động tiếp nối từ cha mẹ hay có tính chất cha truyền con nối, có như vậy việc đào tạo NNL cho nông nghiệp mới được coi trọng.

Viện Nghiên cứu Khoa học dạy nghề (2011), “*Mô hình dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động ở khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất*” [196] do nhà xuất bản Lao động xã hội xuất bản. Cuốn sách khái quát về vấn đề việc làm và yêu cầu dạy nghề để GQVL cho NLD ở khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất, từ đó đưa ra biện pháp và đề xuất mô hình dạy nghề cho NLD ở khu vực này.

Tổng cục Dạy nghề (2014), “*Mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn*” [164] do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật xuất bản. Cuốn sách đưa ra những nội dung cơ bản về ĐTN cho LĐNT, những mô hình ĐTN cho LĐNT đã triển khai trong thực tế và các vấn đề đặt ra đối với việc ĐTN cho LĐNT trong thời gian tới.

Richard Susskind và Daniel Susskind (2017), “*Nghề nghiệp tương lai: Công nghệ sẽ thay đổi công việc của các chuyên gia như thế nào?*” (*The Future of the Professions: How Technology Will Transform the Work of Human Experts*) [96], nhà xuất bản Oxford University. Tác giả đã kiểm tra các mối tương giao của sự PT công nghệ và sự thay đổi thị trường việc làm, các ngành nghề; cung cấp nền tảng lý thuyết và ví dụ về sự sắp xếp giữa các công nghệ mới nhất, doanh nghiệp và việc làm.

Okolie & Yasin (2017), “*Giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề ở các quốc gia đang phát triển*” (*Technical Education and Vocational Training in Developing Nations*) [89]. Đây là cuốn sách thảo luận về chính sách ĐTN và PT con người ở các nước đang PT, trong đó nhấn mạnh việc thực hiện giáo dục kỹ thuật và ĐTN là biện pháp hỗ trợ giáo dục cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng cho NLĐ.

Nguyễn Văn Thắng, José María Peiró, Lê Quang Cảnh, Vicente González-Romá, Vicente Martínez-Tur (2020), “*Việc làm và gia nhập thị trường lao động của sinh viên Việt Nam sau khi tốt nghiệp*” [117] nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. Sách trình bày kết quả dự án Hợp tác châu Âu - Việt Nam về việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Trên cơ sở tổng hợp khảo sát với sinh viên tốt nghiệp của 5 trường Đại học Việt Nam, sách đưa ra những khuyến nghị với cơ sở đào tạo, trong đó nhấn mạnh: (1) Cần xem xét thiết kế chương trình đào tạo của các trường nhằm đảm bảo cho sinh viên được trải nghiệm thực chất công việc, và được định hướng công việc sớm; (2) Phối hợp với TTLĐ và nhà tuyển dụng tiềm năng, mời chuyên gia từ các lĩnh vực khác nhau vào giảng bài, thăm và làm việc tại doanh nghiệp, thực tập, mời doanh nghiệp tham gia PT chương trình đào tạo; (3) Cung cấp dịch vụ hướng nghiệp cho sinh viên giúp cho sinh viên có kiến thức tốt hơn về bối cảnh công việc và kỹ năng tìm việc; (4) Tiến hành khảo sát sinh viên tốt nghiệp để cung cấp thông tin phản hồi với mục đích phục vụ thiết kế chương trình đào tạo, các dịch vụ hướng nghiệp, và

các dịch vụ khác để cải thiện khả năng tìm kiếm việc làm và thành công của sinh viên tốt nghiệp, cần áp dụng phương pháp chặt chẽ hơn trong khảo sát sinh viên tốt nghiệp. Trong cuốn sách có đưa ra kết quả khảo sát của sinh viên về những khó khăn chính khi tìm việc làm của họ, trong đó: “Lý do quan trọng nhất được đề cập là thiếu thực tiễn và kinh nghiệm chuyên môn; yếu tố thứ hai được đề cập đến là thiếu kỹ năng giao tiếp... Một yếu tố khá quan trọng cản trở cơ hội tìm việc làm của các sinh viên tốt nghiệp là họ thiếu hiểu biết về TTLĐ và thiếu kỹ năng tìm việc” [117, tr.57].

Tác giả Trần Thị Phương Hoa (2023), “*Trường dạy nghề ở Việt Nam thời Pháp thuộc 1898 - 1945*” [56] của nhà xuất bản Thế giới. Cuốn sách gồm 5 chương: I. Nhu cầu đối với ĐTN ở Việt Nam; II. Chính sách của Pháp đối với ĐTN ở Việt Nam; III. Những cơ sở dạy nghề không chính quy; IV. Các trường dạy nghề chính quy; V. Đóng góp của học sinh trường dạy nghề cho công cuộc giải phóng và xây dựng đất nước. Trong đó, giới thiệu về các trường dạy nghề tại Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc; Mối quan hệ giữa nhà trường với các ngành công nghiệp, TTLĐ Việt Nam...

#### **\* Đề tài khoa học**

Trung tâm Nghiên cứu Dân số và Nguồn lao động - Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2000), Đề tài cấp Bộ “*Những biện pháp chủ yếu giải quyết lao động thiếu việc làm ở vùng thuần nông*” [153] phân tích tình hình lao động, thiếu việc làm và nghiên cứu khả năng, điều kiện tạo việc làm ở khu vực nông thôn, các ngành nghề tiềm năng như nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... Từ đó đưa ra các giải pháp tạo việc làm khu vực này, đặc biệt chú trọng giải pháp tăng cường dạy nghề cho LĐNT.

Nguyễn Minh Đường (chủ nhiệm) (2005), Đề tài KX - 05 - 10 “*Thực trạng và giải pháp đào tạo lao động kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*” [46]. Đề tài nghiên cứu thực trạng, năng lực ĐTN của các cơ sở đào tạo, các chính sách ĐTN cho lao động kỹ thuật và những vấn đề kỹ thuật của hoạt

động ĐTN hiện thời. Trên cơ sở đó, đề tài đưa ra các giải pháp có tính hệ thống, nhất là giải pháp về nâng cao chất lượng cơ sở ĐTN và năng lực của đội ngũ giáo viên dạy nghề kỹ thuật.

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2005), Đề tài cấp Nhà nước KX.01 - 2005 “*Việc làm và thu nhập cho lao động bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá*” [162]. Trên cơ sở nghiên cứu vấn đề việc làm và thu nhập của lao động bị thu hồi đất trong quá trình CNH, HDN và đô thị hóa, đề tài chỉ ra những bất cập về vấn đề đảm bảo thu nhập, đời sống, việc làm của người có đất bị thu hồi. Việc thu hồi đất là điều kiện dịch chuyển cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ nhưng kế hoạch thu hồi đất không gắn với kế hoạch ĐTN nên người dân mất đất không có việc làm và thu nhập, đời sống bị ảnh hưởng. Nghiên cứu dự báo nhu cầu thu hồi đất và đưa ra khung chính sách đồng bộ bao gồm: chính sách đền bù, bồi thường thiệt hại; chính sách tạo việc làm; chính sách tái định cư; chính sách về trách nhiệm và nghĩa vụ của các đơn vị được nhận đất thu hồi sử dụng vào các mục đích PT các khu công nghiệp, khu đô thị, các chính sách xã hội liên quan để đảm bảo việc làm và thu nhập cho đối tượng bị thu hồi đất.

Vũ Thị Kim Mão chủ nhiệm (2008), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Thực trạng và giải pháp giải quyết việc làm nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*” [77]. Đây là đề tài nghiên cứu do Bộ Nông nghiệp và PT nông thôn chủ trì, trong đó tập trung nghiên cứu, phân tích thực trạng LĐNT; từ đó đề xuất các giải pháp GQVL cho LĐNT.

Phạm Xuân Thu chủ nhiệm (2013), Đề tài cấp Bộ “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quyết định 1956*” [120], do Viện Nghiên cứu khoa học Dạy nghề, Tổng cục Dạy nghề chủ trì. Trong đó đề tài tập trung phân tích những giải pháp khả thi trên nhiều góc độ để nâng cao chất lượng, hiệu quả ĐTN cho đối tượng cụ thể là NLĐ khu vực nông thôn nhằm hoàn thành mục tiêu đến năm 2020 theo Đề án của Chính phủ.

Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp (2018), Đề tài cấp Bộ “*Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình đào tạo nghề nghiệp có hiệu quả đối với người khuyết tật*” [197]. Đề tài hệ thống lý luận về ĐTN đối với người khuyết tật; kinh nghiệm xây dựng mô hình ĐTN cho người khuyết tật ở một số nước trên thế giới; đánh giá thực trạng một số mô hình ĐTN cho người khuyết tật đang vận hành ở nước ta; trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số mô hình ĐTN có hiệu quả, phù hợp với một số nhóm người khuyết tật.

**\* Luận án tiến sĩ**

Trần Ngọc Diễm (2002), Luận án tiến sĩ kinh tế “*Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tạo việc làm cho người lao động ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*” [24], tập trung nghiên cứu vấn đề ĐTN nhằm GQVL cho NLĐ Việt Nam thông qua việc sử dụng các nguồn vốn nói chung và các nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam.

Phan Chính Thức (2003), Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Giáo dục học, “*Những giải pháp phát triển đào tạo nghề góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” [132] đề cập đến hệ thống ĐTN ở góc độ hệ thống cung ứng lao động qua ĐTN cho nền kinh tế và đi sâu vào nghiên cứu thực trạng hệ thống ĐTN của Việt Nam.

Trần Thanh Bình (2003), Luận án Tiến sĩ kinh tế “*Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn Việt Nam*” [6] tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về đào tạo NNL phục vụ quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn. Từ đó, luận án phân tích thực trạng đào tạo NNL, trong đó có mảng cơ bản là ĐTN nông nghiệp cho lao động khu vực nông thôn và các biện pháp nâng cao chất lượng công tác này.

Bùi Tôn Hiến (2009), Luận án Tiến sĩ Kinh tế học tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân “*Nghiên cứu việc làm của lao động qua đào tạo nghề ở Việt Nam*” [53]. Đây là công trình đề cập hệ thống lý luận về việc làm của lao động qua ĐTN, phân tích cơ hội việc làm, khác biệt thu nhập của lao động qua đào

tạo và mối quan hệ biện chứng giữa việc làm với ĐTN; đề xuất những giải pháp PT công tác ĐTN và GQVL giai đoạn hiện nay.

Khăm Phen Phênh Phắc Đy (2018), Luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị “*Việc làm cho người lao động tỉnh Hòa Phăn nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” [70], nghiên cứu các yếu tố tác động đến việc làm cho NLD ở tỉnh Hòa Phăn; thực trạng GQVL cho NLD ở tỉnh Hòa Phăn giai đoạn 2010 - 2016, có sự tham chiếu kinh nghiệm của một số địa phương ở Lào và một số tỉnh của Việt Nam, trong đó tỉnh Thanh Hóa đã “ban hành một số chính sách nhằm khuyến khích những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và những người có khả năng để đầu tư mở các cơ sở dạy nghề, các trường ĐTN cùng với Nhà nước nhằm nâng cao chất lượng NNL của tỉnh” [70]. Trong hệ thống giải pháp, Luận án khẳng định tính cần thiết của việc ĐTN cho NLD nhằm tăng tỉ lệ NLD qua đào tạo tại Hòa Phăn và từng bước nâng cao chất lượng lao động ở đây, tăng cường cơ hội việc làm cho họ.

**\* *Bài báo, tạp chí, kỷ yếu Hội thảo khoa học***

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Hội thảo khoa học cấp quốc gia “*Đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội*” [7]. Hội thảo đã đưa ra 7 nhóm giải pháp nhằm thực hiện đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội, bao gồm: (1) Thành lập các cơ quan dự án theo nhu cầu xã hội; (2) Xây dựng cơ chế năng động; (3) Tăng cường hợp tác giữa nhà trường với nhà tuyển dụng; (4) Phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý; (5) Xây dựng danh mục nghề và các tiêu chuẩn nghề nghiệp; (6) Kiểm định và đánh giá năng lực nghề nghiệp; (7) Tư vấn hướng nghiệp.

Ghi chép và tài liệu, số 41 (2008), Kỷ yếu hội thảo GEFOP “*Đào tạo nghề giữ vai trò trọng tâm của các chính sách phát triển*” [48], Nhà xuất bản Tri thức xuất bản. Hội thảo diễn ra ngày 12 tháng 11 năm 2007 tại trụ sở UNESCO tại Paris. GEFOP là mạng lưới các chuyên gia quốc tế về ĐTN, tham gia diễn đàn, trao đổi và phân tích các chủ đề liên quan đến vai trò của ĐTN

trong chính sách PT. Ba vấn đề lớn được đề cập trong hội thảo gồm: ĐTN trong khu vực phi chính thức; ĐTN tại nông thôn; tài trợ và điều tiết ĐTN. Bên cạnh đó, vấn đề hội nhập vào TTLĐ của thanh niên xuyên suốt các thảo luận tại hội thảo.

Học viện Ngoại giao (2009), Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế” [55]. Các bài viết, tham luận tại Hội thảo khẳng định trình độ của NLD là điểm tựa của hệ thống đòn bẩy để thực hiện các chương trình KT-XH. Muốn tăng cường hợp tác với nước ngoài, Việt Nam không thể chậm trễ trong việc nâng cao tính cạnh tranh của NNL. Do đó, đào tạo NNL là nhiệm vụ trọng yếu.

Hồ Văn Vĩnh (2009), “Nâng cao chất lượng lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn”, Tạp chí Cộng sản bản điện tử ngày 15 tháng 12 năm 2009 [195]. Tác giả có những nhận định khá cụ thể về chất lượng lao động, như “nhìn một cách tổng thể, do lao động nông nghiệp vất vả, lợi nhuận thấp nên đa số thanh niên ở tuổi trưởng thành không còn thiết tha gắn bó với nông nghiệp, đã thoát ly khỏi nông thôn, ở lại với nông nghiệp và nông thôn đa số là người già, quá tuổi lao động, là phụ nữ không có điều kiện chuyển nghề, trẻ nhỏ. Trước thực tế đó, nói về nông nghiệp, nông thôn có người đưa ra hình ảnh “nữ hóa nông nghiệp, lão hóa nông thôn” [195]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng lao động nông nghiệp tại Việt Nam, bài viết đã đưa ra hệ thống giải pháp, trong đó nổi bật là phải có chiến lược và chính sách ĐTN cho nông nghiệp, nông thôn một cách thiết thực và hiệu quả. Cụ thể: Xây dựng hệ thống ĐTN quốc gia, trong đó đảm bảo tính liên thông, cơ sở dạy nghề công lập phải giữ vai trò nòng cốt, đồng thời phân bố cơ sở dạy nghề ở khu vực nông thôn thuận lợi cho người học; đầu tư cơ sở vật chất bao gồm trường lớp, trang thiết bị thực tập, thực hành hiện đại để học viên tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ hiện đại; chú ý đào tạo kiến thức và tay nghề kỹ thuật, kỹ năng quản lý, quan tâm tới mô hình đào tạo cộng đồng; coi trọng đội ngũ

GV dạy nghề, không câu nệ bằng cấp và có chính sách thỏa đáng cho họ; Có chính sách khuyến khích dạy và học nghề, dạy nghề gắn với GQVL.

Trần Văn Đông (2012), “*Đất và nghề: Nhu cầu bức thiết của nông dân*” trên Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 05 tháng 03 năm 2012 [44]. Bài viết phân tích “bình quân mỗi năm ở nông thôn có khoảng 13-15 nghìn lao động không có việc làm, trong khi trình độ lao động của họ chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Theo thống kê, có trên 83% LĐNT chưa qua khóa đào tạo khoa học - kỹ thuật nào; khoảng 18,9% LĐNT đang làm việc chưa tốt nghiệp tiểu học trở xuống. Vì thế, khả năng chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm hoặc tự tạo việc làm tốt hơn đối với nhóm lao động này là rất khó. Bên cạnh đó, nếp làm ăn lạc hậu trong ngành nông nghiệp truyền thống và tình trạng ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ như hiện nay đã hạn chế tính năng động, sáng tạo, làm ăn lớn của người nông dân trong sản xuất, kinh doanh cũng như khả năng tiếp cận thị trường” [44]. Từ đó, tác giả nêu ra quan điểm: trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất, quá trình tích tụ đất cần xác định rõ quan điểm ưu tiên người nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, gắn với quá trình PT quan hệ sản xuất mới mà ở đó nông dân là chủ thể, liên kết với doanh nghiệp, thị trường; bảo đảm người nông dân không bị mất sinh kế. Đồng thời, tạo điều kiện để bộ phận nông dân khi rời bỏ sản xuất nông nghiệp có việc làm ổn định, được ĐTN và học nghề phù hợp với nhu cầu, khả năng và yêu cầu của TTLĐ. Muốn vậy, việc học nghề, ĐTN cần gắn với chiến lược phát triển KT-XH của đất nước, từng ngành, từng vùng, từng địa phương.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (2019), Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “*Phát triển giáo dục nghề nghiệp trong kỷ nguyên số*” [163], do nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh phát hành. Nhiều ý kiến tham luận đã tập trung phân tích về bối cảnh, yêu cầu nâng cao chất lượng, bổ sung kỹ năng KH-CN trong thời đại số cho NLĐ; từ đó đặt ra yêu cầu đổi mới về chất, tăng cường năng lực sáng tạo, nghiên cứu,

ứng dụng KH-CN, đổi mới sáng tạo cho đội ngũ quản lý, GV các cơ sở GDNN; phát huy vai trò của doanh nghiệp tham gia ĐTN trong thời đại số.

Một số bài báo khoa học về kinh nghiệm ĐTN nước ngoài áp dụng với Việt Nam, điển hình như: Nguyễn Diệu Cúc (2013), “*Hệ thống đào tạo nghề kép ở Cộng hòa Liên bang Đức và một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, số 90, tháng 3 năm 2013 [20]; Lê Quân (2020), “*Thực trạng và một số giải pháp áp dụng mô hình đào tạo nghề kép từ Cộng hòa Liên bang Đức vào Việt Nam*” trên Tạp chí Lao động và xã hội số 614 + 615 [92]; Lê Quân (2020), “*Đào tạo nghề chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0*” trên Tạp chí Cộng sản điện tử, đăng ngày 14 tháng 2 năm 2020 [93]; “*Đào tạo nghề đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*” của Cảnh Chí Hoàng trên Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (tháng 01 năm 2021) [54]; Nguyễn Thị Hồng Lam, Trịnh Hải Tuyền (2021), “*Nâng cao tay nghề cho lao động thông qua chương trình đào tạo nghề kép ở Thái Lan và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 9/2021 [75].

Bairagy Indrajit (2021), “*Tác động của đào tạo nghề chính thức đến thu nhập của cá nhân tự kinh doanh ở vùng nông thôn Ấn Độ*” (“*Impact of formal vocational training on the earnings of self-employed individuals in rural India*”) [3], lý giải sự liên quan giữa việc tham gia ĐTN chính thức và thu nhập của NLD tự kinh doanh tại khu vực nông thôn Ấn Độ trên cơ sở kết quả thống kê mô tả và phân tích kinh tế lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng mặc dù ĐTN chính thức giúp những người tự làm nghề kiếm được thu nhập cao hơn và chính phủ đã thực hiện nhiều sáng kiến để thúc đẩy PT KN nghề cho NLD trong những năm gần đây, song chỉ một số lượng nhỏ NLD tự do ở nông thôn được ĐTN chính thức. Do đó, tác giả cho rằng cần có chính sách phù hợp nhằm tăng cường sự tham gia của NLD tự do ở nông thôn vào các chương trình ĐTN chính thức với quy mô lớn hơn. Tác giả nghiên cứu, so sánh thu nhập của

LĐNT trước và sau khi được tham gia ĐTN, chứng minh tác dụng của ĐTN đối với cải thiện đời sống LĐNT của Ấn Độ; tuy nhiên chưa nghiên cứu, phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến chính sách, từ đó đề xuất những giải pháp góp phần hoàn chỉnh, nâng cao hiệu quả chính sách ĐTN cho LĐNT.

Lin Nan, Gong Jianting, Ning Yonghong (2022), *“Thực trạng và triển vọng đào tạo kỹ năng nghề cho phụ nữ nông thôn Trung Quốc kể từ khi cải cách mở cửa”* (*“Development Context and Prospect of Rural Women’s Vocational Skills Training since Reform and Opening up”*) [81]. Các tác giả nhận định rằng việc đào tạo KN nghề cho phụ nữ nông thôn là chìa khóa thúc đẩy xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn, đồng thời là một trong các biện pháp cơ bản giúp phụ nữ nông thôn không tái nghèo; cho rằng nhà nước cần tăng cường đào tạo KN nghề cho phụ nữ nông thôn thông qua đặt trọng tâm vào các nội dung như đối tượng, nội dung, hình thức tổ chức, hiệu quả đào tạo v.v.. Theo đó, cần coi trọng đào tạo theo nhu cầu thị trường, hoàn thiện hệ thống tổ chức, thiết lập hệ thống chỉ số đánh giá đào tạo một cách khoa học.

Tác giả Zheng Aixiang (2021), *“Nghiên cứu chính sách phát triển kỹ năng nghề cho lao động di cư từ nông thôn lên thành phố của Trung Quốc dựa trên khung phân tích chính sách hai chiều”* (*Research on Vocational Skills Development Policy of Migrant Workers Based on Dual-dimensional Analysis Framework*) [201]. Trong đó, tác giả cho rằng KN nghề là một yếu tố đóng vai trò hỗ trợ cơ bản thúc đẩy NLD nhập cư đạt được quyền công dân. Bài viết xây dựng khung phân tích công cụ chính sách hai chiều, phân tích định lượng và đánh giá nội dung chính sách PT KN nghề cho lao động di cư của Trung Quốc. Bài viết cho rằng hệ thống chính sách PT KN nghề cho lao động di cư ở Trung Quốc về cơ bản đã hoàn thiện nhưng sự phân bổ các công cụ chính sách PT KN định hướng việc làm chưa cân đối, các công cụ chính sách PT KN định hướng việc làm còn chưa hoàn thiện. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các chính sách PT KN nghề suốt đời.

Nguyễn Thị Ngọc Anh (2022), “*Vấn đề đào tạo nghề cho thanh niên tại Nhật Bản hiện nay*” [2] đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á số 9 (259) năm 2022, phân tích mối quan hệ giữa các chủ thể trong hệ thống ĐTN cho thanh niên tại Nhật Bản; từ đó, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của hệ thống này ở Nhật Bản hiện nay.

“*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (1986 - 2024) - một số kết quả và kinh nghiệm*” của tác giả Bùi Thị Bích Thuận trên tạp chí Lịch sử Đảng điện tử 31/8/2024 [131]. Bài viết đã hệ thống hóa chủ trương của Đảng về ĐTN cho LĐNT; đánh giá những kết quả lãnh đạo chủ yếu trong giai đoạn 2012 - 2022; từ đó, rút ra một số kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng về ĐTN, trong đó có những nội dung đáng chú ý như: coi nông nghiệp, nông dân, nông thôn và việc ĐTN cho LĐNT là yếu tố tiên quyết, nền tảng phục vụ cho quá trình CNH, HĐH khu vực nông thôn; chú trọng điều tra khảo sát thông tin TTLĐ, dự báo nhu cầu và thí điểm các mô hình dạy nghề cho NLĐ; gắn việc ĐTN với nhu cầu của các ngành kinh tế và PT KT-XH ở địa phương.

### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu về lao động việc làm và đào tạo nghề theo vùng, địa phương ở Việt Nam**

#### **\* Sách**

Tác giả Bùi Sĩ Lợi (2002), “*Phát triển nguồn nhân lực của Thanh Hoá đến năm 2010 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” [76]. Trên cơ sở thực trạng NNL và yêu cầu PT KT-XH tỉnh Thanh Hóa, tác giả đề ra một số giải pháp cơ bản đến năm 2010 nhằm PT NNL của tỉnh Thanh Hoá theo hướng CNH, HĐH.

Trần Thị Minh Ngọc (2010), “*Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020*” [84], do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật xuất bản, đã làm rõ những khái niệm liên quan trực tiếp đến vấn đề như: việc làm, thiếu việc làm, thất nghiệp, từ đó làm rõ đặc điểm việc làm nông thôn hiện nay. Tác giả phân tích,

đánh giá những thuận lợi, khó khăn và những thành tựu, hạn chế trong quá trình GQVL cho nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng trong quá trình CNH, HĐH; từ đó, đề ra phương hướng và giải pháp cụ thể thiết thực nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả hơn chính sách này.

Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), *“Các Tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn hiện nay”* [193] do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật xuất bản. Công trình đã phân tích vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, nông thôn đồng bằng sông Hồng với sự PT KT-XH cả nước, những thay đổi sâu sắc của bộ mặt nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng từ năm 2001 đến thời điểm nghiên cứu. Từ đó, tác giả khẳng định những kinh nghiệm lãnh đạo quan trọng của các Tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm của cấp ủy các địa phương và trách nhiệm của lực lượng nông dân khu vực đồng bằng sông Hồng đối với sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở khu vực.

Nguyễn Đăng Núi chủ biên (2020), *“Chính sách dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam”* [88], do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật xuất bản. Sách đưa ra khung lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn về chính sách dạy nghề, GQVL cho lao động vùng DTTS; phân tích thực trạng dạy nghề, GQVL và chính sách dạy nghề cho đối tượng này từ khi đổi mới đến nay; trên cơ sở đó, nêu quan điểm, định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách ĐTN, GQVL cho lao động vùng DTTS đến năm 2025, định hướng đến 2030.

Trần Thị Vành Khuyên (2020), *“Thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Nghiên cứu vùng Đồng bằng sông Cửu Long)”* [72]. Tác giả đã phân tích các yếu tố tác động đến thực hiện chính sách ĐTN cho LĐNT ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long như yếu tố kinh tế, kỹ thuật, môi trường, xã hội; phân tích thực trạng và đưa ra các giải pháp cụ thể (về cơ chế chính

sách, về cải thiện chất lượng đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ GV, tăng cường công tác phối hợp) để nâng cao hiệu quả chính sách ĐTN cho LĐNT ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Nguyễn Văn Trai (chủ biên) (2022), “*Đào tạo nghề phục vụ xuất khẩu lao động ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long*” [150]. Tác phẩm trình bày cơ sở lý luận về ĐTN phục vụ xuất khẩu lao động; thực trạng ĐTN phục vụ xuất khẩu lao động ở vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2015 - 2019; dự báo và cách nâng cao chất lượng ĐTN phục vụ xuất khẩu lao động ở khu vực đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**\* Chương trình, đề tài khoa học**

Nguyễn Thế Trâm (2005), Đề tài khoa học cấp Bộ: “*Các giải pháp giải quyết vấn đề lao động, việc làm của ngư dân ven biển Duyên hải miền Trung*” [151] đã tập trung khảo sát thực trạng và tìm ra các biện pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề về LĐVL cho ngư dân ở vùng ven biển duyên hải miền Trung, bao gồm việc đa dạng hóa ngành nghề, PT các mô hình kinh tế biển bền vững, nâng cao KN nghề nghiệp cho ngư dân.

Nguyễn Thị Thơm (2008), Đề tài khoa học cấp Bộ: “*Giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa ở Hải Dương*” [119]. Đề tài nghiên cứu tình hình lao động tại Hải Dương, những yếu tố tác động đến việc làm của lao động nông nghiệp Hải Dương như chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sự mở rộng các khu công nghiệp; từ đó đề xuất các giải pháp căn bản như ĐTN cho NLĐ; chuyển đổi ngành nghề; phát triển TTLĐ...

Trần Thị Minh Ngọc (chủ nhiệm) (2010), Đề tài khoa học cấp Bộ “*Giải quyết việc làm cho nông dân bị thu hồi đất ở ngoại thành Hà Nội*” [85] do Học viện Chính trị khu vực I chủ trì. Đề tài trên cơ sở phân tích thực trạng chính sách GQVL cho nông dân bị thu hồi đất ở các huyện ngoại thành Hà Nội, xây dựng hệ thống giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả GQVL cho đối tượng NLĐ này trong các năm 2011 - 2015 gắn với dự báo tốc độ đô thị hóa của thủ đô Hà Nội những năm này.

Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp (NIVT) (2017), “*Đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm phát triển kinh tế, bình đẳng cơ hội và gắn kết xã hội khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ*” [198]. Đề tài đã khảo sát, đánh giá thực trạng ĐTN ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, phân tích nhu cầu lao động ở 3 khu vực này, có nhấn mạnh đến nhóm lao động DTTS; từ đó nêu ra một số đề xuất mang tính hệ thống, lâu dài và đặc thù nhằm PT GDNN, hướng tới mục tiêu PT kinh tế, bình đẳng cơ hội, góp phần gắn kết xã hội tại những khu vực này.

**\* Một số luận án tiến sĩ**

Tô Minh Giới (2009), Luận án tiến sĩ Giáo dục học “*Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật nông nghiệp cho thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” [49]. Tác giả nêu lên thực tế Cần Thơ là thành phố nhưng diện tích đất nông nghiệp tương đối lớn; vì vậy, đào tạo NNL kỹ thuật nông nghiệp là cần thiết. Đề tài khảo sát thực trạng NNL, đào tạo NNL kỹ thuật nông nghiệp của thành phố Cần Thơ; từ đó, đưa ra những nguyên tắc, giải pháp, kiến nghị về công tác đào tạo NNL kỹ thuật nông nghiệp cho thành phố.

Nguyễn Thị Nhung (2012), Luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị “*Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*” [87]. Nghiên cứu vấn đề xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh Tây Bắc, Luận án chỉ ra rằng nghèo đói đã cản trở quá trình PT KT-XH ở Tây Bắc, đặc biệt là nghèo học vấn. Vì vậy, trong việc thực hiện xóa đói giảm nghèo, vấn đề quan trọng nhất là tác động trực tiếp vào yếu tố con người. Trong hệ thống giải pháp, luận án khẳng định cần có giải pháp về nâng cao chất lượng NNL ở nhóm người nghèo; xây dựng một chương trình “Xóa nghèo tri thức đối với người nghèo DTTS”.

Phạm Thị Kim Lan (2015), Luận án Tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam “*Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo đào tạo nguồn nhân lực cho*

*nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2010*” [73]. Trên cơ sở hệ thống chủ trương của Đảng bộ tỉnh và phục dựng lại quá trình Đảng bộ chỉ đạo đào tạo NNL cho nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, luận án đã đánh giá những kết quả lãnh đạo trong lĩnh vực dạy nghề nông nghiệp cho NLD ở các phương diện như mạng lưới cơ sở dạy nghề, chất lượng dạy nghề, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ĐTN, hiệu quả đầu tư cho CTĐTN. Đề tài luận án khẳng định những đóng góp của chủ trương này đối với việc đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn tại tỉnh Thái Bình trong giai đoạn 2001 - 2010. Luận án đã khẳng định “thực tiễn cho thấy, ở địa phương nào có sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền, phân công trách nhiệm rõ ràng thì công tác đào tạo, dạy nghề được triển khai mạnh mẽ và đạt chất lượng, hiệu quả cao. Ngược lại, nếu địa phương nào cấp ủy, chính quyền địa phương không sâu sát, phối hợp không chặt chẽ thì kết quả ĐTN cho NLD nơi đó bị hạn chế và kém hiệu quả” [73, tr.136].

Trương Thị Hồng Nga (2018), Luận án Tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam “*Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực từ năm 2000 đến năm 2015*” [82]. Tác giả đã tập trung làm rõ quá trình lãnh chỉ đạo xây dựng, phát triển NNL địa phương của Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long; trên cơ sở đánh giá kết quả lãnh đạo, chất lượng NNL thông qua thực hiện chính sách GD&ĐT, công trình đúc kết những bài học kinh nghiệm của Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long qua 3 nhiệm kỳ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ PT NNL.

Bùi Thanh Minh (2020), Luận án Tiến sĩ ngành Công tác xã hội “*Đào tạo nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số tại tỉnh Hòa Bình*” [78]. Luận án phân tích đặc điểm tình hình lao động, yêu cầu PT KT-XH của tỉnh và nhu cầu ĐTN của thanh niên DTTS tỉnh Hòa Bình; nghiên cứu hệ thống chính sách ĐTN cho thanh niên DTTS và kết quả thực hiện chính sách đó tại tỉnh Hòa Bình; từ đó phân tích vai trò của công tác xã hội trong nâng cao hiệu quả thực thi chính sách ĐTN cho thanh niên DTTS tỉnh Hòa Bình.

Luận án Tiến sĩ kinh tế của tác giả Bùi Thanh Hà (2021) “*Tác động của lao động qua đào tạo nghề đến giảm nghèo đa chiều ở vùng Tây Bắc*” [51]. Nghiên cứu chỉ ra rằng ĐTN có tác động trực tiếp đến khả năng có việc làm và thu nhập của các hộ gia đình; số người trong hộ được ĐTN càng nhiều thì khả năng hộ nghèo đói càng ít. Tuy nhiên, công tác ĐTN cho NLĐ hiện nay chưa được coi trọng đúng mức, tỷ lệ NLĐ qua đào tạo chưa nhiều; vẫn tồn tại rào cản chính sách khuyến khích nông dân nông cốt để tham gia ĐTN, truyền nghề; việc kết nối giữa các cơ sở GDNN với các doanh nghiệp còn hạn chế. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp bao gồm: (i) Mở rộng các hình thức ĐTN gắn với việc các hộ nông dân được chuyển giao công nghệ, kỹ thuật và quy trình sản xuất mới; (ii) Nghiên cứu xây dựng và thực thi các chính sách, quy định (đặc thù), khuyến khích sự phát triển thị trường nông nghiệp, nông thôn; (iv) Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch ĐTN cho NLĐ cụ thể, rõ ràng; (v) Tăng cường thực hiện xã hội hóa để huy động tối đa nguồn lực nhằm mở rộng quy mô ĐTN, thực hiện phối hợp, kết hợp các chương trình đề án, dự án để đảm bảo các nguồn kinh phí cho công tác ĐTN.

Vũ Đức Minh (2022), Luận án tiến sĩ kinh tế “*Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*” [80]. Công trình nghiên cứu cơ sở lý luận về chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề; xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng ĐTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: giảng viên, dịch vụ hỗ trợ, chương trình, người học và cơ sở vật chất; từ phân tích thực trạng chất lượng ĐTN, luận án đã đề xuất 05 nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề của các cơ sở dạy nghề Quảng Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao ngày càng tăng của tỉnh.

Tạ Thị Ngọc Bích (2023), Luận án Tiến sĩ Kinh tế “*Chính sách đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Hà Nam*” [5]. Từ việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng

ĐTN cho LĐNT tỉnh Hà Nam, Luận án đưa ra những giải pháp cụ thể gồm: hoàn thiện chính sách ĐTN cho LĐNT tỉnh Hà Nam; nâng cao nhận thức của xã hội, NLD về chính sách ĐTN cho LĐNT tỉnh Hà Nam; nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự thực hiện chính sách ĐTN cho LĐNT tỉnh; Sắp xếp, kiện toàn, nâng cao vai trò của các cơ sở ĐTN; nâng cao hiệu quả triển khai chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước tại tỉnh; đảm bảo kinh phí và sử dụng hiệu quả kinh phí; tăng cường huy động nguồn lực xã hội; tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình chính sách ĐTN cho LĐNT.

Đỗ Thị Vui (2023), Luận án Tiến sĩ ngành Quản lý công “*Thực hiện chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số tại các tỉnh Tây Bắc*” [200]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, Luận án đề xuất một số giải pháp tăng cường thực hiện chính sách ĐTN đối với lao động DTTS tại các tỉnh Tây Bắc thời gian tới.

**\* Bài báo, tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học**

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Chỉ đạo Tây Bắc (2015), Hội thảo khoa học “*Thực trạng lao động nữ dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc làm thuê qua biên giới*” [57] tổ chức tại tỉnh Hà Giang. Các ý kiến tại Hội thảo cho rằng: Hầu hết phụ nữ DTTS lao động tự do qua biên giới có trình độ thấp, chưa qua đào tạo nên không có công ăn việc làm hoặc thu nhập thấp; công việc tại nhiều địa phương hiện nay không ổn định, thiếu việc làm khiến phụ nữ vượt biên lao động tự do trái phép qua biên giới. Hội thảo đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế tình trạng nữ lao động DTTS làm thuê bất hợp pháp qua biên giới như: Cung cấp các dịch vụ tư vấn cho phụ nữ DTTS (nhất là những thông tin cơ bản, kỹ năng giao dịch cần thiết với chủ lao động; thành lập và cung cấp địa chỉ các đường dây nóng để hỗ trợ phụ nữ khi gặp rủi ro trong quá trình tìm việc làm); tăng cường công tác tuyên truyền, vận động; hỗ trợ PT kinh tế gắn với nâng cao trình độ, kiến thức cho phụ nữ.

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Thái Bình (2024), Hội thảo khoa học cấp Bộ “*Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao - Đột phá chiến lược phát triển vùng đồng bằng sông Hồng*” [59] tổ chức tại tỉnh Thái Bình. Hội thảo đã phân tích, lý giải về sự cần thiết phải xây dựng NNL chất lượng cao ở vùng đồng bằng sông Hồng; thực trạng xây dựng NNL vùng đồng bằng sông Hồng; trên cơ sở đó đề xuất phương hướng, giải pháp xây dựng NNL chất lượng cao ở vùng đồng bằng sông Hồng thỏa mãn yêu cầu PT KT-XH trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Các bài viết trên báo, tạp chí trung ương và địa phương về vấn đề nguồn nhân lực, ĐTN nâng cao chất lượng NNL, đặc biệt là vấn đề Đảng lãnh đạo ĐTN ở các địa phương:

*Phát huy nguồn nhân lực nữ và xoá đói giảm nghèo ở nông thôn của Lê Thi trên Tạp chí Khoa học về Phụ nữ (9) năm 2005 [118]; Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Sơn La của Nguyễn Đức Thảo trên Tạp chí Giáo dục lý luận (23) năm 2006 [115]; Cao Bằng: gắn giải quyết việc làm với đào tạo nguồn nhân lực của Hà Minh Trần trên tạp chí Lao động và xã hội năm 2008 [152]; Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu kinh tế xã hội của Đồng bằng sông Cửu Long trong xu thế hội nhập của Nguyễn Thị Mỹ Dung, Cung Thị Ngọc Mai trên Tạp chí Ngân hàng năm 2009 [25].*

*“Phát triển chiến lược cung ứng: Dịch vụ đào tạo nghề ở nông thôn các tỉnh miền núi Việt Nam” của tác giả Nguyễn Bách Khoa; Nguyễn Thị Thu Huyền, Tạp chí Khoa học Thương mại, số 52 năm 2012 [71]; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch thành phố Đà Nẵng của Nguyễn Bình Đức trên Tạp chí Quản lý Giáo dục năm 2013 [45]; “Một số mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Văn Tuấn trên*

Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc số 17 năm 2017 [165]; *Tác động của đào tạo nghề đến thu nhập của người lao động vùng Tây Bắc* của Bùi Thanh Hà trên tạp chí Kinh tế và Dự báo năm 2020 [50].

*“Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn - giải pháp bền vững trong xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội hiện nay”* của tác giả Hoàng Phương trên Tạp chí Cộng sản điện tử tháng 11 năm 2022 [91]; *“Đánh giá thực trạng lao động và hiệu quả công tác đào tạo nghề nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long”* của nhóm tác giả Dương Ngọc Thành, Vũ Anh Pháp và Nguyễn Hồng Tín trên Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ năm 2022 [113].

Đặc biệt, với tiếp cận từ góc độ lịch sử Đảng, bài viết *“Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm ở khu vực nông nghiệp, nông thôn (2008 - 2020)”* của tác giả Nguyễn Thị Túy trên tạp chí Lịch sử Đảng 9-2020 [167]. Tác giả đã khái quát chủ trương của Trung ương Đảng và sự cụ thể hóa của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về ĐTN cho LĐNT; đánh giá những kết quả lãnh đạo ĐTN nổi bật trong giai đoạn 2008 - 2020 của Đảng bộ tỉnh; từ đó khẳng định *“đến năm 2020, CTĐTN nói chung và ĐTN cho khu vực nông thôn nói riêng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và số lượng NNL, từng bước ổn định TTLĐ ở khu vực nông thôn”* [167].

*Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo công tác đào tạo nghề giai đoạn 2005-2015* của tác giả Trần Tuấn Sơn, Trần Khánh Vân trên Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị số 01 (62) năm 2020 [112]. Tiếp cận từ góc độ vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh với CTĐTN cho NLĐ, bài viết đã hệ thống chủ trương của Đảng bộ tỉnh Nam Định và điểm lại những kết quả lãnh đạo nổi bật của Đảng bộ tỉnh trong CTĐTN từ năm 2005 đến năm 2015.

### 1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến lao động, việc làm và đào tạo nghề ở Lào Cai

#### \* *Sách*

Tỉnh ủy Lào Cai (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai (1947 - 2007)* [135] do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật xuất bản. Cuốn sách đã trình bày quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai thành lập và lãnh đạo cách mạng Lào Cai từ khi thành lập đến năm 2007. Trong đó, sách dành một chương giới thiệu quá trình đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng và PT địa phương từ khi tái lập năm 1991 đến năm 2007 (sau chỉnh lý, bổ sung cập nhật đến năm 2010), trình bày kết quả lãnh đạo trên các mặt, trong đó có lĩnh vực GD&ĐT. Một số nét về CTĐT tỉnh Lào Cai gắn với vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh được phác họa trong phần này.

Tỉnh ủy Lào Cai (2015), *“Lào Cai 25 năm tái lập, đổi mới, phát triển (1991 - 2015), tầm nhìn và hành động”* [143] là công trình đánh giá công tác lãnh chỉ đạo và những thành tựu, hạn chế của Lào Cai trên các lĩnh vực sau 25 năm tái lập (từ 1991 đến 2015, các số liệu tính đến hết năm 2014), trong đó có lĩnh vực L&ĐT; rút ra các kinh nghiệm, nêu định hướng lớn của tỉnh đến năm 2030. Ở lĩnh vực L&ĐT khắc họa chủ trương chỉ đạo nổi bật của tỉnh trong 25 năm và khẳng định những thành tựu căn bản, nhất là xây dựng củng cố mạng lưới cơ sở dạy nghề đầy đủ ở các địa phương trong toàn tỉnh và từng bước nâng cao chất lượng dạy, học nghề; đến năm 2015, đưa tỉ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh lên 43.1%.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai (2015), *“Kỷ yếu lịch sử giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai (1945 - 2014)”* [97]. Cuốn sách khái quát những thành tựu về GD&ĐT của tỉnh sau gần 70 năm, trong đó có nội dung về GDNN, trình bày kết quả trên các khía cạnh gồm xây dựng mạng lưới cơ sở ĐTN, PT đội ngũ GV, kết quả thực hiện các chỉ tiêu đào tạo.

Tỉnh ủy Lào Cai (2021), “*30 năm - Lào Cai sáng tạo*” [145], do Nhà xuất bản Lao động xuất bản. Cuốn sách tổng kết những thành tựu trên nhiều lĩnh vực của Lào Cai sau 30 năm tái lập tỉnh, dưới dạng các bài viết, trong đó có những bài viết phản ánh kết quả trong lĩnh vực ĐTN, GQVL tại địa phương, giới thiệu một số mô hình điển hình về ĐTN gắn với GQVL cho LĐNT trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Điển hình như bài viết “Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm - bước đi sáng tạo của Lào Cai” có nêu một trong những trọng tâm của tỉnh là “đào tạo gắn với nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp...các cơ sở ĐTN của tỉnh từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo. Theo đó, đào tạo gắn với nhu cầu thực tế của các địa phương, không áp đặt về ngành nghề đào tạo. Các cơ sở dạy nghề tăng cường liên kết với các trường CNKT của trung ương, tranh thủ sự hỗ trợ về kinh phí và học tập kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đào tạo” [145, tr.214, 215].

Tỉnh ủy Lào Cai (2021), “*Lịch sử tỉnh Lào Cai*”, gồm 3 quyển, xuất bản tại Nhà xuất bản Lao động [144]. Ở quyển 3 “*Lịch sử tỉnh Lào Cai (1991 - 2020)*”, trong phần nội dung về văn hóa - xã hội ở từng chương đều thống kê những kết quả cơ bản về GDNN của tỉnh; qua đó, cho thấy những bước PT về mạng lưới cơ sở dạy nghề, mức độ đầu tư cho lĩnh vực ĐTN, năng lực đội ngũ CBGV và chất lượng các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Hứa Tân Hưng, Lưu Thị Sim, Nguyễn Hồng Phượng (đồng chủ biên) (2025), “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn - thực tiễn tỉnh Lào Cai*” [69]. Đây là cuốn sách tập hợp các bài viết phân tích nhiều chiều cạnh của công tác ĐTN cho LĐNT tỉnh Lào Cai, từ xây dựng chủ trương, huy động nguồn lực, thực thi chính sách ĐTN cho LĐNT; phân tích thực trạng chất lượng các cơ sở ĐTN trên địa bàn; đánh giá xu hướng tìm việc làm của LĐNT tỉnh Lào Cai trong thời gian sắp tới.

#### **\* Đề tài khoa học**

Trường Chính trị tỉnh Lào Cai (2024), “*Báo cáo kết quả tổng hợp thực tiễn đào tạo nghề cho LĐNT ở tỉnh Lào Cai*” [158]. Đây là kết quả nghiên cứu

của đề tài khoa học cấp tỉnh do Tỉnh ủy giao cho Trường Chính trị tỉnh Lào Cai năm 2023 - 2024, nhằm nghiên cứu tổng thể thực trạng công tác ĐTN cho LĐNT tại tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 - 2023. Qua khảo sát thực tiễn, đề tài đã làm rõ thực trạng với các số liệu thống kê cụ thể; từ đó, đưa ra một số kiến nghị để khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh.

**\* *Luận án tiến sĩ***

Nguyễn Đức Thăng (1996), Luận án tiến sĩ kinh tế “*Định hướng và những giải pháp kinh tế chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2010*” [116]. Tác giả đã đề cập đến thực trạng và vai trò của LĐVL đối với chuyển dịch kinh tế của khu vực nông thôn tỉnh Lào Cai; qua đó đề xuất những giải pháp nhằm GQVL, phát huy tiềm năng của con người ở các khu vực trong tỉnh.

Nguyễn Thị Vân Hằng (2014), Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam “*Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo đào tạo nguồn nhân lực từ năm 2001 đến năm 2010*” [52]. Luận án nghiên cứu quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo PT NNL với những kết quả cụ thể về đào tạo NNL góp phần thực hiện mục tiêu đưa tỉnh Lào Cai sớm thoát nghèo. Trong đó, tác giả đề cập đến chủ trương của Tỉnh ủy về PT NNL nói chung và những kết quả cụ thể ở lĩnh vực ĐTN trong giai đoạn nghiên cứu; đưa ra những nhận xét, đánh giá về tác động của kết quả ĐTN với việc nâng cao chất lượng NNL của tỉnh Lào Cai.

Giàng Thị Dung (2014), “*Phát triển khu kinh tế cửa khẩu với xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai*” [26]. Luận án đặt vấn đề PT kinh tế cửa khẩu trong mối quan hệ với xóa đói giảm nghèo của tỉnh. Tác giả đưa ra một số nhận định: Phát triển khu kinh tế cửa khẩu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, góp phần đẩy nhanh việc xóa đói giảm nghèo cho tỉnh Lào Cai; sự PT ngày càng mạnh mẽ của hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ góp phần tăng thu ngân sách và giảm nghèo;

môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng được cải thiện, thông thoáng, thúc đẩy quá trình đô thị hoá, hình thành các khu tập trung dân cư, tạo việc làm, tăng thu nhập dân cư và củng cố quốc phòng an ninh. Tác giả cho rằng một trong những giải pháp quan trọng là thực hiện tốt chính sách ĐTN cho NLĐ để cung cấp lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ khu vực kinh tế cửa khẩu; qua đó, tạo việc làm, cải thiện thu nhập NLĐ nghèo.

Ngô Xuân Quyết (2021), Luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển: “*Nghèo đa chiều ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Trường hợp tỉnh Lào Cai*” [95]. Luận án đã phân tích thực trạng nghèo đa chiều ở tỉnh Lào Cai, trong đó thống kê tỉ lệ thiếu hụt giáo dục ở người lớn tại tỉnh Lào Cai so với các tỉnh trong khu vực và so với tỉ lệ trung bình cả nước. Từ đó, tác giả xây dựng hệ thống giải pháp có gắn với vấn đề GD&ĐT nhằm giảm tỉ lệ nghèo đa chiều ở chiều giáo dục của tỉnh Lào Cai.

**\* *Bài báo, tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học***

Trịnh Quang Chính (2004), “*Lào Cai phát triển kinh tế - tấn công đói nghèo*”, Tạp chí Lao động xã hội, số 230+231+232 [15]. Bài viết đã đề cập đến thực trạng về LĐVL - một trong những lực cản của quá trình PT kinh tế của tỉnh; đồng thời xác định: đẩy mạnh đào tạo, tạo việc làm là biện pháp quan trọng để Lào Cai sớm thoát khỏi tình nghèo.

Trịnh Quang Chính (2006), “*Kết quả và kinh nghiệm từ hội chợ việc làm Lào Cai năm 2005*”, Tạp chí Lao động và xã hội, số 279-280 [16]. Bài viết đánh giá nhu cầu việc làm ở Lào Cai và thực trạng GQVL thông qua tổ chức hội chợ việc làm năm 2005, những kinh nghiệm nổi bật của địa phương; từ đó, tác giả đề xuất giải pháp trung tâm về tăng cường số lượng, nâng cao hiệu quả ĐTN.

Giàng Thị Dung (2006), “*Xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc Mông tỉnh Lào Cai: Thực trạng và giải pháp*”, Tạp chí Lao động và Xã hội, số 295 [27].

Bài viết đề cập đến thực trạng việc làm và các biện pháp ĐTN để trang bị KN nghề cho đồng bào dân tộc Mông tại Lào Cai, giúp NLD sớm thoát nghèo.

Minh Nguyệt (2013), “*Lào Cai: công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn một năm nhìn lại*”, Website Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn [86]; Nguyễn Thị Hồng Minh (2017), “*Lào Cai: Đối thoại đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động*”, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam [79]. Những bài viết trên đã nêu kết quả công tác ĐTN của tỉnh Lào Cai trong từng thời điểm cụ thể, phản ánh cách thức chỉ đạo ĐTN phù hợp của tỉnh từng giai đoạn.

Tỉnh ủy Lào Cai (2018), Hội thảo khoa học “*Kinh nghiệm phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo sau 25 năm tái lập (1991 - 2016)*” [137]. Trong Kỷ yếu Hội thảo có một số bài viết đề cập đến ĐTN ở Lào Cai như “GD&ĐT học sinh người DTTS Lào Cai - Sự quan tâm của toàn xã hội”, “Công tác định hướng, phân luồng học sinh sau trung học - kết quả bước đầu và nhiệm vụ trong thời gian tới”, “Giáo dục ĐTN (1991 - 2016) - Hiệu quả và vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết”.

Đặng Xuân Phong (2021), “*Hành trình 30 năm sáng tạo, đổi mới và phát triển của tỉnh Lào Cai*”, Tạp chí Cộng sản điện tử tháng 10 năm 2021 [90]. Bài viết đã khái quát những thành quả căn bản, cốt lõi, ghi dấu ấn trong chặng đường 30 năm xây dựng, phát triển (1991 - 2021) của tỉnh Lào Cai với 3 giai đoạn: 1991 - 2000, tập trung khắc phục khó khăn, định hình hướng đi, cùng khát vọng vươn lên mạnh mẽ để xây dựng và kiến thiết quê hương; 2001 - 2010, chủ động, sáng tạo trong việc khai thác các tiềm năng, lợi thế kết hợp với phát huy nội lực, tập trung khơi thông “điểm nghẽn”, tạo tiền đề cho sự PT bứt phá trên nhiều lĩnh vực; 2011 - 2020, nâng tầm vị thế, PT toàn diện theo hướng nhanh và bền vững. Tác giả khẳng định “trong ba thập niên trải qua biết bao thăng trầm, khó khăn, thách thức cũng như khi thuận lợi, dòng chảy xuyên suốt trong tư duy và hành động của các thế hệ lãnh đạo tỉnh Lào Cai qua các thời kỳ

là sự chủ động, sáng tạo trong việc đề ra các chủ trương, đường lối đúng đắn, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, đi trước, mở đường cho sự PT; không bị ràng buộc bởi những cơ chế, chính sách có độ trễ lớn” [90].

Hoàng Văn Huệ (2021), “*Lào Cai: Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm cho người lao động*” [68] trên tạp chí Lao động và Xã hội số 645. Bài viết nêu bật những kết quả GQVL cho NLĐ của tỉnh trong bối cảnh dịch bệnh covid - 19 hoành hành, đặc biệt là những giải pháp để GQVL như: tăng cường ĐTN, mở rộng TTLĐ, chú trọng đến lao động ở khu vực khó khăn và lao động là người DTTS; PT KT-XH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng các mô hình kinh tế hiệu quả nhằm tạo việc làm tại chỗ.

Giàng Thị Dung (2022), “*Đào tạo nghề cho thanh niên và các chính sách hỗ trợ đào tạo ban đầu, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; vấn đề phân luồng học sinh vào học giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai*” [28]. Bài tham luận tại Diễn đàn Thanh niên Việt Nam 2022 đã đánh giá một số kết quả, hạn chế trong công tác ĐTN cho thanh niên ở Lào Cai, trong đó nổi bật là: hiệu quả ĐTN cho thanh niên không đồng đều giữa các vùng trong tỉnh (vùng sâu, vùng cao có số thanh niên được hỗ trợ học nghề và tỷ lệ có việc làm sau học nghề thấp hơn các vùng khác). Tham luận đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2030 như: Đổi mới hình thức cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thanh niên học tập, sáng tạo, nghiên cứu khoa học; chuyển đổi số trong lĩnh vực GD&ĐT; xây dựng các chương trình đào tạo ngoại ngữ trên mạng internet nhằm giúp học sinh ở các vùng nông thôn, vùng DTTS và miền núi được tiếp cận, học tập miễn phí.

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Lào Cai (2022), Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Bộ “*Phát triển bền vững du lịch cộng đồng tại Sa Pa: hiện trạng và triển vọng năm 2022*” [58] tổ chức tại thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Trong kỷ yếu có một số bài viết bàn đến vấn đề ĐTN, PT NNL du lịch cộng đồng tại Sa Pa như: Đánh giá hiệu quả kinh tế và vấn đề việc làm tại các

điểm du lịch cộng đồng của Sa Pa; Giải pháp PT NNL du lịch cộng đồng tại Sa Pa; Một số giải pháp cơ bản nhằm PT du lịch cộng đồng ở Lào Cai hiện nay. Những bài viết này đã làm rõ thực trạng GQVL, đặc biệt là kết quả phát huy nguồn lực du lịch tại chỗ ở một số địa phương ở thị xã Sa Pa; qua đó, đề xuất phương hướng giải pháp để nâng cao chất lượng NNL để PT bền vững ngành du lịch tại địa phương.

Năm 2024, Thành ủy Lào Cai tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “*Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao*”[114]. Các tham luận tại Hội thảo đóng góp kiến giải trên nhiều góc độ khác nhau về ĐTN trong tỉnh nói chung, thành phố Lào Cai nói riêng như: tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước trong hỗ trợ ĐTN; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy cơ sở để nâng cao chất lượng LĐNT; thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh về ĐTN, GQVL, tạo NNL có tay nghề cao... Đó là những gợi mở có giá trị tham khảo với luận án trong việc khảo sát, phân tích thực trạng lãnh đạo công tác ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai ở phạm vi đơn vị cấp huyện.

## **1.2. KẾT QUẢ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ TỔNG QUAN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ ĐỀ CẬP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU**

### **1.2.1. Những kết quả đã được nghiên cứu**

*Về tư liệu:* Các nghiên cứu đã hệ thống tư liệu về vấn đề NNL, LĐVL nói chung và ĐTN nói riêng; hệ thống văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về ĐTN, PT NNL qua hệ thống tư liệu chính thống lưu trữ tại Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ LĐ-TB&XH, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tại các địa phương, có nhiều tư liệu thực tế về chủ trương và quá trình chỉ đạo thực tiễn ĐTN tại các tỉnh miền núi, vùng DTTS.

Riêng nhóm công trình nghiên cứu thuộc ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã hệ thống cơ bản, toàn diện những văn kiện của các Đảng bộ địa phương được nghiên cứu. Đây là những tư liệu quan trọng mà luận án có thể kế thừa và tham chiếu.

**Về cách tiếp cận:** Các công trình tiếp cận vấn đề LĐVL, ĐTN từ nhiều góc độ khác nhau như kinh tế, xã hội, lịch sử Đảng... trong đó có nhiều công trình nghiên cứu việc thực hiện chính sách về LĐVL hoặc gắn kết với PT NNL. Điều này giúp luận án có nhìn nhận mang tính kết nối trong khi tìm hiểu trực tiếp về CTĐTN với tư cách là một nội dung lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Về phương pháp nghiên cứu:** Các phương pháp lịch sử, phương pháp liên ngành đều được sử dụng trong khi nghiên cứu, trong đó phương pháp nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn được sử dụng nhiều trong hầu hết các công trình sách in hoặc đề tài khoa học, luận án. Phương pháp khảo sát văn bản và khảo sát thực tiễn được các luận án đã bảo vệ sử dụng cơ bản; nhóm công trình lịch sử Đảng sử dụng phổ biến phương pháp lịch sử và logic, gợi mở cho nghiên cứu sinh trong quá trình khảo cứu tư liệu phục vụ cho việc viết luận án.

**Về nội dung:** Các công trình nghiên cứu đã cung cấp khung lý thuyết cơ bản về ĐTN ở Việt Nam. Nhiều công trình đã khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng ĐTN trong cả nước và từng khu vực, địa phương. Một số công trình đi sâu nghiên cứu những nội dung cụ thể như: ĐTN cho LĐNT, vấn đề hướng nghiệp cho thanh niên, việc thực hiện chính sách dạy nghề cho NLĐ vùng DTTS; trong đó, một số công trình đã nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng ĐTN cho NLĐ.

Nhóm công trình liên quan đến LĐVL, ĐTN nói chung, bao gồm các tác phẩm trong nước và nước ngoài, phần lớn tiếp cận ở góc độ hoạt động ĐTN và việc thực hiện chính sách ĐTN, làm rõ nhiều nội dung như mô hình đào tạo, chất lượng đào tạo, đề cập đến giải pháp về dạy nghề để nâng cao chất lượng

NNL; ở phạm vi vùng miền, địa phương có một số công trình tiếp cận về công tác ĐTN và đánh giá về lĩnh vực ĐTN gắn kết với GQVL, ĐTN cho LĐNT, lao động nữ, người DTTS, người khuyết tật.

Đặc biệt, nhóm công trình khoa học thuộc ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam mặc dù chủ yếu nghiên cứu ở phạm vi tỉnh, với những luận án đề cập đến phát triển NNL, vấn đề LĐVL, xóa đói giảm nghèo... song đã bước đầu đề cập tới chủ trương của Đảng bộ địa phương và quá trình chỉ đạo thực hiện; những kết quả về kinh nghiệm bước đầu trong việc ĐTN tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Lào Cai. Đây là những nội dung mà luận án có thể tham khảo để giải quyết mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài luận án.

Tuy nhiên, trong số các công trình khoa học đã công bố mà tác giả đã khảo cứu được, chưa có công trình nào nghiên cứu trực diện, có hệ thống về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện công tác đào tạo nghề. Ở cấp độ địa phương, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống và chuyên sâu về quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo công tác đào tạo nghề thời kỳ đổi mới.

Từ thực trạng đó, một số nội dung cần tiếp tục được làm rõ như: Quá trình lãnh chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, các đảng bộ địa phương với CTĐTN cho NLĐ nói chung, từng nhóm NLĐ nói riêng như lao động nông nghiệp, lao động kỹ thuật, lao động thuộc các nhóm yếu thế, lao động xuất khẩu ra nước ngoài, LĐNT... Từ đó, làm rõ sự đúng đắn của đường lối, chủ trương; sự chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với CTĐTN.

Những công trình tiếp cận dưới góc độ lịch sử Đảng chủ yếu tiếp cận ở phạm vi rộng, đó là đào tạo NNL, trong đó CTĐTN chỉ là một nội dung lãnh đạo của Đảng bộ, mức độ phản ánh và đánh giá chưa thực sự rõ nét. Đối với một số công trình nghiên cứu trực tiếp về ĐTN thì thường bóc tách đối tượng nghiên cứu như: ĐTN cho LĐNT, ĐTN nông nghiệp,... nên việc đánh giá về

ưu điểm, hạn chế trong lãnh đạo chưa thể hiện tính đại diện cho toàn bộ CTĐTN; vì thế, các bài học kinh nghiệm chưa mang tính tổng quát về sự lãnh đạo của Đảng với CTĐTN.

### **1.2.2. Những nội dung luận án tập trung nghiên cứu**

*Thứ nhất*, nghiên cứu những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về CTĐTN như: Đặc điểm tình hình thế giới, trong nước và tỉnh Lào Cai; chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về CTĐTN; CTĐTN ở Lào Cai trước năm 2000.

*Thứ hai*, nghiên cứu chủ trương của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về CTĐTN từ năm 2000 đến năm 2020; trong đó, tập trung làm rõ mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ giải pháp của Đảng bộ tỉnh nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả CTĐTN của tỉnh.

*Thứ ba*, nghiên cứu quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai chỉ đạo CTĐTN qua 2 giai đoạn 2000 - 2010 và 2010 - 2020 trên các mặt: Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm; củng cố, phát triển hệ thống trường dạy nghề; xây dựng chương trình, cơ cấu ngành nghề đào tạo; phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy nghề; thực hiện chính sách hỗ trợ ĐTN (gắn với chính sách hỗ trợ cho người LĐNT theo quy định của Trung ương trong giai đoạn 2010 - 2020); chất lượng ĐTN gắn với GQVL.

*Thứ tư*, nghiên cứu về những ưu điểm, hạn chế và phân tích nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế; đồng thời, đúc kết những kinh nghiệm cơ bản từ thực tiễn lãnh đạo công tác đào tạo nghề của Đảng bộ tỉnh những năm 2000 - 2020 để vận dụng trong bối cảnh hiện nay nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ về đào tạo nghề và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề của tỉnh trong thời gian tiếp theo.

## **Tiểu kết chương 1**

Đào tạo nghề cho NLD là chủ trương quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực hiện chính sách xã hội nhằm giải quyết vấn đề lao động việc làm, nâng cao chất lượng NNL, góp phần giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Trong nhiều thập kỉ trở lại đây, các nghiên cứu về lao động việc làm, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động ngày càng đa dạng, góp phần lý giải vấn đề từ nhiều góc độ. Các công trình khoa học đã công bố mà tác giả khảo cứu cho thấy nhiều nội dung được làm rõ như: khung lý thuyết về đào tạo nghề; việc thực hiện chính sách về đào tạo nghề trong phạm vi cả nước và khu vực cũng như các địa phương cụ thể; đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động. Kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án đã tổng quan, cung cấp những tư liệu quý, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, đặc biệt là những nội dung cơ bản góp phần gợi mở để tác giả luận án kế thừa và tiếp tục phát triển trong quá trình nghiên cứu, thực hiện đề tài luận án. Tuy nhiên, cho đến nay, những nghiên cứu một cách hệ thống về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ địa phương lãnh đạo CTĐTN còn ít. Đây là khoảng trống trong nghiên cứu đề luận án lựa chọn những nội dung tập trung nghiên cứu.

**Chương 2**  
**CHỦ TRƯỞNG VÀ QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO**  
**CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ**  
**TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2010**

**2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ**

**2.1.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về công tác đào tạo nghề**

*2.1.1.1. Tình hình thế giới*

Bước sang thế kỉ XXI, tình hình thế giới có nhiều diễn biến mới, tác động theo hướng tích cực lẫn tiêu cực đến vấn đề nhân lực, lĩnh vực LĐVL. Trên thế giới, hoà bình, hợp tác và PT là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, đầu tư, lưu chuyển hàng hoá, dịch vụ, lao động và vốn ngày càng mở rộng... Sự bùng nổ của xu thế toàn cầu hóa, gắn với sự ra đời của Tổ chức Thương mại thế giới WTO tạo ra sự dịch chuyển chuỗi cung ứng, xuất hiện thêm hàng triệu việc làm trong lĩnh vực gia công, sản xuất và xuất khẩu, là cơ hội cho NLĐ có trình độ, tay nghề. Trong bối cảnh đó, các quốc gia, nhất là nước đang PT đều đứng trước cơ hội PT mạnh mẽ nếu có NNL có trình độ, năng lực và khả năng ứng dụng KHCN vào sản xuất.

Cuộc cách mạng KHCN, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục PT mạnh theo chiều sâu, ngày càng đạt những bước tiến mạnh mẽ, tác động rộng lớn đến cơ cấu và sự PT của kinh tế thế giới, mở ra triển vọng mới cho mỗi nền kinh tế tham gia phân công lao động toàn cầu. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình PT lực lượng sản xuất, trong khi cạnh tranh kinh tế - thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng,

thị trường, nguồn vốn, công nghệ... giữa các nước ngày càng gay gắt. Vì vậy, NLD trong thời kì mới, bên cạnh năng lực chuyên môn, còn cần được trang bị năng lực, KN ứng dụng KHCN để tránh rơi vào tình trạng tụt hậu, đồng thời thỏa mãn yêu cầu của nền sản xuất hiện đại.

Mặt khác, trong những năm 2008 - 2009, khủng hoảng tài chính thế giới đã tạo ra nhiều khó khăn cho xã hội, nhất là vấn đề thất nghiệp, mà bộ phận không nhỏ là giới trẻ. Theo Tổ chức Lao động thế giới ILO, với các nước đang PT, trong đó có Việt Nam, dân số trẻ chiếm phần nhiều, không ít thanh niên đối mặt với khó khăn về việc làm và nghèo đói. Trước bối cảnh đó, ĐTN để thanh niên có KN nghề nghiệp căn bản để tìm việc làm mới hoặc tìm, tạo việc làm sau thất nghiệp theo hướng chuyển đổi nghề nghiệp là một cách GQVL hiệu quả.

Kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục PT năng động, hợp tác trong khu vực, nhất là trong Hiệp hội các nước Đông Nam Á ASEAN ngày càng mở rộng, trong đó có hợp tác về lĩnh vực LĐVL, tạo cơ hội cho các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam, đẩy mạnh ĐTN nhằm tăng cường hoạt động xuất khẩu lao động đến các nước trong khu vực và trên thế giới.

### ***2.1.1.2. Tình hình trong nước***

Trong những năm 2000 - 2010, tình hình CT-XH đất nước tiếp tục ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại có bước PT mới. Độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Những mục tiêu chủ yếu của Chiến lược phát triển KT-XH 2001 - 2010 hoàn thành, đất nước đạt bước PT mới về cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Kinh tế tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn đạt 7,26%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, thu hút vốn đầu tư nước ngoài khá cao dù trong tình hình khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tính theo giá

thực tế gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Trong lĩnh vực nông nghiệp, việc tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đầu tư, PT giống mới có năng suất, chất lượng cao, PT các làng nghề nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp... tác động tích cực đến việc sản xuất, tạo việc làm và xoá đói, giảm nghèo. Nông nghiệp phát triển, nhất là sự ra đời của Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới vào cuối giai đoạn này đã tạo điều kiện cho công tác ĐTN và GQVL cho LĐNT có xu hướng tăng mạnh.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH, kéo theo cơ cấu lao động cũng chuyển dịch tích cực từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp xây dựng và du lịch, dịch vụ. Trong nội ngành nông nghiệp chứng kiến sự dịch chuyển từ lĩnh vực trồng trọt sang chăn nuôi, từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp sản xuất hàng hóa (bước đầu)... Kinh tế phát triển thúc đẩy sự gia tăng của thị trường lao động nước ta; tạo cơ hội mở rộng cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực đào tạo và gia tăng chất lượng ĐTN.

Bên cạnh đó, đây là giai đoạn Luật Doanh nghiệp ra đời và có hiệu lực, cùng với sự hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, vì vậy các doanh nghiệp tư nhân ngày càng gia tăng, thu hút vốn đầu tư FDI ngày càng nhiều, hội nhập đồng thời đưa Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, dù mới chỉ ở bước đầu song đã tạo ra hàng loạt việc làm trong khu vực dệt may, giày da, điện tử. Điều đó góp phần thúc đẩy công tác ĐTN ở nước ta những năm này. Ngoài ra, quá trình đô thị hóa kéo theo sự mở rộng của đô thị và việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giảm dần diện tích đất nông nghiệp khiến người dân nông thôn có nguy cơ thất nghiệp hoặc di chuyển đến thành thị để tìm việc làm. Để đảm bảo an sinh, ĐTN cho LĐNT, nhất là lao động nghèo, lao động bị thu hồi đất trở thành yêu cầu quan trọng giúp học có cơ hội việc làm.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, dân số trung bình cả nước năm 2010 tăng 4,34% so với năm 2006, tương đương 3,62 triệu người. Bình quân giai

đoạn 2006-2010, mỗi năm dân số trung bình tăng 1,08%. Tỷ lệ dân số thành thị tăng từ 27,66% năm 2006 lên 29,92% năm 2010. Cơ cấu lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các khu vực kinh tế có thay đổi đáng kể, lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 55,4% năm 2006 xuống 48,2% năm 2010; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng từ 19,3% lên 22,4%; khu vực dịch vụ tăng từ 25,3% lên 29,4%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị giảm từ 4,82% năm 2006 xuống 4,43% năm 2010.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2000 - 2010, những kết quả trong lĩnh vực văn hóa - xã hội tác động quan trọng đến công tác ĐTN. GD&ĐT tiếp tục phát triển, chi ngân sách nhà nước cho GD&ĐT giai đoạn 2006 - 2010 đạt trên 20% tổng chi ngân sách; tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng, năm 2010 đạt 40% tổng số lao động đang làm việc. Đến cuối 2010, tỉ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%. Trong các năm 2001 -2005, tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động, đến giai đoạn 2006 - 2010 tiếp tục GQVL cho trên 8 triệu lao động. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005. Những kết quả của cả nước tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho phát triển lĩnh vực LĐVL ở các địa phương nói chung, trong đó có tỉnh Lào Cai.

Tuy nhiên, chất lượng GD&ĐT chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đào tạo NNL trình độ cao vẫn còn hạn chế; chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng, giữa dạy chữ và dạy người; chất lượng giáo dục toàn diện chưa thực sự tốt. Đây là những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu việc làm còn cao. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Xoá đói, giảm nghèo chưa bền vững, tình trạng tái nghèo cao. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo còn khá lớn và có xu hướng tăng. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết về nghề nghiệp và việc làm với người lao động, nhất là lao động nghèo, vùng sâu vùng xa, vùng DTTS.

### **2.1.1.3. Đặc điểm tình hình tỉnh Lào Cai**

#### **\* Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai và đặc điểm lao động của tỉnh**

*Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội:* Trước khi sáp nhập địa giới hành chính trở thành tỉnh mới (từ 1/7/2025), Lào Cai là tỉnh miền núi biên giới phía Bắc của đất nước Việt Nam, có diện tích 6.364,25 km<sup>2</sup>. Tỉnh có vị trí địa lý rất thuận lợi cho PT kinh tế, phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Đông giáp tỉnh Hà Giang, phía Tây giáp tỉnh Lai Châu, phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Trên địa bàn tỉnh có 01 cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu (nằm ở thành phố Lào Cai) và 04 cặp cửa khẩu với nước bạn Trung Quốc (tại các huyện Bát Xát, Mường Khương, Si Ma Cai). Địa hình tỉnh Lào Cai chủ yếu là đồi núi khá hiểm trở và chia cắt. Dãy Hoàng Liên Sơn và dãy Con Voi là hai dãy núi chính của tỉnh, có hướng Tây Bắc - Đông Nam, tạo ra một số vùng đất thấp nằm giữa hai dãy núi.

Dải đất dọc theo sông Hồng và sông Chảy gồm thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng, Bảo Yên và Văn Bàn, có độ cao thấp hơn, địa hình ít hiểm trở hơn, có những vùng đất đồi thoải, thung lũng, ruộng nước, là địa bàn thuận lợi hơn cho sản xuất nông nghiệp lúa nước, trồng lâm thổ sản, cũng thuận lợi cho xây dựng, PT cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, đây cũng là địa bàn có nhiều đền chùa, công trình kiến trúc tâm linh, phù hợp cho PT du lịch tâm linh như Đền Thượng ở Thành phố Lào Cai, Đền Bảo Hà ở Bảo Yên, Chùa Liên Hoa ở Bảo Thắng, Đền Ken ở Văn Bàn. Địa bàn các huyện Bát Xát, Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Sa Pa (từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 huyện Sa Pa trở thành thị xã Sa Pa theo Nghị quyết 767/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) là những nơi thuộc vùng núi cao, khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, có khí hậu mát mẻ, thuận lợi cho PT du lịch, đồng thời PT nông nghiệp theo hướng trồng các loại cây ăn quả, cây dược liệu, ngư nghiệp như nuôi cá nước lạnh (cá tầm, cá hồi). Những đặc điểm tự nhiên này là yếu tố

quan trọng để tỉnh Lào Cai xây dựng, mở các ngành nghề đào tạo gắn với đặc thù và nhu cầu từng địa phương.

Tỉnh Lào Cai có nguồn tài nguyên thiên nhiên khá đa dạng như tài nguyên rừng, đất đai, nước, khoáng sản, là điều kiện cho PT một số ngành nghề ở địa phương. Song, với địa hình chia cắt phức tạp, phân tầng độ cao lớn, nhiều nơi tạo thành vách đứng dễ gây sạt lở; hệ thống sông suối lòng hẹp, độ dốc lớn nên mùa mưa lũ thường xảy ra lũ quét, lũ ống gây thiệt hại lớn cho sản xuất và đời sống của nhân dân; đồng thời tiềm ẩn nguy cơ xói mòn, rửa trôi, gây suy thoái môi trường đất, dẫn đến dấu hiệu sa mạc hoá ở một số địa bàn của tỉnh. Điều này cũng là yếu tố đòi hỏi tỉnh phải nghiên cứu để lãnh đạo, chỉ đạo ĐTN theo hướng dạy các nghề có tính bền vững, đào tạo cho NLD cả trách nhiệm, kỹ năng về bảo vệ môi trường sinh thái.

Là tỉnh có 182,086 km đường biên giới với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, Lào Cai là một cửa ngõ quan trọng trong mạng lưới giao thông trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, là cầu nối của Việt Nam và cả các nước ASEAN với thị trường vùng Tây Nam của Trung Quốc. Kinh tế cửa khẩu Lào Cai PT mạnh, nổi bật là khu thương mại Kim Thành. Trong 10 năm (2000 - 2010) tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn ở mức hai con số, giai đoạn 2001 - 2005 đạt trung bình 11.9%/năm, giai đoạn 2006 - 2010 đạt trung bình 13%/năm; quy mô GRDP tăng nhanh, năm 2005 gấp 6,4 lần năm 2000, năm 2010 gấp 1,8 lần năm 2005. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2000 đạt 214,5 tỉ đồng, đến năm 2010 đạt 4.540,4 tỉ đồng, gấp hơn 20 lần so với năm 2000. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP. Cơ cấu thành phần kinh tế cũng có sự chuyển dịch, kinh tế tư nhân tăng khá nhanh. Một số doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, phân bón, hóa chất như tổng Công ty Apatít Việt Nam, Công ty luyện đồng chi nhánh

Lào Cai (VIMICO - thành lập từ năm 2007), Công ty trách nhiệm hữu hạn Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung (VTM - thành lập từ năm 2006)...Trong những năm 2001 - 2010, số cơ sở sản xuất công nghiệp tăng 2,3 lần, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 7 lần. Kinh tế cửa khẩu mở rộng, các hoạt động thương mại được đẩy mạnh với Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, cửa khẩu Mường Khương. Tỉnh tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng cho Khu kinh tế cửa khẩu, nhất là xây dựng Khu Thương mại Kim Thành. Đến năm 2010, có 950 doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu qua Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai...góp phần thúc đẩy nhu cầu lao động tăng nhanh, đòi hỏi lượng lớn lao động trên các lĩnh vực, kể cả lao động kỹ thuật và phổ thông.

Đặc biệt, kinh tế du lịch dịch vụ là lĩnh vực Lào Cai có lợi thế và PT mạnh mẽ với khu du lịch Sa Pa, khu du lịch Bắc Hà, thành phố Lào Cai, điểm du lịch Y Tý (Bát Xát), Bảo Hà (Bảo Yên), nhất là huyện Sa Pa, khiến nhu cầu về lao động cao với các nghề như: phiên dịch, hướng dẫn viên du lịch, quản trị và dịch vụ buồng phòng khách sạn, đầu bếp.... Điều này thúc đẩy NLD chú trọng học nghề, trở thành động lực PT công tác ĐTN.

Năm 2000, dân số trung bình tỉnh Lào Cai là 613,6 nghìn người, trong đó 306,4 nghìn người là nam và 307,2 nghìn người là nữ; 105,1 nghìn người sống ở khu vực thành thị và 508,5 nghìn người sinh sống tại nông thôn. Năm 2010, dân số trung bình toàn tỉnh là 626,2 nghìn người, trong đó 315,3 nghìn người là nam và 310,9 nghìn người là nữ. Tỉnh Lào Cai là địa bàn đa dân tộc với 25 dân tộc cùng chung sống, 64,1% dân cư là người DTTS với những yếu tố văn hóa, tâm lý tộc người và sự khác biệt về điều kiện sống, trình độ học vấn chưa cao. Đây là yếu tố có tính đặc thù của lực lượng lao động tỉnh, chi phối đến nhận thức và tâm lý lựa chọn ngành nghề, đến chất lượng khóa học nghề, thậm chí cả lựa chọn công việc sau khi tốt nghiệp khóa học nghề. Đến trước năm 2010, Lào Cai vẫn nằm trong nhóm tỉnh nghèo, đời sống của người dân, nhất là người dân các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS còn nhiều khó khăn nên có tâm lý tìm việc làm thời vụ để tạo thu nhập ngay lập tức, không tham

gia các lớp ĐTN kể cả lớp nghề ngắn hạn theo các Chương trình Mục tiêu Quốc gia.

Tỉnh Lào Cai có 3 huyện Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai nằm trong diện huyện nghèo của cả nước. Trong khi đó, mặt bằng trình độ dân trí còn thấp và chưa đồng đều, tỷ lệ người dân chưa biết chữ trong giai đoạn 2000 - 2010 còn cao. Năm 1999, có 68.8% dân số toàn tỉnh biết chữ, đến năm 2009 là 77.4%. Mặc dù tốc độ đô thị hoá ngày càng cao song người dân khu vực nông thôn vẫn chiếm đa số, kéo theo tỷ lệ lao động ở nông thôn lớn, có nhu cầu cao về nghề nghiệp và việc làm. Tuy nhiên điểm khó với tỉnh là tuy lượng lao động lớn, nhu cầu việc làm cao song trình độ chưa cao, tâm lý e ngại còn nặng, việc học nghề chưa phải ưu tiên. Đây là bài toán đặt ra với Đảng bộ tỉnh, làm sao triển khai công tác ĐTN như một giải pháp có tính chiến lược để tạo việc làm cho người LĐNT, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, Chương trình mục tiêu Quốc gia Xóa đói giảm nghèo và việc làm (từ năm 2007 là Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo; từ năm 2012 là Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững), song phải phù hợp với điều kiện nguồn lực của tỉnh và cả đặc thù tâm lý của NLĐ địa phương.

Vì vậy, PT ĐTN và không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng ĐTN là một tất yếu khách quan và yêu cầu cấp bách nhằm đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, sớm đưa Lào Cai thoát nghèo, trở thành tỉnh PT của khu vực trung du miền núi phía Bắc.

*Tình hình và đặc điểm lực lượng lao động tỉnh Lào Cai:* Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Lào Cai, năm 2000, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh là 290.103 người, chiếm 55.1% dân số toàn tỉnh. Đến năm 2010, dân số trung bình tỉnh Lào Cai là 626,2 nghìn người, trong đó dân số nông thôn chiếm 493,1 nghìn người; tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số là 18,3% (trong khi tỷ lệ chung của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc là 12,7%). Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh năm 2010 là 357,5 nghìn người, chiếm 56,4%

tổng dân số. Trong những năm 2000 - 2010, lực lượng lao động tỉnh có sự tăng trưởng nhanh về số lượng, là nguồn cung ứng lao động quan trọng cho các ngành kinh tế tại địa phương, nhất là trong những năm 2005 - 2010, khi các doanh nghiệp lớn bắt đầu xuất hiện nhiều tại tỉnh.

Lực lượng lao động tỉnh Lào Cai về cơ bản có những đặc điểm tương đồng với NNL cả nước nói chung, song bên cạnh đó cũng có một số điểm đặc thù tác động đến công tác ĐTN và sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh:

*Thứ nhất*, lực lượng lao động người DTTS đông đảo, có những đặc điểm văn hóa - xã hội, tập quán ảnh hưởng đến vấn đề LĐVL. Sau khi tách từ tỉnh Hoàng Liên Sơn, Lào Cai là một trong những tỉnh nghèo nhất cả nước. Trên địa bàn tỉnh có 27 dân tộc cùng chung sống (đến năm 2003, theo Nghị quyết số 22/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, huyện Than Uyên của tỉnh Lào Cai được chuyển về tỉnh Lai Châu, theo đó, Lào Cai còn 25 dân tộc cùng chung sống), tỉ lệ người DTTS chiếm trên 60% dân số tỉnh, trong đó người dân tộc Mông chiếm số lượng đông nhất. Tỉ lệ lao động người DTTS chiếm trên 50% tổng lực lượng lao động của tỉnh, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nguồn lao động này có điểm mạnh là lực lượng đông, số lượng lao động thanh niên nhiều, có sức khỏe tốt. Đồng thời, lao động người DTTS thường sinh sống ở khu vực nông thôn, các xã vùng cao, hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, NLĐ phần nhiều đều chăm chỉ, siêng năng. Tuy nhiên, lao động người DTTS chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, với phương thức sản xuất, tập quán canh tác còn lạc hậu, ít được áp dụng khoa học kĩ thuật nên năng suất lao động thấp. Đời sống kinh tế của bộ phận lao động này còn nhiều khó khăn, khiến họ có xu hướng lựa chọn đi làm thuê theo dạng lao động thời vụ, với các công việc không cần trình độ, kỹ năng nghề nên không có thời gian tham gia (thậm chí một bộ phận không muốn tham gia) các khóa ĐTN.

Bên cạnh đó, một số yếu tố thuộc về đặc điểm văn hóa - xã hội đã tác động đến việc học nghề và lao động của lao động người DTTS, ví dụ như: người dân tộc Mông vẫn còn nặng ảnh hưởng của chế độ phụ hệ, người phụ nữ phải làm hầu hết công việc trong gia đình, ít được tham gia hoạt động xã hội, vì thế cơ hội học nghề giảm đi; mặt khác, tục lệ “tảo hôn” vẫn còn tồn tại khiến nhiều lao động trẻ phải nghỉ học sớm nên chưa hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc không tham gia khóa đào tạo KN nghề nghiệp cơ bản nào. Một điểm quan trọng về tâm lý xã hội của nhóm lao động DTTS ở Lào Cai những năm đầu thế kỉ XXI đó là chưa muốn đi làm việc xa nhà, trong khi nếp sống và tập quán lao động nông nghiệp còn có phần “tự do”, dẫn đến chưa có tính kỷ luật, tập trung.

*Ông Trịnh Quang Chinh, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nguyên Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở LĐ - TB&XH tỉnh Lào Cai, cho rằng đặc điểm rất quan trọng của người lao động miền núi Lào Cai, nhất là lao động DTTS ở những năm đầu thế kỉ XXI là thiếu kỷ luật, làm việc theo kiểu “thích thì làm, không thích thì thôi”; đồng bào có thể nghỉ canh tác cả tuần cho các hoạt động ma chay, hiếu hỉ hoặc lễ hội, với quan niệm cho rằng dù không đi làm thì lúa vẫn trên nương; điều đó ảnh hưởng tới kỷ luật, tác phong công việc của NLĐ khi tham gia TTLĐ.*

*Thứ hai, trình độ học vấn của lực lượng lao động Lào Cai còn thấp: So với trung bình chung cả nước, trình độ học vấn của lao động tỉnh Lào Cai thấp hơn. Số liệu thống kê năm 2000 cho thấy, có 8,89% lao động Lào Cai nằm trong nhóm chưa bao giờ đi học, tỉ lệ lao động chưa tốt nghiệp tiểu học chiếm 23,15%, tỉ lệ lao động tốt nghiệp tiểu học là 34,46%, tỉ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông lần lượt là 25,14% và 8,36%. Đến năm 2010, tỉ lệ lao động được đào tạo này bước đầu được cải thiện song chưa nhiều, vẫn còn 4,55% lao động chưa bao giờ đi học và 21,1% chưa tốt nghiệp tiểu học. Từ góc*

*độ của NLD*, trình độ học vấn hạn chế đã ảnh hưởng đến nhận thức của họ về tầm quan trọng của việc học nghề, đồng thời cũng phần nào hạn chế cơ hội tiếp cận thông tin của họ về các khóa học, chương trình ĐTN (vì ngoại trừ khóa ĐTN riêng dành cho LĐNT, với các chương trình khác thì ít nhất cần tốt nghiệp bậc trung học cơ sở mới có thể tham gia); khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức, kỹ năng khi tham gia các khóa học nghề; ít cơ hội lựa chọn chương trình học nghề và cả cơ hội lựa chọn nghề nghiệp. *Từ góc độ TTLĐ*, nguồn lao động tuy đông đảo song lực lượng lao động kỹ thuật, lao động có chuyên môn và KN nghề ổn định chưa cao, khiến TTLĐ có phần mất cân đối, “vừa thừa vừa thiếu”.

*Thứ ba*, về xu hướng tham gia TTLĐ của lực lượng lao động: việc đẩy mạnh CNH, HĐH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế thúc đẩy xu hướng chuyển dịch lao động từ sản xuất nông lâm nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Năm 2001, lao động làm việc trong lĩnh vực nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh chiếm 79,2%, đến năm 2010 tỉ lệ giảm xuống còn 72,3%. Lao động làm việc trong các doanh nghiệp tăng hằng năm trung bình từ 1.500 đến 2.000 người. Đặc điểm này là yếu tố rất quan trọng để các cơ quan tham mưu xây dựng các chương trình, đề án ĐTN và các trường, trung tâm dạy nghề xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp.

***\* Công tác đào tạo nghề ở Lào Cai trước năm 2000***

Sau 15 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước, công tác dạy nghề và việc làm trên địa bàn tỉnh Lào Cai tuy có nhiều kết quả song còn nhiều hạn chế. Đề cập đến vấn đề này, Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI (1996) nhận định: “Tình trạng lao động không có hoặc thiếu việc làm, nhất là đối với thanh niên đến tuổi lao động vẫn là vấn đề nóng bỏng và là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nảy sinh các tiêu cực xã hội” [35]. Từ đó, Đại hội chủ trương: Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi người tăng cường đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho NLD.

Nhằm đẩy mạnh công tác ĐTN, trong nhiệm kì 1996 - 2000, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh Lào Cai xây dựng và ban hành Quyết định số 182/QĐ-UB ngày 29 tháng 7 năm 1999 về *Quy hoạch mạng lưới các cơ sở ĐTN và kế hoạch ĐTN giai đoạn 1999 - 2010*. Trong đó, bước đầu tập trung quy hoạch xây dựng và phát triển các cơ sở ĐTN trên địa bàn cho đến năm 2010.

Trong hoạt động dạy nghề, tỉnh đã tiến hành phân cấp đào tạo để đảm bảo chất lượng: Các trường dạy nghề thực hiện ĐTN dài hạn và một số nghề ngắn hạn, tập trung đào tạo CNKT trên các lĩnh vực nông lâm nghiệp, điện, sửa chữa cơ khí, khai thác mỏ...; trung tâm dạy nghề thực hiện ĐTN ngắn hạn, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi việc làm và PT các nghề truyền thống; các nghề yêu cầu công nghệ kỹ thuật cao như luyện kim, hoá chất, điện tử, khách sạn nhà hàng, công nghệ nuôi trồng thủy sản... tỉnh gửi đào tạo theo mô hình liên kết tại các trường CNKT của Trung ương.

Đến năm 1999, lực lượng lao động trong độ tuổi tỉnh Lào Cai là 288.839 người (trong tổng dân số 597.209 người). Trong năm, tỉnh tuyển mới 4.005 học viên các lớp ĐTN dài hạn và ngắn hạn; trong tổng số 4.166 lao động tốt nghiệp, có 496 người được đào tạo dài hạn, 3.670 người được đào tạo ngắn hạn; tổng số lao động qua ĐTN là 15.026 người, chiếm 5,2% tổng số lao động trong độ tuổi. Trung tâm Dạy nghề - giới thiệu việc làm thuộc Sở LĐ-TB&XH tỉnh thành lập từ tháng 11 năm 1992 đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức liên kết với các trường nghề trung ương và tỉnh Thái Nguyên đào tạo các lớp nghề kỹ thuật; Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp dạy nghề tỉnh được thành lập cuối năm 1994 đã tham gia ĐTN cho hàng nghìn lượt NLĐ toàn tỉnh. Từ năm 1996, trường Công nhân kỹ thuật gồm 07 giáo viên bắt đầu tham gia ĐTN CNKT, năm học 1997 - 1998 có 129 học viên tốt nghiệp; năm học 1998 - 1999 có 142 học viên tốt nghiệp [21].

Mặc dù vậy, trong công tác ĐTN vẫn còn nhiều hạn chế: Nhận thức của người dân về vị trí, tầm quan trọng của công tác ĐTN chưa đầy đủ, tỷ lệ người

tham gia học nghề ở một số địa phương chưa cao; tỷ lệ lao động qua ĐTN của tỉnh còn thấp so với tổng lực lượng lao động trong độ tuổi của tỉnh và càng thấp so với mặt bằng chung của cả nước trong cùng giai đoạn; chất lượng đào tạo còn hạn chế, lao động được đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu là ngắn hạn, số lao động là CNKT, thợ lành nghề còn rất ít: giai đoạn 1996 - 1999 còn mất cân đối lớn trong cơ cấu lĩnh vực đào tạo, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chỉ chiếm 0,4%, thiếu khoảng 35.000 CNKT được ĐTN; tỷ lệ người DTTS tham gia học nghề còn ít so với mặt bằng chung và tỷ lệ dân số trong tỉnh, nhất là học nghề dài hạn; số lượng cơ sở ĐTN ít, khả năng và năng lực của cơ sở dạy nghề còn nhiều hạn chế; số lượng giảng viên thiếu, trình độ, năng lực đội ngũ giảng viên chưa cao, chưa đảm nhiệm được việc dạy một số nghề đòi hỏi kỹ thuật cao; một số nghề sau khi tốt nghiệp cơ hội việc làm thấp.

*Nguyên nhân khách quan* của hạn chế là do tỉnh Lào Cai mới tái lập cuối năm 1991, là một trong số các tỉnh nghèo nhất cả nước nên gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là nguồn lực để đầu tư cho công tác ĐTN; nhận thức xã hội nói chung, nhận thức của người dân nói riêng về việc học nghề và tạo việc làm từ nghề đã học còn rất hạn chế; nhà nước chưa có chế độ hỗ trợ với NLD học nghề; điều kiện kinh tế của người dân còn khó khăn trong khi chi phí để học nghề cao nên khó thu hút NLD tham gia. *Về chủ quan*, việc xây dựng kế hoạch ĐTN chưa thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, chủ yếu mới chỉ tiến hành ở cấp tỉnh, quy hoạch ĐTN mới được tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 1999; cơ sở dạy nghề của tỉnh còn ít, chủ yếu mới được thành lập, năng lực dạy nghề hạn chế; một bộ phận NLD chưa đáp ứng về trình độ học vấn đạt chuẩn yêu cầu của ngành nghề đào tạo.

Thực trạng ĐTN cho NLD tỉnh Lào Cai trước năm 2000 cho thấy học nghề và việc làm là một vấn đề lớn và cấp thiết đặt ra với tỉnh. Những kết quả bước đầu trong công tác ĐTN gần 10 năm đầu sau tái lập đã thể hiện cố gắng trong việc tạo NNL phục vụ xây dựng và PT tỉnh mới; đồng thời đã tạo cơ sở,

nền tảng cho Đảng bộ, chính quyền tỉnh điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ĐTN trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên, số lượng lao động được ĐTN của tỉnh còn rất ít, tỉ lệ rất thấp so với tổng số lao động toàn tỉnh; lao động CNKT còn thiếu nhiều so với nhu cầu PT của tỉnh. Điều đó đòi hỏi tỉnh Lào Cai phải kịp thời xây dựng chương trình, kế hoạch về công tác ĐTN một cách phù hợp nhằm khắc phục những hạn chế, giải quyết nhu cầu LĐVL tại địa phương.

#### ***2.1.1.4. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề***

##### ***\* Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về ĐTN***

Thế kỉ XXI là thế kỷ phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức, đồng thời toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là xu thế chủ đạo, với việc ứng dụng phổ biến những thành tựu của KHCN và nền kinh tế tri thức. Trong bối cảnh đó, phát triển NNL trở thành chiến lược cơ bản của các quốc gia, dân tộc. Đối với Việt Nam, đến năm 2000, đất nước đã trải qua gần 15 năm thực hiện đường lối đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; 05 năm đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Sau 05 năm ra khỏi khủng hoảng KT-XH, tình hình chính trị, an ninh quốc phòng của nước ta tiếp tục ổn định, tạo môi trường hòa bình để xây dựng và PT đất nước mạnh mẽ hơn; đường lối đẩy mạnh CNH, HĐH tạo điều kiện cho các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại, du lịch - dịch vụ PT nhanh, mạnh; đường lối, chính sách đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế mở ra nhiều cơ hội đầu tư kinh doanh... Những yếu tố trên là thuận lợi lớn, đồng thời đặt ra yêu cầu cho PT NNL nói chung, ĐTN cho NLĐ nói riêng.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh giá thực trạng đất nước, trong đó đề cập tới tình trạng thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn, chỉ ra đây là một trong các vấn đề nổi cộm nhất của xã hội. Vì vậy, trong CTĐTN phải mở rộng quy mô

đào tạo và PT đa dạng các loại hình trường phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề...Hiện đại hoá một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội, khuyến khích PT hệ thống trường lớp dạy nghề dân lập và tư thục, trang bị cho thanh niên những kiến thức về sản xuất, KN lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để tự tạo việc làm, chủ động tìm kiếm cơ hội lập nghiệp. GQVL ở cả thành thị và nông thôn (thất nghiệp ở thành thị dưới 5%, quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn khoảng 80% - 85%); nâng tỷ lệ NLD được ĐTN lên khoảng 40%. Để đạt mục tiêu đó, Đại hội nhấn mạnh chú trọng giáo dục hướng nghiệp thiết thực trong trường phổ thông; mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ, trong đó: “Coi trọng đào tạo đội ngũ công nhân tay nghề cao, kỹ sư thực hành và nhà kinh doanh giỏi. Ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, miền núi, xuất khẩu lao động, một số ngành mũi nhọn” [29].

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, lĩnh vực GD&ĐT tiếp tục PT và được đầu tư nhiều hơn. Cơ sở vật chất được tăng cường, quy mô đào tạo mở rộng, nhất là ở bậc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Trong 05 năm đã tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động trong cả nước; bước đầu hình thành mạng lưới dạy nghề cho LĐNT, thanh niên DTTS, người khuyết tật, gắn dạy nghề với tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo. Trên cơ sở đánh giá đó, Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng chủ trương: Mở rộng quy mô dạy nghề và trung học chuyên nghiệp, bảo đảm tốc độ tăng nhanh hơn đào tạo đại học, cao đẳng. Cụ thể là: Phát triển mạnh hệ thống GDNN, tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho việc xuất khẩu lao động. Mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, phát triển trung tâm dạy nghề quận, huyện.

“Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề, tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt: dạy nghề ngoài công lập, tại doanh nghiệp, tại làng nghề...; tạo điều kiện thuận lợi cho NLD học nghề, lập nghiệp. Tổ chức dạy nghề, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất phù hợp cho nông dân, đồng bào DTTS” [30].

Đại hội xác định các chỉ tiêu: quy mô tuyển sinh dạy nghề dài hạn tăng 17%/năm và trung học chuyên nghiệp tăng 15%/năm; tăng nhanh tỉ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông được học tiếp lên đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.

Tuy nhiên, Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra rằng PT GDNN và giáo dục đại học chưa cân đối với giáo dục THPT. ĐTN còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Việc xã hội hoá giáo dục được thực hiện chậm, thiếu đồng bộ. Công tác GD&ĐT ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, chất lượng thấp. Để khắc phục tình trạng đó, Đại hội chủ trương: Đẩy mạnh xã hội hoá GD&ĐT; rà soát, sắp xếp lại quy hoạch mạng lưới các trường dạy nghề; nâng cao chất lượng các trường công lập, cần bổ sung chính sách ưu đãi để PT các trường ngoài công lập và các trung tâm giáo dục cộng đồng; khuyến khích thành lập mới, PT các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề ngoài công lập, kể cả trường do nước ngoài đầu tư. Đồng thời, khuyến khích NLD tự tạo việc làm, phát triển nhanh các loại hình doanh nghiệp để thu hút nhiều lao động. Chú trọng ĐTN, tạo việc làm cho nông dân, nhất là những nơi đất nông nghiệp bị chuyển đổi do đô thị hóa và CNH.

Trong nhiệm kỳ Đại hội X, Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành

Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó xác định nhiệm vụ giải pháp thứ 6 về *phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KH-CN, đào tạo NNL, tạo đột phá để HĐH nông nghiệp, CNH nông thôn*. Nghị quyết nhấn mạnh: Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại cho nông dân; ĐTN cho bộ phận con em nông dân để chuyển nghề, xuất khẩu lao động. Hình thành chương trình mục tiêu quốc gia về ĐTN, phát triển NNL, đảm bảo hằng năm đào tạo khoảng 1 triệu LĐNT. Thực hiện tốt việc xã hội hoá công tác ĐTN.

Trong thập kỷ đầu của thế kỉ XXI, đất nước tiếp tục ổn định về chính trị, việc thực hiện *Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2001 - 2010* đạt những thành tựu quan trọng, tạo thế, tạo lực, tiền đề để đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Trong bối cảnh đó, để đất nước PT bền vững, PT NNL chất lượng cao là một đòi hỏi cấp bách.

*\* Chính sách của Nhà nước về ĐTN*

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 28 tháng 12 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg về phê duyệt *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010*. Trong đó, xác định mục tiêu tổng quát về GDNN: Đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng dạy nghề gắn với nâng cao ý thức kỷ luật lao động và tác phong lao động hiện đại. Gắn đào tạo với việc làm trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, với nhu cầu sử dụng của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực nông thôn, các ngành kinh tế mũi nhọn và xuất khẩu lao động. Mở rộng đào tạo kỹ thuật viên, nhân viên nghiệp vụ có kiến thức và KN nghề nghiệp ở trình độ trung cấp dựa trên nền học vấn trung học cơ sở. Hình thành hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành bảo đảm yêu cầu PT KT-XH, trong đó chú trọng PT ĐTN ngắn hạn và đào tạo CNKT, kỹ thuật viên, nhân viên nghiệp vụ có trình độ cao dựa trên nền học vấn trung học phổ thông hoặc trung học chuyên nghiệp.

Chiến lược đã xác định mục tiêu cụ thể là thu hút học sinh sau trung học

cơ sở vào học các trường dạy nghề đến năm 2005 đạt 10% và đạt 15% vào năm 2010 (năm 2000 tỉ lệ này là 6%); đối với chương trình dạy nghề bậc cao, việc thu hút học sinh vào học đến năm 2005 phải đạt 5% và đạt 10% vào năm 2010.

Ngày 27 tháng 9 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 143/2001/QĐ-TTg phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005*, xác định mối quan hệ gắn kết giữa GQVL với xóa đói giảm nghèo, xây dựng các nhiệm vụ, dự án cụ thể thực hiện chương trình để hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo PT sản xuất, tăng thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%, bình quân mỗi năm giảm 1,5% - 2% (khoảng 28 vạn đến 30 vạn hộ/năm), không để tái đói kinh niên; các xã nghèo có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu (thủy lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt, chợ); giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống dưới 6% vào năm 2005 và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 80% vào năm 2005; chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, bảo đảm việc làm cho người có nhu cầu làm việc, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, từ 2001 đến 2005, mỗi năm tạo việc làm cho 1,4 - 1,5 triệu lao động.

Năm 2007, Quốc hội khóa XII thông qua Luật Dạy nghề. Đây là văn bản luật quan trọng quy định cơ cấu, trình độ đào tạo trong hoạt động dạy nghề gồm sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề; việc tổ chức, hoạt động của cơ sở dạy nghề; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dạy nghề. Năm 2008, Chính phủ ban hành Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP về *Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững* đối với 62 huyện nghèo, trong đó nhấn mạnh giải pháp về tăng cường thực hiện chính sách dạy nghề gắn với tạo việc làm cho LĐNT với các yêu cầu cụ thể:

“Đầu tư xây dựng mỗi huyện 01 cơ sở dạy nghề tổng hợp được hưởng các chính sách ưu đãi, có nhà ở nội trú cho học viên để tổ

chức dạy nghề tại chỗ cho LĐNT về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, ngành nghề phi nông nghiệp; dạy nghề tập trung để đưa LĐNT đi làm việc tại các doanh nghiệp và xuất khẩu lao động” [17].

Nghị quyết giao Bộ LĐ-TB&XH xây dựng đề án, chính sách hỗ trợ học nghề và xuất khẩu lao động ở các huyện nghèo, chỉ đạo ưu tiên đầu tư các cơ sở dạy nghề, tổ chức ĐTN phù hợp để lao động tìm việc làm ở nước ngoài. Chính sách này đã tạo cơ sở thuận lợi để mở rộng và phát triển hệ thống trung tâm dạy nghề công lập trên cả nước những năm tiếp theo.

Năm 2009, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” gắn với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới và Chương trình mục tiêu Quốc gia xoá đói giảm nghèo trên cả nước. Đề án xác định 5 quan điểm chỉ đạo:

1. ĐTN cho LĐNT là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng LĐNT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để PT ĐTN cho LĐNT, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi LĐNT, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia ĐTN cho LĐNT.

2. Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của LĐNT nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

3. Chuyển mạnh ĐTN cho LĐNT từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của LĐNT và yêu cầu của TTLĐ; gắn ĐTN với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch PT KT-XH của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương.

4. Đổi mới và PT ĐTN cho LĐNT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để LĐNT tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu của mình.

5. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tạo sự chuyển biến sâu sắc về mặt chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng; nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đủ tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức, đủ trình độ, bản lĩnh lãnh đạo, quản lý và thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực KT-XH phục vụ cho CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Đề án tập trung vào vấn đề chuyên mạnh ĐTN cho LĐNT từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của LĐNT và yêu cầu của TTLĐ; đồng thời xác định mục tiêu bình quân hằng năm ĐTN cho khoảng 1 triệu LĐNT, nâng chất lượng và hiệu quả ĐTN nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của LĐNT.

Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về GDNN là căn cứ quan trọng chủ yếu để Đảng bộ, chính quyền các địa phương, trong đó có tỉnh Lào Cai quán triệt, cụ thể hóa và chỉ đạo thực hiện tại địa phương.

### **2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về đào tạo nghề**

Bước sang thế kỉ XXI, với mục tiêu tạo ra sự PT nhảy vọt cho tỉnh Lào Cai, Đại hội Đảng bộ tỉnh khoá XII, nhiệm kỳ 2000 - 2005 xác định: Chăm lo công tác PT và sử dụng NNL, gồm đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, đội ngũ điều hành sản xuất kinh doanh, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, PT khoa học kỹ thuật và đào tạo CNKT lành nghề trước yêu cầu CNH, HĐH. Trong nhiệm kỳ bảo đảm tạo việc làm mới bình quân hằng năm cho từ 6.000 đến 10.000 lao động, dự kiến trong giai đoạn 2000 - 2005 sẽ tạo việc làm mới cho khoảng 40.000 lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp xuống dưới 1%. “Đưa tỷ lệ lao động được đào tạo chiếm 21% đến 23% trong tổng số lao động của tỉnh; tỷ lệ lao động được ĐTN (CNKT) đạt 14,44%” [38].

Thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tập trung xây dựng các chương trình công tác trọng tâm gắn với các đề án cụ thể. Ngày 30 tháng 5 năm 2001, Tỉnh ủy thông qua Kế hoạch số 03/KH-TU về triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng

tâm đến năm 2005, cốt lõi là thống nhất nội dung chỉ đạo xây dựng 27 đề án thực hiện đến năm 2005. Trong đó, “Đề án giải quyết việc làm cho người lao động” là đề án 16, thuộc chương trình IV: Phát triển văn hóa, giáo dục, KH-CN, môi trường và xã hội. Trong Kế hoạch chỉ đạo xây dựng Đề án, Tỉnh ủy yêu cầu ngành chức năng phải dự báo được nhu cầu ĐTN CNKT (cụ thể số liệu trong từng lĩnh vực), xây dựng hệ thống giải pháp về đào tạo CNKT nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII đặt ra là đào tạo CNKT đạt tỉ lệ 14,44%.

Trong Báo cáo số 21-BC/TU ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về Kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định định hướng chung về dạy nghề là: phát triển mạnh mẽ giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề đáp ứng nhu cầu phát triển NNL phục vụ PT KT-XH [37, tr.251]. Trên cơ sở định hướng đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể: Triển khai mạnh mẽ giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề, tập trung vào những ngành nghề phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các vùng trong tỉnh. Nâng cao tỷ lệ NLD được đào tạo, kể cả lao động nông nghiệp, đạt 21 đến 23% trong tổng số lao động.

Ngày 03 tháng 12 năm 2001, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU về phát triển NNL tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005 nhằm PT NNL trước đòi hỏi bức thiết về phát triển KT-XH của tỉnh. Mặc dù Nghị quyết mới chủ yếu bàn về xây dựng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, song trong một chừng mực nhất định đã đề cập đến việc đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kinh tế phục vụ nhu cầu lao động tại các doanh nghiệp lớn, với yêu cầu đáp ứng đủ số lượng CNKT phục vụ cho các ngành kinh tế, các doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế. Nghị quyết đưa ra các giải pháp, trong đó có giải pháp về nâng cao chất lượng đào tạo: Mở rộng quy mô đào tạo, bồi dưỡng ngành nghề theo kế hoạch cho đội ngũ lao

động, chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên trong trường cao đẳng, trung cấp, dạy nghề, CNKT...có phẩm chất đạo đức, chuyên môn và kỹ năng sư phạm tốt; tăng cường hợp tác đào tạo ngành nghề với các trường chuyên nghiệp Trung ương.

Bên cạnh những định hướng và chủ trương chung, Đảng bộ còn quan tâm, đề ra chủ trương cụ thể đối với công tác ĐTN như: phát triển cơ sở ĐTN; ĐTN cho thanh niên, nhất là thanh niên DTTS. Cụ thể: Ngày 9 tháng 5 năm 2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Lào Cai đã ban hành Báo cáo số 214-BC/TU về *Kết quả thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII về phát triển sự nghiệp GD&ĐT giai đoạn 2001 - 2005*. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển GD&ĐT trong những năm 2006 - 2010. Trong đó chỉ rõ: nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án thành lập trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Lào Cai theo hướng đa cấp, đa ngành nhằm đào tạo NNL chất lượng, thỏa mãn yêu cầu TTLĐ luôn biến đổi đa dạng trong những năm tới; từng bước PT thành trường Đại học Cộng đồng khi đủ điều kiện.

Ngày 02 tháng 11 năm 2005, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 36-CT/TU về *phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên tham gia PT KT-XH, bảo vệ an ninh Tổ quốc trong giai đoạn mới*. Chỉ thị khẳng định, thanh niên đã phát huy được vai trò xung kích trong thực hiện giảm nghèo, GQVL, bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, việc đào tạo, sử dụng NNL trẻ còn nhiều bất cập; trình độ tay nghề của lao động thanh niên cơ bản còn thấp, tỉ lệ thanh niên thiếu việc làm còn cao...Từ đó, Chỉ thị yêu cầu: Các ngành chức năng xây dựng kế hoạch ĐTN cho thanh niên, chú trọng mở các lớp bồi dưỡng khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công cho thanh niên...Tỉnh đoàn Lào Cai phải có biện pháp tăng cường củng cố hệ thống tổ chức cơ sở đoàn; từng bước đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng các nội dung hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho thanh

niên; nghiên cứu đề xuất phương án thành lập Trung tâm hướng nghiệp và giới thiệu việc làm thanh niên; gắn kết chặt chẽ các hoạt động của Đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên với nội dung thanh niên tham gia PT KT-XH, coi đây là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của công tác Đoàn.

Chủ trương của Đảng về GDNN tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và việc Quốc hội ban hành Luật Dạy nghề 2007 cùng với Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*” đã tạo điều kiện để Đảng bộ tỉnh Lào Cai vận dụng, hoạch định chủ trương, chỉ đạo thực hiện công tác ĐTN những năm tiếp theo.

Tháng 12 năm 2005, Đại hội đại biểu lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh Lào Cai được triệu tập. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và sau hơn 10 năm tái lập tỉnh, Đại hội khẳng định: Công tác ĐTN được quan tâm đúng mức; hệ thống cơ sở dạy nghề được tăng cường; tuy nhiên, NNL có trình độ, tay nghề chưa đáp ứng được yêu cầu PT trong giai đoạn hiện nay. Đại hội xác định mục tiêu “*đưa Lào Cai sớm ra khỏi tình nghèo*”. Từ những kết quả, hạn chế trong công tác đào tạo nghề giai đoạn 2001 - 2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai khoá XIII chủ trương: Đẩy mạnh chính sách khuyến khích PT sản xuất tạo việc làm mới. PT mạng lưới dạy nghề cho NLD, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và ĐTN để thỏa mãn nhu cầu nhân lực của tất cả các ngành kinh tế, các khu vực; chú trọng đào tạo lao động làm việc tại các khu công nghiệp, khu thương mại, khu vực nông nghiệp, nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đại hội cũng xác định chỉ tiêu cụ thể trong những năm 2005 - 2010: Tạo việc làm, GQVL mới cho 47.500 lao động, trung bình 9.500 lao động/năm. Đến năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35% đến 36%, trong đó, lao động được ĐTN 24% đến 25%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị 2.5%; thời gian sử dụng LĐNT 82%.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, trong nhiệm kì, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã thông qua 7 chương trình, 29 đề án trọng tâm, trong đó có “Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010”. Mục tiêu tổng quát của Đề án: nâng cao chất lượng lao động, đội ngũ CNKT có phẩm chất và năng lực, tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trước đòi hỏi của nền kinh tế theo hướng CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế. Gắn đào tạo với GQVL, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân; huy động tối đa nguồn lực thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH và PT KT-XH của tỉnh. Đề án xác định: “Đào tạo nghề cho 35.250 lao động... Nâng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề từ 15.5% năm 2005 lên 24.92% năm 2010” [134].

Đặc biệt, Đề án xác định hai dự án quan trọng: Dự án *ĐTN cho LĐNT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010*, Dự án *ĐTN lao động kỹ thuật tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010*. Đối với Dự án ĐTN lao động kỹ thuật, tỉnh chủ trương tập trung đào tạo các ngành nghề phục vụ các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh. Vì thế, Dự án đề ra mục tiêu từ năm 2006 đến năm 2010 đào tạo được 19.325 lao động kỹ thuật (trong đó 12.245 người có trình độ sơ cấp nghề; 6.000 người trình độ trung cấp nghề; 1.080 người trình độ cao đẳng nghề), đáp ứng được nhu cầu CNKT của các doanh nghiệp trong tỉnh.

Trong những năm 2000 - 2010, trên cơ sở chủ trương của Đảng và yêu cầu PT KTXH ngày càng cao của tỉnh, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã kịp thời hoạch định chủ trương về công tác ĐTN phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, thể hiện ở những điểm sau:

*Thứ nhất*, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương về vị trí, tầm quan trọng của công tác ĐTN, GQVL, PT NNL được nâng lên. Từ đó, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy đã tập trung bàn thảo, xây dựng các chương trình, đề án ĐTN cho NLĐ, đặc biệt là các Dự án ĐTN cho LĐNT, Dự án ĐTN lao động kỹ thuật phục vụ yêu cầu PT KT-XH tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

*Thứ hai*, trên cơ sở nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của công tác ĐTN, Đảng bộ tỉnh xác định mục tiêu nâng tỷ lệ lao động qua ĐTN đến năm 2010 lên 24.92%, với trọng tâm là tăng cường đào tạo lao động ở khu vực nông nghiệp nông thôn phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

*Thứ ba*, để đạt được mục tiêu nâng cao tỷ lệ ĐTN cho NLD gắn với đặc thù tỉnh miền núi biên giới, lao động chủ yếu sống ở khu vực nông thôn, tỉ lệ người DTTS đông, Đảng bộ tỉnh đã đề ra những phương hướng, nhiệm vụ cụ thể về ĐTN cho từng khu vực, đối tượng lao động, nhất là lực lượng lao động DTTS và lao động thanh niên; đồng thời tập trung đào tạo CNKT đón đầu giai đoạn phát triển công nghiệp - xây dựng sôi động của tỉnh.

*Thứ tư*, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ĐTN, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH như: Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh... tăng cường tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên lựa chọn các hình thức học nghề phù hợp, quan tâm giúp đỡ họ hoàn thành các khóa học và lựa chọn công việc phù hợp.

## **2.2. QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ**

### **2.2.1. Chỉ đạo tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm**

*\* Cụ thể hóa, triển khai tuyên truyền về ĐTN*

Năm 2001, Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Nghị quyết số 03/KH-TU ngày 30 tháng 5 năm 2001 về việc triển khai xây dựng và thực hiện 7 chương trình mục tiêu và 27 đề án trọng tâm PT KT-XH của tỉnh, trong đó có lĩnh vực LĐVL. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy đã chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng đề án việc làm. Ngày 18 tháng 2 năm 2002, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 56/QĐ-UB ngày 18 tháng 2 năm 2002 về phê duyệt triển khai “Đề án giải quyết việc làm giai đoạn 2001 - 2005” với mục tiêu cơ bản được xác định

trong Đề án là: GQVL để giảm tỷ lệ thất nghiệp, tạo việc làm mới cho khoảng 40.000 lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp trong tỉnh xuống dưới 1%, nâng tỷ lệ ĐTN CNKT lên 14,44%, nâng cao chất lượng LĐNT, tăng thời gian sử dụng lao động khu vực nông thôn lên 80%. Đề án nhấn mạnh: cần phải đẩy mạnh tuyên truyền trong các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế, trong nhân dân để tạo chuyển biến nhận thức; tuyên truyền thường xuyên trên các phương tiện thông tin truyền thông, báo chí, truyền thanh truyền hình, qua các tổ chức đoàn thể. Nội dung tuyên truyền gồm chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về LĐVL, bộ luật Lao động, các chính sách tiền lương, trợ cấp thôi việc, tuyển dụng lao động, chính sách đào tạo nâng cao chất lượng lao động...

Ngay từ đầu, Tỉnh đã quán triệt rõ: việc tuyên truyền không chỉ hướng đến đối tượng người dân, NLĐ hay doanh nghiệp mà còn phải chú ý tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, đảng viên thuộc hệ thống chính trị các cấp của tỉnh, trong đó, trước hết phải là cấp ủy, chính quyền các cấp để thống nhất nhận thức và tăng cường trách nhiệm tham gia thực hiện chủ trương chính sách về ĐTN của tỉnh Lào Cai.

Trong quá trình chỉ đạo triển khai Đề án, hàng năm, UBND tỉnh ban hành các quyết định, kế hoạch thực hiện Đề án như Quyết định số 31/2000/QĐ-UB ngày 31 tháng 01 năm 2000 của UBND tỉnh Lào Cai về giao chỉ tiêu mới năm 2000; Công văn số 244/CV-LĐTBXH ngày 21 tháng 6 năm 2002 của Sở LĐ-TB&XH về việc phân bổ chỉ tiêu ĐTN năm 2002... Trong đó, yêu cầu đẩy mạnh tuyên truyền về LĐVL cho nhân dân, nhất là NLĐ. Năm 2004, Tỉnh đã chỉ đạo mở 05 lớp tập huấn với khoảng 300 học viên là cán bộ làm công tác LĐVL ở các đơn vị, địa phương cơ sở nhằm trang bị đầy đủ cho họ chủ trương, chính sách liên quan của Đảng, Nhà nước và tỉnh Lào Cai.

Ngày 13 tháng 01 năm 2005, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 43/CV-UB về tăng cường thực hiện công tác ĐTN, PT>NNL năm 2005 và đến năm 2010, trong đó, yêu cầu các đơn vị, địa phương phải tăng cường tuyên truyền

đến nhân dân về việc học nghề, các sở ngành quản lý mạng sản xuất - kinh doanh - dịch vụ phải lập dự báo nhu cầu lao động công nhân kỹ thuật trong lĩnh vực mình quản lý để gửi Sở LĐ-TB&XH tổng hợp.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các tổ chức CT-XH tăng cường phạm vi, hiệu quả tuyên truyền, nhất là các tổ chức có tham gia hoạt động dạy nghề, như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh - tổ chức có lực lượng hội viên đông và là LDNT. Trên cơ sở đó, năm 2009 Tỉnh Đoàn Lào Cai đã xây dựng, ban hành Nghị quyết về việc *phát huy vai trò của tổ chức Đoàn tham gia tư vấn, hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm cho thanh niên giai đoạn 2009 - 2012.*

Ngày 6/7/2010, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Chỉ thị số 07/2010/CT-UBND về việc *tăng cường CTĐTN, nâng cao chất lượng dạy và học nghề đáp ứng NNL phục vụ CNH, HĐH trên địa bàn tỉnh Lào Cai.* Chỉ thị yêu cầu: tăng cường tuyên truyền sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về ĐTN để tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về vai trò, ý nghĩa của công tác dạy nghề, học nghề; xây dựng cộng đồng trách nhiệm trong sự nghiệp PT ĐTN trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, yêu cầu Tỉnh Đoàn thanh niên, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh... hướng dẫn, tạo điều kiện cho các thành viên của tổ chức lựa chọn hình thức học nghề phù hợp; giúp đỡ các thành viên học nghề và tìm việc làm; phối hợp tốt giữa các trung tâm dạy nghề của ngành với trung tâm dạy nghề của huyện, thị, thành trong tỉnh.

Thực hiện Đề án “*Đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010*”, Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo các Huyện ủy, Thành ủy xây dựng Đề án ĐTN cấp huyện, xây dựng các chỉ tiêu, giải pháp phù hợp với địa bàn thực tế. Nhờ vậy, một số địa phương như thành phố Lào Cai, huyện Sa Pa, huyện Bảo Thắng đã xây dựng được Đề án; đồng thời chỉ đạo cấp xã xây dựng Kế hoạch tuyên truyền và tư vấn nghề cho người lao động trên địa bàn xã.

Là cơ quan quản lý nhà nước về LĐVL, Sở LĐ-TB&XH đóng vai trò chủ chốt tham mưu, phối hợp với các đơn vị, địa phương tiến hành tuyên truyền qua các biện pháp cơ bản là phổ biến trực tiếp (họp thôn, tổ dân phố, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn, hội...); phổ biến thông tin qua đội tuyên truyền lưu động; sử dụng kênh truyền thông như báo chí, các chương trình của đài phát thanh truyền hình tỉnh, đài truyền thanh cấp huyện, hệ thống loa phát thanh của xã, phường, thị trấn; các trường học bước đầu lồng ghép tuyên truyền hướng nghiệp cho học sinh qua hoạt động sinh hoạt đầu tuần, hoạt động phổ biến thông tin tuyển sinh, tư vấn học nghề của các trường, trung tâm dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

Những hoạt động tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức của xã hội nói chung, NLĐ trong tỉnh nói riêng về ĐTN. Đối với học sinh trung học phổ thông và phụ huynh, việc tuyên truyền lồng ghép tại trường học khiến họ bắt đầu thay đổi cách nhìn, giảm định kiến và từng bước coi trường nghề là một lựa chọn tương lai cho con.

*\* Điều tra khảo sát, tư vấn học nghề và việc làm*

*Công tác điều tra, khảo sát LĐVL:* Cuối năm 2001, sau khi thông qua Đề án GQVL, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo Đề án GQVL các cấp. Nhằm thu thập thông tin để đánh giá tình hình, xây dựng phương án và tiến hành tư vấn học nghề sát hơn cho NLĐ, Tỉnh ủy yêu cầu Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh tập trung điều tra khảo sát LĐVL hằng năm. Từ năm 2001 đến năm 2005, việc điều tra thông tin LĐVL được đầu tư kinh phí và thực hiện thường niên: năm 2001 kinh phí do trung ương cấp; năm 2002, trung ương cấp 38,4 triệu đồng, ngân sách địa phương 70,9 triệu; năm 2003, trung ương cấp 35,4 triệu, ngân sách địa phương 57 triệu; năm 2004, trung ương cấp 30,3 triệu, ngân sách địa phương 56 triệu đồng.

Ngoài khảo sát thường niên, năm 2002, Ban Chỉ đạo Đề án GQVL cấp tỉnh đã ban hành văn bản số 148/PAĐT ngày 2 tháng 5 năm 2002 về *phương án điều tra LĐVL trên địa bàn tỉnh Lào Cai*, tiến hành điều tra về LĐVL trên

địa bàn tỉnh. Sau đó, Trung ương xây dựng mẫu phiếu điều tra mở rộng, đến năm 2004, tỉnh Lào Cai tiếp tục thực hiện điều tra theo mẫu mở rộng của Trung ương trên tổng số 69 địa bàn trong tỉnh, với 2.070 phiếu phỏng vấn hộ gia đình, trong đó có 33 địa bàn thuộc khu vực thành thị với 990 hộ; 36 địa bàn khu vực nông thôn với 1.080 hộ. Năm 2004, nhằm khảo sát và giải quyết nhu cầu học nghề cho NLĐ thuộc các hộ gia đình phải di chuyển nhà và trả lại đất canh tác nông lâm nghiệp để mở rộng đô thị, xây dựng Thành phố Lào Cai vào năm 2005, ngày 9 tháng 9 năm 2004, UBND tỉnh ra Thông báo số 78/TBUB, chỉ đạo Sở LĐ-TB&XH khảo sát 39 thôn, tổ dân phố trên địa bàn 02 thị xã, với 2.545 hộ dân (10.088 nhân khẩu, trong đó có 6.192 người trong độ tuổi lao động). Kết quả khảo sát, có 1.318 hộ đăng ký nguyện vọng học nghề thương mại - dịch vụ (51,8%); 521 hộ đăng ký học nghề tiểu thủ công nghiệp và xây dựng (20,5%); 364 hộ đăng ký học nghề nông lâm nghiệp và các nghề khác (14,3%) [170]. Trên cơ sở kết quả khảo sát, UBND tỉnh Lào Cai đã xây dựng Đề án sắp xếp ổn định đời sống dân cư trong vùng quy hoạch phát triển đô thị thị xã Lào Cai giai đoạn 2004 - 2007. Đến hết năm 2004 tỉnh đã hoàn thành thủ tục cho 350 lao động đăng ký học nghề, trong đó có 120 lao động học chương trình liên kết với các trường ngoại tỉnh, 230 lao động học các trường trong tỉnh.

Trong những năm 2006 - 2010, tỉnh Lào Cai xây dựng và thực hiện “*Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010*”, (trước khi có Đề án 1956 của Chính phủ). Tỉnh chỉ đạo khảo sát, dự báo nhu cầu LĐVL nói chung, LĐNT nói riêng với các chỉ số cụ thể: Dân số trong độ tuổi lao động; số lao động được GQVL mới trong năm; số lao động chưa có việc làm ổn định; số lao động tham gia trong nền kinh tế; tỉ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động; tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị, tỉ lệ sử dụng thời gian LĐNT; tổng số lao động được tạo việc làm trong từng lĩnh vực (Nông - lâm - ngư nghiệp; Công nghiệp - xây dựng; Dịch vụ); số lao động đi xuất khẩu lao động; Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn và số lao động làm

việc trong các doanh nghiệp. Qua khảo sát thực tế, tỉnh Lào Cai đã xây dựng được kế hoạch đào tạo cơ bản phù hợp trong toàn giai đoạn và từng năm.

Sau khi Chính phủ ban hành “*Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn*” (2009), ngay từ tháng 03 năm 2010, UBND tỉnh Lào Cai ban hành các văn bản, chỉ đạo triển khai việc khảo sát nhu cầu học nghề của LĐNT và nhu cầu sử dụng lao động qua ĐTN của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Những chỉ số này là cơ sở để tỉnh dự báo nhu cầu TTLĐ, xu hướng biến động của lao động, từ đó xây dựng kế hoạch và giao chỉ tiêu ĐTN, GQVL hằng năm phù hợp hơn.

*Về tư vấn học nghề và việc làm cho NLD*: Hoạt động tư vấn học nghề và việc làm cho NLD trong giai đoạn 2001 - 2005 được thực hiện thông qua các tổ chức CT- XH như: Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, các tài liệu về nghề, việc làm được chuyển đến cơ sở, được phổ biến trong các cuộc sinh hoạt thôn, tổ dân phố. Lào Cai đã sớm chú trọng tới công tác hướng nghiệp dạy nghề trong các trường trung học phổ thông. Theo đó, tại các trường đều triển khai môn nghề gồm nghề may, tin học cơ bản. Giáo viên phụ trách môn nghề có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho trường và trực tiếp làm nhiệm vụ tư vấn nghề nghiệp cho học sinh. Các lớp nghề là tự nguyện, học sinh đăng kí và tham gia học trong 2 năm lớp 10, 11; theo quy định của Bộ GD&ĐT, việc đạt chứng chỉ nghề giúp học sinh có điểm cộng khi thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Trong những năm 2006 - 2010, tư vấn học nghề và việc làm được xác định là một nhiệm vụ riêng trong đề án “*Đề án Đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010*,,. Hoạt động này được Sở GD&ĐT chỉ đạo thực hiện thường xuyên với những cách thức ngày càng đa dạng. Việc tư vấn hướng nghiệp trong các trường phổ thông phong phú hơn về hình thức: cùng với mô hình học nghề còn có hoạt động sân khấu hóa trong các giờ sinh hoạt đầu tuần (tiết chào cờ sáng thứ 2 hằng tuần); hoặc các buổi sinh hoạt giữa

giờ các trường mời chuyên viên tư vấn hướng nghiệp của cơ quan chuyên môn đến nói chuyện và trực tiếp tư vấn cho học sinh khối 12.

Do giai đoạn này Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân có trung tâm dạy nghề nên việc tư vấn học nghề được đẩy mạnh gắn với các hội viên qua việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu học nghề của hội viên cơ sở và vận động, hướng dẫn tham gia các lớp nghề tại trung tâm dạy nghề của Hội trực tiếp đào tạo. Đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai, từ chỉ đạo của Tỉnh ủy trong Chỉ thị cuối năm 2005, những năm 2006 - 2010 Tỉnh Đoàn đã thành lập và đi vào hoạt động Trung tâm hướng nghiệp và giới thiệu việc làm thanh niên. Trung tâm có nhiệm vụ cơ bản là qua các kênh tuyên truyền của đoàn để giáo dục hướng nghiệp cho đoàn viên thanh niên, nhất là nhóm thanh niên chưa có việc làm ở nông thôn, thanh niên lao động phổ thông thời vụ, thanh niên DTTS, nữ thanh niên, tư vấn cho lực lượng này các nghề phù hợp với khu vực sinh sống, trình độ học vấn, sức khỏe, mong muốn cá nhân (phần nhiều là nghề nông nghiệp), tư vấn các cơ sở ĐTN phù hợp trong tỉnh.

Năm 2008, Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Lào Cai được thành lập. Từ đây, việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về nghề nghiệp, việc làm trở thành nhiệm vụ cơ bản được tỉnh và Sở LĐ-TB&XH giao cho Trung tâm. Cách thức trung tâm thực hiện là trực tiếp và trực tuyến qua website *vieclam.laocai.gov.vn*. Đến trung tâm, bên cạnh tư vấn việc làm, NLD còn có thể được giải đáp thắc mắc liên quan đến công tác đào tạo nghề như: hồ sơ đăng kí học nghề, chính sách hỗ trợ với người học tại các cơ sở dạy nghề...

### **2.2.2. Chỉ đạo quy hoạch, mở rộng mạng lưới trường dạy nghề**

Xác định LĐVL tiếp tục là một vấn đề nóng bỏng của tỉnh, Lào Cai đã đặt ra những chỉ tiêu khá lớn về công tác ĐTN, nhất là ĐTN CNKT nhằm đáp ứng yêu cầu đô thị hóa, PT các ngành công nghiệp hóa chất, luyện kim ngày càng nhanh trên địa bàn tỉnh sau năm 2000. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra với Lào

Cai lúc này là việc ĐTN cho NLD nói chung, lao động CNKT nói riêng vẫn còn chủ yếu dựa vào việc liên kết với các trường ĐTN của Trung ương và các tỉnh bạn, như: Trường Công nhân kỹ thuật Lâm nghiệp I Trung ương; Trường cán bộ Thương mại Trung ương; Trường Công nhân kỹ thuật Lâm nghiệp Trung ương 4; Trường Trung học kinh tế đa ngành Đinh Tiên Hoàng... Để khắc phục hạn chế đó, tỉnh Lào Cai tăng cường huy động nguồn lực và mở rộng xây dựng mạng lưới các cơ sở ĐTN trong tỉnh. Đây là một trong các nhiệm vụ quan trọng được tỉnh xác định trong “*Đề án giải quyết việc làm cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005*,,.

Thực hiện nhiệm vụ trên, tỉnh chỉ đạo Sở LĐ-TB&XH ban hành công văn 203/CV-LĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2002 về *thống kê báo cáo các cơ sở dạy nghề, công tác sát hạch tay nghề trong các doanh nghiệp nhà nước*. Từ đó, trong năm 2002, UBND tỉnh Lào Cai đã xây dựng và ban hành *Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Lào Cai*. Theo đó, Tỉnh tập trung nâng cấp xây dựng 2 Trường Trung cấp nghề (gồm Trung cấp nghề Lào Cai và Trung cấp nghề Apatit); đầu tư thiết bị mở rộng Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp dạy nghề tỉnh (đã được thành lập từ 25 tháng 12 năm 1994). Đến giai đoạn 2006 - 2010, UBND Tỉnh chỉ đạo thành lập hệ thống các trung tâm dạy nghề công lập, gồm: Trung tâm dạy nghề huyện Bảo Thắng, Trung tâm dạy nghề huyện Bắc Hà, Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Lào Cai, Trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh Đoàn Lào Cai (có chức năng dạy nghề).

Vì thế, năm 2007, Trường CNKT Lào Cai được nâng cấp thành trường Trung cấp nghề Lào Cai, Trường ĐTN công ty Apatit Việt Nam trở thành Trường Trung cấp nghề Apatit theo quyết định của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH. Đồng thời, tỉnh hoàn thiện hồ sơ để đăng ký bổ sung nghề cho Trường Trung cấp nghề tỉnh Lào Cai. Đối với cơ sở ngoài công lập, trong những năm 2005 - 2007, UBND tỉnh đã chỉ đạo xác minh và cấp giấy đăng ký hoạt động nghề cho công ty TNHH Phú Minh. Đến ngày 20 tháng 11 năm 2008, Trung tâm dạy

nghề tư thực Phú Minh được thành lập. Đây là một bước đi thiết thực của tỉnh nhằm mở rộng xã hội hoá, huy động thêm nguồn lực cho PT dạy nghề.

Nhận thức sâu sắc vai trò của các tổ chức CT-XH trong vận động hội viên tham gia học nghề, hướng tới ĐTN cụ thể hoá cho từng nhóm đối tượng NLD là hội viên trong các tổ chức Hội, gắn với chính sách chung của Trung ương, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo chú trọng đầu tư cho các trung tâm giới thiệu việc làm, dịch vụ việc làm có chức năng dạy nghề trực thuộc Tỉnh đoàn Lào Cai, Hội Nông dân tỉnh Lào Cai, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lào Cai. Trong đó, Trung tâm giới thiệu việc làm Thanh niên trực thuộc Tỉnh đoàn Lào Cai nằm trong quy hoạch của tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 được quan tâm chỉ đạo sát sao.

Trung tâm giới thiệu việc làm Thanh niên tỉnh gồm 02 phòng chuyên môn: Phòng tư vấn và Phòng đào tạo, dạy nghề cho thanh niên. *Phòng tư vấn* có nhiệm vụ tư vấn việc làm, học nghề, chính sách liên quan đến việc làm cho thanh niên, khai thác thông tin về lao động, việc làm, dạy nghề, thông tin về TTLĐ việc làm cho thanh niên. *Phòng đào tạo, dạy nghề cho thanh niên* thu hút thanh niên tham gia các chương trình ĐTN, phối hợp với các trung tâm dạy nghề xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, mời giảng viên. Năm trong những nỗ lực để đẩy mạnh công tác dạy nghề, giới thiệu việc làm cho thanh niên, năm 2009, Tỉnh Đoàn Lào Cai ban hành Nghị quyết số 26-NQ/ĐTN ngày 17/4/2009 về việc phát huy vai trò của tổ chức Đoàn tham gia tư vấn, hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm cho thanh niên giai đoạn 2009 - 2012, trong đó xác định mục tiêu “mở rộng hình thức hướng nghiệp, dạy nghề, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội, tăng thêm cơ hội tìm kiếm việc làm cho thanh niên” [149].

Với sự chỉ đạo sát sao đó, từ 10 cơ sở dạy nghề năm 2001, năm 2005 Lào Cai đã có 32 cơ sở dạy nghề và đến năm 2010, toàn tỉnh có 41 cơ sở dạy nghề, trong đó có 02 trường Trung cấp nghề, 01 trường Trung học có hoạt động dạy nghề (trường Trung học Y tế), 15 trung tâm dạy nghề (12 trung tâm công lập,

03 cơ sở ngoài công lập), 23 cơ sở, hợp tác xã, hộ gia đình thực hiện dạy, kèm cặp nghề. Số lượng đó đã vượt mục tiêu của Đề án giai đoạn 2006 - 2010 tỉnh đề ra. Như vậy, đến năm 2010, tỉnh Lào Cai đã hình thành được mạng lưới các cơ sở dạy nghề khá hoàn chỉnh từ cấp tỉnh đến cấp huyện. Trong những năm 2000 - 2010, nhằm tăng cường hiệu quả công tác đào tạo nghề, định hướng của tỉnh Lào Cai là phải xây dựng được mạng lưới cơ sở dạy nghề rộng khắp trong toàn tỉnh (bao gồm cả cơ sở công lập và ngoài công lập); đồng thời củng cố, nâng cấp cơ sở đào tạo vốn có làm chủ chốt. Đây là bước đi đúng của tỉnh để hình thành năng lực tự thân trong công tác ĐTN cho tỉnh, từng bước chủ động trong thực hiện đào tạo, giảm dần và tiến tới không còn phụ thuộc vào các đơn vị đào tạo ở trung ương và tỉnh bạn.

Trong khi hình thành mạng lưới cơ sở dạy nghề bao phủ toàn tỉnh, Lào Cai cũng chú ý đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề. Trong những năm 2006 - 2010, kinh phí xây dựng cơ bản dành cho các trường, trung tâm dạy nghề là 46.334,2 triệu, trong đó, ngân sách địa phương là 34.291,2 triệu, ngân sách Trung ương từ chương trình 30a cho 03 trung tâm dạy nghề của 03 huyện nghèo là 2 tỉ đồng, kinh phí ngoài ngân sách là 10,043 tỉ đồng. Tỉnh dành 41,96 tỉ đồng để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy nghề, nhiều gấp 2,3 lần kinh phí dự kiến ban đầu; trong đó 26,7 tỉ đồng sử dụng để mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề và 15,26 tỉ dùng cho xây mới, cải tạo nhà xưởng, phòng học, ký túc xá.

### **2.2.3. Chỉ đạo xây dựng chương trình, cơ cấu ngành nghề đào tạo**

Trên cơ sở kết quả khảo sát các ngành nghề và nhu cầu thực tế tại Lào Cai, dự báo xu hướng PT các ngành nghề trên địa bàn gắn với định hướng PT KT-XH của tỉnh trong các năm 2000 - 2005 và 2005 - 2010, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh đã chỉ đạo tiến hành rà soát hệ thống các ngành nghề đang đào tạo, bố trí sắp xếp các nhóm ngành; từ cơ cấu ngành nghề để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp.

*Về cơ cấu ngành nghề đào tạo:* Cụ thể hóa quy định danh mục các nghề đào tạo của Trung ương, từ thực tế nhu cầu tại địa phương, tỉnh chủ động chỉ đạo xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo tại các cơ sở đào tạo nghề công lập, trong đó với các trường Trung cấp nghề, các ngành liên quan tới hóa chất, cơ khí được chú trọng để phục vụ nhu cầu lao động CNKT cho các doanh nghiệp luyện đồng, công ty Thép Việt - Trung sắp thành lập; với các Trung tâm dạy nghề cấp huyện, cơ cấu ngành nghề chủ yếu hướng về các nghề nông nghiệp, nghề dịch vụ để phục vụ GQVL tại chỗ cho LĐNT, lao động người DTTS.

Trong những năm 2001 - 2010, tỉnh tập trung ĐTN trên 6 lĩnh vực: khai khoáng; xây dựng; thương mại - du lịch; thủy điện; chăm sóc sức khỏe cộng đồng; chế biến sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, ngành khai khoáng gồm 6 nhóm nghề song tỉnh tập trung vào 4 nhóm nghề chính (khai thác mỏ lộ thiên; cơ khí mỏ, luyện kim, hoá chất; khoan và nổ mìn mỏ; vận hành các thiết bị mỏ); ngành xây dựng gồm 10 nhóm nghề; ngành thương mại - du lịch gồm 12 nhóm nghề; ngành kỹ thuật sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp gồm 7 nhóm nghề; ngành thủy điện gồm 2 nhóm nghề; chăm sóc sức khỏe cộng đồng gồm 2 nhóm nghề. Các cơ sở đào tạo theo định hướng của tỉnh để có cơ cấu ngành nghề cụ thể theo các nhóm trên.

Do năng lực đào tạo của địa phương còn hạn chế, tỉnh Lào Cai đã chủ động chỉ đạo và thực hiện phân cấp lĩnh vực đào tạo với các cơ sở ĐTN và giao ngành nghề đào tạo cụ thể cho các cơ sở. Theo đó:

(1) Các nghề yêu cầu công nghệ kỹ thuật cao như điện tử viễn thông, luyện kim, hoá chất, thương mại - du lịch... đòi hỏi trình độ cao đẳng nghề, tiếp tục gửi đào tạo tại các trường Trung ương;

(2) Các trường dạy nghề của tỉnh tập trung ĐTN dài hạn (trung cấp nghề) trong 6 lĩnh vực, ngoài ra đào tạo một số nghề ngắn hạn về kỹ thuật và tiểu thủ công nghiệp. Đối tượng tuyển sinh là học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, học sinh DTTS nội trú có nguyện vọng học nghề và NLD có trình độ học vấn theo yêu cầu từng ngành nghề đào tạo.

(3) Các trung tâm dạy nghề thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nghề ngắn hạn, chuyển giao công nghệ mới, PT các nghề truyền thống, phục vụ chuyển đổi việc làm, nâng cao năng suất trong sản xuất nông lâm nghiệp, chế biến và nuôi trồng thủy sản. Đối tượng đào tạo là lao động mất đất sản xuất nông nghiệp, đối tượng chính sách; người DTTS; học sinh DTTS nội trú; lao động trong các vùng dự án phát triển nông lâm ngư nghiệp; lao động tại các địa phương cần PT làng nghề truyền thống; lao động nữ chưa được ĐTN; lao động có nhu cầu chuyển đổi việc làm, lao động là người khuyết tật.

Giao ngành nghề đào tạo cho các cơ sở: Trường Trung cấp nghề Lào Cai thành lập các khoa đào tạo chuyên ngành dài hạn và ngắn hạn, gồm khoa xây dựng (đào tạo trang trí nội thất, hàn, chế biến gỗ dân dụng...); khoa điện và cơ khí (điện dân dụng, sửa chữa thiết bị tin học, sửa chữa ô tô, xe máy...); khoa chế biến nông sản (kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp, cơ điện nông thôn, chăn nuôi thú y...).

Trường Trung cấp nghề Apatit Lào Cai đào tạo chuyên ngành khai khoáng, với các nghề như: khai mỏ lộ thiên, tuyển khoáng, cơ khí mỏ (điện công nghiệp, sửa chữa ô tô, hàn điện), vận hành thiết bị mỏ (lái máy gạt, lái máy xúc, lái xe ô tô các hạng). Trường Trung học y tế Lào Cai đào tạo dài hạn y tá thôn bản, dược tá sơ học.

Các Trung tâm dạy nghề cấp huyện tập trung dạy nghề ngắn hạn, hướng đến chuyển giao kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, quy trình kỹ thuật sau thu hoạch (chế biến chè, dứa, hoa quả thể mạnh như lê, mận, quýt...) tạo điều kiện để NLD tiếp cận và ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất; ngoài ra dạy các nghề truyền thống và các nghề thuộc nhóm du lịch - dịch vụ. Ngay từ những năm 2001 - 2005, tỉnh đã chỉ đạo *xây dựng cơ cấu ngành theo thế mạnh và định hướng phát triển sản xuất của từng địa phương*. Vì thế, Trung tâm dạy nghề thành phố Lào Cai nằm trong khu vực có khu công nghiệp và là địa bàn đô thị

hóa nhanh nên trong cơ cấu ngành nghề có các nghề như cơ khí, hàn, nghề xây dựng; Trung tâm Dạy nghề huyện Bắc Hà, Sa Pa nằm ở khu vực khí hậu ôn đới, đồng thời xác định thế mạnh mũi nhọn phát triển du lịch nên xây dựng cơ cấu ngành gồm nghề trồng rau, hoa an toàn; nghề trồng cây ăn quả ôn đới; nghề dịch vụ buồng, phòng khách sạn...Việc này cho thấy, Lào Cai chỉ đạo xây dựng cơ cấu ngành nghề có mục đích và định hướng rõ ràng ngay từ đầu, các ngành nghề được đào tạo phải là nghề mà địa phương thực sự cần và NLD có cơ hội việc làm thực tế.

Đơn cử như Trung tâm dạy nghề huyện Bắc Hà, dù mới thành lập, song ngay năm 2007, căn cứ vào điều kiện thế mạnh các xã, thị trấn, định hướng phát triển kinh tế của huyện, gắn với thực hiện kế hoạch huyện giao, trung tâm đã tổ chức: 02 lớp trồng rau an toàn cho LĐNT (xã Tà Chải, xã Na Hối - là 2 xã có khí hậu mát mẻ, định hướng mở rộng mô hình trồng rau sạch cung cấp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh); 01 lớp trồng hoa cây cảnh, 01 lớp kinh doanh thương mại cho lao động khu vực thị trấn Bắc Hà (là địa bàn huyện lỵ, có các hoạt động kinh doanh thương mại sôi động của huyện; có một số cơ sở trồng hoa, cây cảnh ôn đới phục vụ lễ, Tết như trồng hoa địa lan, trồng và chăm sóc đào Tết); 01 lớp chăn nuôi đại gia súc ở xã Cốc Lầu, 01 lớp nông lâm nghiệp tại xã Tả Van Chư (2 xã được huyện định hướng phát triển chăn nuôi trâu, ngựa và trồng cây ăn quả), 01 lớp trồng chè ở xã Nậm Khánh, Bản Liên (vùng trồng chè trọng điểm của huyện) [155].

Bên cạnh đó, việc tinh gọn cụ thể ngành nghề cho các cơ sở đào tạo là một cách làm sáng tạo để khu biệt rõ ràng phạm vi nghề đào tạo của các trường, trung tâm dạy nghề; đồng thời định hướng các cơ sở dạy nghề theo hướng chuyên môn hóa, từng bước tập trung củng cố các cơ sở về cả tổ chức vận hành và chất lượng đào tạo. Ngoài ra, đây cũng là cách giúp NLD dễ nhận biết và lựa chọn cơ sở đào tạo phù hợp.

Trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 đạt 13%, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ ngày càng cao, tỉnh chỉ đạo tuyển sinh và đào tạo NNL cho các dự án trọng điểm như: luyện kim, hoá chất, khai thác mỏ, tuyển khoáng (đón đầu nhu cầu lao động của các đơn vị như Công ty cổ phần đồng Tả Phời VINACOMIN, công ty Thép Việt - Trung, nhà máy DAP số 2, Chi nhánh luyện đồng Lào Cai VIMICO), xây dựng và vận hành máy thủy điện (phục vụ xây dựng, vận hành công trình thủy điện Nậm Khánh, Nậm Pung, Séo Choong Hô..), kỹ thuật chế biến nông sản trong các vùng dự án, dịch vụ kỹ thuật cao...Đồng thời, một số nghề phụ trợ được bổ sung và đẩy mạnh đào tạo như sửa chữa máy nông nghiệp, sản xuất phốt pho, sửa chữa thiết bị cơ khí. Đến năm 2010, tại các cơ sở ĐTN của tỉnh Lào Cai có 15 nghề ngắn hạn, 15 nghề dài hạn được cấp phép đào tạo, cơ bản đáp ứng được cả nhu cầu học nghề truyền thống và nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại du lịch dịch vụ trên địa bàn tỉnh nhằm từng bước giảm dần việc “gửi” đào tạo tại các trường theo hình thức liên kết.

*Về chương trình đào tạo:* Để chủ động về chương trình và nội dung đào tạo, UBND tỉnh chỉ đạo Sở LĐ - TB&XH, các cơ sở ĐTN nghiên cứu và cụ thể hóa nội dung chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp trên cơ sở tài liệu dạy nghề chung và trình độ, nhu cầu thực tế của NLD trên địa bàn tỉnh. Đối với chương trình ĐTN dài hạn, trên nền thực hiện bộ giáo trình chung, các đơn vị đã lồng ghép và bổ sung, điều chỉnh một số nội dung phù hợp với điều kiện cụ thể (như việc tăng thời lượng chương trình thực hành tại nhà xưởng và thực hành trực tiếp tại cơ sở sản xuất; bổ sung hoạt động thực tế vận hành thử hệ thống máy móc công nghệ mới tại chi nhánh luyện đồng tỉnh).

Với chương trình ngắn hạn, tỉnh chỉ đạo các cơ sở biên soạn tài liệu theo nguyên tắc ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với đối tượng học nghề và phù hợp với tình hình, định hướng PT kinh tế trên từng địa bàn. Tài liệu dạy nghề chương

trình đào tạo sơ cấp và dưới 3 tháng phải phù hợp với trình độ của đối tượng đào tạo. Trong đó, ưu tiên cho việc biên soạn tài liệu dạy các nghề ngắn hạn có tính truyền thống, đặc thù riêng của từng địa phương như: kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm sản, thêu dệt thổ cẩm...

Từ năm 2006, Tỉnh đã xây dựng được “*Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn*” riêng nên trong những năm 2006 - 2007, với sự giúp đỡ từ các trường dạy nghề của Trung ương, Sở LĐ-TB&XH đã chủ trì biên soạn và được phê duyệt 19 bộ giáo trình ngắn hạn. Đến năm 2010, Tỉnh tiếp tục biên soạn, chỉnh sửa được 40 bộ giáo trình dạy nghề ngắn hạn với tổng kinh phí khoảng 750 triệu đồng, trong đó biên soạn mới 38 bộ, chỉnh sửa 02 bộ, thuộc các ngành nghề như: kỹ thuật trồng rau an toàn; kỹ thuật cơ khí nhỏ nông thôn; kỹ thuật trồng cây ăn quả đặc sản; nghiệp vụ buồng, bàn khách sạn... đảm bảo nội dung dễ hiểu, ngắn gọn theo cách hướng dẫn quy trình, kỹ năng nghề; thời lượng thực hành 80% trở lên.

Trong quá trình xây dựng và thực hiện chương trình dạy nghề của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2000 - 2010, trường, trung tâm đã dạng hóa hoạt động thực hành, thực tập. Ngoài thực hành tại nhà xưởng hoặc tại trường lớp, còn chủ động liên kết với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, tiến hành hoạt động thực hành trực tiếp tại nơi sản xuất, tại đó học viên được hướng dẫn bởi NLĐ lành nghề có kinh nghiệm. Với các lớp nghề đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, cuối khóa học, học viên được tham gia thực tập tại doanh nghiệp để làm quen với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

#### **2.2.4. Chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy nghề và làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về đào tạo nghề**

Để công tác ĐTN có hiệu quả, yếu tố căn bản là có lực lượng CBGV dạy nghề đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, vững về KN nghề. Xác định CBGV là nhân tố cơ bản để PT ĐTN, trong những năm 2001 - 2010, cùng với việc xây

dựng mạng lưới cơ sở ĐTN rộng, tỉnh Lào Cai chú trọng chỉ đạo xây dựng đội ngũ CBGV đủ về số lượng và từng bước nâng cao chất lượng. Đến năm 2010, Hội đồng nhân dân tỉnh đã quyết nghị về một số chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực GD&ĐT, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Theo đó, quy định chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: NLD khi tham gia học Tiến sĩ được hỗ trợ 15 triệu đồng (nếu là nữ hoặc người DTTS thì mức hỗ trợ là 20 triệu đồng); học Thạc sĩ được hỗ trợ 10 triệu đồng (nếu là nữ hoặc người DTTS thì mức hỗ trợ là 13 triệu đồng); học Bác sĩ chuyên khoa II được hỗ trợ 12 triệu đồng (nếu là nữ hoặc người DTTS thì mức hỗ trợ là 15 triệu đồng); học Bác sĩ chuyên khoa I được hỗ trợ 07 triệu đồng (nếu là nữ hoặc người DTTS thì mức hỗ trợ là 10 triệu đồng).

Những năm 2001 - 2005, số lượng cán bộ quản lý, GV cơ hữu tại các cơ sở ĐTN còn thiếu nhiều, chưa đáp ứng đủ về số lượng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo. Đến năm 2003, tại 02 trường dạy nghề và các trung tâm dạy nghề công lập của tỉnh có tổng số 27 cán bộ quản lý, trong đó 21 người thuộc 2 trường CNKT, 05 người là giám đốc, phó giám đốc các trung tâm dạy nghề của tỉnh và cấp huyện. Trong các trường, trung tâm dạy nghề công lập năm 2002 có tổng số 105 giảng viên, đến năm 2003 tăng lên, đạt 128 người.

Đến năm 2010, tổng số CBGV ở các cơ sở dạy nghề của tỉnh Lào Cai là 570 người, trong đó có 236 cán bộ quản lý, 334 GV. Số lượng giảng viên trong các trường công lập là 106 người (chiếm 31,7%), số giảng viên ở các trung tâm tư thực là 228 người (chiếm 68,3%). Số giảng viên có trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học là 221 người (11 người được hỗ trợ đào tạo theo chính sách của tỉnh đã hoàn thành đào tạo sau đại học). Số giảng viên đạt chuẩn là 191 người. Đây là một bước tiến rất quan trọng của tỉnh Lào Cai trong xây dựng đội ngũ và nâng cao chất lượng lực lượng CBGV, vì đề án giai đoạn 2006 - 2010 của tỉnh chỉ đề ra mục tiêu có 55 giảng viên đạt trình độ chuẩn. Điều đáng lưu ý

là các cơ sở dạy nghề tư thực có số lượng giảng viên ổn định, số giảng viên cơ hữu đông và phần nhiều có trình độ cao đẳng, đại học [*Phụ lục I*]. Đây là minh chứng cho hiệu quả xã hội hóa công tác ĐTN của tỉnh.

Tuy nhiên, trên thực tế số lượng giảng viên nghề nói chung, nhất là giảng viên cơ hữu nói riêng còn thiếu, chỉ tập trung ở một số cơ sở đào tạo lâu năm như: trường Trung cấp nghề Lào Cai (49 trong tổng số 65 người là giảng viên, trong đó 49 người đều là giảng viên cơ hữu), trung tâm vận hành lái xe cơ giới (44/50 người là giảng viên, trong đó 44 người đều là giảng viên cơ hữu), trường Trung cấp nghề Apatit (21/21 người là giảng viên, trong đó 21 người đều là giảng viên cơ hữu). Tại hệ thống trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện trong tỉnh, số lượng CBGV, nhân viên có từ 05 đến 08 người nhưng rất ít giảng viên. Đến năm 2010, các trung tâm Bảo Yên, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai vẫn không có giảng viên nào; trung tâm dạy nghề huyện Sa Pa có 04 giảng viên, đều có trình độ cao đẳng, đại học, là đơn vị có số giảng viên đông nhất trong các trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện.

Trong những năm 2006 - 2010, toàn tỉnh có hơn 300 lượt CBGV nghề được dự các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng KN nghề do Tổng cục dạy nghề và do tỉnh tổ chức. Vì Lào Cai còn thiếu lực lượng GV cơ hữu, phải sử dụng lượng giảng viên kiêm chức khá lớn nên tỉnh đã chỉ đạo tổ chức cho 314 giảng viên kiêm chức tham gia dạy nghề các lớp trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên cho LĐNT được tham gia tập huấn các lớp về nghiệp vụ sư phạm do Trung tâm PT>NNL thuộc Bộ GD&ĐT, các trường của trung ương tổ chức. Nhằm tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên, những năm 2006 - 2010, tỉnh đã tổ chức Hội giảng giảng viên dạy nghề cấp tỉnh. Theo đó, các trường, trung tâm dạy nghề tổ chức Hội giảng cấp cơ sở định kỳ hằng năm để lựa chọn GV tham gia Hội giảng cấp tỉnh và cấp Quốc gia. Trong kế hoạch chuyên môn của các cơ sở đào tạo luôn chú trọng việc tự học, bồi dưỡng và trau dồi chuyên môn cho GV; xây dựng kế hoạch tổ chức dự giờ, nhận xét đánh

giá giờ giảng cho giảng viên; kiểm tra việc làm đồ dùng học tập, thực hành trên lớp. Đặc biệt, các cơ sở ĐTN kỹ thuật còn khuyến khích giảng viên tham gia làm việc thực tế tại các cơ sở sản xuất, mô hình hợp tác xã nếu sắp xếp được thời gian. Đây là biện pháp thiết thực để trực tiếp bồi dưỡng KN nghề, giúp giảng viên cập nhật và tiếp cận với những máy móc thiết bị kỹ thuật và KN nghề mới.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy về *phát triển NNL*, từ năm 2001, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ của ngành, các quy định về điều kiện, chức danh tiêu chuẩn cán bộ, Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở LĐ - TB&XH đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở và các cơ sở đào tạo tiến hành quy hoạch, đào tạo cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị. Trong những năm 2001 đến 2003, riêng Sở và các đơn vị thuộc Sở đã cử 11 cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn bậc cao đẳng, đại học; cử 05 cán bộ tham gia các lớp đào tạo lý luận chính trị; cử 06 cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước chương trình chuyên viên chính và 05 cán bộ tham gia chương trình bồi dưỡng chuyên viên. Do đó, đến năm 2003, đã có 57 trong tổng số 76 cán bộ chuyên viên của Sở có trình độ cao đẳng, đại học. Riêng với lĩnh vực ĐTN, năm 2001, tỉnh cho phép thành lập phòng *Quản lý nhà nước về ĐTN* trực thuộc Sở LĐ-TB&XH tỉnh, gồm 02 chuyên viên có trình độ đại học. Công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ nội ngành được chú ý đã góp phần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực LĐ-TB&XH nói chung, ĐTN nói riêng trên địa bàn tỉnh.

## **2.2.5. Chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu đào tạo gắn với giải quyết việc làm cho người lao động**

### **2.2.5.1. Chỉ đạo thực hiện chỉ tiêu đào tạo**

Cùng với việc mở rộng mạng lưới trường dạy nghề, tỉnh đã chỉ đạo quan tâm đến chất lượng đào tạo thông qua việc *đa dạng hóa loại hình đào tạo* nhằm từng bước đáp ứng tốt hơn nhu cầu học nghề cho các nhóm NLD khác nhau như lao động kỹ thuật, LĐNT, người DTTS, người khuyết tật, lao động trong

vùng quy hoạch đô thị. Trong cả 6 lĩnh vực cơ bản được chú trọng ĐTN theo khảo sát ở Lào Cai là khai thác mỏ, xây dựng, thương mại - du lịch, kỹ thuật sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy điện, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đều có 2 loại hình đào tạo dài hạn và ngắn hạn. Yêu cầu đặt ra là kết hợp được cả 2 loại hình đào tạo để hướng tới đảm bảo cả 3 cấp độ của NLD là cấp độ bán lành nghề, lành nghề và trình độ cao.

Trong loại hình đào tạo dài hạn (cao đẳng, trung cấp nghề) yêu cầu bám sát đề án của tỉnh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đào tạo CNKT các nghề như: luyện gang, luyện thép, vận hành thiết bị sàng tuyển, vận hành máy thủy điện, kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò... phục vụ nhu cầu các dự án kinh tế trọng điểm tại tỉnh đang xây dựng và đưa vào vận hành giai đoạn này. Đối với loại hình đào tạo ngắn hạn tập trung ở các trung tâm dạy nghề cấp huyện, chủ yếu dạy các nghề phục vụ vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa nông nghiệp (vùng trồng chè ở Bảo Yên, Bắc Hà, trồng dứa ở Mường Khương), chế biến nông lâm thủy sản. Từ năm 2008, đối tượng được hỗ trợ học nghề mở rộng đến lao động thuộc hộ nghèo, lao động là thanh niên DTTS. Trong công văn số 43/CV.UB ngày 13 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh đã yêu cầu: "...phải cụ thể hóa về lĩnh vực, ngành nghề cần đào tạo cho lao động nông thôn như kỹ thuật trồng loại cây gì, nuôi con gì để có năng suất và đạt hiệu quả về kinh tế" [171, tr.2].

Do đó, các nhóm nghề đào tạo ngắn hạn, nhất là thuộc lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn này cụ thể hóa và sát với định hướng sản xuất nông, lâm thủy sản của các xã, phường, thị trấn như lớp kỹ thuật trồng ớt (Bát Xát), kỹ thuật trồng rau an toàn (Bắc Hà), kỹ thuật nuôi trâu bản địa (Si Ma Cai)...

Các hình thức ĐTN được tỉnh vận dụng khá linh hoạt, cơ bản là hình thức *đào tạo chính quy* tại trường, trung tâm dạy nghề; ngoài ra sử dụng hình thức *đào tạo tại chỗ* tức là trực tiếp tại doanh nghiệp, mời doanh nghiệp tham gia, tận dụng cán bộ kỹ thuật lành nghề, kỹ sư có trình độ, kinh nghiệm của doanh nghiệp giảng dạy ngay tại địa điểm sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, lao động sau khi tốt nghiệp một phần phục vụ trực tiếp cho doanh

nghiệp đã tham gia đào tạo. Do năng lực ĐTN dài hạn ở các trường trong tỉnh còn hạn chế, Tỉnh đã tích cực vận dụng mô hình *liên kết dạy nghề*, theo đó liên kết với các trường nghề của Trung ương và các tỉnh bạn để “gửi” đào tạo có kinh phí một phần từ ngân sách và một phần ngoài ngân sách cấp, song phần nhiều do các trường đào tạo giúp. Với các lớp dạy nghề ngắn hạn nói chung và lớp dạy nghề ngắn hạn cho LĐNT nói riêng, tỉnh Lào Cai đã sớm chủ động mời các nghệ nhân, kỹ sư, thợ lành nghề tham gia giảng dạy theo hình thức thỉnh giảng, trong giai đoạn đầu khi chưa có chính sách dành cho họ, Tỉnh chủ động có cơ chế sử dụng ngân sách địa phương để chi trả. Các cơ sở sản xuất, hợp tác xã phổ biến mô hình *kèm cặp, truyền nghề*.

Trong những năm 2001 - 2005 tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng nghề cho tổng số 30.428 lao động, trong đó có 4.417 người được đào tạo dài hạn; 26.011 người được đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn. Chia theo lĩnh vực ngành nghề đào tạo: 15.892 người trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp (52.2%); 10.743 người trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng (35.3%); 3.796 người trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ (12.5%). Với các nhóm đối tượng NLD cần được ưu tiên theo văn bản của tỉnh, có 6.970 LĐNT, lao động trong vùng giải phóng mặt bằng, quy hoạch đô thị và 37 lao động là người khuyết tật được ĐTN. Các chỉ tiêu đào tạo trong giai đoạn này được thực hiện căn bản khớp với kế hoạch đề ra; từng bước giải quyết nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng vốn đang bị mất cân đối; bảo đảm nhu cầu học nghề cho NLD trong nhóm ưu tiên của tỉnh những năm 2001 - 2005, nhất là những người thuộc hộ nằm trong vùng quy hoạch đô thị.

Đến những năm 2006 - 2010, tổng số lao động đã được đào tạo là 53.230 người, đạt 151% so với mục tiêu đặt ra của Đề án (mục tiêu là 35.250 lao động). Trong đó, *xét theo loại hình đào tạo*, có 6.263 lao động được đào tạo dài hạn, 46.967 lao động được đào tạo sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng. So với dự kiến đầu giai đoạn, số lao động được ĐTN sơ cấp và dưới 3 tháng thực

hiện được trong thực tế rất cao, đạt 166,7%; tuy nhiên số lao động được đào tạo dài hạn lại chưa đạt chỉ tiêu đề ra (7.080 người), chỉ đạt tỉ lệ 88,5%. Với từng nhóm ngành nghề cụ thể cũng có sự chưa cân đối, cho thấy nhu cầu NLD và định hướng kế hoạch đào tạo của tỉnh còn có điểm chưa khớp. Ví dụ như nghề khách sạn - nhà hàng chỉ đạt 75% chỉ tiêu, nghề máy tính - công nghệ thông tin mới đạt 86,4% chỉ tiêu đặt ra. *Xét theo nguồn kinh phí đào tạo*, có 31.825 lao động được đào tạo từ nguồn ngân sách trung ương cấp (nằm trong chương trình ĐTN cho LĐNT), chiếm 59,8%; số lao động được đào tạo từ nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương là 1.178 người, chiếm 2,2%; số lao động được đào tạo từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách là 18.552 người, chiếm 34,8%; có 1.675 lao động được “gửi” đào tạo tại các trường nghề trung ương, chiếm 3,2% tổng số lao động được đào tạo. Số lao động được đào tạo từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách đạt 109,1% so với dự kiến, cho thấy sự năng động và linh hoạt của tỉnh Lào Cai trong việc sử dụng hình thức đào tạo kết hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sản xuất kinh doanh. *Xét theo dự án thành phần thuộc Đề án giai đoạn 2006 - 2010*, Dự án ĐTN cho LĐNT dạy nghề cho 31.825 lao động, đạt 199,8% mục tiêu đề ra (mục tiêu là 15.925 lao động); Dự án ĐTN lao động kỹ thuật giai đoạn 2006 - 2010 đạt 21.405 lao động, 110,8% mục tiêu (mục tiêu là 19.325 người). Những kết quả này đã giúp tăng nhanh tỉ lệ lao động qua ĐTN tại tỉnh Lào Cai, từ 6,66% năm 2000 lên 15,5% năm 2005 và đạt 27,8% năm 2010, vượt khá xa so với mục tiêu mà tỉnh đặt ra (24,5%). Riêng tỉ lệ LĐNT qua ĐTN tăng từ 2,9% năm 2005 lên đến 16,9% năm 2010.

Với đặc thù có hơn 60% dân số là người DTTS, ngay từ khi bắt đầu thực hiện công tác ĐTN, tỉnh Lào Cai đã quan tâm đúng mức đến việc dạy nghề cho nhóm lao động này. Năm 2001, trong các cơ sở dạy nghề có 174 học viên tốt nghiệp hệ dài hạn, trong đó có 32 học viên là người DTTS. Đến năm 2003, trong số 577 lao động học nghề dài hạn có 104 lao động là người DTTS. Từ năm 2006 đến năm 2010, có 47,87% số lao động được ĐTN của tỉnh là người DTTS.

### ***2.2.5.2. Chỉ đạo giải quyết việc làm cho người lao động***

Dạy nghề gắn với GQVL là tư duy thống nhất của Tỉnh Lào Cai ngay từ những năm đầu tái lập tỉnh. Bởi vậy, trong Đề án GQVL giai đoạn 2001 - 2005, Tỉnh chủ yếu xác định các nhiệm vụ, giải pháp về ĐTN cho NLD, với mục tiêu trang bị KN nghề để NLD có cơ hội tìm được việc làm. Đồng thời, yêu cầu kiện toàn trung tâm dạy nghề và dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐ-TBXH để trung tâm phải bảo đảm được các công việc: tổ chức cho người thiếu việc làm đăng kí tìm việc làm; tư vấn lựa chọn nơi làm việc và việc làm; tư vấn lựa chọn nghề học, hình thức và nơi học nghề; tư vấn lập dự án tạo việc làm; tư vấn pháp luật liên quan đến việc làm; giới thiệu việc làm, cung ứng lao động; thông tin về thị trường lao động, xuất khẩu lao động. Ngoài ra, thực hiện cuộc điều tra LĐVL hằng năm theo mẫu chung của cả nước và mẫu riêng của tỉnh để làm cơ sở xây dựng chính sách PT KT-XH của tỉnh; xây dựng Quỹ Hỗ trợ GQVL tỉnh với nguồn vốn chủ yếu từ ngân sách địa phương, tăng từ 17,5 tỉ đồng năm 2001 lên 32,5 tỉ đồng năm 2005 cho vay thực hiện các dự án GQVL vừa và nhỏ, cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ trang trại vay vốn PT sản xuất, tổ chức tập huấn nghiệp vụ, các dự án ĐTN CNKT, thăm quan học tập mô hình dạy nghề và GQVL ở các tỉnh khác. Năm 2005, tỉnh đã phối hợp với châu Hồng Hà (Trung Quốc) tổ chức thành công Hội chợ việc làm lần thứ I (lồng ghép trong Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Trung năm 2005). Tại Hội chợ đã có 1.439 người lao động đăng ký tìm việc làm, 326 người đăng ký học nghề, 79 doanh nghiệp đăng ký tuyển lao động.

Để tập trung GQVL hiệu quả lâu dài, Lào Cai có các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp PT sản xuất kinh doanh như chính sách ưu đãi về thuế, lãi suất vay vốn, ưu tiên các doanh nghiệp xây dựng các dự án lớn thu hút nhiều lao động; trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh việc tìm kiếm mô hình nuôi, trồng, chế biến cây, con phù hợp với từng địa bàn theo thế mạnh như mô hình trồng và chế biến chè, trồng mận tam hoa, trồng lê bản địa,

trồng rau ôn đới, nuôi cá chép lai... để tạo việc làm tại chỗ cho NLD khu vực nông thôn. Trong những năm này, Lào Cai quy định việc tuyển sinh đào tạo CNKT chỉ thực hiện với NLD có hộ khẩu thường trú trong tỉnh, hằng năm các doanh nghiệp cần đăng ký nhu cầu đào tạo với trường CNKT để bố trí học.

Từ đó, trong những năm 2001 - 2005, Tỉnh đã GQVL cho 45.333 người, góp phần thực hiện mục tiêu duy trì tỉ lệ thất nghiệp ở mức dưới 1%, giảm tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị từ 4,85% năm 2001 xuống còn 3,55% năm 2005; nâng tỉ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn từ 73,84% năm 2001 lên 79% năm 2005. Quỹ Hỗ trợ việc làm hoạt động hiệu quả, duyệt cho vay 184 dự án với tổng số tiền 14,5 tỉ đồng, thu hút và tạo việc làm thêm cho 4.400 lao động, trong đó tạo việc làm mới cho 1.900 lao động, bình quân mỗi lao động được vay 3,3 triệu đồng/người, cao hơn gấp đôi mức bình quân cho vay của năm 2001 (1,5 triệu đồng/người) [105].

Từ năm 2006 đến 2010, toàn tỉnh có trên 1.700 lao động được đào tạo và GQVL ngay tại địa phương, làm việc trong các doanh nghiệp ở tỉnh, như: năm 2007 có hơn 500 lao động được tạo việc làm ổn định tại liên doanh đồng Lào Cai, nhà máy đồng Sin Quyền; năm 2008 - 2009 tuyển sinh, đào tạo trên 1200 lao động làm việc tại công ty Thép Việt - Trung, công ty Gang thép Lào Cai. Số lao động tham gia các ngành kinh tế năm 2010 khoảng 321.640 người, tăng bình quân 2.1% trong giai đoạn 2000 - 2010, tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị giảm từ 3.55% năm 2005 xuống còn 2.38% năm 2010, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn từ 79% năm 2005 nâng lên 82.23% năm 2010. Lao động trong các ngành kinh tế có hướng chuyển dịch từ sản xuất nông lâm nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ; số lao động thu hút vào làm việc trong các doanh nghiệp tăng nhanh, bình quân mỗi năm lao động làm việc trong các doanh nghiệp tăng từ 1.500 đến 2.000 người. Số lao động thất nghiệp ở Lào Cai thấp, đến năm 2010, chỉ còn 205 lao động trong các doanh nghiệp bị thất nghiệp và hưởng chế độ thất nghiệp, trong đó có 154 lao động dôi dư do sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp.

Kết quả CTĐTN và GQVL của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2000 - 2010 đã tạo ra sự chuyển biến quan trọng trong lĩnh vực LĐVL trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bắt đầu đẩy mạnh CNH, HĐH tại địa phương: đó là chuyển biến trong nhận thức về lao động từ lao động phổ thông đơn thuần, chủ yếu sử dụng sức lực thể chất đến lao động được trang bị KN nghề; từ đó, trong vòng 10 năm đã đưa tỉ lệ lao động được ĐTN của tỉnh từ 6,66% năm 2000 lên đến 27,8% năm 2010. Điểm đáng chú ý ngay từ đầu trong lãnh chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh là xác định ngành nghề đào tạo không chỉ theo định hướng chung hay danh mục ngành nghề của trung ương, mà chủ yếu phải theo định hướng PT KT-XH của tỉnh và từng huyện, từng xã. Các nghề, nhóm nghề tập trung đào tạo đều trên cơ sở các ngành, lĩnh vực trọng tâm, mũi nhọn mà tỉnh đang thực sự cần hoặc huyện, xã có thế mạnh, có điều kiện PT. Đây được coi là yếu tố cốt lõi định hướng cho công tác ĐTN của tỉnh Lào Cai đảm bảo tính ổn định, phù hợp và có hiệu quả lâu dài.

Bên cạnh đó, tỉnh Lào Cai đã sớm chủ động xã hội hóa CTĐTN, tranh thủ nguồn lực và sự tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh, đơn vị đào tạo ngoại tỉnh. Đây vừa là sự cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, vừa là biện pháp kịp thời để tập trung nguồn lực, chia sẻ trách nhiệm, tăng hiệu quả công tác ĐTN cho tỉnh trong điều kiện tỉnh nghèo, mới tái lập.

Tuy nhiên, tỷ lệ lao động đã được ĐTN chưa cân đối giữa các khu vực, trong khi mức trung bình toàn tỉnh là 27,8% năm 2010, vùng nông thôn mới đạt 16,8%. Tuy tỉnh đã quan tâm đến ĐTN cho lao động người DTTS, song chủ yếu họ tham gia các lớp nghề ngắn hạn, bộ phận tham gia học nghề dài hạn còn ít. Số lao động có việc làm sau khi học nghề có sự chênh lệch: đa số lao động học nghề CNKT có việc làm ổn định thường xuyên, song số lượng LĐNT chưa có việc làm sau khi học nghề ngắn hạn vẫn còn, đến năm 2010, còn 4.363 người thất nghiệp.

## **Tiểu kết chương 2**

Thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa Lào Cai sớm ra khỏi tình nghèo, trong những năm 2000 - 2010, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã kịp thời đề ra chủ trương về công tác ĐTN gắn với GQVL cho NLD phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Cùng với việc hoạch định chủ trương, Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các sở ngành, địa phương, các tổ chức CT-XH quan tâm thực hiện công tác ĐTN, góp phần nâng cao tỉ lệ lao động qua đào tạo nói chung, tỉ lệ lao động qua ĐTN nói riêng của tỉnh, GQVL cho hàng vạn người; đồng thời phục vụ nhu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, từ đó, thúc đẩy sự PT KT-XH tỉnh Lào Cai trong thập niên đầu của thế kỉ XXI. Kết quả ĐTN giai đoạn này đã tạo chuyển biến quan trọng về NNL tại chỗ cho địa phương, nhất là lao động CNKT; lao động người DTTS đã được quan tâm đào tạo.

Tuy nhiên, đây cũng là giai đoạn công tác ĐTN tập trung phát triển ở bề rộng, thông qua việc mở rộng mạng lưới cơ sở đào tạo nghề trên toàn tỉnh, xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo đa dạng, cách thức tổ chức học nghề phong phú hơn. Các đối tượng NLD khác nhau tuy đã được quan tâm và có các cơ sở đào tạo gắn với các tổ chức hội để tăng cường hoạt động dạy, học nghề nhưng chất lượng và hiệu quả đào tạo chưa cao. Tình hình trên đòi hỏi cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác ĐTN trong giai đoạn tiếp theo.

**Chương 3**  
**ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH**  
**CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ (2010 - 2020)**

**3.1. CÁC YẾU TỐ MÔI TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ**

**3.1.1. Đặc điểm tình hình và chủ trương của Đảng về đào tạo nghề**

**3.1.1.1. Tình hình thế giới**

Xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, cách mạng KHCN PT mạnh mẽ đã thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức. Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hoá trong quan hệ quốc tế tiếp tục PT nhưng các nước lớn vẫn chi phối các quan hệ quốc tế. Hoà bình, hợp tác và PT vẫn là xu thế lớn, chủ đạo trên thế giới nhưng có những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Những căng thẳng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, chiến tranh cục bộ, bạo loạn chính trị, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn diễn ra gay gắt. Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu hồi phục sau khủng hoảng tài chính thế giới những năm 2007 - 2008 nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Cạnh tranh về kinh tế - thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, công nghệ, nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao... giữa các nước tiếp tục gay gắt. Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, thiên tai, dịch bệnh, già hóa dân số... tiếp tục diễn biến phức tạp. Những yếu tố này tạo ra thuận lợi và khó khăn đan xen cho lĩnh vực LĐVL của nước ta, trong đó có ĐTN. Những khó khăn kinh tế thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến nền sản xuất trong nước, có thể làm giảm quy mô sản xuất, dẫn tới cắt giảm lao động trong các doanh nghiệp. Tuy vậy, việc nhiều quốc gia PT gặp khó khăn do ảnh hưởng của già hóa dân số lại tạo ra điều kiện cho một số nước đang PT như Việt Nam mở rộng TTLĐ nếu có tri thức và KN nghề nghiệp tốt.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á tiếp tục là khu vực phát triển năng động nhưng còn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt, xuất hiện các hình thức tập hợp lực lượng và đan xen lợi ích mới. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong khu vực. Về nhân lực, khu vực Đông Nam Á có lợi thế về lực lượng lao động trẻ, số lượng đông đảo, nằm trong môi trường PT năng động nên có tinh thần và ý chí sáng tạo, dễ tiếp cận với xu thế và công nghệ mới. Sự PT về kinh tế cũng thúc đẩy nhu cầu lao động mạnh mẽ trong khu vực, tạo ra cơ hội xuất khẩu lao động ra nước ngoài.

Bên cạnh thuận lợi, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng đặt ra vấn đề quốc tế hóa trong sản xuất và phân công lao động một cách sâu sắc và mạnh mẽ. NNL chất lượng cao sẽ quyết định lợi thế cạnh tranh của một quốc gia. Việc mở cửa hợp tác trong đào tạo, sử dụng nhân lực, dịch chuyển lao động giữa các nước diễn ra mạnh mẽ, NLD muốn tìm việc và dịch chuyển môi trường làm việc phải có kiến thức, kỹ năng thích ứng với TTLĐ. Điều này đặt phát triển GDNN trong môi quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhu cầu PT KT-XH, xây dựng bảo vệ Tổ quốc, tiến bộ KH-CN và yêu cầu PT NNL trong TTLĐ.

### ***3.1.1.2. Tình hình trong nước***

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, 10 năm thực hiện “*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010*”, tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại của đất nước tiếp tục ổn định. Quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD, Việt Nam ra khỏi nhóm các nước kém phát triển, trở thành nước có thu nhập trung bình. Hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước PT, kinh tế nông thôn và đời sống nông dân được cải thiện, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, PT các cụm công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp...có tác động tích cực đến

nền sản xuất, tạo việc làm và giảm nghèo. Lĩnh vực công nghiệp PT với một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định. Cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện; chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng tiếp tục được thể chế hoá thành luật pháp, cơ chế, chính sách ngày càng đầy đủ, đồng bộ hơn; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện; các yếu tố thị trường và các loại thị trường tiếp tục hình thành, PT; nền kinh tế nhiều thành phần có bước tiến mạnh. Trong những năm 2006 - 2010, số doanh nghiệp tăng hơn 2,3 lần và 7,3 lần về số vốn so với những năm 2001 - 2005. Sự ổn định và tăng tiến của nền kinh tế, sự ra đời các ngành nghề mới tạo thuận lợi cho CTĐTN mở rộng phạm vi, cơ cấu nghề, cũng đòi hỏi cơ quan lãnh đạo quản lý nhận diện sớm để lãnh chỉ đạo một cách chủ động, đón đầu được xu thế vận động của nền kinh tế.

Sau năm 2010, Việt Nam vẫn là quốc gia có dân số trẻ, quy mô dân số tương đối lớn (năm 2019 dân số nước ta có khoảng hơn 96 triệu người) và đang ở thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”. Đến 1/7/2011, lực lượng lao động nước ta 51,4 triệu người, chiếm 58,5% tổng dân số, trong đó, 50,35 triệu người có việc làm và 1,05 triệu người thất nghiệp; lực lượng lao động khu vực nông thôn chiếm 70,3%; trong tổng số 67,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên có hơn ba phần tư (77,0%) tham gia lực lượng lao động. Trong số lao động thất nghiệp, khu vực thành thị chiếm 49,8% và nữ chiếm 57,7% tổng số. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của khu vực thành thị là 3,6% và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động của khu vực nông thôn ở mức 3,56%. Lao động chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn so với mức chung của khu vực thành thị cả nước (3,82% so với 3,6%). Đối với lao động đã qua đào tạo, tỷ lệ thất nghiệp của những người có trình độ đại học trở lên là thấp nhất

(2,28%). Bên cạnh đó, trong 10 năm (2010 - 2020) chỉ số vốn nhân lực (HCI) của Việt Nam đã tăng từ 0,66 lên 0,69. Lực lượng lao động đông đảo, trình độ ngày một nâng cao là thuận lợi của Việt Nam trong chặng đường mới.

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, năng suất lao động xã hội của toàn nền kinh tế năm 2015 theo giá hiện hành đạt 79,3 triệu đồng/lao động (tương đương khoảng 3.657 USD/lao động), có sự cải thiện đáng kể, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 4,2%/năm (trong khi giai đoạn 2006-2010 tăng 3,4%/năm). Năng suất lao động năm 2015 tăng 23,6% so với năm 2010. Kết quả đó góp phần từng bước thu hẹp dần khoảng cách năng suất lao động Việt Nam so với nước ASEAN, song năng suất lao động của nước ta vẫn thấp hơn nhiều nước cùng khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan... Tình trạng đó xuất phát từ việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn còn chậm, lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, trong khi năng suất lao động ngành nông nghiệp thấp. Máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ còn lạc hậu; chất lượng, cơ cấu và hiệu quả sử dụng lao động chưa đáp ứng yêu cầu. Trình độ tổ chức, quản lý và hiệu quả sử dụng các nguồn lực còn nhiều bất cập.

Điều này đặt ra những yêu cầu đối với việc phát triển lực lượng lao động Việt Nam trong giai đoạn mới: NNL phải có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp tốt, năng lực thích ứng và sáng tạo trong điều kiện kinh tế tri thức, sự thay đổi nhanh của các thế hệ công nghệ, kinh tế số hiện diện ngày càng nhiều; nhân lực phải có khả năng tham gia lao động ở nước ngoài do tình trạng thiếu lao động ở nhiều quốc gia PT để phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng. Do đó, tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, chất lượng, hiệu quả và năng lực của hệ thống GDNN là xu thế bắt buộc nhằm bảo đảm nhu cầu doanh nghiệp, các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế; đào tạo NNL chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước PT trên thế giới, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong sự PT của cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu.

### **3.1.1.3. Tình hình tỉnh Lào Cai**

#### **\* Tình hình chung**

Với tinh thần năng động, chủ động trong khai thác tiềm năng, lợi thế, khơi thông “điểm nghẽn” trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, tỉnh Lào Cai đã từ một trong những tỉnh nghèo nhất cả nước, vươn lên trở thành tỉnh khá trong khu vực Tây Bắc, có được những tiền đề vững chắc để bước vào chặng đường PT mới. Trong những năm 2010 - 2020, Lào Cai hướng đến mục tiêu trở thành tỉnh PT khu vực Tây Bắc, tỉnh khá trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều sâu, nhất là chuyển dịch trong lĩnh vực nông nghiệp, tỉnh Lào Cai từng bước xây dựng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, chăn nuôi, tăng tỷ trọng ngành lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp. Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được thực hiện thiết thực, hiệu quả. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 61 xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới. Kết cấu hạ tầng nông thôn được tập trung đầu tư ngày càng đồng bộ. Diện mạo khu vực nông thôn thay đổi nhanh chóng.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp quan trọng trong PT kinh tế của tỉnh, đưa Lào Cai trở thành trung tâm luyện kim, hóa chất, phân bón của vùng và cả nước. Các dự án chế biến sâu khoáng sản được ưu tiên đầu tư, nhiều nhà máy đi vào hoạt động phát huy hiệu quả. Tiềm năng thủy điện được khai thác hợp lý. Các khu, cụm công nghiệp tiếp tục được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng. Thương mại nội địa phát triển nhanh, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

Du lịch trở thành ngành kinh tế “mũi nhọn” của tỉnh. Khu du lịch quốc gia Sa Pa được quy hoạch tổng thể, trở thành một khu du lịch trọng điểm quốc gia, từng bước nâng tầm quốc tế. Nhiều sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng cao được tập trung đầu tư như du lịch sinh thái (Tour du lịch leo núi Fansipang,

Lào Thần), du lịch cộng đồng (Tà Chải - Bắc Hà, Nghĩa Đô - Bảo Yên), du lịch nghỉ dưỡng (Sa Pa). Năm 2019, tỉnh Lào Cai thu hút lượng khách du lịch đạt kỷ lục với 5,1 triệu lượt người.

Từ cuối năm 2014, tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai chính thức đi vào hoạt động (9/2014), mở ra nhiều cơ hội PT cho tỉnh: Tiềm năng, lợi thế được khai thác hiệu quả; liên kết PT kinh tế với các tỉnh và giữa các ngành, lĩnh vực ngày càng đi vào chiều sâu; liên kết PT du lịch vùng Tây Bắc được tăng cường. Lào Cai ngày càng chủ động khai thác thuận lợi từ hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Những yếu tố này đem lại cơ hội và động lực rất quan trọng để Lào Cai có những bước phát triển nhanh, mạnh. Trong những năm 2010 - 2020, tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, nhất là giai đoạn 2015 - 2020, mặc dù phải đối mặt với những khó khăn lớn do tác động của dịch bệnh covid-19, song tăng trưởng kinh tế bình quân vẫn đạt 9,08%/năm.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2015 - 2020 xác định mục tiêu: Đến năm 2020, xây dựng Lào Cai trở thành tỉnh PT của khu vực Tây Bắc, trung tâm kinh tế, văn hóa, đối ngoại trong khu vực Tây Bắc, là điểm trung chuyển hàng hóa của các nước tiểu vùng sông Mê Kông, hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, chuyên dịch kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động hợp lý; là địa bàn quan trọng về hợp tác quốc tế với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); duy trì và phát huy được nét đẹp của văn hóa đa sắc tộc; bền vững về môi trường tự nhiên... Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2020 của tỉnh gồm: GRDP bình quân đầu người khoảng 72 triệu đồng; Tỷ trọng các ngành kinh tế dự kiến nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 13%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 44,5%, ngành dịch vụ chiếm 42,5%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,2%/năm; tỷ lệ dân số thành thị đến năm 2020 khoảng 25%. Giảm tỷ lệ nghèo bình quân khoảng 3 - 5%/năm, đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn so với bình quân của vùng. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%

(trong đó đào tạo nghề 55%); tạo việc làm mới bình quân hàng năm cho khoảng 55.000 - 60.000 người. Hoàn thành khoảng 50 xã đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, bằng 34,7% tổng số xã toàn tỉnh.

Sự PT kinh tế khiến nhu cầu về LĐVL ngày càng lớn. Đây là điều kiện thuận lợi cũng là yêu cầu đặt ra cho công tác ĐTN của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2010 - 2020. Bên cạnh đó, sự không ổn định của thị trường Trung Quốc và những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 khiến nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ bị thua lỗ, phá sản hoặc ngừng kinh doanh, việc làm và thu nhập của NLĐ bị ảnh hưởng trực tiếp. Ngoài ra, sự thay đổi nhanh chóng của diện mạo kinh tế gắn với sự ra đời các ngành nghề mới, kéo theo sự thay đổi trong nhu cầu học nghề của NLĐ, đòi hỏi CTĐTN phải có sự thay đổi phù hợp cả về cơ cấu ngành nghề, chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo đáp ứng yêu cầu mới.

*\* Tình hình dân số và lực lượng lao động*

Năm 2011, tỉnh Lào Cai có dân số trung bình là 638,1 nghìn người. Đến năm 2020, dân số trung bình toàn tỉnh là 746,36 nghìn người, trong đó dân số thành thị 197,21 nghìn người (chiếm 26,42%); dân số nông thôn 549,15 nghìn người (chiếm 73,58%); dân số nam 380,1 nghìn người (chiếm 50,93%); dân số nữ 366,25 nghìn người (chiếm 49,07%). Tổng tỷ suất sinh năm 2020 đạt 2,43 con/phụ nữ, tiếp tục duy trì ở mức sinh thay thế [23]. Trong toàn giai đoạn, dân số của tỉnh tăng lên hơn 100 nghìn người, mức sinh thay thế duy trì ổn định, đây là nguồn bổ sung lực lượng lao động quan trọng cho tỉnh.

Giai đoạn 2015 - 2020, trung bình hằng năm, toàn tỉnh có trên 8 nghìn người bước vào độ tuổi lao động. Năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên toàn tỉnh đạt 460,44 nghìn người, tăng 8,23 nghìn người so với năm 2019, trong đó lao động nam chiếm 52,16%; lao động nữ chiếm 47,84%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị chiếm 22,78%; lực lượng lao động ở nông thôn chiếm 77,22%.

Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2020

đạt 448,91 nghìn người, tăng 3,19 nghìn người so với năm 2019, trong đó: khu vực kinh tế Nhà nước 48,84 nghìn người, chiếm 10,88%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước 396,98 nghìn người, chiếm 88,43%; khu vực đầu tư nước ngoài 3,1 nghìn người, chiếm 0,69%. Lực lượng lao động đông đảo, nguồn bổ sung lao động tương đối ổn định tạo cho Lào Cai nhiều lợi thế để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành, lĩnh vực và PT KT-XH, song cũng đặt ra yêu cầu về đa dạng hóa và HĐH ngành nghề đào tạo để phù hợp với nhu cầu của thị trường và bản thân NLD.

NNL của Lào Cai vẫn còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa cao, đặc biệt là thiếu các cán bộ có trình độ chuyên môn cao và chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực. Theo thống kê của tỉnh, tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn giỏi, tay nghề giỏi còn ít (0,42% số người đang làm việc); tỷ lệ lao động có trình độ cao là người DTTS còn thấp (5,1% dân số), thiếu chuyên gia đầu ngành, CNKT giỏi. Nhân lực trình độ cao phân bố không đồng đều giữa các vùng, ngành kinh tế. Nhân lực (kể cả nhân lực trình độ cao) còn hạn chế về ngoại ngữ, tin học.

Giai đoạn này, lao động người DTTS vẫn chiếm tỉ lệ cao, song với những bước tiến về GD&ĐT, nhất là giáo dục phổ thông, trình độ học vấn của lực lượng lao động từng bước nâng lên, tuy vậy tác phong công việc vẫn còn hạn chế.

*Theo ông Phạm Mạnh Hà, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc công ty Đồng Tả Phời Vinacomin: lao động người DTTS tại công ty Đồng Tả Phời Vinacomin có trình độ cơ bản là trung cấp nghề, do công ty “đặt hàng” đào tạo; ưu điểm nổi bật của họ là gắn bó lâu dài với công ty bởi là người địa phương, tuy nhiên tác phong làm việc và ý thức học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn chưa cao.*

Ngoài ra, lao động Lào Cai vẫn phần nhiều phân bố ở khu vực nông thôn, trong khi giai đoạn này Trung ương và tỉnh Lào Cai tiếp tục đẩy mạnh thực

hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, hướng mạnh tới việc tạo việc làm, thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống cho người dân nông thôn. Đó là những yếu tố ảnh hưởng và góp phần tạo định hướng cho công tác ĐTN giai đoạn 2010 - 2020 của tỉnh Lào Cai.

#### **3.1.1.4. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề**

##### *\* Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về đào tạo nghề*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011) hướng đến mục tiêu PT bền vững đất nước, là Đại hội đánh dấu những bước tiến mới trong nhận thức về nhiều nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thể hiện tập trung trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Đại hội nhấn mạnh, phải không ngừng nâng cao chất lượng NNL, đặc biệt là NNL chất lượng cao để tạo nên sự PT nhanh, bền vững đất nước. Đại hội xác định coi trọng giáo dục đạo đức lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành của người học. Về lĩnh vực ĐTN, Đại hội chủ trương đẩy mạnh ĐTN đảm bảo nhu cầu PT của đất nước với mục tiêu đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, tỷ lệ lao động qua ĐTN chiếm 55% trong tổng số lao động.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, Hội nghị Trung ương 8 khoá XI đã ban hành Nghị quyết số 29/NQ-TW về *đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. Mục tiêu về GDNN được Nghị quyết xác định là: Tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp. Hình thành hệ thống GDNN với nhiều phương thức, trình độ đào tạo KN nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Từ mục tiêu đó, Nghị quyết xác định hệ thống các giải pháp nhằm đổi mới công tác GD&ĐT nói chung, GDNN nói riêng.

Tiếp đó, ngày 05 tháng 11 năm 2012 Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 19-CT/TW về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho LĐNT*. Chỉ thị ra đời trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, vấn đề việc làm và thu nhập cho LĐNT được đặt ra cấp bách; do đó, ĐTN cho LĐNT đang là một nội dung căn bản trong lĩnh vực ĐTN được Đảng, Nhà nước tập trung lãnh chỉ đạo. Chỉ thị đặc biệt nhấn mạnh:

“Đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động nói chung và LĐNT nói riêng có vai trò quan trọng việc phát huy nguồn lực phục vụ sự nghiệp dạy nghề cho LĐNT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH, xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững và xây dựng nông thôn mới” [32].

Chỉ thị xác định 6 nhiệm vụ căn bản, trong đó tập trung cao độ vào vấn đề: Dạy nghề cho LĐNT phải gắn với yêu cầu PT KT-XH, nhu cầu TTLĐ và NLĐ; đổi mới hoạt động dạy nghề cho LĐNT; chú trọng dạy nghề cho một số nhóm lao động như thanh niên, nông dân trực tiếp sản xuất, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người DTTS, lao động nữ, các đối tượng chính sách và lao động ở vùng đô thị hóa; nội dung dạy nghề chủ yếu là dạy thực hành và được thực hiện tại nơi sản xuất.

Ban Bí thư yêu cầu các Tỉnh ủy, Thành ủy phải tăng cường chỉ đạo cấp cơ sở trong việc xây dựng và thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch 5 năm và hằng năm về dạy nghề cho LĐNT, xác định các chỉ tiêu cụ thể về số lượng, chất lượng, cơ cấu lao động để triển khai, theo dõi, đánh giá. Mục tiêu phấn đấu lao động sau học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ có hiệu quả cao hơn đạt ít nhất 70% trong giai đoạn 2011-2015, 80% trong giai đoạn 2016 - 2020.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) của Đảng xác định chỉ tiêu về xã hội những năm 2016 - 2020 là: Đến năm 2020, tỉ lệ lao động nông nghiệp

trong tổng lao động xã hội khoảng 40%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65% - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Để đạt mục tiêu đó, Đại hội chỉ ra phương hướng: Phát triển GD&ĐT phải gắn với nhu cầu PT KT-XH xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ KH-CN, yêu cầu PT NNL và TTLĐ. Về lĩnh vực GDNN, văn kiện khẳng định: Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở GDNN, giáo dục đại học gắn với quy hoạch PT KT-XH, quy hoạch PT NNL. Xây dựng chiến lược PT NNL cho đất nước, từng ngành, từng lĩnh vực, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại NNL trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất kinh doanh, chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và kỹ năng thực hành... Đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với GDNN và giáo dục đại học.

*\* Chính sách của Nhà nước về ĐTN*

Cụ thể hoá chủ trương của Đảng về PT NNL trong tình hình mới, năm 2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2011 Quyết định phê duyệt “*Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020*”. Mục tiêu tổng quát là: Đưa nhân lực Việt Nam trở thành nền tảng và lợi thế quan trọng nhất để PT bền vững đất nước, hội nhập quốc tế và ổn định xã hội, nâng trình độ năng lực cạnh tranh của nhân lực nước ta lên mức tương đương các nước tiên tiến trong khu vực, trong đó một số mặt tiếp cận trình độ các nước PT trên thế giới; đến năm 2020, Việt Nam có trên 10 trường nghề đạt trình độ quốc tế; tỷ lệ lao động qua ĐTN năm 2015 đạt 40%, đến năm 2020 đạt 55%.

Tiếp đó, năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 phê duyệt “*Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020*” xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2020 là: ĐTN phải đáp ứng được nhu cầu của TTLĐ cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo của một số nghề đạt trình độ các nước PT trong khu vực

ASEAN và trên thế giới; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; phổ cập nghề cho NLD, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo vững chắc, đảm bảo an sinh xã hội. Về mục tiêu cụ thể, hướng đến nâng tỷ lệ lao động qua ĐTN đạt 40% vào năm 2015 và đạt 55% vào năm 2020.

Để thực hiện được mục tiêu đó, ngày 31 tháng 8 năm 2012, Quyết định số 1201/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015*” nhằm: Hỗ trợ PT đồng bộ 130 nghề trọng điểm ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế, hình thành 26 trường chất lượng cao (trong đó 5 trường đạt đẳng cấp quốc tế), hướng tới góp phần nâng tỷ lệ lao động qua ĐTN đạt 40% vào năm 2015; nâng tỷ lệ lao động tìm việc làm qua hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm lên khoảng 30%; hỗ trợ ĐTN, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho 80 nghìn - 120 nghìn lao động; hỗ trợ đào tạo lao động trình độ cao phục vụ xuất khẩu lao động; 60% lao động được ĐTN, 100% lao động được bồi dưỡng kiến thức cần thiết trước khi đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ tạo việc làm cho 0,7 - 0,8 triệu lao động thông qua các dự án vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm; tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và nghiên cứu khảo sát kinh nghiệm nước ngoài cho khoảng 20 nghìn lượt cán bộ làm công tác lao động, việc làm và dạy nghề từ Trung ương đến địa phương.

Ngày 27 tháng 11 năm 2014, Quốc hội khóa XIII ban hành *Luật Giáo dục nghề nghiệp* (Luật số 74/2014/QH13), thay thế Luật Dạy nghề. Luật gồm 8 chương, 79 điều, quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động của cơ sở GDNN; hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế trong GDNN; quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp; quyền, nghĩa vụ của giáo viên và học viên khi tham gia hoạt động GDNN, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động GDNN, giúp tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về GDNN.

Năm 2015, Chính phủ ban hành Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 *quy định chính sách hỗ trợ ĐTN trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng*. Trong đó, áp dụng với người học là phụ nữ, LĐNT, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng; ưu tiên người khuyết tật và người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người DTTS, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân. Quy định này là sự hỗ trợ của Nhà nước với LĐNT, lao động yếu thế khi tham gia các lớp ĐTN ngắn hạn. Mức hỗ trợ tùy đối tượng là từ tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học đến tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học. Ngoài ra, người học còn được hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Với người khuyết tật, mức hỗ trợ tiền đi lại là 300.000 đồng/người/khóa.

Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về *Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới*. Theo đó, tiêu chí “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” (tiêu chí 14.3), chỉ tiêu chung là từ 40% trở lên, chỉ tiêu với khu vực Trung du và miền núi phía Bắc là từ 25% trở lên; song tiêu chí “Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động” (tiêu chí 12) yêu cầu đối với tất cả các khu vực đều phải đạt từ 90% trở lên. Đây cũng là yếu tố chi phối để trong thời gian tiếp theo, đòi hỏi các địa phương phải tiếp tục đẩy mạnh công tác ĐTN cho LĐNT.

Đứng trước yêu cầu cấp bách về nhân lực trong thời kỳ hội nhập, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 về việc *tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*. Trong Chỉ thị đã nhấn mạnh việc trang bị KN nghề cho NLĐ trước yêu cầu PT là hết sức cần thiết và là nhiệm vụ của 1.954 cơ sở GDNN trên cả nước.

“Đổi mới đào tạo, dạy nghề trong hệ thống các trường ĐTN theo hướng phát triển NNL, chuyển đổi nghề nghiệp có kỹ năng phù hợp có thể tiếp thu, làm chủ, khai thác và vận hành hiệu quả, những tiến bộ công nghệ của Cách mạng công nghiệp thứ 4...” [129].

Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 về phê duyệt Đề án “*Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025*”, xác định mục tiêu chung: Tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào học các trình độ GDNN phù hợp với yêu cầu mới của đất nước và địa phương, nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo NNL quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế. Đây là cơ sở để các tỉnh thành xây dựng, thực hiện chương trình đề án riêng về giáo dục, tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh, góp phần tăng số lượng, chất lượng học viên tham gia đào tạo tại các cơ sở GDNN.

Chủ trương của Đảng và hệ thống chính sách pháp luật của Nhà nước là cơ sở để lãnh chỉ đạo, hướng dẫn cho các tỉnh thành phố quán triệt và triển khai CTĐTN cho NLĐ trong giai đoạn 2010 - 2020.

### **3.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Lào Cai về đào tạo nghề**

Nhằm đưa Lào Cai sớm ra khỏi tình nghèo, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV (2010) xác định một trong các vấn đề cơ bản là: Nâng cao chất lượng GD&ĐT, PT NNL, KHCCN, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao. Cải thiện đời sống nhân dân đi đôi với giảm nghèo, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội. Đại hội đề ra chỉ tiêu: Tạo việc làm mới cho 50.000 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 53,2%, trong đó tỷ lệ lao động qua ĐTN là 42,9%.

Để thực hiện mục tiêu đó, ngày 15/11/2011, Tỉnh uỷ Lào Cai ra Quyết định số 297-QĐ/TU phê duyệt “*Đề án Đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015*”. Đề án xác định mục tiêu tổng quát là đào tạo

đội ngũ lao động có trình độ tay nghề phù hợp yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế đất nước, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông lâm ngư nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và dịch vụ và trong nội bộ từng ngành, nhất là nông nghiệp; hoàn thành và vượt các mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh khoá XIV, nhiệm kỳ 2011 - 2015 đề ra. Mục tiêu cụ thể được xác định là ĐTN cho 63.950 lao động (trong đó, 2.320 lao động có trình độ Cao đẳng nghề; 8.660 lao động có trình độ Trung cấp nghề; 24.710 lao động có trình độ Sơ cấp nghề; dạy nghề dưới 3 tháng cho 28.260 lao động).

“Đến năm 2015, nâng tỷ lệ lao động qua ĐTN lên 42.9%, đáp ứng cơ bản yêu cầu ĐTN cho học sinh không thi đỗ vào đại học và học sinh không tiếp tục theo học chương trình phổ thông trung học có nhu cầu học nghề; nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ tư vấn ĐTN và việc làm, tăng tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo lên 70 - 75% vào năm 2015” [136].

Đặc biệt giai đoạn này, Đảng bộ tỉnh nhấn mạnh tập trung ưu tiên ĐTN cho NLD thuộc 35 xã của Đề án Xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 theo kế hoạch hàng năm, đảm bảo tỷ lệ lao động qua đào tạo tại các xã này đến cuối năm 2015 đều đạt trên 20%.

Để đạt được những mục tiêu đó, Đảng bộ đã xây dựng hệ thống giải pháp cụ thể gắn với điều kiện của tỉnh, tập trung vào các nhóm vấn đề như: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác ĐTN; tăng cường, nâng cao chất lượng, số lượng cán bộ làm công tác lao động, việc làm và dạy nghề ở cơ sở; nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyên truyền; nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các trường, trung tâm dạy nghề; tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa việc dạy nghề; xây dựng cơ chế, chính sách dạy nghề; triển khai tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chủ trương, chính sách đối với các cơ sở dạy nghề và học sinh học nghề; đa dạng hoá hình thức, phương pháp và cách thức đào tạo.

Đặc biệt nhấn mạnh giải pháp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy chính quyền với công tác ĐTN, tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo những nội dung cụ thể bao gồm: kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy đảng, chính quyền về công tác ĐTN và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn toàn tỉnh nói chung và tại 35 xã thuộc Đề án Xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai, những năm 2011-2015, định hướng cho các trường, trung tâm, cơ sở dạy nghề ưu tiên mở các lớp ĐTN tại 35 xã thuộc Đề án Xây dựng nông thôn mới, nhất là các ngành nghề phi nông nghiệp; UBND các huyện, thành phố, các sở, ngành xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hằng năm về đào tạo nâng cao chất lượng NNL; chủ động dự báo ngành nghề, cơ cấu và lộ trình đào tạo, từ đó chủ động cân đối nhân lực cho phát triển; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ (đối với cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về ĐTN và cán bộ quản lý trong các trường, trung tâm dạy nghề).

Trên cơ sở đánh giá kết quả CTĐTN giai đoạn 2010 - 2015, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XV nhiệm kỳ 2015 - 2020 chủ trương: PT NNL tăng nhanh về số lượng, đa dạng cơ cấu đào tạo lao động, đáp ứng yêu cầu PT của tỉnh. Các cơ sở dạy nghề được mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng theo hướng xã hội hóa. Chú trọng ĐTN cho lao động tái định cư, người DTTS, tăng cường đào tạo các nghề phi nông nghiệp phục vụ cho các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch. Trong định hướng đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT, PT NNL, Đảng bộ tỉnh chủ trương: Tăng cường hướng nghiệp cho học sinh; nâng tỷ lệ học sinh học lên THPT, trung học chuyên nghiệp, học nghề.

Đại hội nhấn mạnh vấn đề nâng cao chất lượng các cơ sở ĐTN của tỉnh; tập trung vào các nghề gắn với yêu cầu TTLĐ và định hướng của địa phương, cụ thể là:

*Đầu tư nâng cao chất lượng, hiệu quả các cơ sở đào tạo, trọng tâm là Trường Cao đẳng Nghề, Cao đẳng Cộng đồng, các trung tâm dạy nghề; ưu tiên đào tạo các ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông*

nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mở rộng hợp tác với các cơ sở ĐTN uy tín trong và ngoài nước. Gắn công tác dạy nghề với GQVL cho NLD. Huy động tốt nguồn lực xã hội để đa dạng hóa và PT các loại hình ĐTN [41, tr.126].

Đầu nhiệm kỳ, Tỉnh ủy xây dựng và ban hành 4 chương trình công tác trọng tâm gồm 19 đề án, trong đó, nội dung ĐTN được xác định tại 02 đề án: Đề án 06-ĐA/TU ngày 27/11/2015 về *Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020*, Đề án 09-ĐA/TU ngày 27/11/2015 về *Giảm nghèo bền vững tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020*.

Đề án 06-ĐA/TU ngày 27/11/2015 về *Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020* xác định nhiệm vụ GDNN như sau: Nâng cao năng lực đào tạo của các trường chuyên nghiệp để các trường này trở thành những *trung tâm đào tạo NNL có chất lượng cao* phù hợp tình hình và yêu cầu mới của tỉnh; thành lập Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai, tiến tới thành lập trường Đại học Phan Xi Păng; quy hoạch lại hệ thống các trường chuyên nghiệp, cơ cấu ngành, trình độ đào tạo của các trường theo hướng phù hợp nhu cầu xã hội; nâng cấp Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên Văn Bàn thành trường Trung cấp nghề.

Đề án 09-ĐA/TU về *Giảm nghèo bền vững tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020* xác định: tập trung *chuyển hướng mạnh ĐTN từ cung sang cầu TTLĐ* để đảm bảo nhu cầu sử dụng lao động qua ĐTN của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; tăng cường phối hợp, liên kết giữa trường Cao đẳng nghề Lào Cai với các trung tâm dạy nghề của tỉnh và các huyện, thành phố. Trong nhiệm vụ về bảo đảm việc làm, tạo thu nhập cho lao động nghèo, Tỉnh xác định chỉ tiêu tuyển mới, đào tạo và bồi dưỡng lại cho 70.500 lao động, nâng tỉ lệ lao động qua ĐTN lên 55% vào cuối năm 2020; đào tạo mới 60.500 lao động, trong đó trình độ cao đẳng nghề khoảng 3.000 người, trung cấp nghề khoảng 12.000 người, sơ cấp nghề và dưới 3 tháng khoảng 45.500 nghìn người.

Đề án 09-ĐA/TU tập trung ĐTN cho lao động khó khăn và lao động trong từng ngành theo yêu cầu, cụ thể là: dạy nghề cho khoảng 60% - 70% lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người DTTS, hộ mất đất sản xuất... gắn với nhu cầu TTLĐ; đào tạo khoảng 35.000 lao động cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã và đang hoạt động, khoảng 15.000 lao động cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được thành lập mới trong giai đoạn 2016 - 2020, khoảng 20.500 lao động phục vụ kinh tế hộ gia đình và tự tạo việc làm. Tập trung ĐTN cho lao động phục vụ các ngành mũi nhọn của tỉnh trong những năm 2016 - 2020, cụ thể là: Khách sạn, du lịch, nhà hàng và dịch vụ cá nhân; công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng; công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim; công nghệ kỹ thuật mỏ...

Như vậy, trong những năm 2010 - 2020, xuất phát từ chủ trương chung của trung ương Đảng và yêu cầu đẩy mạnh PT tỉnh Lào Cai, kế thừa những kết quả trong giai đoạn 2000 - 2010, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã tiếp tục hoạch định chủ trương mới về công tác ĐTN phù hợp với điều kiện mới của tỉnh, thể hiện nổi bật ở một số điểm:

*Thứ nhất*, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy đã tập trung xây dựng các chương trình, đề án ĐTN cho LĐNT nhằm cụ thể hóa chủ trương của trung ương, đồng thời xây dựng các chương trình, Đề án lồng ghép nhiệm vụ ĐTN (Đề án về giáo dục và đào tạo, Đề án giảm nghèo bền vững).

*Thứ hai*, trong mục tiêu giai đoạn này, Đảng bộ tỉnh nhấn mạnh yêu cầu chuyển hướng mạnh ĐTN từ cung sang cầu TTLĐ. Điều này gắn liền với kỳ vọng của tỉnh đẩy mạnh về chất công tác ĐTN, đào tạo phải đáp ứng được nhu cầu của TTLĐ trong, ngoài tỉnh.

*Thứ ba*, trong các nội dung của công tác ĐTN những năm 2010 - 2020, Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm và đưa ra nhiều giải pháp hướng đến việc đẩy mạnh, nâng cao chất lượng tuyên truyền, tăng cường phân luồng học sinh trung

học; kiện toàn, củng cố mạng lưới cơ sở đào tạo, nâng cao chất lượng ĐTN gắn với xây dựng một số cơ sở đào tạo trọng điểm của tỉnh.

*Thứ tư*, công tác ĐTN cho LĐNT của tỉnh giai đoạn này được kết hợp nhịp nhàng với việc thực hiện các nội dung trong Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, các chính sách hỗ trợ được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

## **3.2. ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ**

### **3.2.1. Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm**

#### **3.2.1.1. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng bộ tỉnh, chỉ đạo đẩy mạnh triển khai tuyên truyền về đào tạo nghề**

Thực hiện các Đề án về ĐTN và ĐTN cho LĐNT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2020, việc tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về ĐTN tiếp tục được Tỉnh xác định là nội dung nhiệm vụ cơ bản, chỉ đạo các ban, sở, ngành, đơn vị, địa phương đa dạng hóa nội dung, hình thức, biện pháp, phối hợp tốt với Sở LĐ-TB&XH tổ chức tuyên truyền.

Hội đồng nhân dân tỉnh giữ vai trò chủ yếu trong việc quyết nghị các khoản thu và chính sách hỗ trợ ĐTN, giám sát việc thực hiện Đề án, hoạt động của các cơ sở ĐTN, bởi vậy có trách nhiệm tuyên truyền nhanh chóng, chính xác đến NLĐ trên địa bàn tỉnh để họ nắm được chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước dành cho mình, có thêm động lực tham gia các lớp học nghề. Đơn vị đã thông tin kịp thời và công khai các báo cáo kết quả giám sát này tới người dân trên các phương tiện truyền thông, cuộc họp, hội nghị các cấp, hệ thống loa phát thanh của xã, phường, thị trấn; phổ biến Nghị quyết số 08/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực GD&ĐT, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị quyết số 37/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà năm học 2015 - 2016; mức thu học phí đối với

các cơ sở giáo dục đại học và GDNN thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của UBND tỉnh từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2018 về nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2020; Kế hoạch số 92/KH-UBND 13/5/2019 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo số 78/BC-HĐND ngày 5 tháng 12 năm 2012 giám sát việc thực hiện Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo số 67/2015/BC-HĐND Kết quả giám sát công tác ĐTN, GQVL cho NLĐ giai đoạn 2014 - 2015; tổ chức hoạt động của trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên..

UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng hệ thống kế hoạch thực hiện đề án hằng năm như: Kế hoạch số 60/KH-UBND về triển khai, thực hiện Đề án 17 ĐTN cho NLĐ tỉnh Lào Cai, năm 2012; Kế hoạch số 07/KH - UBND 18/01/2013 về điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề cho LĐNT năm 2013; Kế hoạch số 90/KH-UBND về triển khai, thực hiện Đề án 17 ĐTN cho NLĐ tỉnh Lào Cai năm 2014; Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 09/6/2016 về triển khai, thực hiện Đề án "Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020"; Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 21/9/2016 về ĐTN nông nghiệp cho LĐNT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 - 2020. Trên cơ sở các chỉ tiêu giao, hằng năm các đơn vị địa phương tiến hành tuyên truyền thường xuyên, nhất là mùa cao điểm về LĐVL (như mùa hè, dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán), vận động tham gia học nghề gắn với đặc điểm, nhu cầu của doanh nghiệp, địa phương và mong muốn của chính NLĐ. Từ năm 2011 đến năm 2015, tỉnh đã tổ chức 60 lớp tuyên truyền cho 4.800 lượt người lao động được tiếp cận với chính sách học nghề và việc làm.

Điểm nổi bật trong chỉ đạo ĐTN những năm 2010 - 2020 là định hướng việc đào tạo phải gắn với nhu cầu thị trường, nhu cầu người học bên cạnh việc

gắn với nhu cầu PH KT-XH tỉnh như trước đó. Vì thế, các Kế hoạch hằng năm của tỉnh khi xây dựng và phân bổ số lượng học viên phải tính đến điều này. Năm 2017, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 5 tháng 4 năm 2017 về việc nâng cao chất lượng GDNN cho NLD tỉnh Lào Cai. Đề cập những hạn chế, UBND tỉnh chỉ rõ: "...Một bộ phận lớn người lao động chưa hiểu đúng và lựa chọn nghề phù hợp với năng lực; vẫn còn tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp trong một bộ phận người lao động" [184].

Để khắc phục tình trạng đó, UBND tỉnh yêu cầu Tỉnh Đoàn, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn các hội viên nâng cao nhận thức, ý thức, thái độ nghề nghiệp; nắm bắt nhu cầu học nghề và việc làm của các hội viên; quan tâm, giúp đỡ các thành viên trong quá trình học nghề và tìm việc làm.

Để tăng cường hiệu quả thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ trong Đề án, Tỉnh đã tích cực chỉ đạo các Huyện ủy, Thành ủy cụ thể hóa, xây dựng Đề án cấp huyện, xây dựng các chỉ tiêu, giải pháp phù hợp với từng địa phương; chỉ đạo cấp xã xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện chỉ tiêu Đề án tại cấp xã; tiến hành tuyên truyền thực hiện Đề án với các biện pháp đa dạng và linh hoạt như thông qua các buổi họp thôn, tuyên vận của xã; in tờ rơi thông tin về tuyển sinh chuyển đến tay NLD ở các xã; phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trong và ngoài tỉnh phát tờ rơi giới thiệu việc làm, ngành nghề tuyển dụng; phối hợp với ban văn hóa xã phát thanh các thông tin tuyển dụng lao động trên loa của thôn, xã để NLD, nhất là nông dân nắm được thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động. Trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh ủy, các địa bàn có đặc điểm tự nhiên, xã hội, dân cư khác nhau sẽ có những nội dung, cách thức tuyên truyền linh hoạt:

*Thành phố Lào Cai và huyện Bảo Thắng* là địa bàn vùng thấp của tỉnh, có các khu công nghiệp như Tăng Lông, Đông Phố Mới, Bắc Duyên Hải, tỉ lệ người DTTS ít, trình độ dân trí và đời sống của người dân cao hơn so với mặt

bằng chung toàn tỉnh. Vì thế, việc tuyên truyền chủ yếu hướng đến giới thiệu các chương trình ĐTN dài hạn, các nghề phi nông nghiệp, dịch vụ như: học tiếng Trung Quốc, chăm sóc sắc đẹp, cơ khí mở, luyện kim...

*Các huyện nghèo, vùng cao*, chủ yếu là đồng bào DTTS như Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà, việc tuyên truyền trước hết hướng tới thuyết phục được người dân tham gia học nghề, sau đó mới giới thiệu các ngành nghề phù hợp. Một trong những cách hiệu quả ở đây là tuyên truyền tại các phiên chợ. Đặc thù văn hóa vùng cao khiến cho người dân tập trung đến chợ phiên rất đông, công chức văn hóa - xã hội xã, chuyên viên phòng LĐ-TBXH huyện tranh thủ địa điểm này để phát tờ rơi và hướng dẫn trực tiếp cho NLD viết hồ sơ học nghề nếu cần. Ngoài ra, trong khi tuyên truyền thường nhấn mạnh đến các thuận lợi như lớp tổ chức tại xã, thôn, được miễn học phí, khoản hỗ trợ NLD được nhận nếu tham gia học nghề... để khuyến khích người dân đăng kí các khóa học.

Việc thông tin được đẩy mạnh trên tất cả các kênh, có sự tham gia của các cơ quan liên quan. Hằng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn như Sở LĐ-TB&XH; Sở GD&ĐT; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Báo Lào Cai; UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung giới thiệu chỉ tiêu, kế hoạch ĐTN của địa phương; giới thiệu về ứng dụng *Chọn nghề - Chọn trường* trên thiết bị di động do Tổng cục GDNN xây dựng; các trang Website của Sở LĐ-TBXH...

Trong những năm 2010-2020, tỉnh Lào Cai đã tích cực chủ động xây dựng chuyên mục «*Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm*» trên cổng thông tin điện tử việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm, in ấn áp phích, tờ rơi với nội dung các ngành nghề đào tạo và các chính sách dạy nghề cho LĐNT, lao động người DTTS và thông tin TTLĐ, việc làm, xuất khẩu lao động gửi đến 164 xã phường, thị trấn (từ năm 2020 là 152 xã, phường, thị trấn), hơn 2.000 nhà văn hóa thôn bản.

Đài Phát thanh truyền hình của tỉnh và các huyện, thành phố, Báo Lào Cai đã thực hiện trên 30 phim phóng sự, hơn 800 tin bài phản ánh về công tác đào tạo, học nghề được phát sóng trên truyền hình Lào Cai, sản xuất được hơn 155 tin, bài; ngoài ra duy trì hiệu quả các chuyên mục, chuyên đề “Nông nghiệp và phát triển nông thôn”, “Khoa học đời sống”, “Kinh tế và phát triển”, “Chung tay xây dựng Nông thôn mới” phát sóng hàng tuần, dịch ra 3 tiếng dân tộc (Mông, Dao, Giáy) phục vụ bà con đồng bào vùng cao [192].

Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thành công cuộc thi bài viết hay về chủ đề “Xây dựng nông thôn mới” trên bản tin số Xuân, tham gia trưng bày tại Hội Báo Xuân tỉnh Lào Cai hàng năm; hỗ trợ Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện 30a (Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai), các huyện 30b (Sa Pa) phát sóng 86 chương trình phát thanh và 46 chương trình truyền hình; đặt 05 chương trình phát thanh phát trên đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và in sao đĩa gửi về các trạm truyền thanh xã để phát lại nội dung tuyên truyền các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Tổ chức các đoàn công tác đến các xã được phân công phụ trách để hướng dẫn, đôn đốc tuyên truyền. Sở NN&PTNT đã phối hợp tổ chức phát tờ rơi phổ biến chính sách, các quy định về dạy nghề, quyền lợi và nghĩa vụ của người học.

### ***3.2.1.2. Chỉ đạo công tác điều tra khảo sát, tư vấn học nghề và việc làm***

*Về điều tra, khảo sát lao động việc làm:* Lào Cai đặc biệt quan tâm đổi mới các hoạt động dạy nghề và việc làm, trong đó chú trọng điều tra thông tin LĐVL và khảo sát nhu cầu NLĐ. Việc điều tra thông tin LĐVL được tiến hành hằng năm, với các chỉ số cơ bản: Dân số trong độ tuổi lao động; số lao động được GQVL mới trong năm; số lao động chưa có việc làm ổn định; số lao động tham gia trong nền kinh tế; tỉ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động; tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị, tỉ lệ sử dụng thời gian LĐNT; tổng số lao động được tạo việc làm trong từng lĩnh vực (nông - lâm - ngư nghiệp; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ); số lao động đi xuất khẩu lao động; số doanh

nghiệp hoạt động trên địa bàn và số lao động làm việc trong các doanh nghiệp. Những chỉ số này tiếp tục là cơ sở để tính dự báo nhu cầu TTLĐ, xu hướng biến động của lao động để xây dựng kế hoạch phù hợp.

Nhằm khắc phục hạn chế giai đoạn trước, Tỉnh chỉ đạo bổ sung vấn đề khảo sát nhu cầu ĐTN, việc làm cho NLD hằng năm trước khi giao chỉ tiêu (nhất là chương trình ĐTN cho LĐNT theo chương trình mục tiêu Quốc gia). Việc điều tra khảo sát được thực hiện từ thôn tới từng hộ gia đình nhằm nắm bắt được mong muốn của NLD một cách cụ thể (LĐNT cần học nghề gì, lao động DTTS muốn học nghề gì, lao động ở các địa phương đang PT du lịch cần học nghề gì, định hướng việc làm của họ như thế nào - tự xây dựng mô hình sản xuất tại địa phương hay đi làm cho các công ty, doanh nghiệp...). Trên cơ sở định hướng PT kinh tế của địa phương và nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tỉnh đã xây dựng, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề đào tạo trong năm cho phù hợp, vừa đáp ứng sát nguyện vọng của các nhóm tham gia TTLĐ, vừa tránh lãng phí ngân sách và nguồn lực của địa phương.

*Về tư vấn học nghề và việc làm cho NLD:* Hoạt động tư vấn học nghề và việc làm cho NLD có nhiều đổi mới nên đã huy động sự tham gia của cả các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề, trường học bậc phổ thông; cách thức biện pháp đa dạng và hiệu quả cao hơn.

Các trường, trung tâm dạy nghề đã chủ động kết nối với các trường phổ thông trên địa bàn để gửi thông tin tuyển sinh, cơ cấu ngành nghề đào tạo..., tham gia ngày hội tư vấn hướng nghiệp hằng năm, xây dựng website của trường, thường xuyên đưa tin bài về hoạt động đào tạo. Từ năm 2016 đến năm 2020, một số cơ sở đào tạo như: trường Cao đẳng sư phạm Lào Cai, Cao đẳng nghề Lào Cai còn xây dựng các video về nhà trường đăng tải trên website và mạng xã hội để quảng bá.

Trung tâm Dịch vụ việc làm (trước đây là Trung tâm Giới thiệu việc làm, trực thuộc Sở LĐ-TB&XH) phối hợp với phòng LĐ-TB&XH cấp huyện,

Trung tâm dạy nghề cấp huyện thông tin LĐVL; giới thiệu việc làm cho lao động đã đăng ký tìm việc; thông báo tuyển sinh cho các trường trung cấp, cao đẳng, đại học có nhu cầu tuyển sinh tại tỉnh Lào Cai. Đây là điểm thuận lợi vì trung tâm có nhiệm vụ phối hợp ĐTN nên sau khi tư vấn học nghề, trung tâm có thể tư vấn làm hồ sơ và trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký, giới thiệu học nghề, phối hợp quản lý học nghề, tuyển sinh và đào tạo cho lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp, phối hợp với các trường quản lý đào tạo các lớp học hiện có. Ngày hội việc làm được đều đặn tổ chức hằng tháng ở trung tâm để thông tin về học nghề, việc làm và kết nối NLĐ với doanh nghiệp. Trong những năm 2011 - 2015, trung tâm đã tư vấn về nghề nghiệp việc làm cho 10.687 lượt người có nhu cầu trên cả kênh trực tiếp và trực tuyến. Đến những năm 2016 - 2020, “Ngày hội việc làm” được mở rộng, Trung tâm phối hợp với Phòng LĐ-TBXH huyện tổ chức “Ngày hội việc làm” tại các huyện 02 lần/năm, tư vấn trực tiếp, giới thiệu chỉ tiêu các ngành nghề đang đào tạo của các cơ sở dạy nghề trong tỉnh; tư vấn các chế độ chính sách cho NLĐ; mở chuyên mục thông tin LĐVL trên website việc làm của Trung tâm. Thông tin nghề và việc làm thông qua website việc làm do Cục việc làm cung cấp tại địa chỉ <http://vllaocai.vieclamvietnam.gov.vn> chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3/2012 từng bước đã được NLĐ biết đến.

Trên website việc làm của Trung tâm, lượng truy tăng dần theo các năm: năm 2012, tổng số lượng người truy cập vào Website là 150.037 lượt người; 300 thành viên đăng ký mới; số tin bài đăng trên Website là 250 tin bài; đưa 450 lượt thông tin người tìm việc và tuyển sinh - tuyển lao động của các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh lên Website việc làm của Trung tâm. Năm 2015, lượng truy cập vào website đạt 330.000 lượt; Số tin, bài về thông tin TTLĐ được đăng tải là 540 tin, bài [154].

UBND tỉnh tổ chức Hội nghị đối thoại về ĐTN và GQVL với các cơ sở GDNN và các doanh nghiệp đang sử dụng nhiều lao động trên địa bàn tỉnh để nắm bắt nhu cầu sử dụng và tuyển dụng lao động qua ĐTN của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo, định hướng và nâng cao hiệu quả CTĐTN trên địa bàn tỉnh; ở chiều ngược lại, Tỉnh lắng nghe mong muốn của doanh nghiệp về trình độ, KN của lao động, đồng thời thông tin với doanh nghiệp về định hướng ĐTN của tỉnh; xúc tiến ký kết ĐTN theo đơn đặt hàng giữa ba bên: Cơ quan quản lý nhà nước - Trường đào tạo - Doanh nghiệp có nhu cầu.

Tiếp nối chủ trương đẩy mạnh ĐTN, GQVL cho thanh niên của Đảng bộ tỉnh, trong những năm 2010 - 2020, Tỉnh đẩy mạnh chỉ đạo *tư vấn và giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông*. Bên cạnh các hoạt động dạy và học nghề như trước đây, tỉnh chỉ đạo chú trọng đến vấn đề hướng nghiệp sát với nhu cầu người học và nhu cầu TTLĐ, đối tượng mở rộng hơn đến học sinh THCS. Từ năm 2015 đến hết năm 2020, toàn tỉnh đã tư vấn định hướng nghề nghiệp, việc làm và phân luồng cho trên 30.000 lao động (trong đó, trên 80% là thanh niên) và trên 27.000 lượt học sinh (100% là thanh niên), phụ huynh tại các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh; tổ chức trên 200 hội nghị, phiên giao dịch việc làm để tư vấn về chính sách lao động, việc làm cho trên 200 nghìn lao động, trong đó có trên 70% là thanh niên [28].

Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai đã có sáng kiến xây dựng mô hình *Trường học gắn với thực tiễn* bắt đầu chỉ đạo triển khai từ năm học 2015 - 2016 trong hệ thống các trường THCS, THPT toàn tỉnh. Trong đó, một số mô hình trường học có ý nghĩa tích cực đối với việc tư vấn và giáo dục hướng nghiệp, việc làm cho học sinh như mô hình “Trường học sinh thái”, “Trường học gắn với nông nghiệp”, “Trường học gắn với du lịch”, “Trường học đa văn hóa”. Trong các mô hình này, trường thường mời những người có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực đến hướng dẫn, chia sẻ với học sinh. Thông qua đó, lồng ghép nội dung tư vấn hướng nghiệp và góp phần tìm hiểu, định hướng nghề cho học

sinh từ bậc THCS. Mô hình “Trường học sinh thái”, “Trường học gắn với nông nghiệp” “Trường học gắn với du lịch” phát huy tác dụng tích cực khi nhà trường mời chủ cơ sở sản xuất kinh doanh điển hình tại địa phương, hướng dẫn viên du lịch... đến chia sẻ kinh nghiệm và học sinh được trải nghiệm công việc thực sự như: hoạt động “một ngày làm hướng dẫn viên du lịch”; trang trí cổng trường học thành một điểm “check - in”; trồng, chăm sóc vườn rau trong trường đến khi thu hoạch; nuôi gà, lợn đến khi xuất chuồng (có thể sử dụng trong bữa ăn bán trú, nội trú hoặc bán để gây quỹ lớp)... Mô hình “Trường học đa văn hóa” có một số câu lạc bộ như thêu thổ cẩm, ẩm thực dân tộc... do các nghệ nhân DTTS dạy cho học sinh, là một biện pháp truyền nghề để giữ gìn các nghề truyền thống của địa phương.

Gắn với thực hiện Đề án 522/ĐA-CP năm 2018 của Chính phủ, hoạt động phân luồng học sinh, giáo dục tư vấn hướng nghiệp được nâng cao số lượng, hình thức và chất lượng trong giai đoạn 2018 - 2020. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 23/2/2018 về phân luồng học sinh THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018-2020, định hướng đến 2025; Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019 - 2025. Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai đã xây dựng chuyên mục *Hướng nghiệp - Phân luồng* trên cổng thông tin của Sở để cung cấp thông tin cho các nhà trường và người dân; tổ chức bồi dưỡng kiến thức hướng nghiệp cho 100% giáo viên dạy hướng nghiệp; tổ chức 02 đợt tuyên truyền về hướng nghiệp, phân luồng học sinh/năm; tổ chức Ngày hội tư vấn, hướng nghiệp hằng năm; thi tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp; các hoạt động giao lưu của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân.

Trong những năm 2015 - 2018, việc triển khai thí điểm dạy nghề tại các trường THPT có kết quả tích cực trong bồi dưỡng KN trồng trọt, chăn nuôi, điện gia dụng, kinh doanh... cho học sinh. Học sinh được thực hành tại nhà

trường, được trải nghiệm tại các cơ sở sản xuất, qua đó hình thành KN lao động, hình thành ý tưởng khởi nghiệp được ứng dụng vào thực tế.

Sở GD&ĐT đã phối hợp với dự án AEA (Aide et Action) xây dựng tài liệu hướng nghiệp cho học sinh THPT và cung cấp cho giáo viên dạy hướng nghiệp. Đồng thời, Sở tham mưu UBND tỉnh một đề tài khoa học cấp tỉnh “Xây dựng bộ tài liệu hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh trung học trên địa bàn tỉnh Lào Cai”. Sau khi đề tài được nghiệm thu sẽ trở thành tài liệu để tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên phụ trách hướng nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Trong khuôn khổ dự án “Chương trình Phát triển cộng đồng thông qua giáo dục” xây dựng, triển khai thí điểm tài liệu hướng nghiệp dành cho học sinh tại 6 trường THPT huyện Bắc Hà, thị xã Sa Pa và thành phố Lào Cai từ năm 2020 (dự kiến triển khai nhân rộng ở các trường THPT trong tỉnh từ năm học 2021-2022).

### **3.2.2. Chỉ đạo đẩy mạnh củng cố, phát triển hệ thống trường đào tạo nghề**

*Chỉ đạo củng cố, kiện toàn hệ thống trường nghề:* Tỉnh đã chỉ đạo rà soát, kiểm tra, đánh giá thực trạng hệ thống cơ sở dạy nghề trên toàn tỉnh về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, năng lực dạy nghề, chất lượng học viên... để chỉ đạo triển khai củng cố, kiện toàn mạng lưới trường nghề toàn tỉnh, trong đó: giai đoạn 2011 - 2015, mở rộng mạng lưới trường nghề với trọng tâm là xây dựng trường Cao đẳng nghề Lào Cai; giai đoạn 2016 - 2020, kiện toàn, sáp nhập, tập trung nâng cao năng lực của các cơ sở dạy nghề, trọng tâm là hình thành trường Cao đẳng Lào Cai và thành lập Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai.

Đề án ĐTN giai đoạn 2011 - 2015 đã xác định *Dự án đầu tư nâng cao năng lực dạy nghề* với trọng điểm là nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở dạy nghề, chủ yếu hướng vào đầu tư xây dựng cơ bản; đầu tư trang thiết bị các trường, trung tâm dạy nghề: tập trung nâng cấp trường Trung cấp nghề tỉnh Lào Cai đến năm 2015 trở thành trường Cao đẳng nghề; nâng cấp trung tâm

dạy nghề Văn Bàn thành trường Trung cấp nghề; thành lập 02 đến 03 cơ sở ngoài công lập, đến năm 2015 tỉnh có 44 cơ sở dạy nghề gồm: trường Cao đẳng nghề, 02 trường Trung cấp nghề, trường Trung học Y tế, 19 Trung tâm dạy nghề (16 trung tâm công lập, 03 cơ sở dạy nghề tư thực), 21 cơ sở, hợp tác xã, hộ gia đình thực hiện dạy và kèm cặp nghề. Trên thực tế, đến năm 2015 tỉnh Lào Cai đã xây dựng được mạng lưới 45 cơ sở dạy nghề, gồm: 01 trường Cao đẳng nghề, 01 trường Trung cấp nghề, 02 trường chuyên nghiệp có hoạt động dạy nghề, 14 trung tâm dạy nghề (13 trung tâm công lập, 01 trung tâm tư thực), 02 trung tâm giới thiệu việc làm có chức năng dạy nghề, 25 cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã tham gia dạy nghề.

Trường Cao đẳng nghề Lào Cai được thành lập trên cơ sở nâng cấp trường Trung cấp nghề Lào Cai, tại Quyết định số 1905/QĐ-LĐTBXH ngày 27/12/2012 của Bộ LĐ-TB&XH. Sau khi thành lập, trường là cơ sở duy nhất của tỉnh dạy nghề kỹ thuật ở cả 03 trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nghề. Đến năm 2015, trường xây dựng 8 khoa chuyên môn cơ bản và 02 trung tâm, gồm các khoa cơ khí, điện - điện tử, nông lâm nghiệp, động lực, khoa học cơ bản, thương mại - du lịch, xây dựng, dạy nghề DTTS và trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe ô tô, trung tâm tin học ngoại ngữ. Trường đào tạo 34 mã nghề, trong đó trình độ cao đẳng có 03 nghề (điện công nghiệp, công nghệ ô tô, thú y). Trường Cao đẳng nghề Lào Cai được thành lập đã hiện thực hóa mục tiêu hình thành 01 cơ sở dạy nghề trọng điểm của tỉnh - tập trung đào tạo số lượng lớn học viên, mã nghề đào tạo đa dạng, cấp độ cả dài hạn và ngắn hạn. Đây là sự chuyển biến quan trọng nhằm tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng dạy nghề cho địa phương.

Nhằm kiện toàn và nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dạy nghề giai đoạn 2016 - 2020, năm 2015, Thường trực Tỉnh ủy ra Thông báo số 2796 - TB/TU ngày 19/5/2015, UBND tỉnh có Công văn số 2471/UBND - VX ngày 12/6/2015 về đánh giá thực trạng cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh đến hết năm

2015. Từ đây, Tỉnh chỉ đạo củng cố, kiện toàn và sáp nhập các cơ sở dạy nghề, tập trung nâng cao năng lực dạy nghề và tiến tới hình thành trường nghề chất lượng cao. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh đã kiện toàn từ 45 cơ sở dạy nghề xuống còn 41 cơ sở, trong đó: 14 trường, trung tâm dạy nghề và 27 trường học, trung tâm, cơ sở sản xuất kinh doanh có hoạt động dạy nghề.

Theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, những năm 2015 - 2020, Tỉnh thành lập Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai; sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trung học Y tế vào Trường Cao đẳng Lào Cai; sáp nhập Trung tâm GDNN và Trung tâm giáo dục thường xuyên thành Trung tâm GDNN và giáo dục thường xuyên (kết hợp học chương trình GDPT với học nghề).

Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai được thành lập theo Quyết định số 6189/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, trụ sở tại tổ 13 phường Bình Minh, thành phố Lào Cai. Phân hiệu được thành lập đã giải quyết nhu cầu đào tạo NNL của các tỉnh Tây Bắc nói chung, Lào Cai nói riêng. Tỉnh Lào Cai đã dành quỹ đất 68.000 m<sup>2</sup> và một số hạng mục công trình mới đầu tư xây dựng của trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai cho Phân hiệu. Đến năm 2019, trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai được sáp nhập vào Phân hiệu Đại học Thái Nguyên.

Trường Cao đẳng Lào Cai được đổi tên từ trường Cao đẳng nghề Lào Cai theo Quyết định số 761/QĐ-LĐTĐ ngày 24/5/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH. Ngày 01/11/2018 tại Quyết định số 1522/QĐ-LĐTĐ của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH đã chính thức sáp nhập trường Cao đẳng Cộng đồng, trường Trung học Y tế vào trường Cao đẳng Lào Cai. Đến tháng 3 năm 2019, Trường sáp nhập thêm Trung tâm Đào tạo Hán ngữ trực thuộc Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai (theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 01/03/2019 của UBND tỉnh Lào Cai); Trung tâm Thực nghiệm và biểu diễn trực thuộc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (theo Quyết định

số 560/QĐ-UBND ngày 08/03/2019 của UBND tỉnh Lào Cai). Đến cuối năm 2019, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 phê duyệt “Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Lào Cai giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó, xác định mục tiêu xây dựng Trường trở thành cơ sở đào tạo trọng điểm, chất lượng cao của tỉnh và khu vực Tây Bắc. Trường trở thành trường Cao đẳng duy nhất của tỉnh Lào Cai, ĐTN từ sơ giản đến chuyên sâu ở cả 3 trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng, phục vụ nhu cầu của lao động trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Thực hiện Thông tư Liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19 tháng 10 năm 2015 giữa Bộ LĐ-TBXH, Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ, cuối năm 2015, tỉnh Lào Cai đã tiến hành sáp nhập các trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện với trung tâm giáo dục thường xuyên thành Trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên tại tất cả các huyện, thành, bắt đầu thực hiện mô hình vừa học nghề vừa học chương trình giáo dục phổ thông tại trường.

*Về quy mô tuyển sinh học nghề:* Trong những năm 2011 - 2015, tổng quy mô được tuyển sinh, đào tạo của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh là 8.600 học sinh, sinh viên/năm, gồm: Trường Cao đẳng nghề Lào Cai được Tổng cục Dạy nghề cấp phép đào tạo 34 mã nghề, quy mô đào tạo: 2.300 học sinh, sinh viên/năm; Trường Trung cấp nghề Công ty Apatit Việt Nam được Sở LĐ - TBXH cấp phép đào tạo 11 mã nghề, trong đó 7 mã nghề trình độ trung cấp; 4 mã nghề trình độ sơ cấp, quy mô đào tạo: 1.000 học sinh, sinh viên/năm; Trung tâm dạy nghề có quy mô đào tạo 2.600 người/năm; các cơ sở dạy nghề khác có đăng ký hoạt động dạy nghề gồm 05 đơn vị với quy mô đào tạo 2.700 học viên/năm.

Từ năm 2016 đến năm 2020, quy mô tuyển sinh của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai là 200 sinh viên/năm, các Trung tâm GDNN 3.000 người/ năm (trong đó liên kết đào tạo trung cấp 1.000 người/ năm); Trường trung cấp nghề Apatit Lào Cai quy mô tuyển sinh 300 học sinh/năm;

một số cơ sở đào tạo ngoài tỉnh đến đặt địa điểm, liên kết đào tạo tại Lào Cai khoảng 800 người/năm...

*Về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị:* Hầu hết các Trường, Trung tâm Dạy nghề công lập, tiêu biểu là trường Cao đẳng nghề Lào Cai (từ năm 2018 là Cao đẳng Lào Cai), được cấp trên 35 tỷ đồng cho xây dựng cơ bản, Bộ LĐ - TBXH đầu tư trang thiết bị dạy nghề trị giá 17,8 tỷ đồng, đặc biệt là đầu tư cho 03 nghề trọng điểm cấp quốc gia. Từ năm 2011 đến năm 2015, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp dạy nghề tỉnh, Trung tâm dạy nghề thành phố Lào Cai, huyện Văn Bàn, Bát Xát... được đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ, xưởng thực hành, nhà kí túc xá; mua sắm trang thiết bị thực hành dạy nghề cho 03 đến 09 nghề, nhất là các nghề mới, cần máy móc hiện đại như kỹ thuật điện dân dụng, điện lạnh, điện tử, tin học văn phòng, hướng dẫn du lịch, kỹ thuật sản xuất nông, lâm ngư nghiệp,... với tổng kinh phí trên 24 tỷ đồng. Tuy nhiên, một số trung tâm dạy nghề còn gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất như: Trung tâm Dạy nghề huyện Mường Khương chưa san gạt được mặt bằng để xây dựng trụ sở làm việc riêng; Trung tâm Dạy nghề huyện Bảo Yên năm 2013 mới xây dựng được nhà hiệu bộ; khu nhà hiệu bộ và nhà xưởng của Trung tâm Dạy nghề huyện Bảo Thắng bố trí cách nhau khá xa (trên 4km) nên khó quản lý; Trung tâm Dạy nghề huyện Si Ma Cai, huyện Sa Pa mới được xây nhà hiệu bộ, lớp học.

Những năm 2016 - 2020, Tỉnh Lào Cai chỉ đạo tập trung đầu tư cho các cơ sở dạy nghề, gắn với mục tiêu phát triển năng lực dạy nghề và định hướng xây dựng trường nghề trọng điểm đến năm 2025, tầm nhìn 2030 của tỉnh. Đó là đầu tư trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ cho các cơ sở ĐTN có tiềm lực và cơ sở ĐTN còn nhiều khó khăn. Trong năm 2018, UBND tỉnh đã phê duyệt Dự án đầu tư để xây dựng các ngành nghề trọng điểm của Trường Cao đẳng Lào Cai với tổng mức đầu tư 69,8 tỉ đồng; trường Cao đẳng Cộng đồng đầu tư trên 21,6 tỉ đồng. Đồng thời, Tỉnh đã có giải pháp phù hợp, tránh lãng phí với trang thiết

bị của một số trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên không sử dụng đến, cụ thể là: thực hiện điều chuyển hệ thống thiết bị thực hành nghề may dân dụng từ trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên huyện Sa Pa, trang thiết bị nghề trồng và nhân giống nấm của trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên huyện Bát Xát, trang thiết bị các nghề cơ khí nông nghiệp, sửa chữa xe máy, may dân dụng và công nghiệp, lắp đặt điện nội thất từ trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên huyện Si Ma Cai chuyển đến Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp dạy nghề và giáo dục thường xuyên tỉnh quản lý, sử dụng.

Như vậy, giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo tập trung củng cố, kiện toàn và PT hệ thống cơ sở ĐTN của tỉnh theo hướng tinh, gọn, mạnh, với mục tiêu xây dựng và nâng cao năng lực tổng thể của các cơ sở đào tạo nói chung, đồng thời đầu tư trọng điểm để tạo lập một số cơ sở đào tạo mũi nhọn. Tỉnh sớm triển khai mô hình trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên để thực hiện đào tạo kép, góp phần đa dạng hóa hình thức dạy và học nghề trong tỉnh.

### **3.2.3. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng chương trình, cơ cấu ngành nghề đào tạo gắn với thị trường**

#### ***3.2.3.1. Xây dựng, đổi mới chương trình, giáo trình dạy nghề***

Tỉnh giao cho Sở LĐ-TB&XH chủ trì, phối hợp với các Trường dạy nghề của tỉnh và Trung ương tổ chức biên soạn, nâng cấp, chỉnh sửa, thay thế bộ chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình dạy nghề.

Nguyên tắc biên soạn giáo trình được thực hiện trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu: Tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; bảo đảm tính chính xác, tính hệ thống, tính sư phạm, bảo đảm sự cân đối, phù hợp giữa các nội dung chuyên môn và các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa; nội dung kiến thức, kỹ năng phải đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi môn học, mô đun; mỗi chương, bài của giáo trình đào tạo phải có câu hỏi, bài tập, từng giáo trình phải có danh mục tài liệu tham khảo; tài liệu tham khảo phải có độ tin cậy và nguồn gốc rõ ràng; trình bày

ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu; sử dụng thuật ngữ nghề nghiệp phổ biến, nhất quán; các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa phải làm sáng tỏ các kiến thức, kỹ năng; đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học khác.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 517/QĐ-UBND 16/3/2012 Về việc bổ sung và thay thế chương trình, giáo trình dạy nghề cho LĐNT, đồng thời chỉ đạo Sở LĐ-TBXH thống nhất danh mục, thời gian đào tạo, thời gian xây dựng, nghiệm thu bộ giáo trình dạy nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Từ năm 2011 đến năm 2015, Tỉnh đã chỉ đạo biên soạn, bổ sung được 115 bộ chương trình, 83 bộ giáo trình dạy nghề sơ cấp và dưới 3 tháng. Đồng thời, 03 năm Tỉnh tổ chức rà soát, thẩm định lại để bổ sung, điều chỉnh giáo trình một lần. Từ tham mưu của Sở LĐ-TBXH, tỉnh đã tổ chức biên soạn giáo trình cho một số ngành nghề mới, tuy vậy vẫn có một số nghề mới mà chưa có giáo trình giảng dạy (nghề làm tóc, kỹ thuật sản xuất khung nhôm kính...). Ngoài ra, một số nghề nông nghiệp cần có giáo trình chuyên sâu, cập nhật kỹ thuật mới song chưa biên soạn được như giáo trình trồng và sơ chế chè đen, sản xuất lúa lai...

Trong những năm 2016 - 2020, Bộ LĐ-TBXH bổ sung quy định về nội dung, thẩm quyền biên soạn giáo trình dạy nghề dài hạn, ngắn hạn. Thực hiện chủ trương đó, Tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo biên soạn, bổ sung, thay thế hệ thống giáo trình các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề. Chương trình, giáo trình khi biên soạn phải đảm bảo thời gian học lý thuyết và thực hành, thực tập, thí nghiệm theo tỉ lệ quy định: đối với giáo trình trung cấp nghề, lý thuyết từ 25% đến 45%, thực hành từ 55 đến 75% tùy theo mã ngành; đối với giáo trình cao đẳng nghề, lý thuyết từ 30% đến 50%, thực hành từ 50% đến 70% tùy theo mã ngành; với giáo trình sơ cấp nghề, đảm bảo 20% lý thuyết, 80% thực hành. Để bộ giáo trình, chương trình đào tạo sát với thực tế và nhu cầu của doanh nghiệp, trong quá trình biên soạn và thẩm định giáo trình, bên cạnh các GV của cơ sở đào tạo, các chuyên gia trong nước và quốc tế, còn có sự tham gia của

các doanh nghiệp. Thành viên tư vấn biên soạn và thành viên hội đồng thẩm định giáo trình là đại diện doanh nghiệp phải có kinh nghiệm trực tiếp làm việc trong ngành nghề đó ít nhất 5 năm. Việc cập nhật giáo trình sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng cho LĐNT được thực hiện thường xuyên, trong các năm 2017, 2018. Điều này phản ánh phần nào sự thay đổi nhanh chóng của TTLĐ và nhu cầu học nghề của NLĐ; qua đó cho thấy sự thích ứng kịp thời, cập nhật nhanh của cơ sở đào tạo để đáp ứng yêu cầu mới, khắc phục tình trạng giáo trình không bắt kịp tình hình và nhu cầu thực tế.

Từ năm 2016 đến năm 2020, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh đã xây dựng, sửa đổi, thay thế và ban hành mới 275 bộ chương trình, 283 giáo trình đào tạo. Các bộ giáo trình này cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới về kỹ năng, thái độ nghề nghiệp của NLĐ và yêu cầu đổi mới phương pháp của người dạy. Do tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp đông, tỉnh Lào Cai đặc biệt quan tâm biên soạn, bổ sung thường xuyên bộ chương trình, giáo trình dạy nghề sơ cấp trong lĩnh vực nông nghiệp. Từ khung giáo trình chung, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp mới phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay, thực tế sản xuất nông nghiệp trên địa bàn mở lớp và đối tượng người học, Sở NN&PTNT, trực tiếp là Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp đã thiết kế chương trình đào tạo, lựa chọn mô-đun cho phù hợp để soạn giáo án. Cụ thể: Chương trình được thiết kế từ 290 - 300 tiết học đối với khóa đào tạo dưới 3 tháng, tỷ lệ tiết học lý thuyết chiếm 20%, thực hành chiếm 80%, đảm bảo thuận lợi trong tiếp thu kiến thức bài học của học viên người DTTS, hạn chế về khả năng sử dụng ngôn ngữ, chữ viết.

### ***3.2.3.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành nghề đào tạo***

Trên cơ sở quy hoạch PT NNL tỉnh giai đoạn 2011 - 2020, UBND tỉnh chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu, sắp xếp lại lực lượng lao động trong các ngành kinh tế, với mục tiêu chuyển đổi lao động từ các ngành nông - lâm - ngư nghiệp sang các ngành công nghiệp - xây dựng và du lịch - dịch vụ. Thực hiện chủ trương

đó, cơ cấu ngành nghề đào tạo đã chuyển dịch theo hướng tăng cường các nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, du lịch - dịch vụ; đồng thời các nghề thuộc lĩnh vực nông - lâm - thủy sản trở nên chuyên sâu hơn gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành.

Đối với bản thân lĩnh vực ĐTN, mục tiêu của hoạt động đào tạo tỉnh Lào Cai chuyển mạnh từ chỗ đơn thuần là cung cấp lao động được dạy các nghề theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang cung ứng lao động được đào tạo các nghề theo nhu cầu TTLĐ (nghĩa là các cơ sở đào tạo xây dựng năng lực dạy nghề tương xứng để sẵn sàng phục vụ nhu cầu người học, nhất là hướng đến các nghề mới mà thị trường cần, chứ không chỉ những mã nghề mà cơ sở đào tạo sẵn có). Do đó, cơ cấu ngành nghề đào tạo cũng chuyển dịch khá mạnh theo hướng tăng các ngành nghề mới và cập với xu hướng của xã hội, những ngành nghề thị trường đang cần và những ngành nghề phù hợp với định hướng, kế hoạch PT của tỉnh.

Xuất phát từ những yêu cầu trên, Tỉnh đã chỉ đạo từng bước tăng cường các mã nghề được cấp phép đào tạo mới, hiện đại, phù hợp với TTLĐ. Trong những năm 2011 - 2015, tiếp tục tập trung vào 6 lĩnh vực (khai thác mỏ, xây dựng, thương mại - du lịch, kỹ thuật sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy điện, chăm sóc sức khỏe cộng đồng), tuy nhiên các mã nghề cụ thể có sự bổ sung và thay đổi, rõ nhất là ở lĩnh vực khai thác mỏ và xây dựng đã mở thêm các mã nghề về công nghệ, như: công nghệ kỹ thuật kiến trúc và kỹ thuật xây dựng, công nghệ hóa học, vật liệu (với các nghề xử lý nước thải công nghiệp, công nghệ sơn ô tô..).

Đến năm 2019, trên cơ sở định hướng quy hoạch tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và những mục tiêu lâu dài của địa phương, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 13/5/2019 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2021 và định hướng

đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, xác định cơ cấu ngành nghề đào tạo phải thuộc các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm của tỉnh trong đó tập trung vào các ngành nghề mũi nhọn và chất lượng cao. Cụ thể là:

*Lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ môi trường chống biến đổi khí hậu* gồm các ngành nghề: Chế tạo thiết bị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, công nghệ tái chế, tái sử dụng rác thải đô thị,...

*Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng* gồm các nghề: công nghệ ô tô, công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản, công nghệ tuyển, công nghệ luyện kim, điện công nghiệp; công nghệ xây dựng, các công trình công nghiệp đặc biệt.

*Lĩnh vực dịch vụ - du lịch* gồm các nghề: Quản lý du lịch; nhân viên marketing du lịch, điều hành du lịch, quản trị du lịch - khách sạn và hướng dẫn du lịch; chế biến đồ uống, thực phẩm cao cấp, tiếp viên hàng không, an ninh hàng không theo tiêu chuẩn, nhân viên phục vụ mặt đất, nhân viên phục vụ hành khách; du lịch và lữ hành hàng không nội địa và quốc tế,...

*Lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao* gồm các nghề: Áp dụng phương pháp truyền thống kết hợp với công nghệ sinh học trong chọn và nhân nhanh các giống vật nuôi mới, giống loài thủy sản sạch bệnh, công nghệ tổng hợp và tự động hóa quá trình trồng trọt và thu hoạch các loại cây trồng trong nhà lưới, nhà kính, công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); công nghệ sản xuất cây trồng an toàn theo VietGAP các nghề nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Từ khi có trường Cao đẳng Nghề, Lào Cai đã mở được các mã nghề trình độ cao đẳng để tự đào tạo trong tỉnh (trước đó là liên kết với các trường trung ương và trường tỉnh bạn); hệ trung cấp và sơ cấp có sự thay đổi theo hướng mở thêm các mã nghề thuộc nhóm thương mại - dịch vụ (như nghề chăm sóc tóc, làm móng; nghề nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch..). Trong nhóm nghề sơ cấp thuộc lĩnh vực nông nghiệp, từ định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ và trồng cây dược liệu của tỉnh, đã mở các nghề mới như: kỹ thuật trồng, chăm

sóc cây dược liệu và các bài thuốc nam chữa bệnh cho người và gia súc, nghề trồng giống cây ăn quả đặc sản...

Trong cơ cấu ngành nghề chung, tại trường Cao đẳng Lào Cai, một số nghề cụ thể được lựa chọn là nghề trọng điểm trong giai đoạn 2016 - 2020, được đào tạo từ năm 2019. Để đạt mục tiêu đến năm 2025 trở thành trường cao đẳng chất lượng cao, Trường được lựa chọn 07 nghề trọng điểm, trong đó có 02 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế (nghề điện công nghiệp, nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn); 02 nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN (nghề hướng dẫn du lịch, công nghệ ô tô); 03 nghề trọng điểm cấp quốc gia (nghề hàn, thú y, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành).

Bên cạnh đó, Tỉnh chỉ đạo xây dựng cơ cấu nghề đào tạo ở các Trung tâm dạy nghề cấp huyện. Đến năm 2015, các trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện vẫn vận hành độc lập, cơ cấu nghề duy trì theo định hướng là nghề phù hợp với thế mạnh địa bàn, gắn với định hướng PT của huyện, thành, phù hợp nhu cầu của người học. Các nghề chủ yếu là trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng, dành cho đối tượng là LĐNT, chủ yếu nhất vẫn là nghề nông nghiệp [*Phụ lục 3*]. Tuy nhiên, trước tác động của quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, các nghề thuộc nhóm du lịch - dịch vụ và một số nghề cơ khí, điện nông thôn (nhóm công nghiệp - xây dựng) được mở rộng hơn trước. Từ cuối năm 2015 trở đi, khi đã sáp nhập thành trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên, với mô hình đào tạo «kép», các trung tâm có điều kiện thu hút thêm nhóm lao động tốt nghiệp THCS tham gia học nghề.

#### **3.2.4. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy nghề**

Từ năm 2011 là thời điểm tỉnh Lào Cai đồng thời thực hiện “*Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015,*” và “*Đề án đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Lào Cai đến năm 2020,*”, nhu cầu lao động tăng, chỉ tiêu đào tạo tăng mạnh. Để nâng cao năng lực dạy nghề, tỉnh chỉ đạo xây dựng, bổ sung, PT đội ngũ GV dạy nghề. Ngay từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Tỉnh đã chỉ đạo tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá đội

ngũ GV và cán bộ quản lý dạy nghề; xây dựng kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho lực lượng GV thỉnh giảng.

Đến năm 2015, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh có 84 cán bộ quản lý và 293 GV dạy nghề cơ hữu. Trong đó, số GV có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học là 189 người (64.5%), trình độ trung cấp 10 người (3.5%), chứng chỉ nghề 94 người (32%). Đến năm 2020, tổng số cán bộ, nhà giáo của các cơ sở GDNN là 648 người, trong đó: 115 cán bộ quản lý, 533 giáo viên. Số GV có trình độ từ đại học trở lên là 376 người, (70,5%); 64 GV có trình độ cao đẳng, trung cấp (12%); 93 người có chứng chỉ nghề, chiếm 17,5%. Trong 5 năm (2015 - 2020), số lượng GV tăng thêm 240 người, là sự bổ sung lực lượng quan trọng cho đội ngũ GV dạy nghề cơ hữu vốn thiếu hụt trong hơn 15 năm qua. Cùng với việc gia tăng về số lượng, chất lượng đội ngũ GV ngày càng tăng mạnh: số GV có trình độ đại học trở lên tăng gấp 2 lần so với năm 2015 (thống kê năm 2015 có 189 giảng viên có trình độ đại học, cao đẳng), cho thấy mức độ chuẩn hóa trình độ chuyên môn của lực lượng GV đã được nâng lên đáng kể. [*Phụ lục 2*]

Điểm quan trọng là các trường dạy nghề trọng điểm của tỉnh đều có lực lượng GV ngày càng chuẩn trình độ, vững chuyên môn: Trường Cao đẳng Nghề Lào Cai (sau này là Trường Cao đẳng Lào Cai) và trường Trung cấp nghề Công ty Apatit có 100% cán bộ quản lý, GV đạt chuẩn trình độ chuyên môn trở lên theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH. Riêng trường Cao đẳng Lào Cai, đến năm 2019, sau khi sáp nhập có 195 GV, trong đó: 193 người trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên (72 thạc sĩ, 01 tiến sĩ), 02 người có trình độ cao đẳng và là thợ bậc cao; 26 GV có trình độ kỹ năng nghề quốc gia bậc 03 trở lên, đạt chuẩn GV trường cao đẳng chất lượng cao, 02 GV là nghệ nhân, số còn lại có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 02 trở xuống hoặc chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề.

Tại Trung tâm GDNN-giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố, UBND tỉnh đã đề ra kế hoạch năm 2016 là đảm bảo mỗi Trung tâm phải có 03 đến 05 GV cơ hữu dạy nghề, trong đó 03 GV dạy nghề phi nông nghiệp, 02

GV dạy nghề nông - lâm - ngư nghiệp; các trung tâm còn có đội ngũ 166 giáo viên dạy chương trình THPT, từ năm 2016 tỉnh đã định hướng có thể huy động, chuyển đổi theo hướng vừa dạy chương trình THPT, vừa dạy nghề.

Bên cạnh số GV cơ hữu, để tăng cường năng lực dạy nghề, tỉnh tăng cường mời lao động lành nghề, nghệ nhân...tham gia dạy nghề; đồng thời có chính sách đãi ngộ phù hợp để khuyến khích các nhà khoa học, nghệ nhân, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, NLĐ tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất tham gia dạy nghề. Năm 2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 về việc công nhận 309 người dạy nghề, đồng thời hằng năm giao Sở LĐ-TB&XH tiếp tục tổ chức các lớp nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chứng chỉ kỹ năng dạy học cho người dạy nghề. Nhờ đó, đến năm 2015 có 377 giáo viên thỉnh giảng đủ điều kiện tham gia dạy nghề các lớp trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng cho người LĐNT trên toàn tỉnh, tới năm 2020, số lượng giảng viên thỉnh giảng tăng lên đạt 450 người.

Tuy nhiên, số lượng GV cơ hữu tại hệ thống các Trung tâm Dạy nghề những năm 2011 - 2015 vẫn còn thiếu và yếu. Trung tâm Dạy nghề các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai và Trung tâm Dạy nghề - Dịch vụ hỗ trợ nông dân chưa có GV cơ hữu, chỉ có cán bộ quản lý; Trung tâm Dạy nghề huyện Bảo Thắng và Trung tâm Dạy nghề thành phố Lào Cai thiếu GV nên phải bố trí GV dạy nghề không đúng chuyên ngành. Sau khi sáp nhập các trung tâm, số lượng GV cơ hữu được bổ sung do tỉnh cho phép một bộ phận GV dạy chương trình phổ thông được cử đi đào tạo để chuyển sang dạy mô hình “kép”.

Tỉnh Lào Cai là một trong số các tỉnh quan tâm thực hiện chính sách hỗ trợ GD&ĐT. Trong những năm 2010 - 2020, Tỉnh đã chỉ đạo Sở LĐ-TBXH và các cơ sở GDNN rà soát, khảo sát trình độ chuyên môn, nhu cầu của đơn vị và nguyện vọng của các GV để cử tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề...Toàn tỉnh có trên 965 lượt nhà giáo, cán bộ, người dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình hằng năm. Từ năm 2015 đến năm 2020, tỉnh đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư

phạm, nâng cao kỹ năng dạy và học cho trên 200 cán bộ quản lý, GV của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh; 110 lượt nhà giáo tham gia các lớp bồi dưỡng do Trung ương tổ chức (nhiệm vụ quản lý cơ sở GDNN, đào tạo kiêm định viên chất lượng GDNN).

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, các năm 2016 và 2019, tỉnh Lào Cai đã tổ chức Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp tỉnh và tham gia Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp quốc gia. Tại Hội thi cấp Quốc gia năm 2016 tổ chức tại thành phố Cần Thơ, đoàn Lào Cai đạt 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích; Hội thi năm 2019 tổ chức tại Thành phố Huế, đoàn Lào Cai có 02 giải khuyến khích; các năm 2017 và năm 2018, Tỉnh đã tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN cấp tỉnh, tham gia Hội giảng toàn quốc tổ chức tại thành phố Hà Nội, đạt 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích.

### **3.2.5. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề**

#### **3.2.5.1. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước với đào tạo nghề**

Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, mặc dù tỉnh Lào Cai không ban hành cơ chế đặc thù với lĩnh vực dạy nghề, song đã kịp thời chỉ đạo phù hợp nhằm đẩy mạnh CTĐTN.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã nghiên cứu và ban hành các quyết nghị liên quan đến chính sách hỗ trợ ĐTN, tiêu biểu là: Nghị quyết số 08/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012, quy định trường Cao đẳng Nghề Lào Cai, trường Trung cấp nghề và các Trung tâm dạy nghề trong tỉnh đều được xếp vào danh mục lĩnh vực được ưu đãi đầu tư, được giảm tiền sử dụng đất theo tỉ lệ 50% với các trường, trung tâm trên địa bàn cấp huyện và giảm 30% với cơ sở đóng trên địa bàn thành phố Lào Cai.

*Chính sách đối với NLD tham gia học nghề:* NLD tham gia học nghề ở các trình độ khác nhau được khuyến khích thông qua những chính sách hỗ trợ về học phí và một số chi phí ăn, ở, đi lại với từng đối tượng cụ thể. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết về mức thu học phí với các cơ sở giáo dục trong đó có cơ sở dạy nghề thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý của UBND

tỉnh, mức thu thường quy định cụ thể trong 05 năm học liền kề. Với cơ sở dạy nghề mức thu học phí với các trình độ trung cấp, cao đẳng nghề là khác nhau và không biến động lớn trong 05 năm học, tăng dần mỗi năm học từ 30.000 đồng - 50.000 đồng/học sinh/tháng. Mức học phí đảm bảo nguyên tắc là không cao hơn quy định chung của Chính phủ và có quy định cụ thể với cơ sở đào tạo tự bảo đảm được kinh phí chi thường xuyên, cơ sở đào tạo chưa tự bảo đảm được kinh phí chi thường xuyên. Bên cạnh đó, tỉnh đầu tư cơ sở vật chất để các cơ sở đào tạo xây dựng ký túc xá, thực hiện chính sách nội trú cho người học nghề dài hạn.

Chính sách hỗ trợ chủ yếu dành cho LĐNT. Từ năm 2011, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 *Quy định mức chi ĐTN và mức hỗ trợ chi phí ĐTN cho LĐNT tham gia học nghề trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Quyết định 1956/QĐ-TTg.*

Mức hỗ trợ chi phí đào tạo tối đa đối với nhóm đối tượng I (người có công với cách mạng, hộ nghèo, người DTTS, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác) không quá 300.000 đồng/người/khóa học; nhóm đối tượng II (LĐNT thuộc hộ cận nghèo) không quá 250.000 đồng/người/khóa học; nhóm đối tượng III (LĐNT khác tham gia học nghề) không quá 200.000 đồng/người/khóa học. Hỗ trợ tiền ăn 15.000 đồng/ngày thực học/học viên. Hỗ trợ đi lại theo giá vé của các phương tiện giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học đối với người học nghề cư trú cách nơi học từ 15km trở lên.

Riêng với người học là người khuyết tật, UBND tỉnh còn xây dựng và ban hành quy định hỗ trợ bổ sung riêng, theo đó tăng mức hỗ trợ đi lại cho người học lên 300.000 đồng/người/khóa học nếu nơi cư trú cách xa địa điểm học tập từ 5km trở lên, theo Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 6/8/2015 *Về việc hỗ trợ chi phí ĐTN cho người khuyết tật.* Từ đó, việc hỗ trợ được thực hiện hiệu

quả, góp phần tạo điều kiện tốt hơn để thu hút lao động tham gia học nghề.  
*[Phụ lục 4]*

Sau khi Chính phủ có quy định mới về mức hỗ trợ chi phí học nghề tại Quyết định 46/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015, UBND tỉnh đã có Quyết định số 3398/QĐ-UBND 11/10/2016 *Về ban hành mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ chi phí trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Lào Cai*. Theo đó, có 05 nhóm đối tượng NLD được hỗ trợ (nhóm I: người khuyết tật; nhóm II: Người thuộc hộ đồng bào DTTS nghèo; người thuộc hộ nghèo các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; nhóm III: Người DTTS, người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm; nhóm IV: Người thuộc hộ cận nghèo; nhóm V: Người học là phụ nữ, LĐNT không thuộc các đối tượng trên). Mỗi NLD được hỗ trợ học nghề 01 lần, mức hỗ trợ tối đa cho 01 khóa học theo từng nhóm lần lượt từ 2 triệu đồng/người/khóa (nhóm V) đến 6 triệu đồng/người/khóa (nhóm I); có 34 nghề thuộc nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp, 23 nghề thuộc nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và 18 nghề thuộc nhóm ngành thương mại - dịch vụ nằm trong danh sách được hỗ trợ học nghề, mức tối đa theo tháng dao động từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng với từng nghề cụ thể *[Phụ lục 2]*. Đến năm 2020, mức hỗ trợ đã được điều chỉnh dao động từ 750.000 đồng/người/tháng đến 1.000.000 đồng/người/tháng.

Điểm mới mang tính nhân văn và phù hợp với điều kiện lao động, thị trường Lào Cai là UBND tỉnh quy định: riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì UBND cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Quyết định này, nhưng tối đa không quá 03 lần.

Bên cạnh đó, NLD học nghề còn được hỗ trợ tiền ăn và đi lại, trong đó, quy định tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu nhà cách địa điểm học tập từ 15km trở lên; tiền ăn là 30.000 đồng/ngày thực học/người, tăng gấp 2 lần

so với quy định thực hiện từ năm 2011 và phù hợp hơn với giá cả thị trường. Nhờ vậy, từ năm 2011 đến năm 2020 đã có 33.989 LĐNT được hỗ trợ học nghề theo các chính sách hỗ trợ với tổng kinh phí trên 82 tỷ đồng.

*Chính sách hỗ trợ đối với GV, người dạy nghề, cán bộ quản lý đào tạo:* Căn cứ hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh xây dựng mức chi cho người dạy nghề tại Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 23/5/2011, Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016, Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020. Theo đó, quy định mức chi thù lao cho giáo viên, người dạy nghề thực hiện giảng dạy tại các lớp nghề sơ cấp và dưới 03 tháng cho LĐNT; mức phụ cấp lưu động cho giáo viên, người dạy nghề, người quản lý đào tạo thường xuyên phải xuống thôn, bản thuộc vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn từ 15 ngày trở lên trong tháng để giảng dạy, quản lý lớp học. Mức thù lao giảng dạy được quy định từ tối đa không quá 35.000 đồng/giờ (năm 2016) lên tối đa không quá 50.000 đồng/giờ (năm 2020). Mức phụ cấp là 0,2 lần mức lương cơ sở theo quy định tại Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức, tức là 58.000 đồng.

### **3.2.5.2. Chính sách xã hội hóa công tác dạy nghề**

Trước yêu cầu của thị trường và nhu cầu của NLĐ, Tỉnh chủ động đẩy mạnh xã hội hóa công tác dạy nghề nhằm huy động thêm nguồn lực hỗ trợ, nâng cao chất lượng ĐTN tại Lào Cai. Trên cơ sở phân tích nhu cầu LĐVL của tỉnh Lào Cai lớn và cấp thiết, trong khi tỉnh còn nghèo, ngân sách Nhà nước cấp có hạn, ngân sách địa phương hạn chế, Tỉnh sớm chủ động tìm biện pháp giải quyết thông qua việc xã hội hóa từ hoạt động đào tạo đến xã hội hóa trong hầu hết các khâu của CTĐTN.

Để CTĐTN gắn chặt chẽ với GQVL và đem lại hiệu quả thực chất, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã tham gia hoạt động dạy nghề bằng hình thức đào tạo tại chỗ,

kèm cặp, truyền nghề... tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo thực hiện mô hình liên kết “3 nhà” gồm Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp, với hình thức ký kết hợp đồng đặt hàng đào tạo giữa chính quyền - cơ sở đào tạo - doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động. Thực hiện mô hình này, tỉnh đã chủ động tổ chức Hội nghị đối thoại 3 bên: Từ năm 2015 đến năm 2020, Tỉnh Lào Cai đã tổ chức 02 Hội nghị đối thoại với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp có số lượng lao động lớn đóng trên địa bàn tỉnh, nắm bắt tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp, những nhu cầu, nguyện vọng của doanh nghiệp đối với lao động; nắm bắt thực trạng năng lực, mong muốn của cơ sở đào tạo. Trên cơ sở đó, tỉnh thúc đẩy cơ chế liên kết sâu hơn với doanh nghiệp. Năm 2016, Sở LĐ-TBXH và Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Lào Cai đã ký kết Chương trình phối hợp về ĐTN gắn với GQVL, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp giai đoạn 2015 - 2020.

Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tham gia tích cực vào các khâu, như: liên kết, đặt hàng đào tạo; tuyển dụng học sinh, sinh viên các cơ sở dạy nghề vào làm việc tại các nhà máy, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh sau tốt nghiệp; tham vấn cho cơ sở đào tạo trong xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình đào tạo; tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; tham gia đánh giá kết quả học tập của sinh viên; hợp tác trong khảo sát chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo, khảo sát lần vết sinh viên về việc làm sau khi tốt nghiệp phục vụ đánh giá sau đào tạo của các cơ sở dạy nghề; hỗ trợ trang thiết bị đào tạo nghề cho các cơ sở dạy nghề; phối hợp với các sở ngành, trường học, địa phương thực hiện hoạt động khảo sát, cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp và tư vấn việc làm. Tỉnh Lào Cai cũng bắt đầu nghiên cứu đề hướng tới trong tương lai gần đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định về ưu đãi thuế với doanh nghiệp tham gia CTĐTN và chính sách ưu tiên với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động qua ĐTN.

*Bên cạnh đó, tình chú trọng đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong GDNN:* Trong năm 2016, trường Cao đẳng Lào Cai đã phối hợp với UBND huyện Si Ma Cai và Trung tâm Tư vấn Quản lý bền vững tài nguyên và phát triển văn hóa cộng đồng Đông Nam Á (CIRUM) ký kết Chương trình hợp tác “Nâng cao năng lực cộng đồng trong phát triển chăn nuôi, nghề rừng và phục hồi vườn cây đặc sản trên địa bàn huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai” nhằm hiện thực hóa Nghị quyết 22-NQ/TU của Tỉnh ủy tỉnh Lào Cai về giảm nghèo bền vững huyện Si Ma Cai đến năm 2020. Kết quả, bước đầu đã tổ chức ĐTN ngắn hạn cho 23 học viên từ nguồn kinh phí do Nhà trường và Trung tâm CIRUM hỗ trợ. Trong đó, Nhà trường hỗ trợ về chương trình, giáo trình, tài liệu, giáo viên giảng dạy; trung tâm CIRUM hỗ trợ kinh phí đào tạo, cơ sở vật chất, chỗ ăn nghỉ miễn phí cho học viên trong toàn bộ khóa đào tạo, hỗ trợ 01 bộ dụng cụ nghề Thú y, cây giống cho học viên sau tốt nghiệp để phát triển kinh tế hộ gia đình....

Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai đã làm việc với chuyên gia Tình nguyện viên dài hạn tại Hiệp hội Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam; làm việc với Học viện Nghệ thuật Vân Nam - Trung Quốc triển khai hợp tác đào tạo; trao đổi với Fulbright về việc tiếp nhận trợ giảng tiếng Anh; tham gia chương trình học bổng tiếng Anh Access của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ; làm việc với điều phối viên về chương trình Access; phối hợp với một số cơ quan, doanh nghiệp để ký kết thỏa thuận tác đào tạo; hợp tác với công ty du lịch Cáp treo Phansipan và Công ty cổ phần du lịch Sa Pa đưa trên 100 học sinh, sinh viên năm cuối đi thực hành nghề nghiệp. Năm 2019, Trường Cao đẳng Lào Cai tiếp tục triển khai hợp tác với Trường Trung học Hà Khẩu trong việc đưa GV và học sinh đi tham gia trại hè tại Trường Trung học cao cấp nghề Hà Khẩu - Trung Quốc; triển khai Dự án Great do Đại sứ quán Úc tài trợ tại Việt Nam với nội dung “Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Lào Cai và Sơn La,; Hợp tác thực hiện

Chương trình đào tạo *Cô đỡ thôn bản* với tổ chức phi chính phủ Samaritan's Purse nhằm góp phần nâng cao sức mạnh của mạng lưới y tế cơ sở; Đối với việc tiếp cận, xây dựng Trường chất lượng cao và đào tạo 07 nghề trọng điểm các cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN, Trường chủ động liên kết với công ty thiết bị giáo dục Đức, Skills Consulting Group của New Zealand.

### **3.2.6. Chỉ đạo nâng cao chất lượng đào tạo nghề và đẩy mạnh giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động**

#### ***3.2.6.1. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề***

Việc đầu tư nguồn lực cho các yếu tố từ mạng lưới cơ sở đào tạo, xây dựng cơ cấu ngành nghề, biên soạn giáo trình, phát triển đội ngũ đến thực hiện chính sách hỗ trợ đều nhằm hướng đến tăng cường năng lực dạy nghề của các cơ sở ĐTN trong tỉnh, hướng tới mục tiêu cốt lõi là nâng cao chất lượng ĐTN. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đào tạo những năm 2010 - 2020 của tỉnh Lào Cai cho thấy những sự chuyển đổi tích cực về chất lượng ĐTN.

*Hình thức, phương pháp dạy nghề được đổi mới* theo hướng lấy người học làm trung tâm; tích hợp kiến thức, KN, tác phong làm việc chuyên nghiệp hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học; phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, KN của người học. Chú trọng đánh giá KN nghề để đảm bảo học viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của đơn vị tuyển dụng và TTLĐ. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra đánh giá chất lượng.

Hình thức tổ chức đào tạo được vận dụng linh hoạt như: đào tạo tập trung tại trường, đào tạo tại chỗ, kèm cặp, truyền nghề... Tuy nhiên, trong các hình thức dạy nghề có sự chuyển đổi theo hướng chuyên sâu, đào tạo tại chỗ trở thành hình thức cơ bản của các lớp ĐTN cho LĐNT; còn hình thức đào tạo theo kiểu kèm cặp, truyền nghề giảm so với giai đoạn 2000 - 2010, song được tập trung ở loại hình hợp tác xã dạng làng nghề.

Bên cạnh đó, hình thức liên kết đào tạo có sự đổi mới về cách thức tổ chức khi xây dựng *mô hình liên kết 3 nhà*. Việc liên kết đào tạo đã phát huy tác

dụng khi vừa giúp giải quyết chỉ tiêu đào tạo trình độ dài hạn hằng năm, giảm khó khăn cho người học, vừa giúp đội ngũ giáo viên trong tỉnh có điều kiện hỗ trợ kiến thức, học hỏi kinh nghiệm giảng dạy từ các trường uy tín trong khu vực.

*Mô hình liên kết 3 nhà để đào tạo theo đơn đặt hàng đã đạt hiệu quả cao*, ngay trong những năm 2011 - 2015, Sở LĐ - TB&XH đã chủ động tích cực phối hợp với các doanh nghiệp, trường để tuyển sinh và đào tạo cho trên 3.000 lao động phục vụ các dự án lớn trên địa bàn tỉnh, trong đó:

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, đào tạo hơn 250 lao động nghề khai thác mỏ hầm lò cho Công ty cổ phần vàng Lào Cai (đóng tại huyện Văn Bàn); trên 200 lao động học nghề sửa chữa xe máy cho công ty trách nhiệm hữu hạn Tiến Thành, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Liên, một số cơ sở sửa chữa vừa và nhỏ khác; 35 lao động sản xuất nhôm kính cho công ty Việt Tinh Lào Cai; 275 lao động học nghề sản xuất gạch cho nhà máy gạch Lào Cai; trên 750 lao động may dân dụng công nghiệp cung cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Hoàng - Hưng Yên, Công ty Cổ phần Quốc tế Vinatex; gần 1000 lao động học kỹ thuật xây dựng, trên 200 lao động học nghề gò - hàn cung cấp cho các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn.

Lĩnh vực thương mại - du lịch, đào tạo các nghề buồng, bàn, quầy bar, nấu ăn, làm bánh cho gần 200 lao động; trong đó có 60 học viên DTTS đã được nhận vào làm việc tại các nhà hàng, khách sạn tại Sa Pa.

Lĩnh vực Nông nghiệp, đào tạo 352 lao động trồng rừng và khai thác rừng trồng trong đó có 70 lao động cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ rừng Lào Cai tại Xuân Giao - Bảo Thắng; 35 lao động do Công ty Chế biến Lâm sản Xuân Giao - Bảo Thắng đặt hàng...

*Hoạt động dạy nghề cho LĐNT ở các xã xây dựng Nông thôn mới, xã có tỉ lệ hộ nghèo cao được chú trọng, trở thành nội dung chủ yếu trong đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng*: Tỉnh chỉ đạo dạy nghề cho LĐNT gắn với thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, Giảm

nghèo bền vững: chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PT nông thôn khảo sát nhu cầu học nghề và tập trung mở lớp tại 143 xã xây dựng nông thôn mới, các xã có tỉ lệ hộ nghèo trên 40%. Trong những năm 2010 - 2015, thực hiện Đề án “*Giảm nghèo bền vững tỉnh Lào Cai*”, toàn tỉnh có 11.121 lao động được học nghề. Kết quả CTĐTN cho LĐNT đã góp phần thực hiện tiêu chí 14.3 “Tỉ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” trong Bộ Tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Các lớp ĐTN cho LĐNT chủ yếu được giao cho Trung tâm, địa điểm mở lớp thường là nhà văn hóa và trung tâm học tập cộng đồng thôn, giúp người học không phải di chuyển xa, gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất, người học có điều kiện tham gia các khóa học đầy đủ hơn. Thực tế, các học viên duy trì tỷ lệ chuyên cần ở mức trên 95% toàn khóa học, trong khi học GV căn cứ tình hình thực tế (đặc điểm thời tiết hoặc mùa vụ sản xuất của người dân), có thể cho học viên nghỉ trước hoặc rút ngắn thời gian học trong ngày nhưng vẫn đảm bảo nội dung chương trình học. Các lớp nghề cho LĐNT mở tại thôn, xã đều có ban cán sự lớp gồm lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng để quản lý lớp học. Lịch học được bố trí linh hoạt để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho học viên vừa tham gia đủ chương trình, vừa lao động sản xuất đảm bảo thu nhập cho gia đình: có những lớp bố trí học lý thuyết vào buổi tối, học bù vào các ngày nghỉ cuối tuần như các lớp mở tại xã Tả Phời, Đồng Tuyển ở thành phố Lào Cai hoặc tại Thượng Hà, Bảo Hà thuộc huyện Bảo Yên.

Từ năm 2011 đến năm 2015, toàn tỉnh đã tổ chức, tuyển sinh và đào tạo được 64.978 người (chỉ tiêu là 63.950 người), đạt 102% kế hoạch, trong đó trình độ Cao đẳng nghề có 1.879 người (chỉ tiêu là 2.320 người), đạt 81% kế hoạch; trình độ Trung cấp nghề có 8.021 người (chỉ tiêu 8.660 người) đạt 92,6% kế hoạch; trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng 55.078 người (chỉ tiêu 52.970 người), đạt 104% kế hoạch giao. Tỉnh còn thống kê tình hình doanh nghiệp và chất lượng lao động trong các doanh nghiệp để có định hướng

đào tạo giai đoạn sau. Theo đó, năm 2014 có 1.263 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (theo điều tra cung - cầu lao động tháng 4/2014), sử dụng 53.200 lao động, tăng hơn 3.300 lao động so với năm 2011, trong đó 31 doanh nghiệp Nhà nước sử dụng 12.500 lao động, 30 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, sử dụng 2.281 lao động; 1.202 doanh nghiệp dân doanh sử dụng 38.419 lao động. Trong tổng số 53.200 lao động có 32.621 lao động đã qua đào tạo, đạt tỷ lệ 61.32%.

Từ năm 2016 đến năm 2020, các cơ sở GDNN đã tuyển sinh và đào tạo, bồi dưỡng nghề cho 80.650 người, vượt chỉ tiêu đề ra đầu giai đoạn, đạt 114,4%. Trong đó: 19.122 người được đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề (chỉ tiêu đặt ra là 17.650 người), đạt 108,34%; 61.582 người được đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng (chỉ tiêu đặt ra là 52.850 người) đạt 116,42%. Quy mô tuyển sinh đạt gần 8.000 người/năm. Kết quả đó đã góp phần nâng tỷ lệ lao động qua ĐTN của tỉnh từ 43,1% (năm 2015) lên 56,89% (năm 2020); tỉ lệ lao động qua đào tạo chung tăng từ 55% (năm 2015) lên 65% (năm 2020).

### ***3.2.6.2. Giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo***

Hằng năm, thực hiện Thông tư số 25/2009/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2009 của Bộ Lao động - TBXH về việc hướng dẫn thu thập và xử lý thông tin cung, cầu lao động, Sở LĐ - TB&XH đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch về thu thập, cập nhật thông tin cung cầu lao động phục vụ đánh giá thực trạng lao động, việc làm, thất nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động làm căn cứ xây dựng kế hoạch sử dụng NNL, phục vụ mục tiêu PT KT-XH của tỉnh và ở mỗi địa phương. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về TTLĐ cũng được thực hiện. Thông qua Website việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, Tỉnh Đoàn thanh niên và của Bộ LĐ - TB&XH đã có trên 10.000 lượt người truy cập thông tin tìm việc làm. Bởi thế, giai đoạn 2011-2015 đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 82.672 người, có 16.646 lao động tìm được việc làm, trong đó Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Lào Cai đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 43.936 người, có 5.704 lao động tìm được việc làm.

Những năm 2011 - 2015, toàn tỉnh đã GQVL mới cho 57.106 lao động (chỉ tiêu đầu nhiệm kỳ là 50.000 lao động), đạt 114,2% kế hoạch, trong đó xuất khẩu lao động cho 548 người. Số lao động là DTTS được tạo việc làm mới là 26.900 lao động, chiếm 59% trên tổng số lao động được tạo việc làm mới; 2.853 lao động bị thu hồi đất nông nghiệp được tạo việc làm mới, chiếm 6,25% số lao động được tạo việc làm mới. Tuy vậy, tại 5 huyện Bắc Hà, Sa Pa, Si Ma Cai, Bảo Thắng, Bát Xát đến năm 2015 vẫn còn 6.543 học sinh sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp nhưng chưa có việc làm, trong đó 2.124 người đã qua ĐTN dài hạn và ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề: 1.343 người, Trung cấp nghề: 604 người, Cao đẳng nghề: 177 người).

Tỉnh đã ưu tiên vốn vay Quỹ quốc gia tạo việc làm cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, dịch vụ để tạo làm việc mới cho NLD. Trên cơ sở vốn Trung ương hỗ trợ bổ sung từ nguồn Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm, đến hết năm 2014, vốn vay Quỹ quốc gia tạo việc làm đã lũy kế được 62.758 triệu đồng. Hàng năm căn cứ vào nguồn vốn bổ sung, vốn thu hồi và nhu cầu việc làm ở mỗi địa phương, Sở LĐ - TBXH phối hợp với các ngành chức năng và Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn cho các tổ chức đoàn thể, các huyện, thành phố triển khai thực hiện. Doanh số cho vay những năm 2011- 2015 đạt 97.547 triệu đồng, giải quyết việc làm ổn định cho 7.153 lao động. Những dự án kinh doanh hiệu quả góp phần cải thiện đời sống chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp, kinh doanh dịch vụ buôn bán nhỏ, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Qua kiểm tra, giám sát, các dự án vay vốn đã sử dụng vốn vào đúng mục đích, tạo việc làm và thu nhập. Nguồn vốn vay cơ bản được bảo toàn, tỷ lệ số dự án vay gặp rủi ro là rất thấp, không có tình trạng nợ quá hạn kéo dài.

Trong những năm 2016 - 2020, tỉnh Lào Cai tiếp tục triển khai có hiệu quả Website Việc làm và phần mềm quản lý đào tạo nghề (daotaonghelaocai.vn);

phối hợp Đảng ủy khối Doanh nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp và Hội doanh Nhân trẻ tỉnh Lào Cai, trong đó: Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và Hội doanh nhân trẻ có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thành viên khi lập dự án đầu tư cần đồng thời lập phương án sử dụng lao động và cam kết sử dụng lao động tại tỉnh. Bình quân hằng năm tỉnh giải quyết việc làm cho 12 nghìn đến 13 nghìn lao động.

Sở Nông nghiệp và PT nông thôn đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả việc thí điểm và nhân rộng các mô hình điển hình trong ĐTN gắn với GQVL theo hướng tạo việc làm tại chỗ cho LĐNT như: Mô hình trồng chuối mô phát triển mạnh mẽ trên địa bàn huyện Bát Xát, các hộ gia đình sau khi được đào tạo, tập huấn đã trồng và phát triển hơn một trăm hecta, tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn xuất khẩu sang Trung Quốc, với mức thu nhập từ 5-7 triệu đồng/tháng; Mô hình kỹ thuật nề xây dựng đã phát huy hiệu quả, các lao động sau khi được học nghề đã thành lập các tổ, đội, tích cực tham gia làm đường giao thông nông thôn, xây nhà vệ sinh và các hạng mục công trình phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, xây dựng các công trình phục vụ dân sinh...; Mô hình đội nhóm chuyên chế biến món ăn theo dịch vụ cho các hộ gia đình, đảm bảo hi...tại thành phố Lào Cai do các học viên lớp Nghiệp vụ chế biến món ăn thực hiện; Mô hình nuôi trồng thủy sản được triển khai tại xã Bản Qua huyện Bát Xát: Các học viên tham gia lớp Nuôi trồng thủy sản đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, kiến thức được học vào sản xuất, như gia đình ông Nông Minh Tuấn, Trần Văn Tìn...đạt sản lượng bình quân 4 - 5 tấn/năm, thu nhập 100 - 120 triệu đồng; Mô hình nuôi lợn được nhân rộng tại xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng: Các học viên đã biết áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào chăn nuôi như gia đình anh Trần Thế Vinh, Lê Văn Xuân,...thôn Làng Gạo một năm xuất bán được 03 lứa lợn, mỗi lứa nuôi từ 40 -50 con, xuất chuồng từ 4 - 5 tấn (trừ chi phí mỗi hộ thu được từ 25 - 30 triệu đồng/lứa, thu nhập khoảng 70 -90 triệu đồng/năm. Mô hình

nuôi gà triển khai tại xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng: Các học viên đã biết áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào chăn nuôi như gia đình anh Trần Văn Tuất, gia đình chị Lê Thị Phượng thôn Phú Thịnh 3, trung bình một năm xuất được 03 lứa gà, mỗi lứa nuôi 1.500 con, xuất chuồng trên 01 tấn (trừ chi phí mỗi hộ thu được từ 30 - 35 triệu đồng/lứa, thu nhập 90- 100 triệu đồng/năm); Mô hình trồng hoa Lan tại huyện Sa Pa cho thu nhập từ 70 - 100 triệu/năm....; Mô hình liên kết sản xuất gồm 20 hộ của Hợp tác xã Song Kim đã góp vốn thực hiện đầu tư nhà lưới trồng rau quả sạch theo tiêu chuẩn VietGAP cho thu nhập từ 100 - 150 triệu đồng/ha/hộ/năm; Mô hình trồng Quýt ở Thị trấn Mường Khương cho thu nhập bình quân mỗi năm từ 100-120 triệu đồng; Mô hình trồng măng tây ở thành phố Lào Cai cho thu nhập mỗi năm từ 200 - 250 triệu đồng... Hiệu quả từ các mô hình này cho thấy, phải bám sát vào nhu cầu học nghề của NLD, tìm hiểu những ngành nghề, cây con nào phù hợp và mang lại hiệu quả cao trên địa bàn để thực hiện; tìm đầu ra cho sản phẩm, ký kết hợp tác sản xuất, bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp, thành lập tổ đội sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

### **Tiểu kết chương 3**

Những năm 2010 - 2020, CTĐTNN cho NLĐ tỉnh Lào Cai có bước chuyển đổi mạnh mẽ trong định hướng, chỉ đạo và kết quả thực hiện. Xu thế chung là chuyển đổi theo hướng nâng cao năng lực dạy nghề gắn với kế hoạch PT KT-XH địa phương và bắt kịp nhu cầu TTLĐ, trong đó đặc biệt quan tâm tới nhu cầu học nghề của NLĐ. Đây là chủ trương đúng đắn, phù hợp, thể hiện tư duy nhất quán, hệ thống trong lãnh đạo CTĐTNN những năm 2010 - 2020 của Đảng bộ và chính quyền tỉnh, trên cơ sở kế thừa những thành quả trong những năm 2000 - 2010, qua đó tập trung phát triển, nâng cao chất lượng CTĐTNN địa phương. Tỷ lệ lao động qua ĐTN của tỉnh Lào Cai đã tăng từ 27,8% năm 2010 lên đến 43,1% năm 2015 và đạt 56,89% vào năm 2020.

Bên cạnh đó, Đảng bộ, chính quyền tỉnh không ngừng đổi mới và chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo; đa dạng hóa các hoạt động dạy nghề gắn kết với các chương trình Mục tiêu Quốc gia; đầu tư nguồn lực PT đồng bộ các yếu tố điều kiện từ cơ sở đào tạo, chương trình, giáo trình, đội ngũ cán bộ GV đến chính sách hỗ trợ để thúc đẩy hiệu quả dạy nghề bao trùm; song song với đó, từng bước xây dựng các đơn vị đào tạo mũi nhọn, trọng điểm, chất lượng cao cho tỉnh.

Chuyển biến trong CTĐTNN của tỉnh Lào Cai từ năm 2010 đến năm 2020 là rất rõ nét, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế nhất định, như: thiếu giảng viên dạy nghề cơ hữu, đặc biệt là ở các Trung tâm GDNN cấp huyện; hiệu quả dạy nghề ở các Trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên sau sáp nhập chưa cao; kết quả thực hiện chỉ tiêu ĐTN trình độ cao đẳng, trung cấp những năm 2011 - 2015 chưa đạt kế hoạch... Tình hình đó đặt ra yêu cầu đối với Đảng bộ, chính quyền tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo CTĐTNN những năm tiếp theo để tiếp tục góp phần nâng cao chất lượng NNL tỉnh Lào Cai.

## Chương 4

# NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI TRONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2020

### 4.1. NHẬN XÉT

#### 4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

##### 4.1.1.1. Ưu điểm

*Thứ nhất, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã kịp thời hoạch định chủ trương về ĐTN phù hợp với thực tiễn địa phương.*

Trong quá trình lãnh đạo CTĐTN trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ năm 2000 đến năm 2020, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về ĐTN cho NLD; đồng thời vận dụng sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của một tỉnh miền núi, biên giới, có nhiều dân tộc cùng chung sống, trình độ dân trí chưa cao; từ đó, kịp thời hoạch định chủ trương đúng đắn, phù hợp nhằm triển khai có hiệu quả CTĐTN.

*Đảng bộ tỉnh luôn căn cứ vào thực tế của tỉnh để hoạch định chủ trương thông qua các quyết sách tại các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh và các Nghị quyết chuyên đề; đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo nghề, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp và toàn xã hội. Sau các kì Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, XIII, XIV, XV, Đảng bộ đều xây dựng và ban hành Đề án về đào tạo nghề hoặc liên quan đến đào tạo nghề cho người lao động tỉnh, như: “Đề án giải quyết việc làm cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005”, “Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010”, “Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015”, “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2020”. Trong quá trình xây dựng và tổ chức chỉ đạo*

thực hiện các Đề án, Đảng bộ luôn chú trọng đến các nhóm NLĐ đặc thù ở địa phương như: lao động người DTTS, LĐNT, lao động CNKT. Cụ thể như: Tỉnh Lào Cai có trên 60% dân số là đồng bào DTTS, sinh sống chủ yếu trong các khu vực miền núi, canh tác nông nghiệp là căn bản, đời sống còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí chưa cao. Vì vậy, nhóm lao động DTTS được tỉnh chú trọng với những chính sách tuyên truyền, vận động, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc làm và tạo việc làm thiết thực, phù hợp. «*Dự án đào tạo nghề cho công nhân kỹ thuật*» là dự án thành phần trong Đề án giai đoạn 2001 - 2005 và giai đoạn 2006 - 2010. CNKT là nhóm lực lượng lao động được chú trọng đào tạo, để phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu ngành, lĩnh vực kinh tế. Khi các ngành nghề trong nhóm công nghiệp - xây dựng PT mạnh cùng xu hướng mở rộng quy mô sản xuất của Tổng công ty Apatit Việt Nam, khu công nghiệp Tăng Lông với các nhà máy sản xuất hóa chất, phân bón... nhu cầu lao động CNKT ngày càng tăng. «*Dự án đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010*» (dự án thành phần nằm trong Đề án giai đoạn 2006 - 2010 của Đảng bộ, ban hành trước Đề án 1956 của Chính phủ). Việc ĐTN cho LĐNT vốn đã được Đảng, Nhà nước chỉ đạo từ ngay những năm đầu thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm (2001 - 2005), tuy nhiên vẫn nằm trong số các nhóm đối tượng NLĐ chung, chưa phải ưu tiên đặc thù. Song do Lào Cai là tỉnh có lực lượng lao động khu vực nông thôn chiếm phần lớn tổng số lao động, phần nhiều là người DTTS; đời sống của người dân khu vực này còn hết sức khó khăn. Vì thế, Tỉnh ủy Lào Cai đã chủ động xây dựng dự án ĐTN cho LĐNT ngay từ năm 2006. Đến năm 2009, khi Đề án 1956 của Chính phủ ra đời, tỉnh Lào Cai có thuận lợi để tiếp tục triển khai thực hiện.

*Chủ trương ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai có tính chiến lược, tổng quát và kế thừa, thể hiện tầm nhìn của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai trong lãnh đạo ĐTN. Cụ thể là, năm 2000 toàn tỉnh còn hơn 87% lao động chưa từng qua đào tạo, đến hết năm 2020 chỉ còn 35% lao động chưa qua đào tạo.*

Những năm 2000 - 2010, Đảng bộ tỉnh chủ trương ưu tiên hướng đến mục tiêu xây dựng mạng lưới cơ sở dạy nghề bao phủ toàn tỉnh, tăng cường số lượng NLD được đào tạo; tập trung đào tạo lao động CNKT là chủ yếu để phục vụ nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, PT công nghiệp - xây dựng trong tỉnh. Đến những năm 2010 - 2020, trong khi tiếp tục tăng cường số lượng NLD qua ĐTN, các Đề án của Đảng bộ tập trung nâng cao chất lượng ĐTN để PT NNL về chiều sâu; ĐTN chuyển từ dàn trải sang có trọng tâm, cung gắn với cầu TTLĐ; tập trung xây dựng một số cơ sở dạy nghề trọng điểm, chất lượng cao; tăng cường nguồn lực ĐTN cho LĐNT để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cải thiện và nâng cao đời sống cho người dân khu vực nông thôn, hoàn thành chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới.

*Chủ trương lãnh đạo CTĐTN của tỉnh Lào Cai từ năm 2000 đến năm 2020 cho thấy sự phát triển rõ nét trong nhận thức của Đảng bộ tỉnh về vị trí, tầm quan trọng của CTĐTN, trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Biểu hiện cụ thể là, trong 10 năm đầu (2000 - 2010) Đảng bộ tỉnh chủ trương mở rộng quy mô, mạng lưới cơ sở dạy nghề, tăng cường số lượng lao động được đào tạo là cơ bản; đến giai đoạn 2010 - 2020 bên cạnh việc lãnh đạo nâng cao tỉ lệ lao động qua đào tạo, Đảng bộ tỉnh chủ trương mở rộng, hoàn thiện cơ cấu ngành nghề đào tạo gắn với nhu cầu TTLĐ và nâng cao chất lượng dạy nghề hướng tới tầm khu vực và quốc tế. Điều này thể hiện sự chủ động, sáng tạo, năng động và quyết tâm chính trị cao độ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cấp ủy các khóa XII, XIII, XIV, XV. Những chủ trương đúng đắn, phù hợp với thực tế của Đảng bộ tỉnh là yếu tố tiên quyết cho thành quả ĐTN của tỉnh.*

*Ông Trịnh Quang Chính, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, nguyên Bí thư Đảng ủy, nguyên Giám đốc Sở LĐ-TB&XH nêu: nguyên tắc trong lãnh chỉ đạo lĩnh vực LĐVL của lãnh đạo tỉnh Lào Cai đó là “vòng tròn đồng tâm”, trong đó: vòng tròn lớn là NLD*

*toàn tỉnh; vòng tròn nhỏ hơn là NLD khu vực miền núi, khó khăn; vòng lớn là lao động DTTS. Điều đó đảm bảo việc dạy nghề - GQVL cho NLD toàn tỉnh đều được quan tâm và các đối tượng cốt lõi vẫn được ưu tiên. Riêng lao động người DTTS, không chỉ dừng lại ở “tạo việc làm” mà còn là “tìm việc làm”.*

*Thứ hai, trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã chủ động, sáng tạo linh hoạt với những phương pháp và bước đi phù hợp với thực tế của một tỉnh miền núi, biên giới, có nhiều DTTS cùng sinh sống.*

*Việc chỉ đạo được thực hiện đồng bộ, hệ thống, chặt chẽ, nghiêm túc: Sau mỗi kì Đại hội, Tỉnh ủy đã ban hành các đề án, kế hoạch tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương về CTĐTN của Đảng bộ tỉnh; chỉ đạo xây dựng tài liệu, in ấn và chuyển đến các cơ quan đơn vị, tổ chức quán triệt học tập các nội dung của Đại hội, nội dung các chương trình, đề án cơ bản, trong đó có Đề án về ĐTN đến toàn thể cán bộ, đảng viên và tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Đến giai đoạn 2010 - 2020, Đảng bộ tỉnh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai học tập nghị quyết, văn kiện Đảng bộ tỉnh nên việc chỉ đạo quán triệt được thực hiện hiệu quả hơn; thông qua kênh trực tuyến, việc nắm bắt tình hình, lý giải bản khoản, thắc mắc về chủ trương, chính sách, nhất là những ý kiến từ cán bộ cơ sở được thực hiện nhanh chóng, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai trong thực tế.*

Để đảm bảo tiến độ và tính khả thi của các đề án, Tỉnh ủy chỉ đạo sát sao việc thành lập kịp thời các Ban Chỉ đạo thực hiện đề án, nhất là với “*Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2020*”. Trong Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban là 01 đồng chí Phó Chủ tịch tỉnh, 01 Phó Ban Thường trực là Giám đốc Sở LĐ-TB&XH, lãnh đạo các sở ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh là thành viên. Chỉ đạo các huyện uỷ, thành uỷ chủ động xây dựng Đề án, kế hoạch ĐTN trên địa bàn huyện, thành phố. Các Ban Chỉ đạo cấp huyện được thành lập và hoạt động ngày càng hiệu quả trong chỉ đạo trực tiếp các dự án nằm trong Đề án chung của Tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo sát sao hội đồng nhân dân tỉnh trong việc xây dựng các nghị quyết liên quan, nhất là nghị quyết về chính sách hỗ trợ đào tạo như: ngân sách, học phí, mức chi hỗ trợ học viên học nghề. Từ năm 2010 đến năm 2015, hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 05 Nghị quyết về chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực dạy nghề và mức thu học phí, mức hỗ trợ dành cho học viên học nghề tại các cơ sở GDNN thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của UBND tỉnh. Tỉnh ủy còn chỉ đạo hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thường xuyên nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả triển khai đề án, phát hiện sai sót nếu có để chấn chỉnh xử lý kịp thời. Riêng 10 năm 2010 - 2020, có trên 10 cuộc giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề về hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh, trong đó có: giám sát việc thực hiện đề án; giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách pháp luật trong công tác dạy nghề và GQVL; giám sát chuyên đề việc triển khai thực hiện “Đề án của Chính phủ về PT giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015”...

Chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch giao chỉ tiêu ĐTN và tổ chức triển khai thực hiện bằng các biện pháp cụ thể, linh hoạt, phù hợp; thông qua UBND tỉnh chỉ đạo đến các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tích cực triển khai. Việc kiểm tra, đôn đốc được tiến hành thường xuyên thông qua hoạt động hằng tháng, quý, năm của phòng LĐ-TB&XH huyện, thị xã, thành phố, Sở LĐ-TB&XH, Sở GD&ĐT. Đảng bộ tỉnh chú trọng chỉ đạo sơ kết, tổng kết quá trình thực hiện các Đề án ĐTN nói riêng, quá trình thực hiện CTĐTN trong tỉnh nói chung. Từ đó, kịp thời đánh giá đầy đủ, chi tiết, trung thực; đồng thời, thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế, làm cơ sở rút kinh nghiệm, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cho CTĐTN giai đoạn tiếp theo một cách sát hợp.

Đảng bộ chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường chỉ đạo theo nhóm nhiệm vụ, giải pháp được xây dựng trong các đề án. Đó là: tuyên truyền, điều tra khảo sát, tư vấn học nghề và việc làm; xây dựng, củng cố mạng

lưới cơ sở đào tạo nghề; xây dựng cơ cấu ngành nghề, chương trình đào tạo; phát triển đội ngũ cán bộ, GV dạy nghề; chính sách hỗ trợ ĐTN; thực hiện chỉ tiêu đào tạo gắn với GQVL.

*Chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ trong CTĐTN với nhiều cách thức, biện pháp chủ động, sáng tạo, linh hoạt, phù hợp:* Các cấp ủy chỉ đạo tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho lao động được chú trọng ngay từ đầu, đến giai đoạn 2010 - 2020, có nhiều cách thức linh hoạt, huy động nhiều chủ thể trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện, nhờ đó chất lượng nâng cao rõ rệt; việc tuyên truyền, tư vấn cho lao động người DTTS có nhiều tìm tòi và sử dụng các cách thức phù hợp như thông qua các phiên chợ, thông qua lực lượng người có uy tín ở địa phương. Chỉ đạo xây dựng và củng cố, kiện toàn mạng lưới cơ sở dạy nghề có bước đi phù hợp, lựa chọn hợp lý. *Trong những năm 2000 - 2010*, việc hình thành mạng lưới cơ sở dạy nghề được thực hiện nhanh chóng nhưng có bước đi hợp lý, phù hợp với nguồn lực kinh tế hiện có của tỉnh, như: xây dựng trường nghề ở khu vực trung tâm của tỉnh trước, sau đó mở rộng dần ra các vùng, mỗi vùng lựa chọn một huyện là trung tâm vùng để đặt một cơ sở dạy nghề, cuối cùng, mở các trung tâm dạy nghề ở từng địa bàn huyện; mở cơ sở dạy nghề ở khu vực đang có nhu cầu lao động lớn trước nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt, sau đó đến các khu vực khác. *Đến giai đoạn 2010 - 2020*, để xây dựng năng lực dạy nghề mạnh, tỉnh chỉ đạo kiện toàn các cơ sở đào tạo là một lựa chọn đúng; đây không chỉ là thực hiện chỉ đạo của Trung ương mà còn là sự chủ động của tỉnh để tập trung hình thành năng lực dạy nghề mạnh cho một số cơ sở trọng tâm, trọng điểm với quy mô tuyển sinh lớn, cơ cấu ngành nghề rộng, đội ngũ giảng viên mạnh, cơ sở vật chất tốt, hiện đại.

Chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo: (1) Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu ngành nghề đào tạo gắn với TTLĐ và bám sát định hướng PT của địa phương: Trong những năm 2010 - 2015, tỉnh đã có sự thay đổi

cơ cấu ngành nghề đào tạo khá nhanh chóng. Các ngành trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu ngành giai đoạn 2010 - 2015, nhất là ở trình độ đào tạo dài hạn, phù hợp với cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh: *công nghiệp, xây dựng - thương mại, du lịch - nông, lâm, ngư nghiệp*; đến giai đoạn 2015 - 2020, số lượng các nghề du lịch, dịch vụ tăng mạnh, chiếm ưu thế cả ở trình độ dài hạn và ngắn hạn, phù hợp với cơ cấu ngành kinh tế: *thương mại, dịch vụ - công nghiệp, xây dựng - nông, lâm, ngư nghiệp*. Trong nhóm ngành thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp cũng có sự chuyển đổi rất tích cực và hợp lý, gắn với thế mạnh về nông nghiệp địa phương và bám sát quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh: các nghề nông nghiệp đi từ hướng dẫn kỹ năng nghề đơn giản, phổ biến (trồng và chăm sóc chuối, chăn nuôi đại gia súc, kỹ thuật trồng và chăm sóc chè...) đến xây dựng các mã nghề nông nghiệp chuyên sâu, hiện đại, ứng dụng công nghệ sinh học vào canh tác, phù hợp yêu cầu PT nông nghiệp công nghệ cao trong những năm 2018 - 2020 (kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả đặc sản; kỹ thuật trồng, chăm sóc cây dược liệu và các bài thuốc chữa bệnh cho người và gia súc; sản xuất tinh bột dong giềng làm miến dong; kỹ thuật trồng rau an toàn...).

(2) Sáng tạo trong cách thức giao cụ thể ngành nghề cho các cơ sở đào tạo: ngay từ những năm 2000 - 2010, Tỉnh giao cho từng cơ sở các mã ngành đào tạo cụ thể, đây là một cách làm sáng tạo để khu biệt rõ ràng phạm vi nghề đào tạo của các trường, trung tâm dạy nghề trên từng địa bàn, theo từng cấp độ dài hạn hoặc ngắn hạn; bên cạnh đó định hướng các cơ sở dạy nghề theo hướng chuyên môn hóa, từng bước tập trung củng cố các cơ sở về cả tổ chức vận hành và chất lượng đào tạo. Ngoài ra, đây cũng là cách giúp NLD dễ nhận biết và lựa chọn cơ sở đào tạo phù hợp.

Chủ động, quyết tâm trong chỉ đạo xây dựng đội ngũ GV thỉnh giảng: Từ những năm 2000 - 2010 khi Trung ương chưa có cơ chế rõ ràng về lực lượng thỉnh giảng, Tỉnh Lào Cai đã chủ động trích một phần ngân sách tỉnh,

mời GV thỉnh giảng là những kỹ sư, thợ lành nghề ở các công ty, nghệ nhân địa phương tham gia giảng dạy tại các lớp nghề. Đến những năm 2011 - 2020, số lượng GV thỉnh giảng được tỉnh công nhận tăng nhanh. Tỉnh đã tận dụng tốt lực lượng này để bổ khuyết cho sự thiếu hụt GV nghề cơ hữu, nhất là ở các trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên và với các nghề mới.

*Thứ ba, sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ tỉnh giúp CTĐTN Lào Cai đạt nhiều kết quả quan trọng trong những năm 2000 - 2020:*

Đảng bộ tỉnh đã hoạch định và xây dựng quy hoạch chương trình đào tạo nghề, từ bước đầu xây dựng mạng lưới cơ sở dạy nghề, PT ĐTN theo diện rộng những năm 2000 - 2010 đến kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề theo hướng gắn ĐTN với TTLĐ, từng bước PT ĐTN theo chiều sâu giai đoạn 2010 - 2020. Với tầm nhìn và bước đi đúng đắn đó, trong 20 năm, CTĐTN tỉnh Lào Cai đã đạt những kết quả nổi bật, cụ thể:

*Quy hoạch mạng lưới cơ sở ĐTN rộng khắp* trong toàn tỉnh, có định hướng xây dựng cơ sở dạy nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN (trường Cao đẳng Lào Cai được định hướng xây dựng thành trường chất lượng cao, đến năm 2020 có 07 nghề trọng điểm cấp quốc gia và quốc tế). Các cơ sở dạy nghề với trình độ từ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo nghề dưới 03 tháng. Số lượng nghề đào tạo ngày càng đa dạng, cơ cấu nghề đào tạo theo sát cơ cấu ngành nghề hiện tại ở địa phương, có sự điều chỉnh kịp thời sau khảo sát hằng năm. ĐTN gắn với thế mạnh và định hướng PT của từng địa phương đạt hiệu quả cao. Một số cơ sở dạy nghề hoạt động khá đều và hiệu quả, như: Trường Cao đẳng nghề Lào Cai (từ 2018 là Cao đẳng Lào Cai), trường Trung cấp Nghề Apatit, Trung tâm dạy nghề và dịch vụ hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân tỉnh, Trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên huyện Bắc Hà, Sa Pa... Bên cạnh đó, trung tâm GDNN- giáo dục thường xuyên huyện Bát Xát, thành phố Lào Cai làm khá tốt việc ĐTN gắn với GQVL.

*Hình thức đào tạo trực tiếp tại chỗ ngày càng được đẩy mạnh, gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất đem lại hiệu quả rõ rệt. Các lớp ĐTN sơ cấp và dưới 03 tháng cho LĐNT thực hiện theo hình thức đào tạo tại chỗ đã giảm thiểu được thời gian, khoảng cách địa lý nên thu hút được đông đảo NLD tham gia. Các lớp ĐTN chủ yếu về nông lâm nghiệp song có gắn với định hướng PT của từng vùng nên có tác động tích cực trong góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp, nhất là trong những năm 2010 - 2020. Hình thức kèm cặp, truyền nghề được sử dụng hiệu quả trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ và các hợp tác xã nông nghiệp hoặc hợp tác xã dạng làng nghề truyền thống (hợp tác xã thêu thổ cẩm Lan Rừng tại Sa Pa; hợp tác xã sản xuất miến dong truyền thống Hưng Hiền tại Bản Xèo, Bát Xát; cơ sở sản xuất kinh doanh Cốm, Khẩu rang Lù Thị Tươi tại Tà Chải, Bắc Hà...)*

*Chất lượng ĐTN của các cơ sở dạy nghề ngày càng nâng lên, trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số cơ sở trọng điểm ĐTN cho tỉnh như: Trường Cao đẳng Lào Cai, trường Trung cấp nghề Apatit Lào Cai. Một số cơ sở đã nhạy bén, linh hoạt trong việc cập nhật các ngành nghề mới, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, nhất là Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp dạy nghề và giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên thành phố trong cơ cấu ngành nghề giai đoạn 2016 - 2020 bổ sung một số nghề mới như: tiếng Trung Quốc, spa - nail - mi, làm móng...đón đầu được nhu cầu của địa phương. Cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch đúng hướng, lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm dần, tăng dần lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ. Điều đó cho thấy CTĐTN đã theo sát và gắn với nhu cầu của thị trường, phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chất lượng đào tạo nâng cao nhờ sự phát triển số lượng và chất lượng của đội ngũ GV dạy nghề trong toàn tỉnh, từ 105 GV (năm 2002) lên 533 GV (năm 2020). Số GV đạt chuẩn ngày càng tăng, đảm nhiệm được nhiều nghề trong hệ đào tạo trung cấp và cao đẳng.*

*Các dự án lồng ghép đạt hiệu quả*, nhất là “Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2006 - 2010”, “Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020”. Tỉnh cũng chú trọng thực hiện lồng ghép nhiều dự án, chính sách để hỗ trợ lao động, nhất là LĐNT, như: tận dụng nguồn vốn từ chính sách 30a dành cho các huyện nghèo của Chính phủ, Quỹ quốc gia tạo việc làm từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới, Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững... Ngoài việc có những chính sách hỗ trợ về vốn, khoa học kỹ thuật, cải thiện điều kiện lao động, tư vấn việc làm, tỉnh Lào Cai còn quan tâm thực hiện nhiều dự án, giải pháp dạy nghề, truyền nghề theo hướng xã hội hoá công tác dạy nghề, tạo điều kiện cho NLD được học nghề phù hợp để tự GQVL.

Trên cơ sở các chương trình PT kinh tế của địa phương, quy hoạch khu kinh tế, dự án kinh tế lớn, tỉnh chủ động chỉ đạo khảo sát, nắm bắt nhu cầu lao động để định hướng đào tạo những nghề phù hợp, phục vụ các dự án đó. Vì vậy, trong những năm 2000 - 2020, tỉnh đã đào tạo được một số lượng khá lớn người lao động phục vụ cho các khu công nghiệp: Bắc Duyên Hải, Đông Phố Mới, cụm công nghiệp Tăng Loong; một số công ty, tập đoàn lớn như Tổng Công ty Apatit Việt Nam, tập đoàn Hóa chất Mỏ Tây Bắc, nhà máy gang thép Việt - Trung... Điều này thể hiện năng lực dự báo của Đảng bộ tỉnh, đồng thời cho thấy hướng đi tất yếu trong ĐTN là luôn phải gắn với TTLĐ. Việc kết hợp các dự án, chương trình một mặt đã giảm bớt được tình trạng lao động không có việc làm, mặt khác đảm bảo cho CTĐTN mang tính bền vững.

Trong những năm 2010 - 2020, tỉnh đã chú trọng xây dựng hiệu quả một số mô hình dạy nghề gắn với GQVL cho lao động, tạo động lực phấn đấu cho học viên tham gia học nghề. Một số mô hình dạy nghề được áp dụng và nhân rộng, thu hút đông đảo học viên, chủ yếu là lao động người DTTS tham gia học tập, tiêu biểu như: Mô hình trồng chuỗi mô tại huyện Bát Xát, nuôi cá tại xã Bản Qua (Bát Xát), Phong Hải (Bảo Thắng), chăn nuôi lợn tại xã Xuân Quang,

chăn nuôi gà tại xã Phú Nhuận (Bảo Thắng), trồng hoa Lan tại huyện Sa Pa, trồng Quýt ở Thị trấn Mường Khương,... Các mô hình tiêu biểu trên ngày càng phổ biến, nhân rộng ra nhiều địa phương khác trên địa bàn toàn tỉnh, qua đó tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có chất lượng, tăng năng suất lao động, góp phần nâng cao thu nhập cho bản thân NLĐ, giảm nghèo, ổn định đời sống xã hội tại khu vực nông thôn.

Những kết quả đó đã góp phần đưa tỷ lệ lao động qua ĐTN của tỉnh tăng mạnh, từ 6,66% năm 2000 lên 15,5% năm 2005 và 27,8% năm 2010, đạt 43,1% vào năm 2015 và nâng lên 56,89% năm 2020. Từ đó, tỉ lệ lao động qua đào tạo nói chung của tỉnh Lào Cai cũng tăng lên rõ rệt, từ 11,69% năm 2000 lên 65% năm 2020.

Xét trong sự đối chiếu so sánh với mặt bằng chung của khu vực và một số tỉnh có cùng điều kiện trong khu vực, có thể thấy: So với khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo của tỉnh Lào Cai cao hơn rõ rệt. Ngay từ năm 2000, tỉ lệ này ở Lào Cai đã đạt 11,69%, cao hơn tỉ lệ tương ứng của khu vực năm 2005 (10,1%).

Hà Giang là một tỉnh miền núi biên giới có điều kiện tương tự như Lào Cai, có đường biên giới với Trung Quốc dài 277,5 km, gồm 19 dân tộc cùng chung sống, đồng bào DTTS chiếm tỉ lệ lớn, trong đó dân tộc Mông tỉ lệ cao nhất chiếm khoảng hơn 32% rồi đến người Tày, người Dao...Tỉ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh Hà Giang năm 2010 là 31,9%, cao hơn so với tỉnh Lào Cai cùng thời điểm (27,8%), song đến năm 2020 tỉ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh Hà Giang đạt 54% [189], trong khi tỉ lệ này của tỉnh Lào Cai đạt 65%. Riêng tỉ lệ lao động qua ĐTN của tỉnh Lào Cai cũng cao hơn so với tỉ lệ lao động qua đào tạo nói chung của tỉnh Hà Giang (58,9% so với 54%).

Yên Bái có điều kiện cơ bản tương tự như tỉnh Lào Cai, đồng thời cũng được tách ra từ tỉnh Hoàng Liên Sơn (năm 1991). Đến năm 2020, tỉ lệ đồng bào DTTS ở Yên Bái chiếm 57,4%, LĐNT chiếm trên 80% tổng số lao động trong

độ tuổi của tỉnh. Trong mục tiêu đến năm 2020, tỉnh Yên Bái xác định: nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo lên 45%, trong đó tỉ lệ lao động qua ĐTN đạt 30%; năm 2020, nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%, trong đó tỉ lệ lao động qua ĐTN đạt 40% [177]. Kết quả thực tế năm 2015, tỉ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt 45%; đến năm 2020 tỉ lệ đó đạt 63,2%, thấp hơn 1,8% so với tỉnh Lào Cai cùng thời điểm (65%).

Những kết quả quan trọng trong quá trình lãnh đạo CTĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã có tác động tích cực đến nhận thức và thực tiễn:

*Về nhận thức*, việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã góp phần tạo chuyển biến tích cực đến nhận thức của các cấp ủy, chính quyền địa phương về vị trí, tầm quan trọng của CTĐTN và GQVL; giúp LĐNT, nhất là LĐNT người DTTS nhận thức đúng, đầy đủ hơn về việc học nghề để tạo việc làm, tăng thu nhập. Trong những năm 2010 - 2020, tuyên truyền, tư vấn học nghề được tỉnh chú trọng đẩy mạnh, tạo ra nhiều chuyển biến rõ nét trong nhận thức: nhiều gia đình đã quan tâm đầu tư kinh phí cho con học tại các cơ sở ĐTN (nghề lái xe ô tô, công nghệ ô tô, các dịch vụ làm đẹp, hướng dẫn viên du lịch). Việc phối hợp với các trường phổ thông trong phân luồng và tư vấn GDNN được thực hiện tốt hơn.

*Về thực tiễn*: (1) Với NLD, chính sách ĐTN là một trong những giải pháp căn cơ, thiết thực, giúp nhiều người dân có việc làm ổn định, thoát nghèo bền vững. Việc dạy nghề cho LĐNT, đồng bào DTTS đã góp phần khắc phục tình trạng thiếu đất sản xuất, chuyển đổi cơ cấu lao động, tạo việc làm... Số LĐNT đã qua ĐTN, có cơ hội tìm được việc làm mới hoặc làm công việc cũ nhưng năng suất, thu nhập cao hơn ngày càng tăng.

(2) Đối với tỉnh Lào Cai, kết quả ĐTN góp phần quan trọng nâng cao chất lượng NNL, phát triển TTLĐ địa phương. Hệ thống cơ sở GDNN được củng cố, kiện toàn, ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo, một số cơ sở GDNN có cách làm mới, hiệu quả để tuyển sinh, nâng cao chất lượng, hiệu quả

đào tạo nghề. Đề án 1956 và các chương trình mục tiêu quốc gia đã thực sự tạo ra những thay đổi rõ nét trong giảm nghèo bền vững và thực hiện chính sách xã hội, nhất là chính sách LĐVL ở tỉnh.

#### **4.1.1.2. Nguyên nhân**

*Thứ nhất*, quan điểm của Trung ương về vấn đề LĐVL và các chủ trương, chính sách ngày càng cụ thể, hoàn chỉnh, phù hợp hơn về ĐTN, GQVL là cơ sở định hướng cho Đảng bộ các địa phương, trong đó có Đảng bộ tỉnh Lào Cai quán triệt, cụ thể hóa và xây dựng chủ trương lãnh chỉ đạo gắn với đặc điểm tình hình của địa bàn. Trong 20 năm từ 2000 đến 2020, Trung ương Đảng đã có những định hướng căn bản về dạy nghề và việc làm cho NLD trong điều kiện CNH, HĐH, sau này là hội nhập với những nguyên tắc chung song cũng có những chỉ dẫn riêng với đặc thù từng khu vực; trong chính sách về dạy và học nghề, các nhóm đối tượng ngày càng được mở rộng, có những nhóm trọng điểm được quan tâm đặc biệt với các Đề án, dự án riêng, nhất là LĐNT. Đây là những thuận lợi cơ bản để Đảng bộ tỉnh Lào Cai dựa trên đó mà xây dựng chủ trương, triển khai chính sách phù hợp tại địa phương mình.

*Thứ hai*, trên cơ sở quan điểm, chủ trương chung của Đảng, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã chủ động hoạch định chủ trương đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Trong những năm 2000 - 2020, với chiến lược rõ ràng, Đảng bộ đã lãnh đạo CTĐTN trên địa bàn phát triển từ bề rộng đến chiều sâu; từ mở rộng, xây dựng và từng bước hoàn thiện mạng lưới cơ sở dạy nghề đến không ngừng nâng cao năng lực dạy nghề của địa phương; gắn dạy nghề với GQVL, phát triển mạnh TTLĐ tạo động lực thúc đẩy CTĐTN

*Thứ ba*, sự đoàn kết, thống nhất về mục tiêu định hướng của Đảng bộ tỉnh, hạt nhân là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh qua 4 nhiệm kỳ trong việc xây dựng các chương trình, đề án và quyết liệt chỉ đạo triển khai thực hiện CTĐTN tại địa phương. Đặc biệt, lợi ích của người dân và sự phát triển của tỉnh là gốc rễ cho các quyết sách của Đảng bộ, vì thế chủ trương về LĐVL được sự đồng

thuận của nhân dân, huy động được sự tham gia của xã hội. Bên cạnh đó, sự tham gia tích cực, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò tham mưu và tổ chức thực hiện của UBND tỉnh, sở LĐ-TB&XH tỉnh. Cùng với đó là vai trò và trách nhiệm ngày càng cao của hệ thống chính trị ở cơ sở, nơi trực tiếp gắn bó với nhân dân, đã đẩy mạnh tuyên truyền, khảo sát nhu cầu học nghề cho NLD, phối hợp tổ chức thực hiện các hình thức đào tạo tại chỗ nên đã phát huy hiệu quả cao ở Lào Cai, nhất là gắn với các chương trình mục tiêu Quốc gia trong những năm 2010 - 2020.

*Thứ ba*, hiệu quả xã hội hoá trong ĐTN. Với sự sôi động của thị trường lao động, nhu cầu ngày càng lớn của các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thị trường; do đó, CTĐTN không chỉ giới hạn ở những cơ sở công lập. Các cơ sở dạy nghề tư thục, các doanh nghiệp cũng tham gia vào hoạt động ĐTN. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh xã hội hoá ĐTN đồng thời tạo thêm nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước và ngân sách tỉnh phục vụ cho hoạt động ĐTN của tỉnh.

*Thứ tư*, hiệu quả cộng hưởng từ những thành tựu PT toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại của tỉnh Lào Cai đã tạo điều kiện thúc đẩy công tác ĐTN, nhất là thành tựu trong PT kinh tế, xoá đói giảm nghèo, GD&ĐT của tỉnh những năm gần đây.

#### **4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân**

##### ***4.1.2.1. Hạn chế***

Bên cạnh những kết quả rất tích cực, từ năm 2000 đến năm 2020, công tác lãnh đạo ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai vẫn còn những hạn chế trong chỉ đạo thực tiễn và trong kết quả lãnh chỉ đạo.

***Về chỉ đạo thực tiễn:*** Mặc dù có sự chỉ đạo sát sao của Đảng bộ song chính quyền một số địa phương chưa thực sự coi trọng CTĐTN cho NLD trên địa bàn, nhất là chỉ đạo tuyên truyền giáo dục trong những năm 2000 - 2010, một vài địa phương chưa chủ động, có nơi chưa thường xuyên và hiệu quả

còn hạn chế; chỉ đạo ở cấp tỉnh quyết liệt, song đến cấp huyện, xã còn có nơi chưa thực sự quan tâm khiến việc thực hiện cầm chừng, một số xã nghèo, xã biên giới chưa có kết quả rõ nét. Trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của CTĐTN còn những hạn chế cụ thể như:

*Chỉ đạo tuyên truyền, khảo sát, tư vấn học nghề và việc làm:* việc điều tra thông tin, khảo sát, dự báo nhu cầu sử dụng lao động và nhu cầu ĐTN cho lao động của các thành phần kinh tế còn chưa đầy đủ, nhất là giai đoạn đầu chưa chú ý khảo sát kỹ nhu cầu học nghề của NLĐ. Tuy việc khảo sát được tiến hành hằng năm trong toàn tỉnh nhưng việc triển khai có nơi còn mang tính hình thức, kết quả thiếu tính xác thực, gây khó khăn cho việc dự báo và xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo.

Ở nội dung này, xét trong điều kiện tương tự, để thực hiện “*Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020*”, tỉnh Hà Giang đã tổ chức 01 cuộc điều tra toàn tỉnh, 01 cuộc điều tra điểm ở 40 xã nông thôn mới, 01 cuộc điều tra điểm 55 xã phục vụ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “*Đánh giá chất lượng đào tạo nghề*” của tỉnh [189]. Ngoài ra, tỉnh Hà Giang còn triển khai đề tài “*Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo kép gắn giải quyết việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề tỉnh Hà Giang*”. Những kết quả nghiên cứu của 02 đề tài trên có giá trị cao và được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Giang vận dụng vào việc định hướng, xác định chỉ tiêu, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề. Trong khi đó, tỉnh Lào Cai chưa có việc làm tương tự để khảo sát sâu sắc, kỹ càng thông tin lao động, việc làm tại địa phương.

*Chỉ đạo xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo* có nơi chưa thực hiện đúng chủ trương của Tỉnh là bám sát và dựa trên quy hoạch PT KT-XH của chính địa bàn, dẫn đến có trường hợp địa phương xây dựng cơ cấu ngành nghề chỉ có các nghề nông nghiệp; có địa phương xây dựng kế hoạch, giải pháp ĐTN chưa rõ ràng, thiếu phù hợp với điều kiện thực tế: Đề án số 05-ĐA/HU ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Huyện ủy Si Ma Cai về *nâng cao chất lượng GD&ĐT toàn diện*

*huyện Si Ma Cai giai đoạn 2015 - 2020 không phân tích, đánh giá riêng lĩnh vực GDNN mà đặt chung trong nội dung giáo dục thường xuyên; không có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể dành cho công tác GDNN.*

*Chỉ đạo nâng cao năng lực dạy nghề:* việc tổ chức và quản lý các lớp đào tạo theo hình thức trực tiếp tại cơ sở vẫn còn hạn chế. Có trường hợp người lao động đăng kí nhưng không tham gia lớp học, có trường hợp di chuyển đến điểm tổ chức lớp học xa dẫn tới không đảm bảo tỉ lệ chuyên cần, kể cả trong trường hợp cơ sở đào tạo đã linh hoạt lịch học và thời gian học mỗi ngày theo quy định của Bộ LĐ-TBXH (4h - 8h/ngày).

*Chỉ đạo tổ chức thực hiện các Đề án:* việc phối hợp tổ chức thực hiện ở cấp huyện, thành phố trong những năm 2000 - 2010 còn hạn chế, có nơi chưa đảm bảo chế độ thông tin báo cáo. Vì vậy những chính sách về ĐTN của tỉnh triển khai tới cấp huyện và cơ sở có phần chậm so với yêu cầu, ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện Đề án; sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH trong CTĐTN chưa được đánh giá sâu và báo cáo cụ thể, chuyên biệt. Nội dung phối hợp thường được lồng ghép trong báo cáo GDNN của Sở LĐ-TB&XH hoặc UBND tỉnh. Trong điều kiện tương tự, những năm 2016 - 2020 UBND tỉnh Sơn La đã chỉ đạo Sở LĐ-TB&XH tỉnh xây dựng Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ; đồng thời chỉ đạo Sở báo cáo chuyên đề về kết quả thực hiện chương trình phối hợp, trong đó đánh giá cụ thể vai trò, đóng góp và hiệu quả phối hợp của các tổ chức CT-XH với Sở trong CTĐTN [110]. Đây là biện pháp quan trọng để đánh giá “rõ người”, “rõ việc”, tăng cường hiệu quả phối hợp, tính đồng bộ, hệ thống trong thực hiện nhiệm vụ.

Thiếu đánh giá chuyên biệt về hiệu quả ĐTN cho lao động người DTTS: trong những năm 2010 - 2020, tỉnh Lào Cai chưa có đánh giá tổng quan về ĐTN cho lao động người DTTS, chỉ có một số thống kê kết quả thực hiện chỉ tiêu đào tạo, thường lồng ghép trong đánh giá kết quả công tác ĐTN thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia hoặc GDNN nói chung của toàn tỉnh.

***Kết quả lãnh đạo cụ thể còn một số hạn chế:***

*Tuyên truyền chưa thực sự hiệu quả, dẫn tới nhận thức của một bộ phận nhân dân về học nghề chưa đầy đủ, một bộ phận NLD nghèo, LĐNT, lao động người DTTS còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động tham gia học nghề để thoát nghèo, nuôi sống bản thân và gia đình. Cụ thể như: một bộ phận thanh niên, người DTTS trong độ tuổi lao động dù được vận động, tư vấn song không tham gia học nghề, dù lớp nghề ngắn hạn trong chương trình mục tiêu Quốc gia tổ chức miễn phí và mỗi ngày thực học, học viên được hỗ trợ tiền ăn, đi lại. Điều này khiến tỉnh Lào Cai nằm trong tình trạng chung của cả nước, nhất là trong những năm 2000 - 2010, là “thừa thầy, thiếu thợ”.*

*Trong tư vấn học nghề và việc làm: việc phân luồng học sinh THCS, THPT chưa đạt chỉ tiêu đề ra: Tỷ lệ học sinh học tại các cơ sở GDNN đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp năm 2020 đạt 15,95%, tăng 2,39% so với năm 2018, song thấp hơn mục tiêu đặt ra (25%). Số lượng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT năm 2020: 6.286 học sinh. Trong đó, học sinh đi học đại học 32,44%; cao đẳng 15,65%; đi học các trường trung cấp chuyên nghiệp và học nghề 19,93%; học sinh đi du học 0,45%; không học tiếp, tham gia lao động trực tiếp 25,96%. Theo đó, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đi học cao đẳng tăng 1% so với năm 2018 song còn thấp so với mục tiêu (ít nhất 35%). Trước năm 2015, tỉnh chưa thực sự chú trọng phân luồng cho học sinh tốt nghiệp THCS và THPT. Việc tuyển sinh và dạy nghề cho đối tượng là người khuyết tật còn gặp nhiều khó khăn (số người khuyết tật có nhu cầu học nghề không cao, mức độ khuyết tật khác nhau). Hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm, tư vấn lựa chọn ngành nghề đào tạo hiệu quả còn thấp, các trung tâm giới thiệu việc làm, trung tâm dịch vụ việc làm trong tỉnh chưa thực sự phát huy được vai trò. Các cơ sở dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm có chức năng dạy nghề của Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ chưa thực sự phát huy được đầy đủ vai trò, chức năng*

trong vận động hội viên tham gia học nghề và tư vấn việc làm cho NLD sau khi học nghề.

*Kết quả ĐTN chưa tác động thực sự lớn đến việc chuyển dịch cơ cấu lao động trong giai đoạn 2000 - 2010* theo yêu cầu của tỉnh, vẫn còn tình trạng phân bố lao động không đều giữa các vùng và trong các ngành kinh tế. Khu vực thành phố, thị trấn, khu công nghiệp thường tập trung lao động trong khi huyện khó khăn như các huyện 30a (Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai) thiếu lao động lao động kỹ thuật, lành nghề; lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ chế tạo, vận hành máy, luyện kim, hoá chất... dù có nhu cầu tuyển dụng cao song ít người lựa chọn học và làm việc.

*Năng lực dạy nghề của nhiều trung tâm công lập và trung tâm, cơ sở tham gia hoạt động dạy nghề chưa đáp ứng tốt được nhu cầu của người học và TTLĐ.* Các cơ sở đào tạo còn thiếu GV cơ hữu, có ngành nghề mới không có giáo viên. Một số ngành nghề mới xuất hiện như: chăm sóc sắc đẹp, nails (vẽ móng), vẽ hình nghệ thuật... song khó tuyển thêm GV vì không còn biên chế, trong khi một số ngành nghề mới dừng lại ở việc cấp chứng chỉ, chứng nhận để hành nghề. Đối với GV thỉnh giảng: tham gia giảng dạy không đều giữa các nghề và trong từng khóa học; ngoài ra, có nhiều người giỏi nghề, có thể giảng dạy rất tốt song không đủ điều kiện tham gia giảng dạy: tiêu chuẩn quy định với nghề nhân tham gia dạy nghề có những điểm chưa thực sự phù hợp với thực tế, như: Phải có Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, làm nghề lâu năm... nên có những người thực sự có tay nghề cao, đủ khả năng truyền nghề nhưng lại vướng bởi quy định nên không thể mời tham gia giảng dạy như nghề may, thêu thổ cẩm...; với điều kiện GV thỉnh giảng các nghề hiện đại cần có bằng tốt nghiệp trình độ từ Trung cấp nghề trở lên khiến một số nghề “hot” trên địa bàn Lào Cai ít và rất khó mời vì có người chưa đủ điều kiện, có người đủ điều kiện song kinh phí chi trả thấp nên không mời được. Thù lao chi trả cho giáo viên giảng dạy thấp (50.000/tiết giảng), trong khi với một số nghề như chăm sóc sắc

đẹp, nấu ăn...01 giờ làm việc của chuyên gia/nghệ nhân cao hơn nhiều số tiền trả cho cả buổi giảng, dẫn tới phần nhiều vẫn là dạy nghề tư nhân ở phạm vi hẹp theo kiểu cầm tay chỉ việc, dạy ra làm nghề luôn mà không cần có bằng hoặc chứng chỉ.

Cơ sở vật chất dù được đầu tư song giai đoạn đầu còn ít và “nhỏ giọt”, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Một số trung tâm dạy nghề hoặc trung tâm giới thiệu việc làm có chức năng dạy nghề chưa phát huy được hiệu quả, trang thiết bị nhà xưởng thực hành được đầu tư song ít tổ chức được lớp nên bị lãng phí. Trung tâm giới thiệu việc làm thanh niên tỉnh và trung tâm dịch vụ việc làm Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh mới phát huy vai trò trong công tác tuyên truyền, còn hoạt động tư vấn dạy nghề và giới thiệu việc làm hiệu quả chưa cao. Mô hình trung tâm GDNN-giáo dục thường xuyên mới chỉ tập trung vào giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông, năng lực dạy nghề còn hạn chế.

Việc hợp tác quốc tế về ĐTN của các cơ sở đào tạo chưa nhiều. Tuy là tỉnh biên giới song tỉnh Lào Cai còn ít hoạt động hợp tác ĐTN với các trường dạy nghề của Trung Quốc, chủ yếu là hợp tác trong GQVL. Trong khi đó, là tỉnh lân cận, Yên Bái thực hiện hiệu quả việc hợp tác quốc tế bồi dưỡng đội ngũ GV, cán bộ quản lý GDNN, hoạt động ĐTN, nhất là các ngành, nghề trọng điểm quốc tế và ASEAN.

Giai đoạn 2016 - 2020, Trường Cao đẳng nghề Yên Bái phối hợp với Viện Tiêu thủ công nghiệp và kỹ năng nghề Leipzig (Đức) tuyển sinh và đào tạo thí điểm cho 16 sinh viên nghề Gia công và thiết kế sản phẩm mộc (chương trình được chuyển giao từ Đức, sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ được cấp song song 2 bằng tốt nghiệp Việt Nam và Đức). Năm 2018, Trường cử 48 giảng viên tham gia bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ tại Úc với 03 nghề: Điện công nghiệp, Công nghệ ô tô và Sư phạm dạy nghề Quốc tế [148].

*Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa thực sự chú trọng sử dụng NLD đã qua ĐTN, vẫn còn tình trạng sử dụng lao động phổ thông, thời vụ. Trình độ tay nghề và kỹ năng mềm, tác phong lao động của một bộ phận NLD chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường và các doanh nghiệp.*

*Bà Tấn Tả Mây, Giám đốc hợp tác xã Cộng đồng Dao đỏ tại Sa Pa cho biết, tại cơ sở của mình có 35 lao động bán thời gian, 11 lao động toàn thời gian. Người lao động đều chăm chỉ, trách nhiệm song phần nhiều là lao động phổ thông, tuy có được dạy nghề theo hình thức kèm cặp song chưa bài bản để được cấp chứng chỉ.*

*NNL có chuyên môn, tay nghề cao còn thiếu so với yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp của một bộ phận NLD còn hạn chế, tâm lý ngại thay đổi, ngại di chuyển tìm việc làm ngoài địa phương; phong tục tập quán canh tác còn lạc hậu,... Một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là khu vực thành thị có nhu cầu tuyển dụng cao nhưng trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng số lượng như: Nhân lực về lĩnh vực du lịch - dịch vụ (ngành vụ chế biến món ăn có tay nghề cao (đầu bếp), ngành vụ pha chế đồ uống; kỹ thuật viên Spa; nhân viên Spa,...); nhân lực ngành kỹ thuật (kỹ sư Công nghệ thông tin, tin học; điện tử động hóa, cơ điện tử; công nghệ ô tô; chế biến khoáng sản; nông nghiệp công nghệ cao, logistics). Sau dịch Covid -19, nhiều nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tỉnh hoạt động trở lại (tại Khu Du lịch quốc gia Sa Pa), có nhu cầu tuyển dụng nhân lực nội tỉnh chưa bảo đảm được.*

*Kết quả ĐTN so với một số địa phương khác: Kết quả đào tạo nghề ở tỉnh Lào Cai tuy tăng mạnh trong 20 năm (2000 - 2020), tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề của tỉnh năm 2020 đã đạt 56,89%, song so với một số địa phương trong khu vực và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng, tỉ lệ này còn chưa cao. Lực lượng lao động trình độ cao đẳng nghề nói riêng, lao động trình độ đào tạo dài hạn nói chung còn ít. Lao động người DTTS tham gia học nghề chủ yếu vẫn là trình độ đào tạo ngắn hạn.*

#### **4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế**

*Nguyên nhân khách quan:*

*Thứ nhất*, Lào Cai là một tỉnh miền núi biên giới với hơn 60% dân số là người DTTS, trình độ dân trí chưa cao và không đều, trình độ PT KT-XH và nguồn lực của địa phương còn hạn chế. Đến năm 2010, Lào Cai vẫn là một tỉnh nghèo, tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh còn ở mức 42.99%. Điều đó ảnh hưởng tới nhận thức về nghề và học nghề, nhiều người còn cho rằng phải học đại học, còn học nghề sẽ khó khăn trong tìm việc làm và tạo thu nhập ổn định. Điều kiện kinh tế, đời sống của nhân dân nói chung, học sinh và học sinh DTTS nói riêng tham gia học nghề còn rất nhiều khó khăn. Nguồn lực đầu tư cho CTĐTNTN chưa nhiều, ngân sách địa phương chưa đủ mạnh để trang bị đầy đủ, hiện đại, đồng bộ cơ sở vật chất cho cơ sở đào tạo và xây dựng cơ chế đặc thù trong hỗ trợ người học, GV dạy nghề.

*Thứ hai*, chính sách hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại cho LĐNT tham gia học nghề theo Đề án 1956 còn thấp so với giá cả thị trường, chưa bảo đảm «hỗ trợ» theo đúng nghĩa cho người học để khuyến khích họ tham gia khóa học (tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học, tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học).

*Thứ ba*, những năm 2000 - 2010, tỉnh Lào Cai chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, tình trạng suy thoái, lạm phát kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong những năm 2007 - 2009 và dịch bệnh Covid-19 những năm 2019 - 2020 ảnh hưởng đến thị trường LĐVL, khiến doanh nghiệp phá sản hoặc hoạt động cầm chừng, cắt giảm khiến lao động mất việc, không có hoặc khó tìm kiếm việc làm. Một số doanh nghiệp siêu nhỏ, sử dụng dưới 10 lao động, ít nhu cầu lao động tuyển mới hoặc thay thế.

*Thứ tư*, riêng đối với huyện Si Ma Cai, công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện ĐTN của huyện nói chung, các xã trong huyện nói riêng còn hạn chế, đặc biệt là trong những năm 2000 - 2005, do huyện mới được tái lập năm 2000 theo Nghị định số 36/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 8 năm 2000 về

việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bắc Hà để tái lập huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Trong suốt giai đoạn nghiên cứu, Si Ma Cai vẫn là một huyện nghèo của tỉnh và của cả nước, nguồn lực hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức và kết quả thực hiện công tác ĐTN.

*Nguyên nhân chủ quan:*

*Thứ nhất*, một số cấp uỷ, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác ĐTN. Một số huyện, xã còn có biểu hiện thụ động, trông chờ, ỷ lại, chỉ thực hiện các kế hoạch của tỉnh; chưa chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Về mặt quản lý nhà nước, một số phòng LĐ-TB&XH cấp huyện đến năm 2020 chưa có cán bộ chuyên trách về công tác dạy nghề mà chỉ kiêm nhiệm, ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu xây dựng, triển khai kế hoạch ĐTN.

*Thứ hai*, công tác phối hợp của một số sở, ngành địa phương trong việc tổ chức triển khai công tác ĐTN còn hạn chế. Cá biệt, có đơn vị còn thụ động trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, nhu cầu sử dụng lao động qua ĐTN của ngành, lĩnh vực đơn vị mình phụ trách. Việc phối hợp với doanh nghiệp còn bất cập, trong khi nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động (nhất là dự báo nhu cầu sử dụng lao động qua ĐTN cho các năm tiếp theo); do vậy, cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước có lúc bị động về NNL qua đào tạo và kế hoạch ĐTN.

*Thứ ba*, đặc điểm về tuổi, trình độ học vấn, yếu tố tâm lý... ảnh hưởng đến nhận thức của người học trong quá trình tham gia đào tạo. Một nghiên cứu về LĐNT trên địa bàn tỉnh Lào Cai chỉ ra «có trên 75% số học viên có trình độ THCS trở xuống và 23,3% người được học có trình độ THPT; trong đó, độ tuổi từ 40 trở lên chiếm trên 53%; từ 30-39 tuổi chiếm gần 38% tổng số NLD qua ĐTN được hỏi. Sự khác biệt về trình độ và độ tuổi của học viên trong một lớp nghề gây khó khăn trong giảng dạy nghề [158].

*Thứ tư*, thu nhập của NLD từ nghề nghiệp được học, nhất là từ năm 2015 trở về trước còn thấp; điều kiện môi trường lao động của một số công việc nặng nhọc, độc hại (nghề khai thác mỏ, luyện kim màu); hệ số ổn định việc làm chưa cao; chủ một số cơ sở sản xuất kinh doanh chưa thực hiện tốt chế độ cho NLD được quy định trong Bộ Luật lao động... Những yếu tố đó làm hạn chế nhu cầu và lựa chọn học nghề của NLD.

## **4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM**

### **4.2.1. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đào tạo nghề cho người lao động**

Trong quá trình lãnh đạo công tác ĐTN, Đảng bộ tỉnh đã quán triệt sâu rộng đến cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của ĐTN đối với giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, PT KT-XH, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Từ đó, tạo sự thống nhất trong cấp ủy, chính quyền các cấp và MTTQ, các tổ chức CT-XH, cán bộ, đảng viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị trong tham mưu, tổ chức, triển khai thực hiện công tác ĐTN. Nhờ vậy, việc triển khai công tác ĐTN thuận lợi, đồng bộ, hệ thống, tránh tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, tinh chỉ đạo quyết liệt nhưng huyện, xã lại thực hiện cầm chừng.

Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của xã hội và NLD về ĐTN: trước tình trạng «thừa thầy thiếu thợ», bởi quan niệm và nhận thức của đa phần người dân chưa đúng về giá trị của lao động có tay nghề nên số NLD lựa chọn học nghề còn ít. Trong khi đó, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, lĩnh vực du lịch, đang thiếu lao động, nhất là NLD lành nghề. Vì vậy, Đảng bộ tỉnh tăng cường tuyên truyền để thay đổi nhận thức của người dân nói chung, NLD nói riêng về ĐTN là hết sức cần thiết, để người dân định hướng tham gia học nghề, lựa

chọn học nghề phù hợp, vừa có khả năng GQVL nhanh chóng, vừa phù hợp yêu cầu PT của địa phương.

Thực tiễn tuyên truyền về ĐTN, GQVL tại tỉnh Lào Cai trong những năm 2000 - 2020 cho thấy:

*Đẩy mạnh tuyên truyền là cách thức hữu hiệu thay đổi nhận thức của phần đông người dân trong tỉnh:* Lào Cai vốn là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống, tỷ lệ người DTTS chiếm hơn 60%, người dân chủ yếu sống ở khu vực nông thôn, trình độ dân trí chưa cao. Là tỉnh có biên giới giáp Trung Quốc, trong những năm đây, tình trạng NLD các xã giáp biên sang làm việc bên kia biên giới có xu hướng tăng lên. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến PT kinh tế, quản lý nhân khẩu, văn hoá - xã hội mà còn ảnh hưởng tới an ninh chính trị tại địa phương. Vì vậy, tuyên truyền về ĐTN càng phải được đẩy mạnh để góp phần nâng cao khả năng về việc làm cho NLD, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, hạn chế tình trạng người dân sang Trung Quốc làm ăn, góp phần bảo đảm an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh.

*Cần có cách thức tuyên truyền linh hoạt, phù hợp với đối tượng cụ thể:* Việc tuyên truyền không chỉ hướng đến người dân, NLD hay doanh nghiệp mà còn phải chú ý tới đội ngũ cán bộ, đảng viên thuộc hệ thống chính trị, trước hết là cấp ủy, chính quyền các cấp để thống nhất nhận thức và tăng cường trách nhiệm tham gia thực hiện chủ trương chính sách về ĐTN của tỉnh Lào Cai. Trong tuyên truyền cho NLD, phải chú trọng đến các nhóm đối tượng như lao động là thanh niên, lao động DTTS, LĐNT. Qua việc khảo sát nhu cầu học nghề và việc làm của từng nhóm lao động để có những biện pháp tuyên truyền phù hợp, cách thức cần linh hoạt, đa dạng gắn với đối tượng cụ thể, ở địa bàn có nhiều DTTS sinh sống thì việc tuyên truyền còn phải phù hợp với văn hóa, tâm lý tộc người. Việc tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm trong các phiên chợ vùng cao là một cách thức hiệu quả đã được tỉnh Lào Cai vận dụng.

*Tuyên truyền phải gắn kết với tư vấn hướng nghiệp cụ thể, sát sao:* Ngay từ đầu, tỉnh Lào Cai đã thực hiện chủ trương ĐTN gắn với giải quyết việc làm; do vậy, tuyên truyền về ĐTN cần phải gắn kết với tư vấn hướng nghiệp, có như vậy mới giúp NLD định hướng được nghề nghiệp, nhu cầu việc làm ngay khi bắt đầu bước vào độ tuổi lao động (15 tuổi) để có nhận thức và lựa chọn học nghề phù hợp; điều này cũng giúp giảm tỉ lệ NLD chuyển nghề hoặc thay đổi lựa chọn học nghề đột ngột, tránh lãng phí nguồn lực và góp phần ổn định cơ cấu ngành nghề đào tạo.

Thực tiễn trên cho thấy, để tiếp tục nâng cao nhận thức của người lao động tỉnh Lào Cai về ĐTN, trong tuyên truyền, Đảng bộ, chính quyền tỉnh cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

*Tiếp tục đặt tuyên truyền là một nhiệm vụ, giải pháp cơ bản trong Đề án ĐTN cho NLD tỉnh Lào Cai từng giai đoạn.* Trong đó, xác định tuyên truyền để nâng cao nhận thức của NLD về học nghề và việc làm là nhiệm vụ cơ bản, giải pháp lâu dài trong công tác ĐTN. Trên cơ sở đó, tỉnh xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch tuyên truyền phù hợp, bố trí nguồn kinh phí hợp lý. Đồng thời, triển khai hoạt động tuyên truyền từ tỉnh đến cơ sở, giúp công tác tuyên truyền đảm bảo tính hệ thống, thường xuyên, liên tục và đạt hiệu quả cao. Điều đó góp phần khắc phục hạn chế «trên nóng, dưới lạnh».

*Tiếp tục gắn tuyên truyền với tư vấn hướng nghiệp, tập trung vào tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THCS, THPT:* Trong tuyên truyền gắn tư vấn hướng nghiệp, tập trung vào nhóm học sinh THCS, THPT để giúp họ định hướng nghề nghiệp đúng đắn và có lựa chọn nghề nghiệp phù hợp từ sớm; khắc phục nhận thức chỉ coi trọng học đại học mà không coi trọng học nghề; giúp các cơ sở GDNN có nguồn tuyển sinh trẻ, trình độ học vấn nền tảng tốt - là cơ sở xây dựng NNL trẻ, chất lượng ngày càng cao cho tỉnh trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Để hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông đạt hiệu quả tốt, chú trọng đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp tích hợp trong chương trình giáo dục STEM (KH-CN - kỹ thuật - toán) phù hợp với

xu hướng ngành nghề của tỉnh, quốc gia và quốc tế; vận dụng linh hoạt các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh; cung cấp kịp thời thông tin nghề nghiệp, TTLĐ, cơ cấu ngành nghề của tỉnh hiện tại và dự báo trong tương lai gần cho học sinh các trường phổ thông trong tỉnh; phát triển đội ngũ GV kiêm nhiệm tư vấn hướng nghiệp trong các trường phổ thông.

*Lao động người DTTS cần được tiếp tục tập trung tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm:* Trong điều kiện của tỉnh Lào Cai với hơn 60% dân cư là người DTTS, vẫn sinh sống tập trung ở khu vực nông thôn, trình độ nhận thức của người dân vẫn còn khoảng cách so với mặt bằng chung, cần tiếp tục quan tâm đến việc tuyên truyền về học nghề và việc làm cho nhóm lao động này. Các hình thức tuyên truyền linh hoạt, gắn với văn hóa, tâm lý tộc người cần duy trì như tuyên truyền qua đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng (trưởng thôn; người cao tuổi trong thôn, xóm; bí thư chi bộ thôn; thầy mo; thầy cô giáo tại trường, điểm trường; y sĩ, bác sĩ, cán bộ y tế thôn bản...), tuyên truyền và tư vấn học nghề ngay tại các phiên chợ, cán bộ trực tiếp giúp NLD làm hồ sơ đăng kí học nghề. Hơn nữa, cần chú ý hơn đến nhóm lao động DTTS rất ít người (dân tộc Bô Y tại Mường Khương, Si Ma Cai) bởi vì trong các thống kê của tỉnh Lào Cai về nhóm này trong thời gian nghiên cứu, chỉ có số liệu học sinh học chương trình giáo dục phổ thông và số người công tác trong hệ thống chính trị; chưa có thống kê về số lao động học nghề tại các cơ sở ĐTN trong và ngoài tỉnh. Hơn nữa, cần có biện pháp tuyên truyền hiệu quả hơn đến nhóm lao động DTTS ở các xã biên giới, nơi thường có lao động sang làm việc tại Trung Quốc, giúp họ có nhận thức đầy đủ và tham gia học nghề để tìm việc hoặc tự tạo việc làm tại chỗ, vừa có thu nhập vừa có thể trực tiếp chăm sóc gia đình, các con, khắc phục những vấn đề ở các xã biên giới thuộc huyện Mường Khương, Si Ma Cai, Bát Xát - một số cha mẹ đi làm thuê ở Trung Quốc dài ngày, các con không được chăm sóc đầy đủ, ảnh hưởng đến việc học tập và sức khỏe; hoặc tình trạng một số lao động thanh niên DTTS ở xã biên giới lười lao động, sa vào tệ nạn và vi phạm pháp luật (xã Pha Long thuộc huyện Mường

Khương có hiện tượng lao động thanh niên DTTS vi phạm pháp pháp luật và bị xử lý hình sự về tội danh vận chuyển ma túy).

*Đẩy mạnh ứng dụng KHCN, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền:* Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4, chuyển đổi số và ứng dụng KHCN trong tuyên truyền giúp mở rộng phạm vi tiếp cận đến NLD thông qua mạng xã hội; tăng cường khả năng tương tác hai chiều giữa NLD với đơn vị tuyên truyền, cơ sở đào tạo; tiết kiệm chi phí in ấn, tổ chức sự kiện...so với cách thức truyền thống; chuyển tải thông tin một cách đa dạng, thu hút thông qua các cách thức truyền thông số sáng tạo. Vì vậy, các đơn vị, cơ quan làm công tác tuyên truyền cần tăng cường sản xuất và chia sẻ các video, podcast, infographic, bài viết giới thiệu ngành nghề, phỏng vấn các học viên nghề đã khởi nghiệp thành công; tăng cường sử dụng các nền tảng như facebook, tiktok, youtube.. để đăng tải nội dung, chạy quảng cáo liên quan công tác ĐTN, tổ chức các buổi livestream tư vấn hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh..; phát triển các trang, cổng thông tin điện tử, website để quảng bá, tuyên truyền về cơ sở đào tạo một cách chuyên nghiệp; nghiên cứu xây dựng ứng dụng di động hoặc nền tảng học tập trực tuyến để NLD có thể tham gia học tập lý thuyết trực tuyến, chỉ trực tiếp tham gia hoạt động thực hành.

#### **4.2.2. Nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng về công tác đào tạo nghề, vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc thù của tỉnh Lào Cai**

Trong quá trình lãnh đạo công tác ĐTN, điều quan trọng là phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, các nghị quyết của Trung ương về GD&ĐT, PT NNL. Trên cơ sở đó, tìm ra bước đi thích hợp nhất, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của địa phương, nhằm tạo ra những đột phá, góp phần nâng cao chất lượng lao động, phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa Lào Cai sớm ra khỏi tình nghèo.

Đảng bộ tỉnh đã nhận thức rõ thế mạnh và khó khăn của một tỉnh miền núi, biên giới, nhiều dân tộc cùng chung sống, tỉ lệ đồng bào DTTS cao, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu

lao động, trong điều kiện tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề của tỉnh năm đầu thế kỉ XXI còn dưới 10%. Từ đó, Đảng bộ tỉnh kịp thời hoạch định chiến lược, chủ trương và chỉ đạo ĐTN có trọng tâm trọng điểm, đi từ phát triển theo bề rộng với việc mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, tăng số lượng GV, hướng chủ yếu đến đào tạo ngắn hạn, trình độ sơ cấp nghề cho NLD, làm cơ sở để bước sang giai đoạn tiếp theo tập trung PT ĐTN theo chiều sâu, bền vững; trong đó, chú trọng nâng cao năng lực, chất lượng dạy nghề, gắn ĐTN với GQVL và TTLĐ.

Bằng sự chủ động của mình, Đảng bộ tỉnh đã vận dụng đúng đắn, linh hoạt chủ trương của Đảng, trên nền tảng chiến lược chung của cả nước, xây dựng chủ trương về ĐTN một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn của địa phương, thể hiện qua chương trình công tác trọng tâm, Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Điều đó đem lại những chuyển biến tích cực cho công tác ĐTN trong thực tiễn; đồng thời là những nội dung có giá trị lý luận quan trọng để Đảng bộ tiếp tục vận dụng và phát huy trong lãnh đạo ĐTN của tỉnh giai đoạn sau.

Để tiếp tục vận dụng đúng đắn, sáng tạo quan điểm, chủ trương của Đảng về ĐTN phù hợp với thực tiễn địa phương trong thời gian tiếp theo, cần chú trọng thực hiện tốt một số nội dung sau:

*Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh đối với công tác ĐTN:* Cấp ủy, chính quyền địa phương phải nắm vững đặc điểm tình hình cơ sở, luôn luôn lấy thực tiễn địa phương làm yếu tố cốt lõi để xây dựng, ban hành và thực hiện các chính sách về ĐTN; nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, đơn vị trong việc tuyên truyền thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác dạy nghề gắn với GQVL, phát triển kinh tế xanh, bền vững; tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, thực hiện chính sách hỗ trợ ĐTN, trong đó, nghiên cứu để xây dựng chính sách đặc thù cho NLD của tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích huy động nguồn lực của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh để ĐTN gắn với nhu cầu, địa chỉ sử dụng lao động của doanh nghiệp.

*Xây dựng Đề án, kế hoạch cụ thể, sát thực:* Quan tâm đúng mức đến công tác khảo sát tình hình TTLĐ, nhu cầu lao động của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và nhu cầu đào tạo của NLD. Trên cơ sở kết quả khảo sát, cấp ủy, chính quyền phân tích kỹ lưỡng, toàn diện bối cảnh thực tiễn để xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo, có mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể, nhiệm vụ rõ ràng, giải pháp sát hợp, có tính khả thi và phù hợp với nguồn lực cụ thể của địa phương. Trong đó, chương trình, đề án cấp tỉnh chú ý đến thế mạnh, đặc thù từng huyện, thị, thành; chương trình, đề án cấp huyện phân tích và giao chỉ tiêu, mục tiêu gắn với thế mạnh, đặc thù từng xã, phường, thị trấn; cấp xã nâng cao trách nhiệm trong tuyên truyền, phối hợp khảo sát và đào tạo tại chỗ.

*Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về ĐTN và đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở đào tạo, GV dạy nghề:* Để nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng, tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách về ĐTN, tỉnh chú trọng hơn đến việc bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ. Trong đó, đối với đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về ĐTN: thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về quản lý ĐTN, trao đổi kinh nghiệm quản lý giữa các địa phương nội tỉnh và ngoại tỉnh. Với đội ngũ cán bộ quản lý, GV nghề: tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn; khuyến khích giảng viên học chứng chỉ nghề và nâng cấp chứng chỉ nghề. Bên cạnh đó, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ tham gia các lớp đào tạo lý luận chính trị, lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ quản lý nhà nước nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng công tác.

*Thường xuyên sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá hiệu quả công tác ĐTN:* Tiếp tục cơ chế giám sát quá trình tổ chức thực hiện công tác ĐTN thông qua hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân các cấp, gồm giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề, chú trọng giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, kế hoạch ĐTN hằng năm; việc thực hiện các chính sách hỗ trợ ĐTN; xây dựng chương trình giám sát chuyên đề đối với công tác ĐTN cho lao động DTTS, nhằm đánh giá toàn diện kết quả đạt được, khắc phục hạn chế trong

những năm 2010 - 2020 (chưa có đánh giá tổng quan về ĐTN cho lao động người DTTS, thường lồng ghép trong đánh giá chung). Thường xuyên triển khai sơ kết, tổng kết việc thực hiện các Đề án ở cấp tỉnh, cấp huyện; việc sơ kết, tổng kết cần đánh giá căn kẽ các nội dung nhiệm vụ, trách nhiệm của các chủ thể liên quan, hệ thống số liệu cần đầy đủ, cụ thể, xác đáng; từ đó phân tích, đánh giá hiệu quả thực tế, thẳng thắn chỉ ra hạn chế để có cơ sở rút kinh nghiệm, điều chỉnh, cập nhật trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. Việc đánh giá hiệu quả ĐTN chú ý phối hợp tốt với đơn vị sử dụng lao động để có kết quả xác thực nhất. Thực hiện tốt chế độ khen thưởng với những cá nhân, tổ chức điển hình tiên tiến, tích cực, nhân rộng các mô hình sáng tạo; đồng thời, kỷ luật, xử lý nghiêm minh với những cá nhân, tổ chức sai phạm trong tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác ĐTN.

#### **4.2.3. Bám sát thực tiễn, quyết tâm mạnh mẽ và có phương thức linh hoạt trong chỉ đạo thực hiện đào tạo nghề**

Chủ trương mang tính chiến lược, lâu dài có bước đi cụ thể qua từng giai đoạn, từng nhiệm kỳ thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Đảng bộ tỉnh Lào Cai trong lãnh đạo ĐTN, góp phần đưa tỉnh Lào Cai “thoát nghèo,.. Trong quá trình lãnh chỉ đạo, vấn đề mang tính nguyên tắc đối với Đảng bộ tỉnh là bám sát thực tiễn. Thực tiễn của tỉnh Lào Cai là cơ sở để xây dựng chủ trương, song thực tiễn từng địa bàn từ huyện đến xã là cơ sở để xây dựng chỉ tiêu, xác định nội dung nhiệm vụ, giải pháp sát hợp. Đảng bộ bám sát đặc thù riêng của từng huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, kịp thời chỉ đạo công tác ĐTN sát với yêu cầu nhân lực và định hướng phát triển của cấp huyện; từ đó, các huyện, thị, thành xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án phù hợp để thực hiện hiệu quả.

Thực tiễn công tác ĐTN tỉnh Lào Cai cho thấy, Đảng bộ tỉnh đặc biệt chú trọng đào tạo những ngành nghề thuộc các lĩnh vực là thế mạnh của tỉnh, hoặc ngành nghề mà tỉnh đang có nhu cầu lao động. Ngay từ những năm 2000 - 2010, tỉnh đã tập trung đào tạo CNKT để phù hợp nhu cầu chuyển dịch cơ cấu

ngành kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; đến những năm 2010 - 2020, từ sự thay đổi của nhu cầu TTLĐ, đồng thời gắn với lợi thế về du lịch và thương mại cửa khẩu, cơ cấu ngành nghề đào tạo của tỉnh chuyên mạnh sang các ngành nghề như: tiếng Trung Quốc, hướng dẫn viên du lịch, nghiệp vụ buồng bàn khách sạn...; phục vụ chuyên dịch cơ cấu kinh tế nội ngành nông nghiệp, cơ cấu nghề nông nghiệp đã được chuyển đổi từ các nghề hướng dẫn kỹ thuật đơn giản như nghề trồng lúa, trồng ngô, trồng ớt... đến các nghề đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ cao như: trồng và chăm sóc cây ăn quả đặc sản hữu cơ, trồng rau an toàn, trồng và chăm sóc cây dược liệu, kỹ thuật nuôi và chăm sóc cá nước lạnh... Những năm 2010 - 2020, thực hiện “Đề án đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Lào Cai đến năm 2020,,”, tỉnh Lào Cai tập trung đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT gắn với 02 chương trình mục tiêu Quốc gia, song gắn với đặc điểm phân bố dân cư lao động của địa phương, tỉnh còn hướng tới người lao động ở các xã nghèo, xã biên giới và xã có hầu hết người dân là đồng bào DTTS.

Các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Sa Pa, Mường Khương, do có khí hậu mát mẻ, phù hợp trồng cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới, địa phương đẩy mạnh dạy và học các nghề trồng cây dược liệu, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả ôn đới; trên địa bàn thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng có các khu, cụm công nghiệp thì đẩy mạnh dạy các nghề cơ khí, kỹ thuật; Tại các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Yên, thành phố Lào Cai có thể mạnh du lịch, chú trọng dạy và học nghề về nghiệp vụ buồng bàn khách sạn, hướng dẫn viên du lịch; huyện Văn Bàn, Bảo Yên có vùng rừng nguyên sinh và rừng sản xuất rộng lớn, có thể mạnh phát triển nghề lâm nghiệp và đặc sản rừng, đặc biệt là cây măng, do đó cơ cấu ngành nghề luôn có nghề trồng rừng, nghề mộc, nghề trồng và chế biến măng...

Nhằm PT công tác ĐTN theo hướng bền vững, Đảng bộ tỉnh đã xây dựng chiến lược ĐTN của tỉnh, kiên trì những bước đi vững chắc từ mở rộng quy mô đào tạo theo bề rộng những năm 2000 - 2010, đến tập trung vào chiều sâu

những năm 2010 - 2020; phát triển năng lực dạy nghề của các cơ sở đào tạo, nâng cao chất lượng GDNN; tập trung trọng điểm quy hoạch và xây dựng Cao đẳng Lào Cai trở thành trường chất lượng cao trong giai đoạn 2018 - 2025. Tỉnh đã sáp nhập các trường Cao đẳng sư phạm, Cao đẳng nghề, Trung học Y tế thành Trường Cao đẳng Lào Cai và tập trung nguồn lực để PT trường trở thành trung tâm ĐTN của tỉnh và khu vực Tây Bắc.

Trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng bộ tỉnh linh hoạt tổ chức công tác ĐTN, từ: chỉ đạo tuyên truyền với những biện pháp phù hợp với từng đối tượng; chỉ đạo quy hoạch từ mở rộng quy mô đến củng cố, kiện toàn, tăng cường năng lực cơ sở đào tạo và xây dựng cơ sở đào tạo trọng điểm, chất lượng cao, phục vụ nhu cầu TTLĐ, đồng thời cân đối nguồn lực của tỉnh từng giai đoạn; chỉ đạo xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo theo đúng định hướng của Trung ương và sát với mục tiêu, yêu cầu PT KT-XH của địa phương; sáng tạo trong xây dựng mô hình liên kết 3 nhà (Nhà nước - Nhà trường - Nhà Doanh nghiệp), xây dựng cộng đồng trách nhiệm và huy động nguồn lực xã hội hóa thực hiện ĐTN; tổ chức các hình thức đào tạo đa dạng, hợp lý, trong đó chú trọng hình thức liên kết đào tạo với các đơn vị, trường dạy nghề có chất lượng của Trung ương và tỉnh bạn, góp phần giải quyết bài toán về nguồn lực trong giai đoạn đầu của tỉnh; hơn nữa, tỉnh chú ý hình thức đào tạo tại chỗ, vừa phù hợp với điều kiện sống, đặc điểm tâm lý của LĐNT, vừa tiết kiệm chi phí, tối ưu hiệu quả thông qua tăng cường hoạt động thực hành.

Vận dụng kinh nghiệm này trong thực tiễn những năm tới, Đảng bộ chỉ đạo các cơ quan chức năng nâng cao chất lượng công tác tham mưu, chủ động nghiên cứu, tổng kết thực tiễn; khuyến khích các cấp, ngành chủ động, sáng tạo trong cụ thể hóa, triển khai các đề án, kế hoạch ĐTN, mạnh dạn thí điểm các mô hình mới; đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong lãnh đạo, điều hành; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn.

#### **4.2.4. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị là nhân tố bảo đảm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho người lao động**

Với quan điểm lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, mọi chiến lược PT của đất nước đều phải hướng vào việc PT con người, cả về thể chất, năng lực, tinh thần. ĐTN để nâng cao chất lượng NNL chính là góp phần vào quá trình PT con người. Đồng thời, ĐTN là một trong những vấn đề xã hội lớn của mỗi quốc gia, là mắt xích cơ bản cần giải quyết tốt để xử lý hài hoà mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường trong quá trình đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước hiện nay. Vì vậy, PT ĐTN cần có nhiều biện pháp đồng bộ và sự nỗ lực của toàn xã hội.

Nhận thức đầy đủ yêu cầu đó, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã huy động, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị ở địa phương, các ngành, các cấp, các cơ sở đào tạo, các đoàn thể CT-XH trong công tác ĐTN. Trong đó, Hội đồng nhân dân vừa quyết nghị các chính sách quan trọng, vừa đóng vai trò giám sát quá trình tổ chức thực hiện công tác ĐTN; UBND tỉnh đóng vai trò xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện; Sở LĐ-TB&XH tham mưu xây dựng kế hoạch, trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ĐTN; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai và các tổ chức CT-XH: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn lao động tỉnh Lào Cai phát huy vai trò xung kích trong PT KT-XH, trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, vận động hội viên và nhân dân tham gia các chương trình, dự án PT KT-XH của địa phương; trên cơ sở chương trình của đoàn, hội Trung ương, được tỉnh hỗ trợ xây dựng Trung tâm dạy nghề hoặc trung tâm giới thiệu việc làm, dịch vụ việc làm cho hội viên, từ đó, triển khai thực hiện nhiều lớp ĐTN, bồi dưỡng kiến thức về việc làm cho hội viên. Đó chính là điều kiện thuận lợi để tạo cơ hội nghề nghiệp cho NLĐ.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong công tác ĐTN. Đây là cấp gần gũi nhất, trực tiếp gắn bó với nhân dân, do đó thông qua họ để nắm bắt nhu cầu việc làm của NLD trên từng địa bàn, phát huy vai trò của họ trong tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức, tham gia học nghề. Những năm 2010 - 2020, nhằm phát triển mạnh mô hình đào tạo tại chỗ, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã chú trọng phát huy vai trò tích cực của hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Vận dụng kinh nghiệm này để lãnh đạo công tác ĐTN những năm tới, Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục phát huy vai trò của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị:

*Hội đồng nhân dân tỉnh:* Thường xuyên nắm bắt tình hình và nguyện vọng của nhân dân liên quan đến lĩnh vực LĐVL; quan tâm thường xuyên, ủng hộ và thông qua các chính sách hỗ trợ đào tạo, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong công tác ĐTN trên cơ sở phù hợp nguồn lực địa phương và có lợi nhất cho người thụ hưởng chính đáng. Tăng cường hoạt động giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề về LĐVL, giám sát việc thực hiện chính sách ĐTN, việc chi trả chế độ chính sách cho người dạy và người học nghề, chất lượng hoạt động dạy - học nghề của các cơ sở dạy nghề trong tỉnh. Quan tâm hơn và có chương trình giám sát thực hiện công tác ĐTN cho lao động DTTS, thanh niên các xã biên giới, người khuyết tật.

*UBND tỉnh:* Chỉ đạo thường xuyên khảo sát tình hình lao động, việc làm trên phạm vi toàn tỉnh và từng khu vực đặc thù, làm cơ sở để chủ động xây dựng chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện «*Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai*»; đôn đốc, chỉ đạo sâu sát các địa phương trong tỉnh cụ thể hóa, triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch của tỉnh và kịp thời sơ kết, tổng kết, báo cáo thực chất kết quả thực hiện định kỳ; kịp thời trình hội đồng nhân dân tỉnh quyết định những vấn đề liên quan đến chính sách về ĐTN tại địa phương; tăng cường tổ chức các hội nghị đối thoại của tỉnh với doanh

nghiệp và cơ sở đào tạo để củng cố mô hình liên kết 3 nhà (Nhà nước - Nhà trường - Nhà Doanh nghiệp).

*Sở LĐ-TB&XH tỉnh:* Phát huy vai trò, chức trách là cơ quan tham mưu và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về LĐVL, ĐTN trên địa bàn tỉnh; chủ động trong rà soát và thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện những vướng mắc, khó khăn để tham mưu cho tỉnh có cơ chế điều chỉnh phù hợp hoặc báo cáo Trung ương để điều chỉnh; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác tham mưu, nhất là chuyên viên Phòng dạy nghề và việc làm tỉnh, tăng cường tinh thần trách nhiệm, tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ của lực lượng này; quản lý chặt chẽ song có cơ chế để tăng tính chủ động cho các cơ sở ĐTN trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo hằng năm; thường xuyên hướng dẫn cấp huyện, cấp xã trong thực hiện chính sách ĐTN gắn với thực tế địa phương; nghiên cứu xây dựng và đóng vai trò chủ đạo thực hiện cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, ban, ngành, các tổ chức CT-XH trong thực hiện công tác ĐTN.

*Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan trong tỉnh:* Phối hợp tích cực, hiệu quả với Sở LĐ-TB&XH, thực hiện tốt nhiệm vụ được tỉnh giao trong công tác ĐTN. Sở NN&PTNT đầu tư nâng cao năng lực của Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp, chủ động tham mưu rà soát, lập danh sách GV đủ điều kiện giảng dạy các lớp nghề nông nghiệp cho LĐNT; nghiên cứu kỹ các quy định về ĐTN nông nghiệp cho LĐNT, quy định về mở lớp, tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ nghề. Sở GD&ĐT đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo «*Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT giai đoạn 2018 - 2025*» của Chính phủ ở các trường THCS, THPT trong tỉnh; Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tích cực khảo sát, nắm bắt và dự báo nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ để tham mưu cho tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH

tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức trong nhân dân và hội viên về ĐTN, nhất là trong các nhóm đoàn viên, hội viên của tổ chức mình.

*Chính quyền cấp huyện và cấp xã:* Nâng cao nhận thức, tăng cường quyết tâm, hành động quyết liệt hơn trong chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các Đề án, Kế hoạch của cấp trên về lĩnh vực ĐTN. Bám sát thực tiễn, chủ động xây dựng kế hoạch riêng, phù hợp với địa phương trên cơ sở Đề án của tỉnh. Chính quyền cơ sở ở những địa bàn có trên 90% dân cư là người DTTS, các địa bàn biên giới cần sâu sát cơ sở, tăng cường các biện pháp vận động bà con nhân dân tham gia các khóa ĐTN cho LĐNT để tự tạo việc làm tại quê nhà; đồng thời, tập trung PT KT-XH của xã, tạo động lực cho NLĐ học nghề và lập nghiệp ở địa phương.

#### **4.2.5. Nâng cao năng lực dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề ở địa phương là yếu tố hàng đầu bảo đảm cho công tác đào tạo nghề phát triển bền vững**

Để công tác ĐTN của tỉnh Lào Cai PT bền vững, yếu tố quan trọng hàng đầu là năng lực dạy nghề của các cơ sở đào tạo. Thực tiễn tỉnh Lào Cai cho thấy, để nâng cao năng lực dạy nghề, tỉnh tập trung trọng điểm vào phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề, trước hết là đáp ứng yêu cầu về số lượng, sau đó là nâng cao chất lượng. Vì thế, tỉnh Lào Cai đã mở rộng mạng lưới đến năm 2020 với 45 trường, trung tâm dạy nghề hoặc đơn vị có chức năng dạy nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia dạy nghề trên toàn tỉnh. Các cơ sở dạy nghề chủ yếu của tỉnh, như: trường Cao đẳng Nghề Lào Cai, trường Trung cấp Nghề công ty Apatit, hệ thống Trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên cấp huyện ngày càng được tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập. Số lượng GV nghề ngày một tăng, đảm nhiệm được ngày càng nhiều nghề, nhất là các nghề trình độ cao.

Cùng với việc đảm bảo số lượng, tỉnh ngày càng nâng cao chất lượng các cơ sở dạy nghề: những năm 2016 - 2020 tỉnh Lào Cai chú trọng củng cố, kiện toàn, đầu tư trang bị vật chất kỹ thuật, cơ sở thực hành, nhà xưởng cho các

cơ sở dạy nghề để đảm bảo sự đồng bộ; đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và GV các trường nghề trên toàn tỉnh, tăng cường số lượng GV cơ hữu tại các cơ sở dạy nghề, giảm dần lượng GV thỉnh giảng, chú ý bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề đạt chuẩn cho đội ngũ GV cơ hữu. Mở rộng hoạt động liên kết dạy nghề với các trường chuyên nghiệp tại trung ương nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy nghề tại các cơ sở. Tỉnh còn chú ý xã hội hoá hoạt động dạy nghề, đòi hỏi các cơ sở dạy nghề nâng cao tính tự chủ, tăng cường các cơ sở dạy nghề tư nhân trong tỉnh để thỏa mãn tốt hơn yêu cầu đào tạo gắn với TTLĐ ngày càng sôi động của tỉnh.

Từ thực tiễn trong những năm qua, để tiếp tục nâng cao năng lực dạy nghề cho các cơ sở trong những năm tiếp theo, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Lào Cai cần quan tâm thực hiện tốt một số nội dung sau:

*Đầu tư hiện đại hóa và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ dạy - học nghề:* Đầu tư kinh phí từ ngân sách Nhà nước và xã hội hóa trang bị máy móc, thiết bị thực hành hiện đại theo kịp công nghệ tiên tiến tại các nhà máy, đơn vị sản xuất kinh doanh hiện nay; tăng cường điều chuyển các thiết bị giữa những cơ sở đào tạo nghề công lập để tăng hiệu suất sử dụng, tránh lãng phí; tiếp tục đổi mới trong biên soạn giáo trình, chương trình đào tạo nghề theo hướng thực hành là cơ bản.

*Tập trung xây dựng một số cơ sở đào tạo trọng điểm, chất lượng cao của tỉnh,* trước mắt là tập trung xây dựng Trường Cao đẳng Lào Cai đến năm 2025 trở thành 01 trong 70 trường nghề chất lượng cao của cả nước theo đúng lộ trình; tăng cường tuyển sinh các nghề trọng điểm cấp quốc gia, quốc tế đã được công nhận hiện nay tại trường Cao đẳng Lào Cai. Trong những năm tới, tỉnh Lào Cai cần rà soát để đánh giá hiệu quả của mô hình trung tâm GDNN-giáo dục thường xuyên, nhất là ở lĩnh vực dạy nghề, để có biện pháp khắc phục hạn chế và nâng cao hiệu quả dạy nghề của hệ thống trung tâm GDNN- giáo dục thường xuyên cấp huyện.

*Tăng cường hợp tác, liên kết, phối hợp giữa các cơ sở GDNN và giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp:* Các cơ sở đào tạo liên kết trong thực hiện kế hoạch đào tạo, các trung tâm GDNN- giáo dục thường xuyên thông qua liên kết để tranh thủ đội ngũ GV dạy nghề có trình độ cao, KN thực hành nghề đạt chuẩn, trang thiết bị thực hành hiện đại của các trường Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề trong tỉnh; tham vấn, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ GV nghề của trung tâm; đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp trong biên soạn chương trình, giáo trình, tổ chức đào tạo và thực hành tại doanh nghiệp, GQVL sau đào tạo.

*Phát triển đội ngũ GV dạy nghề:* Tăng cường số lượng GV cơ hữu, đảm bảo đủ số lượng GV cho các trung tâm GDNN - giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện, để các trung tâm này thực sự tự đảm nhiệm được chương trình đào tạo; rà soát và tạo điều kiện để 100% đội ngũ GV cơ hữu đạt chứng chỉ KN thực hành nghề; tiếp tục có chính sách hỗ trợ dành cho GV tham gia đào tạo nâng cao trình độ trên chuẩn, nhất là với các nghề mới, nghề hiện đại mà thị trường đang cần và dự báo nhu cầu lớn trong tương lai; xây dựng, mở rộng lực lượng GV thỉnh giảng, bố trí ngân sách địa phương để có chế độ phù hợp cho GV thỉnh giảng (nhất là với một số nghề “hot” hiện nay, khó mời giảng viên thỉnh giảng là thợ lành nghề vì kinh phí chi trả thấp). Ngoài ra, tỉnh cần có chính sách để lưu giữ các nghề truyền thống, tránh bị thất truyền (nghề làm trống bằng da trâu của người Dao đỏ ở Tả Phìn, nghề chạm khắc bạc của người Mông ở Sa Pa...), đồng thời, duy trì được lực lượng nghệ nhân lành nghề đó làm GV thỉnh giảng theo hình thức kèm cặp, truyền nghề.

*Chủ động hợp tác quốc tế trong công tác ĐTN:* Phát huy lợi thế là địa bàn biên giới giáp với Trung Quốc, tỉnh cần tăng cường hợp tác với các cơ sở ĐTN của châu Hồng Hà (Vân Nam - Trung Quốc) để trao đổi GV, học sinh, sinh viên hai bên. Các cơ sở ĐTN trọng điểm của tỉnh chú trọng nghiên cứu thêm những mô hình ĐTN hiệu quả từ các nước phát triển ở Châu Á và trên thế giới để cập nhật trong tổ chức hoạt động đào tạo của mình.

#### **Tiểu kết chương 4**

Quá trình Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo công tác ĐTN cho NLD từ năm 2000 đến năm 2020 đã khẳng định tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết và trí tuệ của tập thể Đảng bộ, trong đó hạt nhân là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Những quyết sách đúng đắn của Đảng bộ tỉnh đã định hướng và chỉ đạo công tác ĐTN của tỉnh đạt những thành tựu quan trọng. Quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh cho thấy những ưu điểm nổi bật: Trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Đảng bộ tỉnh đã hoạch định chủ trương ĐTN mang tính chiến lược, đồng thời gắn kết chặt chẽ với chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, xây dựng và PT tỉnh Lào Cai trong từng giai đoạn trên cơ sở bám sát thực tiễn; chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác ĐTN với nhiều biện pháp sáng tạo. Thành tựu lãnh đạo nổi bật là sau 20 năm, Lào Cai từ tỉnh nghèo mới tái lập, tỉ lệ lao động qua ĐTN mới đạt hơn 6% trở thành tỉnh có tỉ lệ lao động qua ĐTN tương đối cao trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc, đạt 56,89% năm 2020.

Bên cạnh đó, quá trình lãnh đạo công tác ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai còn một số hạn chế trong chỉ đạo thực tiễn và kết quả lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể từng giai đoạn. Thực tiễn lãnh đạo công tác ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai trong 20 năm (2000 - 2020) đã để lại một số bài học kinh nghiệm quý: Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc ĐTN cho NLD; nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng về công tác ĐTN, vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc thù của tỉnh Lào Cai; bám sát thực tiễn, quyết tâm mạnh mẽ và có phương thức linh hoạt trong chỉ đạo công tác ĐTN; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị là nhân tố bảo đảm nâng cao hiệu quả ĐTN cho NLD; nâng cao năng lực dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề ở địa phương là yếu tố hàng đầu bảo đảm cho công tác ĐTN PT bền vững. Những bài học kinh nghiệm đó đã tạo cơ sở và là hành trang để Đảng bộ tỉnh Lào Cai nâng cao hiệu quả trong lãnh đạo công tác ĐTN những năm tiếp theo.

## KẾT LUẬN

1. Bước vào thế kỷ XXI, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trở thành xu thế chủ đạo trong đời sống kinh tế thế giới, tạo ra những cơ hội lớn để phát triển song cũng đặt ra những thách thức cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đảng và Nhà nước đã nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của NNL, đặc biệt là NNL chất lượng cao đối với sự PT bền vững đất nước.

2. Lào Cai là một tỉnh nghèo miền núi biên giới phía Bắc của Tổ quốc, đến năm 2000, tỉnh Lào Cai mới tái lập 09 năm. Trong thời gian này, tỉnh Lào Cai chủ trương đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, PT KT-XH, đưa Lào Cai sớm ra khỏi tình trạng nghèo, kém PT. Trong tình hình đó, nâng cao chất lượng NNL là yêu cầu cấp thiết, khiến cho ĐTN trở thành nhiệm vụ quan trọng của tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên, dù nguồn lao động địa phương có thuận lợi là đông đảo, cần cù, siêng năng, song chủ yếu là lao động tại vùng nông thôn, miền núi, trong đó đại đa số là lao động chưa qua đào tạo. Thực trạng ấy đòi hỏi Đảng bộ tỉnh phải quan tâm lãnh đạo công tác ĐTN.

Xuất phát từ tình hình thực tế, Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã kịp thời hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực hiện công tác ĐTN cho NLĐ trong tỉnh, nhằm GQVL và phục vụ nhu cầu lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ của tỉnh.

3. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh về công tác ĐTN trong những năm 2000 - 2020 mang tính chiến lược, toàn diện, có tính hệ thống, sự kế thừa và PT, từ bề rộng đến chiều sâu, từ số lượng đến chất lượng. Trong những năm 2000 - 2010, công tác ĐTN cho NLĐ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, XIII, cụ thể hóa thành “*Đề án Giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2001 - 2005*”, “*Đề án đào tạo nghề cho người lao động giai đoạn 2006 - 2010*”, và các chính sách tỉnh ban hành. Những năm 2010 - 2020, từ chủ trương tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, XV, thông qua “*Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015*”, và “*Đề án đào tạo nghề cho LĐNT tỉnh Lào Cai đến năm*

2020,, công tác ĐTN nhấn mạnh đến việc nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết nhu cầu của TTLĐ trong tỉnh, hiện thực hóa yêu cầu chuyển hướng mạnh mẽ công tác ĐTN từ cung sang cầu TTLĐ.

4. Quá trình chỉ đạo công tác ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được triển khai trên các lĩnh vực cơ bản, song thể hiện sự PT rõ nét qua các giai đoạn 2000 - 2010 và 2010 - 2020: Từ năm 2000 đến năm 2010, tỉnh tập trung chỉ đạo tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm; quy hoạch, mở rộng mạng lưới trường dạy nghề; xây dựng chương trình, cơ cấu ngành nghề đào tạo; xây dựng đội ngũ cán bộ, GV dạy nghề và làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về ĐTN; thực hiện chỉ tiêu đào tạo gắn với GQVL cho NLĐ. Đến những năm 2010 - 2020, chỉ đạo tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm; củng cố, phát triển hệ thống cơ sở ĐTN; xây dựng chương trình, cơ cấu ngành nghề đào tạo gắn với thị trường; PT đội ngũ cán bộ, GV dạy nghề; thực hiện chính sách hỗ trợ ĐTN; nâng cao chất lượng ĐTN và GQVL gắn với TTLĐ.

Có thể nói, quá trình chỉ đạo công tác ĐTN của tỉnh Lào Cai trong 20 năm (2000 - 2020) cho thấy sự phát triển rõ nét trong nhận thức của Đảng bộ tỉnh: Trong 10 năm đầu (2000 - 2010), Tỉnh chú trọng mở rộng quy mô, mạng lưới cơ sở đào tạo nghề; đến 10 năm tiếp theo (2010 - 2020) Tỉnh tăng cường mở rộng, từng bước hoàn thiện cơ cấu ngành nghề đào tạo và nâng cao chất lượng ĐTN tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế. Những kết quả đạt được từ năm 2000 đến năm 2020 là cơ sở để Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh công tác ĐTN trong những năm tới.

5. Sau 20 năm lãnh đạo thực hiện công tác ĐTN cho NLĐ, nhiều biện pháp linh hoạt, sáng tạo, cách làm chủ động của tỉnh Lào Cai trong chỉ đạo, tổ chức công tác ĐTN đã được triển khai, như: chủ động trong dự báo tình hình và xây dựng kế hoạch đào tạo CNKT trong những năm 2003 - 2005 nhằm “đón đầu,, nhu cầu tuyển dụng lao động của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn sắp thành lập tại tỉnh; sáng tạo trong biện pháp tuyên truyền, vận động, tư vấn học nghề đến lao động người DTTS; linh hoạt trong kết nối trách nhiệm và nguồn lực xã hội hóa công tác ĐTN khi xây dựng các Hội nghị đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, hình thành mô hình liên kết 3 nhà Nhà

nước - Nhà trường - Nhà Doanh nghiệp; sáng tạo trong xây dựng mô hình hướng nghiệp “Trường học gắn với thực tiễn”; chủ động trong xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo bám sát thực tiễn, phù hợp đặc điểm từng địa phương trong tỉnh và giao ngành nghề cụ thể cho từng cơ sở đào tạo. Nhờ vậy, tỉnh Lào Cai đã xây dựng được hệ thống cơ sở đào tạo nghề trong toàn tỉnh với năng lực dạy nghề ngày càng nâng cao; từng bước hoàn chỉnh cơ chế, chính sách phát triển đào tạo nghề; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên dạy nghề có trình độ chuyên môn ngày càng cao. Nhờ vậy, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của tỉnh Lào Cai từ hơn 6% năm 2000 lên 15,5% năm 2005, đạt 27,8% năm 2010, tăng lên 43,1% năm 2015 và đạt 56,89% năm 2020.

Song, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình lãnh chỉ đạo công tác ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai còn có những hạn chế về tuyên truyền và khảo sát nhu cầu đào tạo trong những năm 2000 - 2010, trang bị cơ sở vật chất chưa đồng bộ ở một số cơ sở đào tạo, lực lượng GV dạy nghề còn thiếu, năng lực dạy nghề của nhiều trung tâm GDNV - giáo dục thường xuyên còn chưa tốt... Những hạn chế này đã được Tỉnh ủy nhận thức sâu sắc và từng bước khắc phục trong những năm tiếp theo.

6. Thực tiễn lãnh đạo công tác ĐTN của Đảng bộ tỉnh Lào Cai từ năm 2000 đến năm 2020 đã để lại những kinh nghiệm quý cho Đảng bộ tỉnh: Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc ĐTN cho NLĐ; nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng về công tác ĐTN, vận dụng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc thù của tỉnh Lào Cai; bám sát thực tiễn, quyết tâm mạnh mẽ và có phương thức linh hoạt trong chỉ đạo công tác ĐTN; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị là nhân tố bảo đảm nâng cao hiệu quả ĐTN cho NLĐ; nâng cao năng lực dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề ở địa phương là yếu tố hàng đầu bảo đảm cho công tác ĐTN PT bền vững.

Những kết quả trong lãnh đạo công tác ĐTN đã khẳng định sự chủ động, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, quyết tâm của hệ thống chính trị toàn tỉnh, sự chung tay, góp sức của Nhà nước - Nhà trường - Nhà Doanh nghiệp và toàn thể nhân dân địa phương. Kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo những năm 2000 - 2020 là cơ sở và nền tảng để Đảng bộ tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác ĐTN trong giai đoạn tiếp theo.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Hồng Phượng (2024), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo nguồn nhân lực và vận dụng trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn (qua thực tiễn tỉnh Lào Cai)”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số đặc biệt Quý IV, tr.155-160.
2. Nguyễn Hồng Phượng (2025), “ Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Lào Cai (2010 - 2024)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (419), tr.102-107.
3. Nguyễn Hồng Phượng (2025), “ Đào tạo nghề gắn với phát triển liên kết vùng của Lào Cai những năm 2021 - 2025”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số đặc biệt, tr.159-164.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Hà Anh (2024), *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong quá trình phát triển kinh tế xanh*, Tạp chí Nghiên cứu Công nghiệp và Thương mại (điện tử) <https://vioit.vn/nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-trong-qua-trinh-phat-trien-kinh-te-xanh.html>, đăng ngày 11 tháng 12 năm 2024.
2. Nguyễn Thị Ngọc Anh (2022), *Vấn đề đào tạo nghề cho thanh niên tại Nhật Bản hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á số 9 (259) 2022.
3. Bairagy Indrajit (2021), *Impact of formal vocational training on the earnings of self-employed individuals in rural India* (Tác động của đào tạo nghề chính thức đến thu nhập của cá nhân tự kinh doanh ở vùng nông thôn Ấn Độ), *Journal of Business Venturing Insights*, Volume 16, e00269.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (2008), *Đào tạo nghề giữ vai trò trọng tâm trong chính sách phát triển*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
5. Tạ Thị Ngọc Bích (2023), *Luận án Tiến sĩ Kinh tế Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hà Nam*. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
6. Trần Thanh Bình (2003), *Luận án Tiến sĩ kinh tế “Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn Việt Nam”*. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội”*. Lưu tại Bộ Giáo dục và Đào tạo.
8. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2006), *Quyết định số 07/2006/QĐ số 07/2006/QĐ-BLĐTBXH phê duyệt “Quy hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”*, Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2007), Quyết định số 16/2007/QĐ-BLĐTBXH *ban hành tạm thời danh mục 48 nghề đào tạo trình độ cao đẳng nghề, trình độ trung cấp nghề năm 2007*, Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
10. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2007), Thông tư số 14/2007/TT-BLĐTBXH *hướng dẫn xếp hạng trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề công lập*, Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2007), Quyết định số 01/2007/QĐ- BLĐTBXH *ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề*, Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
12. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2007), Quyết định số 07/2007/QĐ- BLĐTBXH *ban hành quy định sử dụng, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề*, Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
13. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2007), Quyết định số 07/2007/QĐ- BLĐTBXH *ban hành quy định sử dụng, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề*, Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
14. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (2010), Thông tư số 30/2010/TT-BLĐTBXH *Quy định chuẩn giáo viên, giảng viên dạy nghề*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
15. Trịnh Quang Chinh (2004), *Lào Cai phát triển kinh tế - tấn công đói nghèo*, Tạp chí Lao động xã hội năm 2004, số 230+231+232.
16. Trịnh Quang Chinh (2006), *Kết quả và kinh nghiệm từ hội chợ việc làm Lào Cai năm 2005*, Tạp chí Lao động và xã hội năm 2006, số 279-280.
17. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP về *Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

18. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 *quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
19. Đỗ Minh Cường, Mạc Văn Tiến đồng chủ biên (2004), *Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam - lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.
20. Nguyễn Diệu Cúc (2013), *Hệ thống đào tạo nghề kép ở Cộng hòa Liên bang Đức và một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, số 90, tháng 3 năm 2013.
21. Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2000), *Niên giám thống kê 1999 tỉnh Lào Cai*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
22. Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2011), *Niên giám thống kê 2010 tỉnh Lào Cai*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
23. Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2021), *Niên giám thống kê 2020 tỉnh Lào Cai*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
24. Trần Ngọc Diễn (2002), *Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tạo việc làm cho người lao động ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ.
25. Nguyễn Thị Mỹ Dung, Cung Thị Ngọc Mai (2009), *Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu kinh tế xã hội của Đồng bằng sông Cửu Long trong xu thế hội nhập*, Tạp chí Ngân hàng năm 2009.
26. Giàng Thị Dung (2014), Luận án Tiến sĩ Kinh tế *Phát triển khu kinh tế cửa khẩu với xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai*, Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
27. Giàng Thị Dung (2006), *Xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc Mông tỉnh Lào Cai: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Lao động và Xã hội, số 295.
28. Giàng Thị Dung (2022), *Đào tạo nghề cho thanh niên và các chính sách hỗ trợ đào tạo ban đầu, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; vấn đề phân*

*luồng học sinh vào học giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai*, Tham luận tại Diễn đàn Thanh niên Việt Nam 2022. Khai thác tại <https://doanthanhnien.vn/tai-lieu/chi-tiet/2183>.

29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX, nhiệm kỳ 2001 - 2005*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, nhiệm kỳ 2006 - 2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, nhiệm kỳ 2011 - 2015*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn*. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế*. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2016 - 2020*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2016), *Văn kiện Đảng bộ toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
36. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2016), *Văn kiện Đảng bộ toàn tập*, tập 16, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
37. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2016), *Văn kiện Đảng bộ toàn tập*, tập 17, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
38. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2000), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII (2000-2005)*. Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
39. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2005), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIII (2006-2010)*, Xưởng in Lào Cai.

40. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2010), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIV (2011-2015)*, Công ty TNHH MTV In Báo Lào Cai.
41. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2015), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIV (2015-2020)*, Lào Cai, Công ty TNHH MTV In Báo Lào Cai.
42. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2010), *Lào Cai 25 năm tái lập, đổi mới, phát triển (1991 - 2015) - Tâm nhìn và hành động*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
43. Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2020), *30 năm - Lào Cai sáng tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. Trần Văn Đông (2012), *Đất và nghề: Nhu cầu bức thiết của nông dân*, Tạp chí Công sản điện tử ngày 05 tháng 03 năm 2012 (<https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/sinh-hoat-tu-tuong/2018/15033/dat-va-nghe--nhu-cau-buc-thiet-cua-nong-dan.aspx>)
45. Nguyễn Bình Đức (2013), *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch thành phố Đà Nẵng*, Tạp chí Quản lý Giáo dục.
46. Nguyễn Minh Đường (chủ nhiệm) (2005), Đề tài KX - 05 - 10 “*Thực trạng và giải pháp đào tạo lao động kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*”. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
47. Nguyễn Minh Đường, Nguyễn Thị Hằng (2008), *Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội - Quan niệm và giải pháp thực hiện*, Tạp chí Khoa học giáo dục, (32), tr.18 - 20.
48. Ghi chép và tài liệu, số 41 (2008), *Kỷ yếu hội thảo GEFOP “Đào tạo nghề giữ vai trò trọng tâm của các chính sách phát triển”*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
49. Tô Minh Giới (2009), Luận án tiến sỹ Giáo dục học “*Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật nông nghiệp cho thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.

50. Bùi Thanh Hà (2020), *Tác động của đào tạo nghề đến thu nhập của người lao động vùng Tây Bắc*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo năm 2020.
51. Bùi Thanh Hà (2021), Luận án Tiến sĩ kinh tế “*Tác động của lao động qua đào tạo nghề đến giảm nghèo đa chiều ở vùng Tây Bắc*”. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
52. Nguyễn Thị Vân Hằng (2014), Luận án Tiến sĩ: *Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực từ 2001 đến 2010*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
53. Bùi Tôn Hiến (2009), Luận án Tiến sĩ Kinh tế học tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân *Nghiên cứu việc làm của lao động qua đào tạo nghề ở Việt Nam*. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
54. Cảnh Chí Hoàng (2021), *Đào tạo nghề đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (tháng 1 năm 2021).
55. Học viện Ngoại giao (2009), Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “*Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế*”. Lưu tại Thư viện Học viện Ngoại giao.
56. Trần Thị Phương Hoa (2023), *Trường dạy nghề ở Việt Nam thời Pháp thuộc 1898 - 1945*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
57. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Chỉ đạo Tây Bắc (2015), Tài liệu *Hội thảo khoa học: Thực trạng lao động nữ dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc làm thuê qua biên giới*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Hà Giang.
58. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Lào Cai (2022), Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Bộ: *Phát triển bền vững du lịch cộng đồng tại Sa Pa: hiện trạng và triển vọng năm 2022*, Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
59. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Thái Bình (2024), Hội thảo khoa học cấp Bộ “*Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao - Đột phá chiến lược phát triển vùng đồng bằng sông Hồng*”. Lưu tại Văn Kho lưu trữ Tỉnh ủy Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên).

60. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2011), Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2011 thông qua *Đề án xây dựng Nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
61. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2012), Nghị quyết số 08/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 về việc *sửa đổi, bổ sung một số chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
62. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2012), Báo cáo số 78/BC-HĐND ngày 5 tháng 12 năm 2012 *giám sát việc thực hiện Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
63. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2015), Báo cáo số 67/2015/BC-HĐND *Kết quả giám sát công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động giai đoạn 2014 - 2015; tổ chức hoạt động của trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
64. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2015), Nghị quyết số 37/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 về *mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà năm học 2015 - 2016; mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của UBND tỉnh từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
65. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2018), Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 21/6/2018 về *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dạy nghề trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2020*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.

66. Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (2019), Nghị quyết số 11/2019/NQ-HDND ngày 10/7/2019 *Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
67. Hội Nông dân tỉnh Lào Cai (2017), *Báo cáo kết quả hoạt động dạy nghề và dịch vụ hỗ trợ nông dân giai đoạn 2011 - 2015, kết quả thực hiện năm 2016*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
68. Hoàng Văn Huệ (2021), *Lào Cai: Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm cho người lao động*, Tạp chí Lao động và Xã hội năm 2021, số 645.
69. Hứa Tân Hưng, Lưu Thị Sim, Nguyễn Hồng Phượng (đồng chủ biên) (2024), *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn - thực tiễn tỉnh Lào Cai*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
70. Khăm Phen Phênh Phắc Đy (2018), Luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị “*Việc làm cho người lao động tỉnh Hòa Phấn nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*”. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
71. Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Thị Thu Huyền (2012), “*Phát triển chiến lược cung ứng: Dịch vụ đào tạo nghề ở nông thôn các tỉnh miền núi Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Thương mại, Số 52 năm 2012.
72. Trần Thị Vành Khuyên (2020), *Thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Nghiên cứu vùng Đồng bằng sông Cửu Long)*. Lưu tại Học viện Hành chính Quốc gia.
73. Phạm Thị Kim Lan (2015), Luận án Tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2010*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
74. Lê Thị Ái Lâm (2003) “*Phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo - Kinh nghiệm Đông Á*”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

75. Nguyễn Thị Hồng Lam, Trịnh Hải Tuyền (2021), *Nâng cao tay nghề cho lao động thông qua chương trình đào tạo nghề kép ở Thái Lan và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 9/2021.
76. Bùi Sĩ Lợi (2002), *Phát triển nguồn nhân lực của Thanh Hoá đến năm 2010 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
77. Vũ Thị Kim Mão chủ nhiệm (2008), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Thực trạng và giải pháp giải quyết việc làm nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*”, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
78. Bùi Thanh Minh (2020), Luận án Tiến sĩ Công tác xã hội: *Đào tạo nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số tại tỉnh Hòa Bình*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
79. Nguyễn Thị Hồng Minh (2017), *Lào Cai: Đối thoại đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
80. Vũ Đức Minh (2022), Luận án tiến sĩ kinh tế *Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
81. Lin Nan, Gong Jianting, Ning Yonghong (2022), *Development Context and Prospect of Rural Women’s Vocational Skills Training since Reform and Opening up*, Journal of Hebei Normal University of Science & Technology (Social Sciences). 2022 (01) Page: 64-70.
82. Trương Thị Hồng Nga (2018), Luận án Tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực từ năm 2000 đến năm 2015*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
83. Phạm Hữu Nghĩa, Nguyễn Ngọc, Đặng Kim Sơn, Cao Tự Thanh và Đào Thế Tuấn (2008), *Nông dân, nông thôn và nông nghiệp, những vấn đề đang đặt ra*”, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

84. Trần Thị Minh Ngọc (2010), *Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
85. Trần Thị Minh Ngọc (chủ nhiệm) (2010), *Đề tài khoa học cấp Bộ Giải quyết việc làm cho nông dân bị thu hồi đất ở ngoại thành Hà Nội*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
86. Minh Nguyệt (2013), *Lào Cai: công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn một năm nhìn lại*, Website Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).
87. Nguyễn Thị Nhung (2012), *Luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị: Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
88. Nguyễn Đăng Núi chủ biên (2020), *Chính sách dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
89. Okolie & Yasin (2017), *Technical Education and Vocational Training in Developing Nations (Giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề ở các quốc gia đang phát triển)*, IGI Global, Hershey, Pennsylvania.
90. Đặng Xuân Phong (2021), *Hành trình 30 năm sáng tạo, đổi mới và phát triển của tỉnh Lào Cai*, Tạp chí Công sản điện tử, đăng 18/10/2021 (<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinhnghiem1/2018/824196/hanh-trinh-30-nam-sang-tao%2C-doi-moi-va-phat-trien-cua-tinh-lao-cai.aspx>)
91. Hoàng Phương (2022), *Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn - giải pháp bền vững trong xây dựng nông thôn mới ở thành phố Hà Nội hiện nay*, Tạp chí Công sản điện tử tháng 11 năm 2022.
92. Lê Quân (2020), *Thực trạng và một số giải pháp áp dụng mô hình đào tạo nghề kép từ Cộng hòa Liên bang Đức vào Việt Nam*, Tạp chí Lao động và xã hội số 614 + 615.

93. Lê Quân (2020), *Đào tạo nghề chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Công sản điện tử ([https://www.tapchiconsan.org.vn/mediastory/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/dao-tao-nghe-chat-luong-cao-dap-ung-yeu-cau-hoi-nhap-va-cach-mang-cong-nghiep-4-0](https://www.tapchiconsan.org.vn/mediastory/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/dao-tao-nghe-chat-luong-cao-dap-ung-yeu-cau-hoi-nhap-va-cach-mang-cong-nghiep-4-0)) đăng ngày 14 tháng 2 năm 2020.
94. Quốc hội khoá XIII (2014), *Luật Giáo dục nghề nghiệp*, Nxb. Lao động - xã hội, Hà Nội.
95. Ngô Xuân Quyết (2021), Luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển: *Nghèo đa chiều ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Trường hợp tỉnh Lào Cai*, Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
96. Richard Susskind and Daniel Susskind (2017), *Nghề nghiệp tương lai: Công nghệ sẽ thay đổi công việc của các chuyên gia như thế nào?* (The Future of the Professions: How Technology Will Transform the Work of Human Experts), nhà xuất bản Oxford University.
97. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai (2015), *Kỷ yếu lịch sử giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai (1945 - 2014)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
98. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai (2010), *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề cho người lao động giai đoạn 2006 - 2010*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
99. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai, *Báo cáo tổng kết các năm 2000 đến 2020*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
100. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai, *Báo cáo số 02/BC-LĐTBXH, ngày 03 tháng 01 năm 2001, Báo cáo kết quả công tác đào tạo nghề năm 2000*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
101. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai, *Báo cáo số 57/BC-GQVL ngày 8 tháng 6 năm 2002, Báo cáo kết quả giải quyết việc làm 6 tháng đầu năm 2002, phương hướng 6 tháng cuối năm 2002*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.

102. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai, Báo cáo số 165/BC-LĐT BXH ngày 5 tháng 12 năm 2003, *Báo cáo tổng kết công tác lao động - TBXH năm 2003, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2004*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
103. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai, Báo cáo số 163/BC-LĐT BXH ngày 3 tháng 12 năm 2003, *Báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
104. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai, *Báo cáo tổng kết các năm 2000 đến 2020*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
105. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai (2004), Báo cáo số 160/BC-LĐT BXH ngày 15 tháng 11 năm 2004, *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án giải quyết việc làm 2001 - 2004*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
106. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai (2004), Báo cáo 102/LĐT BXH-BCĐTN ngày 28 tháng 7 năm 2004, *Báo cáo kết quả thực hiện đào tạo nghề giai đoạn 1998 - 2003 và mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh Lào Cai*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
107. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai (2010), *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
108. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai (2015), Báo cáo số 193/BC-LĐT BXH ngày 27/8/2015 *Báo cáo công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng giai đoạn 2016 - 2020*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.

109. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
110. Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Sơn La (2021), Báo cáo số 25/BC-SLĐTBXH ngày 22 tháng 01 năm 2021 *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phối hợp giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2016 - 2020; nhiệm vụ trọng những năm tiếp theo*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử tỉnh Sơn La.
111. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai (2023), Báo cáo Số 207/BC-SLĐTBXH *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
112. Trần Tuấn Sơn, Trần Khánh Vân, *Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo công tác đào tạo nghề giai đoạn 2005-2015*, Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị số 01 (62) năm 2020.
113. Dương Ngọc Thành, Vũ Anh Pháp và Nguyễn Hồng Tín (2022), *Đánh giá thực trạng lao động và hiệu quả công tác đào tạo nghề nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ năm 2022.
114. Thành ủy Lào Cai (2024), Tài liệu Hội thảo khoa học *Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao*, Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
115. Nguyễn Đức Thảo, *Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Sơn La*, Tạp chí Giáo dục lý luận (23) năm 2006.

116. Nguyễn Đức Thăng (1996), Luận án tiến sĩ kinh tế: *Định hướng và những giải pháp kinh tế chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2010*. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
117. Nguyễn Văn Thắng, José María Peiró, Lê Quang Cảnh, Vicente González-Romá, Vicente Martínez-Tur (2020), *Việc làm và gia nhập thị trường lao động của sinh viên Việt Nam sau khi tốt nghiệp*”, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.
118. Lê Thi, *Phát huy nguồn nhân lực nữ và xóa đói giảm nghèo ở nông thôn của trên Tạp chí Khoa học về Phụ nữ* (9) năm 2005.
119. Nguyễn Thị Thơm (2008), Đề tài khoa học cấp Bộ: *Giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa ở Hải Dương*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
120. Phạm Xuân Thu chủ nhiệm (2013), Đề tài cấp Bộ “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quyết định 1956*”. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước
121. Thủ tướng Chính phủ (2001), Quyết định 143/2001/QĐ-TTg phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
122. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
123. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Quyết định số 48/2002/QĐ-TTg, ngày 11/4/2002 về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trường dạy nghề giai đoạn 2002 - 2010*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
124. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

125. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2011 phê duyệt *Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
126. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 630/QĐ-TTg phê duyệt *Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
127. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2012 phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
128. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về *Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
129. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
130. Thủ tướng Chính phủ (2018), Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 phê duyệt *Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
131. Bùi Thị Bích Thuận (2024), *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (1986 - 2024) - một số kết quả và kinh nghiệm*, Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử đăng ngày 31/8/2024 (<https://tapchilichsudang.vn/dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-1986-2024-mot-so-ket-qua-va-kinh-nghiem.html>).
132. Phan Chính Thức (2003), Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, “*Những giải pháp phát triển đào tạo nghề góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
133. Tỉnh ủy Lào Cai, *Báo cáo tổng kết năm từ năm 2000 đến năm 2020*, Văn phòng Tỉnh ủy.
134. Tỉnh ủy Lào Cai (2006), *Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2006 - 2010*, Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

135. Tỉnh ủy Lào Cai (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai (1947 - 2007)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
136. Tỉnh ủy Lào Cai (2011), *Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011 - 2015*, Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
137. Tỉnh ủy Lào Cai (2018), *Hội thảo khoa học Kinh nghiệm phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo sau 25 năm tái lập (1991 - 2016)*, Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
138. Tỉnh ủy Lào Cai (2017), *Báo cáo số 298 - BC/TU sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 19 ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn”*, Văn phòng Tỉnh ủy. Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
139. Tỉnh ủy Lào Cai (2013), *Báo cáo số 288-BC/TU sơ kết tình hình triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011 - 2015*, Kho lưu trữ Tỉnh ủy.
140. Tỉnh ủy Lào Cai (2015), *Đề án 09-ĐA/TU Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020*, Kho lưu trữ Tỉnh ủy.
141. Tỉnh ủy Lào Cai (2015), *Đề án 06-ĐA/TU Đề án Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020*, Kho lưu trữ Tỉnh ủy.
142. Tỉnh ủy Lào Cai, *Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/8/2021 về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Lào Cai đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững*. Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
143. Tỉnh ủy Lào Cai (2015), *Lào Cai 25 năm tái lập, đổi mới, phát triển (1991 - 2015), tầm nhìn và hành động*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
144. Tỉnh ủy Lào Cai (2021), *Lịch sử tỉnh Lào Cai*, Quyển 1, 2, 3, Nxb. Lao động, Hà Nội.
145. Tỉnh ủy Lào Cai (2021), *30 năm - Lào Cai sáng tạo*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

146. Tỉnh ủy Lào Cai (2022), Báo cáo số 329 -BC/TU *tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn”*, Kho lưu trữ Tỉnh ủy.
147. Tỉnh ủy Lào Cai (2022), Báo cáo số 265- BC/TU *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về một số vấn đề chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2012 - 2022*, Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
148. Tỉnh ủy Yên Bái (2022), Báo cáo số 315-BC/TU ngày 10 tháng 5 năm 2022 về *Thực trạng phát triển Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2020, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*. Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
149. Tỉnh Đoàn Lào Cai (2009), Nghị quyết về *việc phát huy vai trò của tổ chức Đoàn tham gia tư vấn, hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm cho thanh niên giai đoạn 2009 - 2012*, Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
150. Nguyễn Văn Trai (chủ biên) (2022), *Đào tạo nghề phục vụ xuất khẩu lao động ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
151. Nguyễn Thế Tràm (2005), Đề tài khoa học cấp Bộ: *Các giải pháp giải quyết vấn đề lao động, việc làm của ngư dân ven biển Duyên hải miền Trung*. Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
152. Hà Minh Trần (2008), *Cao Bằng: gắn giải quyết việc làm với đào tạo nguồn nhân lực*, Tạp chí Lao động và xã hội năm 2008.
153. Trung tâm Nghiên cứu Dân số và Nguồn lao động - Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2000), Đề tài cấp Bộ: *“Những biện pháp chủ yếu giải quyết lao động thiếu việc làm ở vùng thuần nông”*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

154. Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Lào Cai, *Báo cáo kết quả thực hiện công tác năm 2008 đến năm 2020*, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
155. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, các huyện, *Báo cáo tổng kết năm học trong giai đoạn 2010 - 2020*. Lưu tại Kho Lưu trữ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai.
156. Trung tâm dạy nghề tư thục Phú Minh, *các Báo cáo tổng kết năm giai đoạn 2010 - 2020*, Văn phòng Trung tâm dạy nghề tư thục Phú Minh.
157. Trường Công nhân kỹ thuật Lào Cai, *Báo cáo tổng kết năm 2005, 2006*, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
158. Trường Chính trị tỉnh Lào Cai (2024), *Báo cáo kết quả tổng hợp thực tiễn đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở tỉnh Lào Cai*, Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.
159. Trường Trung cấp Nghề Lào Cai, *Báo cáo tổng kết năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011*, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
160. Trường Cao đẳng Nghề Lào Cai, *Báo cáo tổng kết năm 2012, 2013, 2014, 2015*, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
161. Trường Trung cấp Nghề Apatit, *Báo cáo tổng kết các năm 2005 đến 2020*, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
162. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2005), Đề tài cấp Nhà nước KX.01 - 2005 “*Việc làm và thu nhập cho lao động bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá*”. Lưu tại Thư viện số Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
163. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (2019), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Phát triển giáo dục nghề nghiệp trong kỷ nguyên số”*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
164. Tổng cục Dạy nghề (2014), *Mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

165. Nguyễn Văn Tuấn (2017), *Một số mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc số 17 năm 2017.
166. Trần Văn Tùng và Lê Ái Lâm (1996), *Phát triển nguồn nhân lực kinh nghiệm thế giới và thực tiễn nước ta*”, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
167. Nguyễn Thị Túy, *Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm ở khu vực nông nghiệp, nông thôn (2008 - 2020)*, Tạp chí Lịch sử Đảng 9-2020.
168. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2002), Quyết định số 56/QĐ-UB ngày 18 tháng 2 năm 2002 về phê duyệt triển khai Đề án giải quyết việc làm cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2001 - 2005. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
169. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2002), *Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề tỉnh Lào Cai*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
170. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2004), Quyết định số 372/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 2004 phê duyệt Đề án sắp xếp ổn định đời sống dân cư trong vùng quy hoạch phát triển đô thị thị xã Lào Cai giai đoạn 2004 - 2007. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
171. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2005), Công văn số 43/CV-UB ngày 13 tháng 01 năm 2005 về tăng cường thực hiện công tác đào tạo nghề phát triển nguồn nhân lực năm 2005 và đến năm 2010. Lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
172. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2011), *Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2020*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
173. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2011), Quyết định 1511/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Lào Cai đến năm 2020. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.

174. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2011), *Quyết định số 2206/QĐ-UBND 31/8/2011 về việc công nhận người dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho LĐNT, nông dân thành thị*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
175. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2011), *Quyết định số 1257/QĐ-UBND 23/5/2011 Quy định mức chi đào tạo nghề và mức hỗ trợ chi phí ĐTN cho LĐNT tham gia học nghề trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Quyết định 1956/QĐ-TTg*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
176. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2012), *Quyết định số 517/QĐ-UBND 16/3/2012 Về việc bổ sung và thay thế chương trình, giáo trình dạy nghề cho LĐNT, giáo trình dạy nghề cho lao động nông thôn*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
177. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (2013), *Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 7 tháng 6 năm 2013 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển đào tạo nghề tỉnh Yên Bái đến năm 2020*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
178. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2014), *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2014 và sơ kết 5 năm (2010 - 2014) thực hiện Đề án; dự kiến Kế hoạch năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
179. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2015), *Báo cáo kết quả công tác đào tạo, liên kết đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015, định hướng giai đoạn 2016 - 2020*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
180. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2015), *Quyết định số 2477/QĐ-UBND 6/8/2015 Về việc hỗ trợ chi phí ĐTN cho người khuyết tật*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.

181. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2015), Quyết định số 1843/QĐ-UBND 19/6/2015 về việc phê duyệt bổ sung, thay thế chương trình, giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề
182. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), Quyết định số 3398/QĐ-UBND 11/10/2016, Về ban hành mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ chi phí trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Lào Cai
183. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2016), Kế hoạch số 163/KH-UBND Kế hoạch thực hiện Đề án 09-ĐA/TU Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020
184. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2017), Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho người lao động tỉnh Lào Cai
185. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2017), Quyết định số 937/QĐ-UBND 24/3/2017 về ban hành mới và bãi bỏ chương trình, giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp cho LĐNT năm 2017
186. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2018), Quyết định số 625/QĐ-UBND 23/2/2018 về ban hành mới chương trình, giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp
187. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2019), Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Lào Cai giai đoạn 2019 - 2025. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
188. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2019), Kế hoạch số 92/KH-UBND 13/5/2019 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai
189. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (2020), Báo cáo số 376/BC-UBND ngày 07 tháng 08 năm 2020 Báo cáo Tổng kết Đề án “Đào tạo nghề cho lao động

- nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Lịch sử tỉnh Tuyên Quang.*
190. UBND tỉnh Lào Cai, Báo cáo số 839/BC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 *Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” thuộc Chương trình Mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động và Nội dung thành phần 06 “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020*
191. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2023), *Báo cáo sơ kết thi hành chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 - 2023*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
192. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2020), *Báo cáo số 672/BC-UBND Tổng kết 10 năm thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai.
193. Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), *Các Tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
194. Nguyễn Xuân Vinh (2008), *“Các giải pháp chiến lược phát triển đào tạo nghề cấp tỉnh”*, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, (32), tr.29 - 32.
195. Hồ Văn Vĩnh (2009), *Nâng cao chất lượng lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn*, *Tạp chí Công sản điện tử* (<https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/3152/nang-cao-chat-luong-lao-dong-dap-ung-yeu-cau-cong-nghiep-hoa%2C-hien-dai-hoa-nong-nghiep%2C-nong-thon.aspx>) ngày 15 tháng 12 năm 2009.
196. Viện Nghiên cứu Khoa học dạy nghề (2011), *Mô hình dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động ở khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.

197. Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp (2018), Đề tài cấp Bộ: *Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình đào tạo nghề nghiệp có hiệu quả đối với người khuyết tật*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
198. Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp (NIVT) (2017), *Đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm phát triển kinh tế, bình đẳng cơ hội và gắn kết xã hội khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ*. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
199. Viện Nghiên cứu khoa học Dạy nghề, Tổng cục Dạy nghề (2013): Đề tài cấp Bộ “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quyết định 1956*”. Lưu tại Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
200. Đỗ Thị Vui (2023), Luận án Tiến sĩ ngành Quản lý công: *Thực hiện chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số tại các tỉnh Tây Bắc*. Lưu tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
201. Zheng Aixiang (2021), *Research on Vocational Skills Development Policy of Migrant Workers Based on Dual-dimensional Analysis Framework*, (Nghiên cứu chính sách phát triển kỹ năng nghề cho lao động di cư từ nông thôn lên thành phố của Trung Quốc dựa trên khung phân tích chính sách hai chiều), *Vocational and Technical Education* (Tên tiếng Trung Quốc: 职业技术教育), 42(1) - 2021, 57-64

## PHỤ LỤC

**Phụ lục 1. Thống kê cán bộ, nhân viên, giảng viên dạy nghề  
giai đoạn 2006 - 2010**

ST T	Cơ sở đào tạo	Cán bộ, Giảng viên, nhân viên					
		Tổng số	Giảng viên dạy nghề				
			Tổng số	GV cơ hữu	Sau Đh	ĐH, Cao đẳng	Đạt chuẩn
1	Trường Trung học Y tế	12	12	12	3	9	12
2	Trường Trung cấp nghề Lào Cai	65	49	49	3	46	46
3	Trường Trung cấp nghề Apatit	21	21	21	0	13	21
4	TTDN-DVVL Hội phụ nữ	7	5	5	0	3	5
5	TT dạy nghề và hỗ trợ nông dân	6	1	1	0	1	1
6	TT lao động việc làm thành phố	9	5	5	0	5	5
7	TT đào tạo lái xe cơ giới	50	44	44	0	7	39
8	TTKTTH hướng nghiệp DN và GDTX tỉnh	45	14	14	0	10	14
9	TT GTVL Tỉnh đoàn thanh niên	2	1	1	0	1	1
10	TT ĐTN Bảo Thắng	8	0	0	0	0	0
11	TT Dạy nghề Bắc Hà	9	0	0	0	0	0
12	TT Dạy nghề Văn Bàn	5	0				
13	TT Dạy nghề Bảo Yên	5	0				
14	TT Dạy nghề huyện Bát Xát	7	1	1	0	1	1
15	TT Dạy nghề huyện Mường Khương	5	1				
16	TT Dạy nghề huyện Si Ma Cai	5	1				
17	TT Dạy nghề huyện Sa Pa	5	1				
18	TT Dạy nghề Phú Minh	34	34	34	0	25	34
19	TT Tin học Lê Lai	5	5	5	0	2	3
20	Tt Tin học Ngô Quyền	8	7	7	0	5	2
21	Các HTX có dạy nghề	19	15	15		7	7
<b>Tổng</b>		<b>332</b>	<b>217</b>	<b>214</b>	<b>6</b>	<b>135</b>	<b>191</b>

*(Nguồn: Sở LD-TB&XH tỉnh Lào Cai, Báo cáo kết quả thực hiện  
Đề án đào tạo nghề cho người lao động giai đoạn 2006 - 2010).*

**Phụ lục 2. Thống kê đội ngũ nhà giáo tại các cơ sở GDNN tỉnh Lào Cai  
giai đoạn 2016 - 2020**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>1</b>	<b>Tổng số trường cao đẳng</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
	Công lập	1	2	2	1	1
	- Trường chất lượng cao công lập	0	0	0	0	0
	Ngoài công lập	0	0	0	0	0
	- Trường chất lượng cao ngoài công lập	0	0	0	0	0
<b>2</b>	<b>Tổng số trường trung cấp</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
	- Công lập	0	1	1	0	0
	- Ngoài công lập	1	1	1	1	1
<b>3</b>	<b>Tổng số các trung tâm dạy nghề</b>					
	Công lập	11	11	11	11	11
	Ngoài công lập	1	1	1	1	1
<b>4</b>	<b>Tổng số giảng viên dạy nghề</b>	<b>266</b>	<b>280</b>	<b>391</b>	<b>533</b>	<b>540</b>
	* Trình độ đào tạo	266	280	391	533	540
	Tiến sỹ	0	0	1	1	1
	Thạc sỹ	15	15	82	94	94
	Cử nhân (Kỹ sư)	141	144	194	282	298
	Khác	110	121	114	156	147
	* Trình độ ngoại ngữ	266	280	391	450	448
	C1,C2	0	0	0	0	0
	B1, B2	0	0	0	28	30
	* Trình độ tin học	266	280	391	450	448
<b>4.1</b>	<b>Giảng viên trường cao đẳng</b>	<b>94</b>	<b>103</b>	<b>208</b>	<b>340</b>	<b>340</b>
	Giảng viên dạy nghề cao đẳng công lập	94	103	208	340	340
	* Trình độ đào tạo					
	Tiến sỹ			1	1	1
	Thạc sỹ	14	14	80	89	89
	Cử nhân (Kỹ sư)	55	59	105	190	200
	Khác	25	30	22	60	50
	* Trình độ ngoại ngữ	94	103	208	257	260
	B1, B2				28	30
	* Trình độ tin học	94	103	208	257	260

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>4.2</b>	<b>Giảng viên trường trung cấp</b>	<b>41</b>	<b>40</b>	<b>36</b>	<b>38</b>	<b>38</b>
	Giảng viên trung cấp ngoài công lập	41	40	36	38	38
	* Trình độ đào tạo					
	Thạc sỹ				2	2
	Cử nhân (Kỹ sư)	25	20	19	19	19
	Khác	16	20	17	17	17
	* Trình độ ngoại ngữ	41	40	36	38	38
	C1,C2					
	B1, B2					
	* Trình độ tin học	41	40	36	38	38
<b>4.3</b>	<b>Giảng viên Trung tâm dạy sơ cấp nghề và DN dưới 3 tháng</b>	<b>131</b>	<b>137</b>	<b>147</b>	<b>155</b>	<b>162</b>
	Giảng viên dạy sơ cấp nghề và DN dưới 3 tháng công lập	42	44	48	54	58
	* Trình độ đào tạo					
	Thạc sỹ	1	1	1	2	2
	Cử nhân (Kỹ sư)	35	37	40	43	48
	Khác	6	6	7	9	8
	* Trình độ ngoại ngữ	42	44	48	54	58
	C1,C2					
	B1, B2					
	* Trình độ tin học	42	44	48	54	58
	Giảng viên dạy SCN và DN dưới 3 tháng ngoài công lập	89	93	99	101	104
	* Trình độ đào tạo					
	Thạc sỹ			1	1	1
	Cử nhân (Kỹ sư)	26	28	30	30	31
	Khác	63	65	68	70	72
	* Trình độ ngoại ngữ	89	93	99	101	92
	C1,C2					
	B1, B2					
	* Trình độ tin học	89	93	99	101	92

(Nguồn: Biểu tổng hợp kèm Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án ĐTN cho LĐNT tỉnh Lào Cai đến năm 2020 của UBND tỉnh Lào Cai)

**Phụ lục 3. Danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (theo Quyết định số 3398/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Lào Cai)**

<b>STT</b>	<b>Tên nghề đào tạo</b>
<b>A</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>
1	Kỹ thuật trồng và chế biến đậu tương
2	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm, thủy cầm
3	Kỹ thuật trồng ớt
4	Kỹ thuật trồng hoa, cây cảnh
5	Kỹ thuật trồng cây ăn quả đặc sản
6	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản
7	Kỹ thuật trồng và sơ chế thuốc lá
8	Kỹ thuật chăn nuôi đại gia súc
9	Trồng rau an toàn
10	Trồng chè
11	Trồng và nhân giống nấm
12	Trồng và khai thác rừng trồng
13	Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây dược liệu và các bài thuốc nam chữa bệnh cho người và gia súc
14	Trồng lúa năng suất cao
15	Trồng hoa lan
16	Nhân giống cây ăn quả đặc sản
17	Trồng cây có múi
18	Trồng thanh long
19	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh
20	Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn
21	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò
22	Nuôi và phòng trị bệnh cho gà
23	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi
24	Nuôi ong mật
25	Chế biến chè xanh, chè đen
26	Sản xuất thức ăn hỗn hợp trong chăn nuôi

<b>STT</b>	<b>Tên nghề đào tạo</b>
27	Sản xuất đồ mộc từ ván nhân tạo
28	Sản xuất nông lâm kết hợp
29	Chế biến sản phẩm từ thịt gia súc
30	Chế biến sản phẩm từ đậu nành
31	Chế biến sản phẩm từ bột gạo
32	Sửa chữa máy nông nghiệp
33	Khuyến nông lâm
34	Các nghề khác tương tự
<b>B</b>	<b>Lĩnh vực phi nông nghiệp</b>
<b>I</b>	<b>Nhóm nghề thương mại - dịch vụ</b>
1	Nghiệp vụ kinh doanh thương mại
2	Quản lý dịch hại tổng hợp
3	Kỹ năng du lịch cộng đồng
4	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
5	Y tá thôn bản
6	Tin học văn phòng
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính
8	Kỹ thuật sửa chữa máy văn phòng
9	Quản trị mạng máy tính
10	Quản trị doanh nghiệp nhỏ
11	Cầm nang dịch vụ và hướng dẫn khách du lịch
12	Các nghề tương tự
13	Kỹ năng phục vụ chăm sóc gia đình
14	Vệ sinh môi trường
15	Đan lát mây tre đan xuất khẩu
16	Nghiệp vụ buồng bàn trong khách sạn
17	Kỹ thuật chế biến thực phẩm
18	Các nghề tương tự
<b>II</b>	<b>Nhóm nghề Công nghiệp - xây dựng</b>
1	Kỹ thuật điện nông thôn
2	Sửa chữa xe máy
3	Điện tử dân dụng

<b>STT</b>	<b>Tên nghề đào tạo</b>
4	Các nghề tương tự
5	Sửa chữa công trình thủy lợi
6	Thi công trần, vách thạch cao
7	Sửa chữa máy kéo công suất nhỏ
8	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ
9	Sửa chữa ti vi, đầu DVD, VCD, đầu KTS
10	Kỹ thuật cơ khí nhỏ nông thôn
11	Cấp thoát nước
12	Điện dân dụng
13	Các nghề tương tự
14	Kỹ thuật xây dựng
15	Cắt may trang phục nữ
16	Kỹ thuật mộc dân dụng
17	Mát dân dụng công nghiệp
18	Kỹ thuật gò hàn nông thôn
19	Khoan nổ mìn
20	Mộc mỹ nghệ
21	Các nghề tương tự
22	Công nghệ ô tô
23	Các nghề tương tự

### Phụ lục 4. Kết quả thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT (2010-2014)

(Kèm theo Báo cáo số: 441/BC-BCĐ ngày 24/12/2014 của Ban chỉ đạo Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" tỉnh Lào Cai)

DVT: Người

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người được học nghề										Hiệu quả sau học nghề							
			Tổng số	Nữ	Đối tượng 1						Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá
					Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng chính sách ưu đãi NCC với CM	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật										
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(12)+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
	<b>Tổng (I+II)</b>	<b>18362</b>	<b>12770</b>	<b>4879</b>	<b>11778</b>	<b>149</b>	<b>10019</b>	<b>7840</b>	<b>624</b>	<b>0</b>	<b>202</b>	<b>790</b>	<b>12684</b>	<b>9712</b>	<b>1983</b>	<b>366</b>	<b>7271</b>	<b>92</b>	<b>399</b>	<b>2423</b>
<b>I</b>	<b>Nghề Nông nghiệp</b>	<b>8876</b>	<b>7404</b>	<b>3353</b>	<b>6727</b>	<b>141</b>	<b>5658</b>	<b>4488</b>	<b>307</b>	<b>0</b>	<b>101</b>	<b>576</b>	<b>7404</b>	<b>5489</b>	<b>111</b>	<b>241</b>	<b>5083</b>	<b>54</b>	<b>339</b>	<b>1048</b>
1	Nghề kỹ thuật trồng cây đậu tương	35	35	25	35		33	25					35	35			35		7	9
2	Kỹ thuật trồng cây ăn quả đặc sản	267	267	36	267		195	189					267	187			187			75
3	Trồng và nhân giống nấm	913	685	283	590	27	547	432	126	0	13	82	685	398	0	0	398	0	14	60
4	KT trồng và chế biến lá thuốc lá	295	295	114	253	0	253	183	16	0	16	26	295	237	0	214	23	0	0	95
5	Trồng rau an toàn	830	683	511	628	17	574	419	58	0	29	26	683	409	0	0	409	0	18	61
6	KT trồng và thu hoạch chuối	111	111	94	109		103	87	26			2	111	111	111				11	83
7	Trồng đậu tương, lạc	52	52	5	40	2	52	16	0	0	12	0	52	52	0	0	52	0	0	8
8	KT trồng, chăm sóc cây dược liệu	35	35		32		35	32				3	35	30			30		10	15

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người được học nghề										Hiệu quả sau học nghề							
			Tổng số	Nữ	Đối tượng 1						Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá
					Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng chính sách ưu đãi NCC với CM	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật										
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(12)+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
	và chữa các bài thuốc chữa bệnh cho người và gia súc																			
9	Kỹ thuật trồng và chế biến chè	128	128	31	114		83	70				14	128	128			128			19
10	KT Trồng và khai thác rừng trồng	273	273	164	235	1	210	197	11	0	0	38	273	269	0	0	269	0	23	40
11	Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su	58	25	7	25		25	8					25	18		0	18			14
12	Trồng cây có múi	81	35	33	35		35	18					35	26			26			4
13	Nhân giống lúa	70	70	59	70		70	20				0	70	70			70		1	11
14	KT chăn nuôi đại gia súc	780	734	464	693	0	644	548	5	0	18	23	734	595	0	0	595	0	50	89
15	KT chăn nuôi gia cầm, thủy cầm	709	709	116	678	47	645	534				31	709	590			590		49	89
16	KT chăn nuôi gia súc, gia cầm	927	927	430	902	7	635	369	4			25	927	565			565		62	85
17	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	792	705	280	618	4	341	408	13	0	5	82	705	504	0	0	504	0	36	76
18	Kỹ thuật nuôi ong	27	27	15	26	2	19	5				1	27	27		27				27
19	Nuôi và phòng trị bệnh cho gà	325	193	110	118	0	117	60	0	0	0	75	193	157	0	0	157	0	5	24
20	Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn	630	343	184	275	0	211	199	27	0	2	66	343	288	0	0	288	0	7	43
21	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò	244	85	26	68	0	64	37	7	0	3	14	85	77	0	0	77	0	0	12

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người được học nghề										Hiệu quả sau học nghề							
			Tổng số	Nữ	Đối tượng 1						Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá
					Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng chính sách ưu đãi NCC với CM	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật										
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(12)+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
22	Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	122	122	32	114	0	114	89	0	0	0	8	122	122	0	0	96	26	0	18
23	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	840	685	291	633	34	492	455	14	0	3	49	685	445	0	0	445	0	46	67
24	Y tá thôn bản	35	35	18	35		27	15					35	35			35			9
25	Quản lý công trình thủy lợi	28	28	1	20		20	8				8	28	28				28		4
26	Sản xuất tinh bột dong giềng làm miến dong	131	57	24	54	0	54	34	0		0	3	57	42			42			6
27	Sửa chữa máy nông nghiệp	138	60	0	60	0	60	31	0		0	0	60	44			44			7
<b>II</b>	<b>Nghề phi nông nghiệp</b>	<b>9486</b>	<b>5366</b>	<b>1526</b>	<b>5051</b>	<b>8</b>	<b>4361</b>	<b>3352</b>	<b>317</b>	<b>0</b>	<b>101</b>	<b>214</b>	<b>5280</b>	<b>4223</b>	<b>1872</b>	<b>125</b>	<b>2188</b>	<b>38</b>	<b>60</b>	<b>1375</b>
1	TCN khai thác mỏ hầm lò	81	35		32		32	14				3	0	0	0		0			0
2	Kỹ thuật Xây dựng	3724	2203	283	2123	2	1848	1458	87	0	62	18	2203	1581	474	0	1077	30	36	565
3	KT Mộc dân dụng	255	161	11	158	0	143	99	38	0	0	3	161	138	62	0	76	0	0	48
4	Máy dân dụng và công nghiệp	826	602	536	574	3	452	380	6	0	15	13	577	482	399	25	50	8	10	121
5	Gò - Hàn nông thôn	503	213	2	162	0	162	83	5	0	15	36	213	174	57	0	117	0	0	44
6	Kỹ thuật sản xuất vật liệu xây dựng	150	140	0	137	1	76	50	3			3	140	133	127		6		14	60
7	Sửa chữa xe máy	516	329	0	296	1	281	186	11	0	0	33	303	250	161	20	69	0	0	63

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người được học nghề										Hiệu quả sau học nghề							
			Tổng số	Nữ	Đối tượng 1						Đối tượng 2	Đối tượng 3	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá
					Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng chính sách ưu đãi NCC với CM	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật										
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(12)+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
8	Kỹ thuật điện nông thôn	278	124	38	124	0	111	72	0	0	0	0	124	88	0	0	88	0	0	22
9	Kỹ thuật cơ khí nhỏ nông thôn	118	60	1	60	0	60	33	0	0	0	0	60	53	0	0	53	0	0	13
10	Khai thác mỏ hầm lò	222	140	0	139	0	109	87	21	0	0	1	140	140	95	45		0	0	90
11	Kỹ thuật khoan nổ mìn	70	35		35		35	8					35	35	35					9
12	KT gia công nhôm kính, cửa lõi thép	45	35		23		6	7	7			12	35	35	20		15			10
13	Nghiệp vụ Kinh doanh thương mại	379	224	149	178	1	140	135	95	0	0	46	224	149	20	0	129	0	0	37
14	Dịch vụ buồng bàn, làm bánh	70	40		40		40	25					40	40	40					25
15	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	355	175	34	175	0	100	78	9	0	0	0	175	167	107	0	60	0	0	80
16	Kỹ năng Du lịch cộng đồng	991	441	206	438	0	438	378	0	0	3	0	441	395	142	0	253	0	0	99
17	Lớp Vệ sinh môi trường	100	44	12	44	0	44	26	0	0	0	0	44	28	3	0	25	0	0	7
18	Kỹ năng phục vụ, chăm sóc GD	85	35	35	17		17	17				18	35	26	6		20			7
19	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	255	108	45	88	0	59	39	35	0	4	16	108	99	34	0	65	0	0	25
20	Đan lát mây tre xuất khẩu	185	70	22	68	0	68	45	0	0	2	0	70	70	0	35	35	0	0	18
21	Thêu thổ cẩm	278	152	152	140		140	132				12	152	140	90		50			35

**Phụ lục 5. Danh sách các cá nhân phỏng vấn sâu**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ, đơn vị</b>	<b>Thời gian làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu</b>
1	Trịnh Quang Chính	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở LĐ-TB&XH	2002 - 2013
2	Dương Thị Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng, Trưởng phòng LĐ-TB&XH huyện	2015 - 2020
3	Phạm Mạnh Hà	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty Đồng Tả Phời Vinacomin	2017 đến nay
4	Tân Tả Mây	Giám đốc Hợp tác xã Cộng đồng Dao đỏ	2015 đến nay
5	Vũ Tuyết Nhung	Trung tâm GDNN - GDTX thành phố Lào Cai	2012 đến nay

## Phụ lục 6. Phiếu phỏng vấn sâu

### PHIẾU SỐ 1

(Dành cho lãnh đạo Đảng ủy, lãnh đạo cơ quan QLNN  
về đào tạo nghề và việc làm cấp tỉnh, cấp huyện)

Kính thưa ông/bà! Nhằm phục vụ cho đề tài nghiên cứu “Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo công tác đào tạo nghề từ năm 2000 đến năm 2020”, rất mong ông/bà tham gia ý kiến bằng cách trả lời giúp các câu hỏi dưới đây. Chúng tôi cam kết các thông tin mà ông/bà chia sẻ chỉ sử dụng cho đề tài nghiên cứu. Xin trân trọng cảm ơn!

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị và thời gian công tác:.....

1. Xin ông/bà cho biết đặc điểm nổi bật của lực lượng lao động và thị trường lao động việc làm tỉnh Lào Cai (huyện) trong những năm đầu thế kỉ XXI?

2. Xin ông/bà cho biết những nội dung đặc thù của chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động tỉnh Lào Cai (huyện) giai đoạn 2000 - 2010 và giai đoạn 2011 - 2020 là gì?

3. Tỉnh (huyện) đã có biện pháp gì để gắn kết chính sách đào tạo nghề với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong các giai đoạn 2000 - 2010 và 2010 - 2020?

4. Ông/bà hãy cho biết những vướng mắc trong thực hiện chính sách đào tạo nghề cho LĐNT giai đoạn 2005 - 2010 của tỉnh (khi chưa có Đề án 1956 của Chính phủ) và giai đoạn 2011 - 2020)? Những vướng mắc đó đã được tỉnh (huyện) tháo gỡ như thế nào?

5. Ông/bà hãy cho biết điểm nổi bật trong chính sách đào tạo nghề cho lao động người dân tộc thiểu số mà tỉnh (huyện) thực hiện trong giai đoạn 2000 - 2010 và 2010 - 2020?

6. Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả công tác đào tạo nghề đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh Lào Cai trong những năm 2000 - 2020 (hoặc thời gian ông/bà công tác)?

7. Ông/bà hãy chia sẻ một số khó khăn, hạn chế của đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao ở lĩnh vực đào tạo nghề?

8. Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả thực hiện chính sách đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Lào Cai (huyện) trong giai đoạn 2000 - 2010 và 2010 - 2020? Ông/bà hãy chia sẻ về mô hình đào tạo nghề gắn với việc làm hiệu quả với tỉnh/huyện trong giai đoạn ông/bà công tác?

**PHIẾU SỐ 2***(Dành cho lãnh đạo cơ sở đào tạo nghề)*

Kính thưa ông/bà! Để phục vụ đề tài nghiên cứu khoa học “*Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo công tác đào tạo nghề từ năm 2000 đến năm 2020*”, rất mong ông/bà trả lời giúp chúng tôi một số câu hỏi dưới đây. Chúng tôi cam kết những thông tin mà ông/bà chia sẻ chỉ sử dụng phục vụ đề tài nghiên cứu. Xin trân trọng cảm ơn!

Tên cơ sở đào tạo:.....

Họ và tên người được phỏng vấn:.....

Chức vụ:.....

Thời gian công tác tại cơ sở đào tạo:.....

1. Xin ông/bà cho biết những đặc điểm khái quát của cơ sở đào tạo? (tên, loại hình cơ sở đào tạo; năm thành lập; quy mô tuyển sinh giai đoạn mới thành lập cho đến năm 2020 hoặc giai đoạn ông/bà công tác? Lĩnh vực, cơ cấu ngành nghề đào tạo..)?

2. Những thuận lợi, khó khăn của cơ sở đào tạo nghề trong giai đoạn mới thành lập?

3. Xin ông/bà hãy chia sẻ cụ thể về những tác động của chính sách đào tạo nghề cho người lao động tỉnh Lào Cai giai đoạn 2005 - 2020 đến hoạt động của trường/trung tâm?

4. Ông/bà hãy cho biết quy mô tuyển sinh của trường/trung tâm đã thay đổi thế nào từ khi thành lập đến 2020? Chất lượng học viên là người DTTS so với mặt bằng chung học viên của trường/trung tâm ra sao?

5. Ông/bà hãy cho biết thực trạng đội ngũ giảng viên của cơ sở đào tạo trong giai đoạn mới thành lập? Cơ sở đã có biện pháp cụ thể gì để phát triển đội ngũ?

6. Trường/trung tâm đã thực hiện biện pháp liên kết đào tạo với DN/HTX/cơ sở SXKD như thế nào?

7. Đơn vị có mời giảng viên thỉnh giảng không? Nếu có, ông/bà hãy cho biết những thuận lợi, khó khăn của đơn vị khi mời giảng viên thỉnh giảng?

7. Ông/bà đánh giá thế nào về chính sách hỗ trợ người dạy - người học tham gia đào tạo nghề trong thực tế địa phương?

8. Trường/trung tâm có thường xuyên thực hiện đánh giá sau đào tạo không? Ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ đáp ứng công việc của người lao động sau khi đào tạo tại trường/trung tâm (về chuyên môn kỹ thuật, về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm...)?

9. Xin ông/bà hãy cho biết đặc thù của một số nhóm học viên nghề dưới đây khi tham gia học tập tại cơ sở đào tạo?

- Lao động nông thôn                      - Người khuyết tật (nếu có)

- Lao động người DTTS                      - Thanh niên

**PHIẾU SỐ 3**

*(Dành cho Lãnh đạo Doanh nghiệp/HTX tiếp nhận lao động  
đã qua đào tạo nghề)*

Kính thưa ông/bà! Nhằm phục vụ đề tài nghiên cứu khoa học “*Đảng bộ tỉnh Lào Cai lãnh đạo công tác đào tạo nghề từ năm 2000 đến năm 2020*”, chúng tôi rất mong ông/bà tham gia ý kiến bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây. Chúng tôi cam kết các câu trả lời chỉ được sử dụng cho đề tài nghiên cứu. Xin trân trọng cảm ơn!

Tên doanh nghiệp:.....

Họ và tên người được phỏng vấn: .....

Chức vụ:.....

1. Ông/bà hãy giới thiệu khái quát về lĩnh vực hoạt động của DN/HTX và nhu cầu sử dụng lao động trong những năm gần đây?

2. Doanh nghiệp/HTX tuyển dụng, tiếp nhận lao động có trình độ như thế nào (sơ cấp, trung cấp hoặc cao hơn)? Lực lượng lao động này được đào tạo từ đơn vị nào là chủ yếu? Ưu điểm - hạn chế của nguồn lao động này là gì? Nguyên nhân dẫn tới những hạn chế của lực lượng lao động qua đào tạo nghề (nếu có) mà đơn vị đang sử dụng nằm ở đâu? (VD: chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa nhà trường - DN, đặc điểm của người học...)?

3. So với yêu cầu công việc thực tế, kỹ năng nghề của lao động sau đào tạo đáp ứng ở mức độ nào (đáp ứng hoàn toàn/ một phần/ chưa phù hợp)? Ông/bà đánh giá thế nào về kỹ năng mềm của lao động (giao tiếp, kỷ luật, tác phong, làm việc nhóm...)?

4. Trong quá trình sử dụng, DN/HTX gặp khó khăn gì với nguồn lao động sau đào tạo (ví dụ: tay nghề, ý thức, tính ổn định, khả năng học hỏi)?

5. Ông/bà có nhận xét gì về tính ổn định việc làm và gắn bó lâu dài của lao động sau đào tạo với DN/HTX?

6. Doanh nghiệp có tham gia liên kết với cơ sở đào tạo nào trong tỉnh? Hình thức, hiệu quả liên kết như thế nào?

7. DN/HTX mong muốn mô hình đào tạo nghề trong tương lai cần thay đổi hoặc bổ sung điều gì để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tuyển dụng?

8. Ông/bà có đề xuất kiến nghị gì với chính quyền địa phương, cơ sở đào tạo nghề để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề gắn với việc làm cho người lao động trong ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp/HTX?